

TRÊN VÙNG BIÊN-GIỚI BẮC-KỲ (1/2)

Tác-giả : Bác-sĩ P. NEIS

Trước đây một thời gian ngắn, chúng tôi đã có dịp được xem trên mạng internet, những bài viết của ông Nguyễn Tấn Lộc : <http://nguyentl.free.fr/index.htm> .

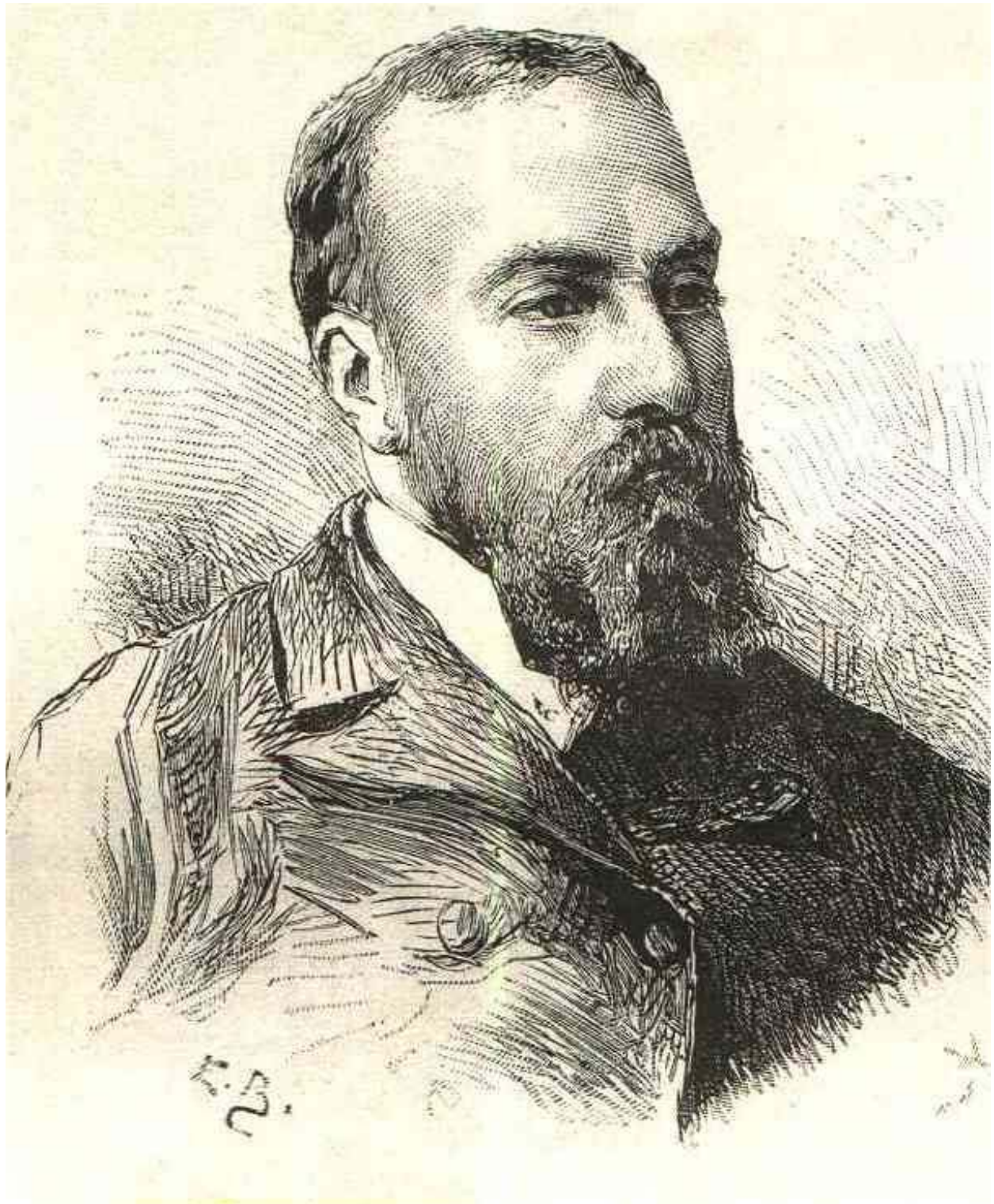
Trong đó có rất nhiều hình ảnh đặc sắc liên quan đến Việt-Nam. Cũng nhờ xem các bài viết của ông này nên tôi mới biết đến ông Collin Francois : http://collin.francois.free.fr/Le_tour_du_monde/textes/Tonkin/Neis.htm ; và được đọc bài của Bác sĩ Neis, viết bằng tiếng Pháp, kể lại câu chuyện cũ ở vùng biên giới miền Bắc.

Khi xem xong, chúng tôi thấy câu chuyện được tác giả kể lại khá tỉ mỉ và có nhiều chi tiết lý thú mà chúng tôi chưa được biết đến bao giờ. Chúng tôi mong chuyển câu chuyện này sang tiếng Việt-Nam, để phổ biến trên mạng internet.

Vì chưa khi nào chúng tôi làm qua việc dịch thuật các tài liệu lịch sử, cho nên trong bài dịch có rất nhiều khuyết điểm, nhất là về vấn đề các nhân danh và các địa danh, chúng tôi chưa tìm được tài liệu để dịch từ tiếng Pháp sang tiếng Việt-Nam cho chính xác hơn. Vậy nếu quý vị thấy có những khó khăn trong lúc đọc, thì xin thành thật quý vị bỏ qua cho, chúng tôi xin có lời cảm ơn trước.

Chúng tôi chỉ mong rằng câu chuyện của Bác sĩ Neis sẽ đem lại cho quý vị một vài sự hứng thú trong lúc nhàn rỗi, ngoài ra chúng tôi không có ẩn ý và tham vọng gì khác. Nếu quý vị nào muốn đọc nguyên bản của Bác sĩ Neis viết bằng tiếng Pháp thì xin dùng địa chỉ internet sau đây :

http://collin.francois.free.fr/Le_tour_du_monde/textes/Tonkin/Neis.htm



M. Scherzer. — Dessin d'Eug. Burnand,
d'après une photographie de l'auteur.

Hình ông Scherzer do ông Eugène Burnand vẽ,
dựa theo một tấm ảnh của tác giả là Bác sĩ Neis chụp.

I

Sự thành-lập ủy-hội - Khởi-hành từ Hà-nội bằng pháo-hạm- Đồ bộ lên làng Chũ.

Vào tháng tư năm 1885, để thi-hành điều 3 Hòa-ước Thiên-Tân ký ngày 9 tháng 6, Pháp và Trung-hoa bổ-nhiệm một ủy-hội hoạch-định những biên-giới của Bắc-kỳ.

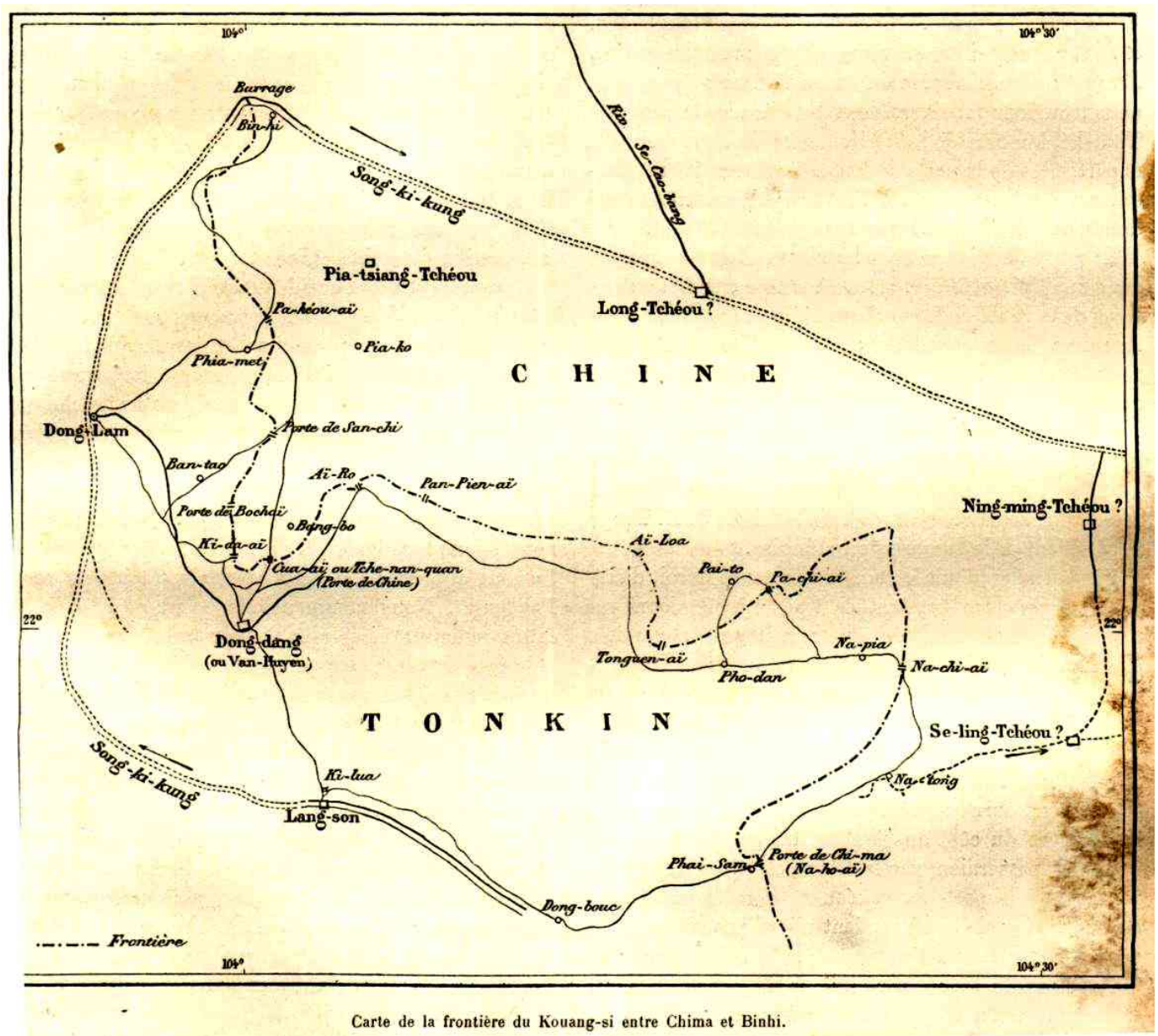
Điều-khoản này của Hòa-ước được thừa nhận bằng những văn-từ như sau :

« Trong thời-hạn sáu tháng kể từ ngày ký Hòa-ước này, những ủy-viên được chỉ-định bởi các bên kết-ước cao-cấp sẽ thân hành đến tại nơi để thừa nhận biên-giới giữa Trung-hoa và Bắc-kỳ ; nơi nào thấy cần họ sẽ đặt những trụ phân phân giới để làm cho rõ đường ranh giới. Trong trường-hợp không thể có sự đồng thuận về vị-trí của những trụ này hay những đỉnh chính về chi-tiết mà có thể có liên-quan đến biên giới hiện tại của Bắc-kỳ, họ sẽ lần-lượt tham-khảo điều đó với các chính-phủ của họ dựa trên quyền lợi chung của hai quốc-gia. »

Để hoàn-thành sứ-mạng này, Chính-phủ Pháp đã phái đi các Đại-diện trực thuộc ba Bộ. Đó là : Về phần Bộ ngoại-giao là Ông Buộc-xi-ê Xenh Sáp-phờ-ray (Bourcier Saint-Chaffray) Tổng-lãnh-sự, chủ-tịch của phái-đoàn Pháp, Ông Sết-dê (Scherzer), lãnh-sự ở Vân-nam, và Bác-sĩ Nê (Neis), Y-sĩ thuộc Hải-quân, người thám-hiểm ở Đông-dương, nhân-viên ; Ông Pan-luy đờ-la ba-ri-e-rơ (Pallu de la Barrière), ủy-viên phụ-tá ; về phần Bộ Chiến-tranh, Trung-tá Tít-xây-rơ (Tisseyre), và về Bộ Hải-quân, Đại-úy Bu-i-ne (Bouinais). Một nhân-viên Tham-sự chương-ấn của Po-xa-it-đ (Port Saïd), Ông Đơ-lân-đa (Delenda) là phụ-tá chủ-tịch, làm thư-ký. Tiếp theo đây, chúng ta sẽ thấy rằng, trong hai năm lữ-hành này, nhân-viên của ủy-hội đã chịu nhiều sự bổ-sung ; chúng ta hãy nói ngay rằng, liền sau khi đến Đông-Dương, ông Pa-luy đờ la Ba-ri-e-rơ rời ủy-hội và không tham- dự một chút nào trong công-việc của ông.

Các Ông Sết-dê và Tít-xây-rơ thì đã có mặt ở Viễn-đông, những nhân-viên khác cùng đi từ Mác-xây-dơ (Marseille) ngày 20 tháng 9 và đến Hà-nội ngày 11 tháng 11, ở đó họ được tiếp đón một cách thân-mật bởi Tướng Cuộc-xi (Courcy) và bộ tham-mưu

của ông ấy. Đại-tá Tít-xay-rơ đang ở Hà-nội, và Ông Sết-dê cũng đến đó vài ngày sau, ủy-hội, hầu như đầy đủ, chỉ còn phải đến biên-giới nữa mà thôi.



Bản-đồ vùng biên-giới Quảng-Tây, đoạn từ Chí-Mã đến Bình-Nhi.

Những ủy-viên Trung-hoa cho biết rằng họ đang đợi ở Long-châu, một ngôi làng thuộc Trung-hoa nằm sát phía ngoài của Quảng-tây, không xa Lạng-sơn mấy, là thành-phố sẽ đến của Phái-đoàn Pháp để bắt đầu lên đường, và bắt gặp chúng tôi ở biên-giới. Rủi thay, Lạng-sơn chưa được tái chiếm trở lại từ khi quân-đội chúng tôi di-tán do sự triệt-thoái của Đại-tá Et-banh-giê (Herbinger). Ý-định của Tướng Cuộc-xi là bình-định hoàn toàn vùng châu-thổ và bỏ lơ, ít nhất trong hiện tại, những biên giới và ngay tất cả vùng cao-nguyên Bắc-kỳ. Trong hành-chánh cũng như trong

quân-đội, phương-cách này tỏ ra sai lầm đối với hầu hết tất cả những ai biết rõ Bắc-kỳ. Người ta biết rằng việc bình-định vùng châu-thổ tỏ ra không thể nào được nếu người ta bỏ rơi giải đất bất bình thường, phần lớn nhất của lãnh-thổ bao gồm trong phía Bắc, từ phía Lạng-sơn và Cao-bằng là những vùng giàu có và trù-phú. Rồi nếu người ta xem Bắc-kỳ như là một lối xâm nhập dùng cho việc thương mại của chúng ta với Trung-hoa thì phải bảo đảm tốt những trục-lộ dẫn đến đó. Cuối cùng, đối với Trung-hoa, chúng ta phải thi-hành điều-khoản trong hòa-ước Thiên-tân, mà chính họ đã gởi một ủy-hội hoạch-định ranh-giới đến biên-giới của chúng ta.

Mặc dù với tất cả những lý do nói trên, Ông Xen-sáp- phơ-ray không phải dễ dàng gì để vượt qua những do-dự của vị tướng tổng-chỉ-huy và phải mất sau 5 tuần lễ chờ đợi ở Hà-nội thì phái-đoàn Pháp mới có thể bắt đầu lên đường để hội-hợp với phái-đoàn Trung-hoa. Để đi đến Lạng-sơn, nơi mà chúng tôi có thể bắt thông-tin dễ-dàng với đồng-nghiep Trung-hoa của chúng tôi đóng ở Long-châu, Tướng Quạt-mê (Warmet), Tổng Tham-mưu trưởng, chọn lộ-trình đã hoạch định vào tháng hai trước do Tướng Nê-gờ-ri-ê (Negrier). Chúng tôi phải có mặt ở làng Chũ, trên sông Lục-nam, bộ Tham-mưu đã tổ-chức đoàn hộ-tống để đưa chúng tôi đi dưới sự chỉ-huy của Tiểu-đoàn-trưởng Xet-vi-e-rơ (Servière), lương-thực và những phu khuân vác (những người khiêng dân bản-xứ) cần thiết cho đoàn này.

Vào sáng ngày 10 tháng 12, cuối cùng chúng tôi xuống trên hai chiếc pháo-hạm Mu-len (Moulin) và Giắc-queng (Jacquin), có nhiệm-vụ đưa chúng tôi đến Lam, một bến tàu của làng Chũ.

Nhiều người bạn đến tiễn chúng tôi đi ; không ai biết được đoàn người có đi được đến biên giới mà không bị cản trở hay không, nhưng mà chúng tôi tin tưởng nhiều và chúng tôi hoan-hỉ được thoát khỏi sự bất động ngoài ý muốn khi phải ở lại Hà-nội, sau khi có thể sợ rằng bị bắt buộc phải từ-khước, dầu có toan tính sẽ hoàn thành sứ-mạng do chính-phủ giao phó.

Tại Hà-nội có hai Sĩ-quan địa-hình tham-gia vào ủy-hội, đó là các Ông Trung-úy Vét-nê (Vernet) và Bô-hen (Bohin). Các thông-dịch-viên, các nhân-sĩ, các gia nhân cũng

tháp tùng ủy-hội ; họ dẫn theo những con ngựa nhỏ giống miền Bắc, khôn ngoan, mạnh bạo và không khó nuôi ; ba trăm người phụ chịu trách-nhiệm áp-tải lương-thực cá nhân cho ủy-hội, được phân bổ trong bốn chiếc ghe chở gạo và móc vào hai bên sườn của hai chiếc pháo hạm.

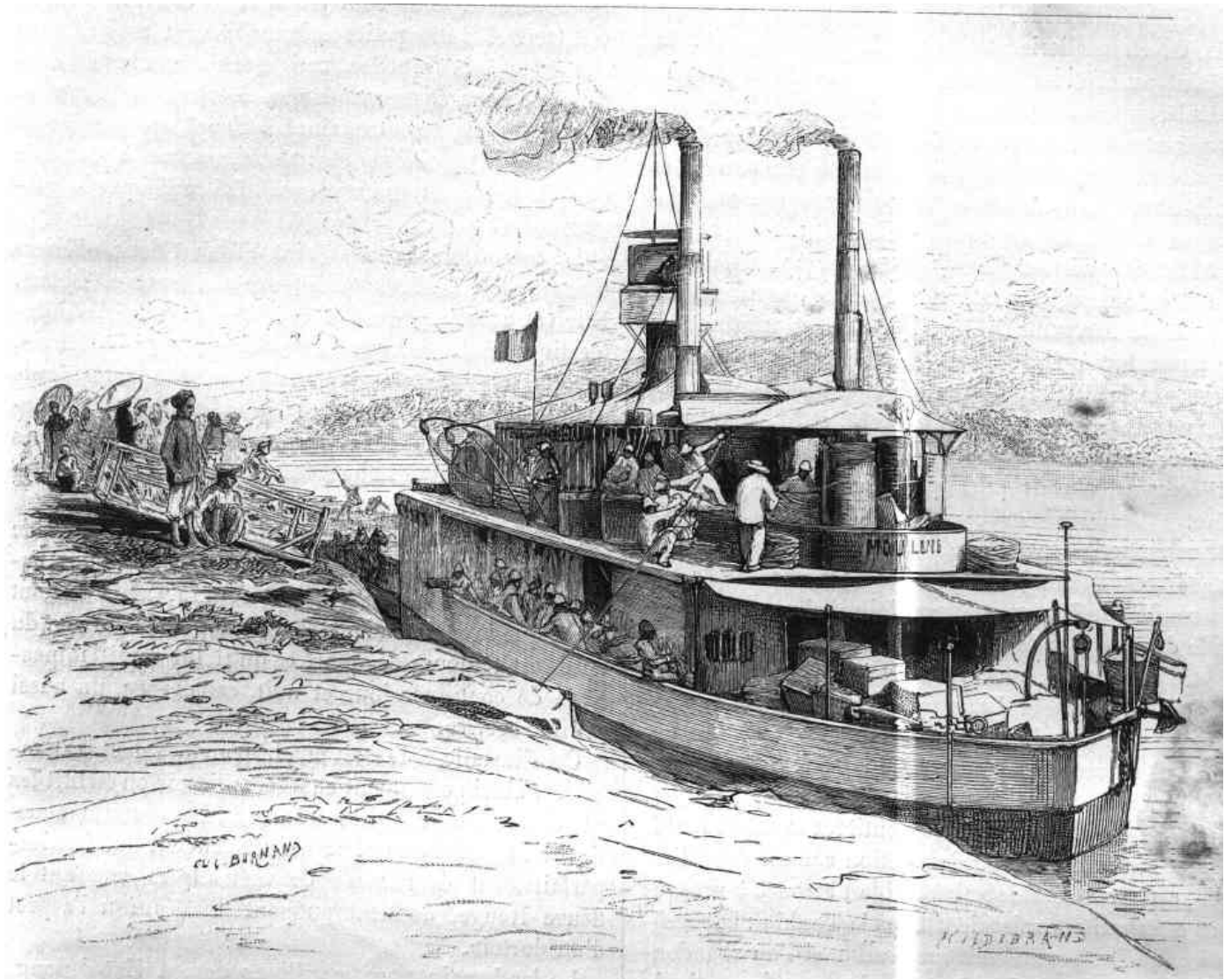
Những chiếc pháo hạm này không thấy gì cả sau khi mặt trời lặn vì những độn cát làm tắc nghẽn tất cả những con sông ở Bắc-kỳ, nhưng nhất là bởi vì vị chỉ-huy là sĩ-quan duy nhất ở buồng lái, phải luôn-luôn cầm tay lái và ông ấy không thể nào tiếp-tục cả ngày lẫn đêm một công việc mệt nhọc như thế mà không được nghỉ.

Chúng tôi chen-chúc trên sân của hai chiếc pháo hạm, chất đầy nặng nề như thế ; vào buổi tối chúng tôi đặt những chiếc giường xếp cái này gần cái kia. Chiếc mũng lớn màu trắng chỉ bảo vệ chúng tôi một cách rất thiếu-thốn trước đàn muỗi bao phủ sông Hồng, làm cho sân tàu Mu-len có hình dáng một cái phòng ngủ.

Ngày hôm sau, tàu chúng tôi bỏ neo trước mặt Hải-dương, và ngày 12, sau khi đi qua trước đồn Bảy chùa và sông Thương, chúng tôi đi vào Lục-nam, là một con sông nhỏ duyên-dáng có bờ cây bao bọc, thường bị thu hẹp lại và rải-rác có những chỏm đá ngoan-mục làm cho việc giang-hành khó-khăn. Vài ngày trước đó, chiếc-pháo hạm của ông Hăng-ri Ri-vi-e-rơ (Henri Rivière) đâm vào một trong những tảng đá này, và chúng tôi thấy nó mắc cạn trên giải cát mà tại đó nó phải chờ khi nước dâng để được trục lên. Dòng nước chảy nhanh, và những ghe chở gạo mà chúng tôi kéo theo bị đe dọa có thể bị chìm xuống đáy bất cứ lúc nào, dầu rằng tàu chạy với tốc độ vừa phải trên dòng sông ; một cơn gió nhẹ thoảng qua cũng làm khó-khăn thêm tình-trạng của chúng tôi, chiếc ghe bị phơi bày ra trước gió, ngập nước đến một nửa và đâm nhào xuống nước trước khi mà người ta có thể kéo nó vào bờ ; những người phụ thoát ra khá dễ dàng và số gạo dùng cho cuộc hành-trình mất đi không đáng kể.

Buổi xế, chúng tôi dừng lại ở đồn Lam và tại đây là chấm dứt cuộc giang-hành của chúng tôi. Đồn này và đồn Chũ chỉ cách nhau bảy cây số, nổi tiếng là bị dịch thổ tả trong chiến-dịch sau cùng ; hiện chỉ còn một ít trường-hợp, và sợ rằng một số lượng

lớn lính và phu đi theo với chúng tôi có thể làm cho ôn-dịch gia tăng trở lại, vì thế chúng tôi quyết định vượt nhanh nhất có thể được qua những nơi bị nạn dịch hoành-hành này.



Départ de Hanoï (voy. p. 322) — Dessin d'Eug. Burnand, d'après un croquis de l'auteur.

Khởi-hành từ Hà-Nội.

Hình do ông Eugène Burnand vẽ, dựa theo một tờ phác-họa của tác-giả.

II

Làng Chũ - Đồng-song - Thanh-mới - Sự tái chiếm Lạng-sơn.

Thiếu-ta Xet-vi-e-rơ (Servière) đã chuẩn-bị tất cả cho chuyến đi cấp-tốc lên Lạng-sơn ; ông ấy vừa tiếp chúng tôi ở bến Lam và liền sau đó, những con ngựa và đồ

hành-lý của chúng tôi được đem lên bờ, chúng tôi đi đến đồn Chũ để nghỉ qua đêm. Ở đó đoàn quân sẽ được tập-trung, dựng trại xung quanh đồn. Đoàn quân bao gồm một đại-đội của tuyến 23, hai đại đội tán-binh Bắc-kỳ, một trung-đội Pháo-binh và 30 kỵ-binh Phi-châu, những người cuối cùng này lập thành đoàn hộ-tổng đặc biệt cho Ủy-hội. Toàn cảnh của dãy trại ở làng Chũ về đêm tạo nên quang cảnh lộng-lẫy ; những toán quân đóng vị-trí đúng phương-pháp trên những con đường, bao bọc hoàn-toàn một nghìn hai trăm hay một nghìn năm trăm người phụ mang hành-lý và lương-thực cho toàn đoàn quân. Khối quản-trị đã phân-phát mỗi người phụ một cái áo lá tươi và một cái mền bằng len đỏ, đều tụ họp xung quanh bếp lửa của họ, nấu cơm, bàn chuyện và xầm-xì suốt đêm thay vì nghỉ-ngơi ; họ tỏ ra bằng lòng thỏa thích dầu rằng sự khuôn vác nặng-nề mà họ đã chịu đựng. Tuy nhiên đừng có quá tin-tưởng, và mặc dù có sự canh-phòng cẩn mật, người ta xác-nhận rằng có khoảng 30 sự đào ngũ từ lúc khởi hành.

Làng Chũ nằm ở ranh-giới những vùng phì-nhiều ; xa hơn về hướng Đồng-song, là vùng đất hoang-phế, phần đất màu mỡ mà người Trung-kỳ gọi là « xứ đói và chết ». Mặc dù tình-trạng lộn-xộn ở các vùng phụ cận, dân-cư cũng bắt đầu mang thức ăn đến bán ở chợ Chũ : nào là gà vịt, trứng và rau. Chúng tôi ở lại đó hai mươi bốn giờ để chỉnh-đốn vĩnh-viễn đoàn-quân. Chúng tôi bỏ lại một phần lương-thực dự-trữ của chúng tôi, chỉ mang theo một thúng thức ăn ; việc này vẫn còn làm cho đoàn-vận tải khá đồ-sộ, vì rằng chúng tôi phải mang tất cả theo với chúng tôi và còn dự-liệu thêm việc thường phải khoản-đãi những đồng-nghiep Trung-hoa.

Ngày 14, chúng tôi bắt đầu lên đường đến Phổ-cam. Chúng tôi chỉ gặp trên đường đi những ngôi nhà bị cháy và những dấu vết của các trại đóng quân ; những thửa ruộng bị bỏ hoang từ nhiều năm, tuy nhiên đó không phải là một vùng khô cằn, vì ngày xưa nó đã được trồng-trọt. Chính chiến-tranh và cướp bóc đã làm điêu-tàn phần đất này của Bắc-kỳ. Sau cái đồn nhỏ Phổ-cam mà chúng tôi rời khỏi vào buổi sáng ngày 15 đất đai có nhiều cây cối hơn và tuyệt đẹp ; con đường đi bị cắt bởi nhiều ngòi lạch, và việc đi bộ rất mệt nhọc đối với những người phụ, vì thế việc đào

ngũ tiếp-tục, và một số chết ở dọc đường vì bệnh thổ tả hay đúng hơn chứng bệnh này ít được nói đến trong đoàn quân của chúng tôi ở Bắc-kỳ, tuy đã gây ra nhiều nạn nhân trong số lính của chúng tôi và nhất là trong số những người phu, và về bệnh này tôi không thể gán cho một tên nào khác hơn là do sự làm việc quá sức.

Một cái đồn nhỏ hẻo lánh gọi là Trại Tịch-tia (Camp Tics Tires) trông coi trực lộ và bảo-đảm sự giao-thông với Đồng-song, nơi mà chúng tôi sẽ đến vào buổi tối.

Nơi này nổi tiếng là một trong những nơi hiểm-độc của Bắc-kỳ, và đâu có thể làm thế nào khác hơn. Trước đây vài tháng có đánh nhau tại đây : thân-thể của nhiều người Tàu bị giết vì đội quân dũng-cảm của Tướng Nê-gơ-ri-ê, và nhất là tử-thi của những người phu, những con ngựa và những con la chết vì kiệt-sức trong cuộc hành-trình vất vả này đã chỉ được chôn lấp sơ sài mà người ta còn rất thường hít vào mùi hôi thối và cũng không hề lạ-lùng khi thấy cái đồn nhỏ Đồng-song là bị người nhiều nhất.

Rạng sáng ngày 16, chúng tôi khởi hành, đoạn đường gian-truân, phải qua đèo Quao bằng một con đường hẻm nhỏ rất khấp-khểnh, để rồi phải xuống trở lại trong thung-lũng sông Thương mà chúng tôi lại gặp nhau ở Thanh-mới. Đó không hơn gì là một con thác nhỏ chảy dưới chân một rặng núi đá vôi lớn, thật-sự là một bức tường không thể nào vượt được ; chạy từ Tây-nam đến Đông Bắc. Phía sau rặng núi lớn này, mà nó được dùng như bức thành chắn cho một tên cướp là Cai- kinh, có nhiều bè đảng dưới lệnh của ông, lộng hành ở đây và tự xưng là lãnh chúa trong vùng. Trại lính nhỏ Thanh-mới phải được tăng cường trong suốt chiến-dịch định ranh. Phụ-tá Tổng Tham-mưu-trưởng của Tướng Quát-nê, Đại-tá Cơ-rê-ten (Crétin) chịu trách nhiệm tổ chức sự tiếp vận khá khó-khăn này cho đoàn quân, phải lưu lại ở đó luôn trong suốt thời gian mà chúng tôi sẽ đi qua miền này. Trung-đội pháo-binh và một đại đội của tuyến 23 chỉ-huy bởi Đại-úy Gi-nu (Ginous) cũng ở lại Thanh-mới, và cũng không hoan-hỉ gì, bởi vì người nào cũng muốn tham dự vào sự tái-chiếm Lạng-sơn. Chúng tôi biết chắc rằng lính chính-quĩ Trung-hoa sẽ đi qua trước mặt chúng tôi khi di tản khỏi thành-phố mà sẽ không có khó-khăn nào, nhưng mà

chúng tôi không biết rõ vài băng đảng Cai-kinh sẽ có chống cự lại chúng tôi hay không.

Thanh-mới chỉ được tái chiếm từ ít tuần-lẽ, và dân-chúng đã an-tâm hơn, bắt đầu trở về đoàn-tụ xung-quanh cái đồn nhỏ của chúng tôi, xây dựng lại cái nhà của họ, đem ra khỏi những cái hang sâu trong núi Đồng-nại và mang ra chợ nào heo, gà, thuốc lá và lúa mà họ đã dấu diếm ở đó. Sông Thương chảy qua dưới chân của bức tường đá vôi vĩ-đại, mà nó gồm có một chỏm đá có hình thù rất đặc biệt mà người ta tìm thấy đó đây khắp mọi nơi ở Bắc-kỳ, mà những chỏm đá ở vịnh Hạ-long là kiểu nổi tiếng nhất. Toàn dãy núi này có nhiều hang động thiên nhiên sâu, đã và vẫn còn được dùng làm nơi ẩn núp cho dân chúng, nhưng thường là nơi ẩn náu và là thành-trì của các tên cướp.

Từ Thanh-mới, chúng tôi đi vào vùng vô-danh ; chúng tôi không biết chuyện gì sẽ xảy ra, và từ rày về sau chúng tôi tuân lệnh chặt chẽ trên đường đi : những kỵ-mã điều chỉnh bước đi theo bước đi của bộ binh ; với những con ngựa nhỏ Bắc-kỳ mạnh bạo và không kiên-nhẫn của chúng tôi, trong những hẻm núi này mà người ta gọi ở đây một cách lộng-lẫy là « đại-lộ-quan từ Huế đến Bắc-kinh ». Lối đi chậm-chạp và được qui-định này cũng vừa chán ngán, cũng vừa mệt mỏi, lại nữa không có gì xảy ra. Đoạn đường còn lại cho đến Lạng-sơn thì quá dài để phải đi thành một chặng và không được đến đó ban đêm ; vì thế Thiếu tá Xét-vi-e ra lệnh cho đoàn quân dựng trại trong một thửa ruộng hầu như khô, dưới chân đèo Cụt, mà nó làm thành đường phân-thủy giữa sườn núi Bắc-kỳ và sườn núi Trung-hoa. Mỗi người căng lều của họ vì ban đêm mát lạnh ; vào buổi sáng, phong-vũ-biểu chỉ mười ba độ, và chúng tôi không quen ở những nhiệt-độ thấp như thế. Rạng sáng, chúng tôi bắt đầu lên đường, không phải là không có một xúc xúc động nào : đó là chặng cuối cùng trước khi đến Lạng-sơn ! Chặng đường này khó nhọc vì rằng đèo Cụt không phải là một lối đi dễ-dàng ; ngay cả còn có thể bị tấn công, nhưng mà chúng tôi vững tin rằng tối nay Lạng-sơn sẽ được tái-chiếm, và mỗi người đi một cách sung-sướng, trừ những phu-khuân cảm thấy kiệt-sức không đi một cách hăng-hái nữa. Dọc đường, người ta

còn tìm thấy những cây trụ lộn nhào và những đường dây điện tín bị cắt đứt, mà quân-đoàn chúng tôi đã thiết lập cho đến Lạng-sơn. Vào buổi trưa, chúng tôi dừng chân lại nghỉ lâu hơn nơi chỗ có nhiều cỏ cao và bóng mát để ăn trưa, và trong lúc này, Đại-úy Gát-sê (Gachet), dẫn đầu một toán kỵ-binh Phi-châu tiến đến Lạng-sơn mà ông thấy bỏ-ngỏ và còn một ít dân cư còn ở lại đó đến tiếp đón ông. Vào lúc 4 giờ, chúng tôi ra khỏi giữa những chiến-thành, trên những ngọn đồi bao-bọc thành-phố phía Tây-Nam, mà từ cao điểm này, chúng tôi thấy bức toàn cảnh lộng-lẫy cánh đồng bằng của Lạng-sơn dăng hiển ra. Nét chính đầu tiên là thành-phố, được thành lập như tất cả những thành-phố Việt-nam, một vòng đai có thành lũy hay là thành-phố chính thức và một cái chợ ở phía ngoài mà những người buôn bán sống ở đó. Thành-phố có hào-lũy không bao gồm gì hơn là những thành lũy lớn, những cửa hàng bán gạo và những ngôi chùa bị thiêu rụi hoặc đổ nát. Tuy nhiên, trong cái góc của ngọn đồi nhỏ duyên-dáng bao phủ bằng những cây thông là một ngôi chùa và nhiều ngôi mộ xung quanh nó hình như thoát khỏi thảm-họa.

Về phía bên kia thành phố là con kinh uốn khúc, ở đây những chiếc thuyền độc-mộc nhỏ có thể chạy được. Rồi về phía bên kia con sông, cái thành-phố nhỏ Kì-lừa của người Tàu, được xây dựng chắc-chắn bằng gạch, có hai pháo đài ở trên cao mà giữa chúng nó, tướng Nê-gơ-ri-ê quyết tử, rũi thay bị một viên đạn trong ngày 28 tháng 3. Về bên phải và về bên trái, một cánh đồng bằng rất trù-phú trồng trọt tươi- tốt trải rộng ra, rải-rác đó đây những khối đá vôi khổng-lồ mà hình dạng bị tàn phá nhiều, vì ngày xưa chúng nó là những đảo nhỏ, biển-cả đã gặm nhắm phần căn bản và làm hủy hoại nhiều nơi bề mặt, làm thành ra những cái nấm.

Có nhiều ngôi làng rất trù-mật suốt dọc theo con kinh ; sự vắng bóng hoàn-toàn những cây cau, những cây dừa và những cây chuối làm cho chúng nó có một đặc tính khác biệt một cách tuyệt đối các làng vùng Châu-thổ.

Vào lúc 5 giờ chúng tôi chào quốc-kỳ Pháp giương cao trên cửa Bắc của thành-phố, và chúng tôi trú lại trong một trong những ngôi nhà trong chợ. Chúng tôi đi thăm liền kinh-thành đổ nát và những sĩ-quan đưa chúng tôi đến gần nơi an-táng của vị

trung-úy trẻ Bốt-xăng (Bossant), sĩ-quan tùy-viên của Tướng Bờ-ri-e-rờ đờ Lít-lờ (Brière de L' Isle), trúng đạn ngã chết bên cạnh vị tướng của ông ấy trong lúc chiếm Lạng-sơn ; những đồng bạn của ông sẵn-sàng xây cho ông một cái lăng mà chúng tôi có thể thấy trong lần trở về trong thành phố này, và chúng tôi sẽ cho thấy xa hơn hình vẽ do một trong những người nhiếp ảnh của chúng tôi làm.

Ngay trong buổi tối hôm đó, một sĩ-quan Trung-hoa đến gặp chúng tôi để nói rằng những ủy-viên Trung-hoa đang ở tại Long-châu và họ sẽ bắt đầu lên đường đến ải Nam-quan. Ngay ngày hôm sau, Thiếu-tá Xệt-vi-e-rơ đi qua sông Kì-cùng để thám thính sơ bộ, và những lính chính qui Trung-hoa không nhiều, đang ở chợ Kì-lừa, rút lui một cách êm thấm trước mặt quân-đội của chúng tôi .

III

Kì-lừa. Đồng-đăng. Những ủy-viên Trung-hoa.

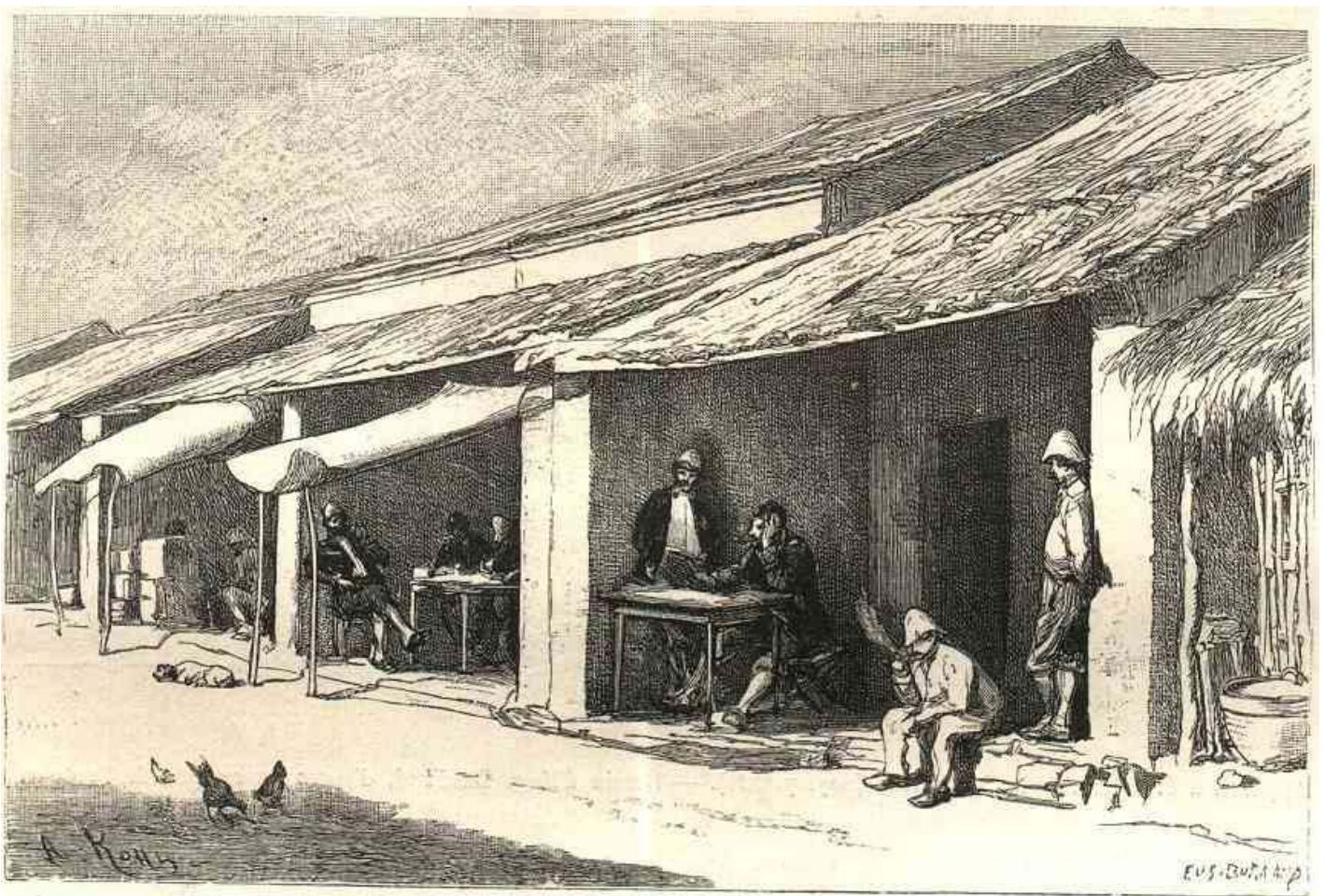
Ngày 20, có ông Sết-zê, là lãnh-sự Quảng-châu nói tiếng Trung-hoa đi theo, Thiếu-tá Xệt-vi-e-rơ đến Đồng-đăng cách Lạng-sơn 15 km với một bộ phận nhỏ, tại đó có một quân-đoàn chính-qui Trung-hoa dưới lệnh chỉ-huy của Tướng Chu đóng ở đó, và đã sửa-soạn những nơi ở cho những ủy-viên Trung-hoa và đoàn hộ-tống của họ.

Chúng tôi đàm phán với họ ; Thiếu-tá Xệt-vi-e-rơ và ông Sết-zê còn tiến xa hơn cho đến ải Nam-quan ở cách Đồng-đăng 3km và đây là nơi thành lập biên giới của Bắc-kỳ và Trung-hoa. Buổi tối họ trở về Lạng-sơn, dẫn theo một tín-chỉ là người mang một lá thư chính-thức cho chủ-tịch của Phái-đoàn Pháp, sau khi để lại ở Đồng-đăng một bộ phận tán-binh Bắc-kỳ.

Lá thư là của Trịnh-thành-Siêu, Chủ-tịch phái đoàn Trung-hoa ước muốn nghinh-tiếp các ủy-viên Pháp và báo cho họ rằng ông bắt đầu lên đường từ Long-châu để đi đến ải Nam-quan. Từ lúc họ nhận được tin này, ông Xen-sáp-phờ-ray và đồng-nghiep đã thống-nhất ý-kiến rằng phải đến Đồng-đăng sớm nhất có thể được và đóng ở đó. Chúng tôi xem Đồng-đăng như thuộc phần đất của Bắc-kỳ và nếu những ủy-viên Trung-hoa muốn đến ở trong thành-phố đó, chúng tôi ao-ước được tiếp họ như

những người khách của chúng tôi, với tư-cách này những chỗ ở tốt nhất sẽ được dành cho họ, nhưng mà chỉ rõ cho họ rằng họ đang ở trong nhà chúng tôi.

Sáng ngày 21, chúng tôi bắt đầu lên đường, tất cả toán hộ tổng gồm có ba mươi kỵ-binh Phi-châu và chúng tôi theo con đường hẻm nằm dưới sâu của một thung lũng trù-phú, nối tiếp trục-lộ-quan ở phía ngoài Lạng-sơn. Chiếc cầu Lạng-sơn đã bị cắt đứt trong lần triệt-thoái của Đại-tá Ẽt-ben-giê (Herbinger) ; nên chúng tôi đi qua con kênh tại một cái lạch nước cạn khá nguy-hiểm, và sau đó vài phút, chúng tôi đến chợ Kì-lừa hầu như chỉ toàn là người Tàu cư-trú.



Notre installation à Dong-dang (voy. p. 336). — Dessin d'Eug. Burnand, d'après une photographie de l'auteur.

Nơi cư-ngụ của các nhân-viên Ủy-hội Pháp tại Đồng-Đăng.

Ông Eugène Burnand vẽ lại dựa theo một tấm ảnh do tác-giả chụp.

Thành-phố nhỏ này hình như không chịu nhiều tang-thương của chiến-tranh ; dân chúng nhìn chúng tôi với sự ngạc-nhiên nhiều hơn là lòng oán ghét ; ngôi chợ được cung-cấp đầy-đủ, và chỉ ở phía cửa thành thì người ta mới thấy nhiều đổ nát của vài

ngôi nhà bị thiêu rụi. Sau Kì-lửa chúng tôi đi ngang qua những thửa ruộng lớn, chúng tôi thấy mỗi bên, thường nhất cứ cách vài quãng trên con đường là những làng mạc dân cư đông đúc, dân chúng bắt đầu làm việc lại và những con trâu đang ở trong những thửa ruộng.

Sự hiện-diện của những lính chính-quĩ Trung-hoa mà họ đã nhượng chỗ cho chúng tôi đủ để bảo đảm cho những người dân nghèo nàn này sự an-ninh tối thiểu vì các bọn cướp sẽ lánh xa hơn. Việc chúng tôi đến và sự thay đổi chủ không tỏ ra làm họ lo sợ có biện-pháp gì khác. Trong lúc tiến gần về Đồng-đăng, hai bên dọc đường ít được trồng-trọt hơn và vùng này dân-cư thưa-thớt. Tuy nhiên không phải là không có gì vì rằng phía sau những ngọn đồi khô-cằn bao bọc con đường, trong những lần đi dạo chúng tôi thấy những thung lũng phì-nhiều, những làng mạc dân-cư đông-đúc và nhiều cánh rừng cây quế-hồi làm cho vùng này trở thành giàu có. Trên hầu hết những ngọn đồi nằm phía trên cao con đường, chúng tôi thấy dấu vết của những lũy nhỏ Trung-hoa, và càng tiến gần Đồng-đăng thì những lũy nhỏ này càng nhiều. Thường nhất chúng chỉ bao gồm một giao-thông-hào và một bức tường chắn bằng đất bọc lên cho đến đỉnh.

Đồng- đăng nằm ở chỗ đường rẽ : một đường đi về Thất-khê ở phía Bắc và Cao-bằng, và một đường nữa là từ Lạng-sơn đi về cửa ải Nam-quan. Nó là một ngôi chợ có một tầm vóc quan trọng đáng-kể. Chỉ có người Trung-hoa ở trong đó buôn-bán gạo với bên Trung-hoa và cũng sản xuất dầu hồi quế, chúng tôi thấy thành-phố hầu như vắng vẻ, chỉ bao gồm 3 hoặc 4 đường phố ; chỉ độc nhất và là một phần của quãng trường là còn đứng, phần còn lại đã bị thiêu rụi và phá hủy trong những trận giao-chiến vào đầu năm. Được xây bằng gạch dưới chân những núi đá vôi lớn tựa như ngọn Đồng-nai mà chúng tôi đã nói đến, trên những bờ của một giòng nước trong vắt, nếu đến từ Lạng-sơn, nó hiện ra một hình ảnh quá tuyệt mỹ, giữa 3 ngôi chùa lớn của nó, được bảo tồn rất kỹ, nhưng được chọc nhiều lỗ thủng và được dùng như một pháo đài. Nhìn phía trên cao của nó là một ngôi chùa nhỏ, hiện ra từ một cái hang đào sâu vào trong một tảng đá nhô lên cao, có bóng mát do những

cây lớn. Những vùng lân-cận, rất khắp-khểnh, hứa hẹn cho chúng tôi những cuộc dạo chơi say mê trong những lúc nhàn rỗi sau công việc định ranh. Những lúc nhàn rỗi này thì nhiều, nhờ vào những sự trừ-trừ nấn ná, sự chậm chạp và những sự cãi cọ ít có thể chịu được của những đồng nghiệp Trung-hoa. Thủ-tục phải theo, nơi hội họp, những người hộ tống phải theo mỗi phái đoàn, đó là những vấn đề nghiêm-chỉnh và quan-trọng làm trước tiên mất hơn 15 ngày. Cuối cùng chúng tôi đồng thuận rằng những phiên họp sẽ xảy ra luân phiên, nơi của những ủy-viên Trung-hoa, tại ải Nam quan (tiếng Việt nam gọi là Cửa ải và tiếng Trung-hoa là Chế-nam-quan), và nơi chúng tôi, tại Đồng-long trong ngôi chùa của quăng trường. Hai phái đoàn được hộ tống bởi lính của nước họ, sẽ không mang vũ khí khi phía bên này đi vào phía bên kia. Sau nhiều lần thăm viếng và thư từ dự bị, sau những quà biếu và thăm viếng trong dịp đầu năm, chúng tôi đạt đến, không phải là không khó khăn, để họp thành phiên chính thức lần đầu tiên vào ngày 12 tháng 1 năm 1886 ở Đồng-dăng.

Thế là từ đó bắt đầu xảy ra những đòi hỏi quá đáng về phía phái-đoàn Trung-quốc ; nhưng mà các ủy-viên chỉ trình bày các điều đó mỗi lúc một ít ; phân nửa của mỗi cuộc họp là những lời chúc-tụng phù phiếm và không thể nào đạt tới khi mà chỉ có hai hoặc ba cuộc họp hằng tuần. Vị chủ-tịch của chúng tôi phải kiên nhẫn, khéo léo và cứng rắn ; thường nhất ông ấy biết rằng phải luôn luôn thỏa-thuận với các bạn đồng nghiệp của ông, nếu ông phát biểu ý kiến riêng trong những cuộc họp này, người ta sẽ có thể tưởng như ý kiến chung, khi mà như chúng tôi đã nói, những cuộc đàm phán đã bị hủy bỏ hai lần ; chỉ kể từ ngày 20 tháng 3 mới có thể bắt đầu những hoạt động thực sự về thám-sát biên-giới.

Cũng rất may khi chúng tôi không phải kể ra ở đây lịch sử chi tiết của những chuyện vô ý vị ít có vui này ; chúng tôi chỉ nói rằng ngoài những buổi đàm phán về sự vụ đôi khi rất là sôi động, những sự giao-thiệp có tính-cách lịch-sự hoàn-chỉnh nhất và ngay cả lòng thân-mật cao quý nhất không ngừng phát-sinh giữa hai phái đoàn.

Chúng tôi mời lẫn nhau nhiều lần để ăn chung. Phái-đoàn Pháp làm những cái gì ngon nhất để đáp lại những bữa ăn do phái đoàn Trung-hoa khoản đãi, thịnh-soạn

và khả-õ mà trong đó yển-sào, vây cá nhám, hải-sâm và các thực đơn khác của Trung-hoa, vừa hiếm hoi cũng như là không thể nào ăn được, được đem ra đãi chúng tôi vô-khối, khao mừng bằng rượu gạo nóng, bằng trà ép và không có mùi thơm làm cho những ông quan khoái chí, mà cũng có những loại rượu sấm-ban hạng nhất mà những đồng-nghiep của tôi không hề ghét.

Dựa trên ý kiến của Lãnh-sự Vân-nam, một người trong chúng tôi phải quen biết những tập quán của những ông quan Trung-hoa ; tất cả những cuộc họp chính thức nơi chúng tôi cũng như nơi các đồng nghiệp được tổ-chức xung quanh một cái bàn có dọn bánh ngọt, trái cây rim đường và mứt, trong lúc dùng trà và rượu sấm-ban và vừa hút xi-gà. Thỉnh-thoảng, sau một cuộc bàn cãi sôi nổi trong đó thấy rằng không thể nào hòa giải được, ông Trịnh, chủ-tịch phái đoàn Trung-hoa đổi sắc mặt và lấy lại vẻ, mỉm cười, đòi hỏi rằng phải hoãn lại một chốc cho những cho những vấn đề nghiêm-trọng và chúng tôi nói chuyện qua thông ngôn việc này việc kia cho đến khi nào một trong hai chủ tịch đề nghị bắt đầu nói lại về sự-vụ ; thế nên sự bàn cãi lại bắt đầu trở lại tại nơi mà người ta đã bỏ dừng. Tuy nhiên còn phải nói thêm về tiến-trình bàn bạc tiếp theo, được thảo luận không ngừng làm cho chúng tôi mất thì giờ. Một câu hỏi nào đó sôi động và ông chủ-tịch Trịnh thấy rằng hết còn lý-luận được nữa thì ông quan thứ hai là Vương-thế-Chuân, thầu khoán gạo tỉnh Quảng-châu tiếp lấy nó hầu như cùng một ngôn-ngữ và với một bề ngoài ra vẻ chân-thành nên lại phải bắt đầu cuộc thảo luận với ông ấy. Rồi đến lượt Lí-bình-xuân, ủy-hội thứ ba, cựu giám-đốc công-binh-xưởng Thượng-hải, mà với ông này với những câu nói quanh co tử-tế nhất và những diễn-văn nảy lửa nhất cũng khai-triển cùng một luận-cứ giống như là không có vấn-đề gì xảy ra trước khi ông ấy nói. Chúng tôi sẽ không nói về Lí-bình-hưng , Tổng-đốc Quảng-tây, ông quan già người Mãn-châu, lúc nào cũng tham gia vào cuộc bàn cãi bằng những cử-chỉ và những sự la ó thất-lễ mà ông Xen-sáp-phờ-ray đã nhiều trường hợp phải nhờ chủ-tịch Trịnh lấy lại trật-tự.

Chúng tôi thiếu thông-ngôn vì ông Sết-giê cũng như ông Ha-ít-xơ, người kế-vị ông ở ủy-hội, đều rằng biết tiếng Trung-hoa, nhưng với tư-cách là nhân-viên của ủy-hội,

nên không có thể tự bó-buộc vai trò mệt nhọc và thứ-yếu này, nhất là nhiệm-vụ của họ phải kiểm-soát sự thông-dịch ; những đồng-nghiep Trung-hoa thì có chung một quan điểm nhiều hơn chúng tôi. Ngoài ông Giam-hát (James Hart) là anh của ngài Rô-be Hát (Robert Hart), là tùy-viên của phái-đoàn Trung-quốc làm cố-vấn, nhất là trong những cuộc đàm-thoại đặc-biệt và rất thường làm thông-ngôn cho chúng tôi, một kỹ-sư của Hải-quân Trung-hoa, ông Li, trước đây đã làm việc lâu như là tùy-viên công binh xưởng Phú-châu cùng với Thiếu-tá Gít-ken (Gickel), đã tốt nghiệp ở Pháp nên hầu như chỉ một mình ông này làm tất cả việc thông-dịch.

Sau những cuộc bàn luận không ngớt kéo dài hơn hai tháng rưỡi, sau hai lần hủy bỏ những cuộc họp và xin huân thị của các chính-phủ mỗi bên, chúng tôi đã đạt đến thỏa-thuận trên những căn-bản như sau : Chúng tôi bắt đầu bằng sự thừa nhận biên giới cũ, là biên-giới độc-nhất mà chúng tôi có, rồi chúng tôi thỏa-thuận về việc điều chỉnh những chi-tiết mà có thể được làm, và chúng tôi chỉ đặt trự sau hai công-tác này.

Vì ông Chủ-tịch Trịnh tuyệt đối từ-khước đi đến tận nơi, nên đã lấy quyết định chung rằng hai ông Chủ-tịch không phải di chuyển và những ủy-viên khác, phải cùng đi một đường trong lúc di-chuyển, bắt đầu từ những vùng lân-cận của ải Nam-quan để đi theo biên-giới.

IV

Sự chiếm đóng Thất-kê. Những tên cướp. Cái chết của ông Sết-dê.

Trong những cuộc bàn cãi này, Thiếu-tá Xet-vi-e-rơ không phải là bất động. Liên sau khi tổ-chức đồn Đồng-đăng và bảo-đảm sự phòng-thủ, ông tiến quân về phía Bắc, chiếm Thất-kê là cái đồn cũng khá quan-trọng, mà không phải đánh khi phải mất ba ngày đi bộ từ Phía Bắc Đồng-đăng, nó được dùng như là điểm tựa và nơi tiếp-tế cho toán cướp Cai-kinh, và để lại ở đó một đại-đội tán-binh Bắc-kỳ. Trong thời gian này, Đại-tá Cơ-rê-tin di chuyển Tổng-hành-dinh từ Thạnh-mới đến Lạng-sơn, tổ-chức

chặt-chẽ hướng đi cho những chặng đường của chúng tôi để ủy-hội có thể tiến-hành công tác trong một sự an-ninh tương đối. Chúng tôi lợi dụng điều đó để gởi tức-tốc những sĩ-quan địa-hình, các ông Vệt-mê và Bô-hanh với một ít lính tập hộ-tống, tiến hành việc dựng lên biên-giới và sứ mạng này không phải là không nguy-hiểm. Điều không thể tránh được là có khi họ sơ ý, trong lúc dựng địa hình, đi qua phía bên kia của biên giới thuộc Trung hoa, thật sự họ luôn luôn được báo một cách thích ứng bởi những nhà chức trách Trung-hoa, và phải vội vã phục tòng theo ý-kiến của họ. Nhưng mà ngay cả sau khi chiếm Thất-khê, những toán cướp rải rác không ngừng cướp phá trong miền. Tuyến đường triệt thoái của đảng cướp Cai-kinh tàn mạt rút lui về Trung-hoa, đi ngang qua giữa Đồng-đăng và Thất-khê mang theo với chúng tiền bạc và nhất là những người đàn bà bắt trộm được trong vùng châu-thổ. Tất cả vùng đất khắp-khểnh này của miền Bắc có nhiều con đường mòn chạy xuyên qua đưa vào nhiều lối đi dẫn từ Bắc-kỳ đến Trung-hoa. Vào đầu tháng giêng, ông Bô-hen và Vệt-Nê đi với mười tàn-binh Bắc-kỳ để thiết lập biên-giới giữa Đồng-đăng và Bản-tào, ở cách đó chỉ 2 cây số ; trong lúc đến gần làng này, đã thấy một số tên cướp chạy trốn vì sợ tiến đến gần chúng. Cùng lúc đó, họ thấy tám người đàn-bà Việt-nam chạy ủa lại phía họ cùng với những đứa con đến nhào vào chân của mẹ chúng. Những người đàn bà này kể rằng họ đã bị bắt trong vùng châu-thổ và trong lúc này, một toán quân có hơn 300 người cưỡng bức dẫn họ đi bộ về Trung-hoa ; những tên cướp đã bỏ trốn sau khi bắt gặp nhóm nhỏ của một toán quân đông hơn, dùng làm tiền-vệ cho những sĩ-quan địa-hình của chúng tôi, và một trong những người đàn bà này là vợ của một tán binh Việt-nam người tỉnh Bắc-ninh, đã nhận ra đồng-phục của những lính-tập, họ đến van xin sự che chở. Chúng tôi dẫn đến Đồng-đăng những người khốn-khổ này, kiệt sức vì mệt mỏi và sự tước đoạt ; chúng tôi săn-sóc họ trong một lúc, và sau khi mà họ đưa những tin-tức quý báu liên-quan đến đảng cướp cho nhà chức trách quân-sự, họ có thể trở về với gia-đình của họ. Những cuộc đi dạo, ngay cả cách Đồng-đăng vài cây-số, không phải là không nguy-hiểm trong những lúc đầu và chỉ khi cơn mưa bụi dày đặc rơi hầu như không ngớt

thì mới để cho chúng tôi vài lúc nghỉ-ngơi ; chúng tôi chỉ có thể thám hiểm những vùng lân-cận bằng ngựa mang theo vũ khí, dẫn đầu và theo sau bởi hai kỵ binh Phi-châu, phương-tiện quá xấu để hiểu về dân-cư và những tài-nguyên của xứ-sở và biết về những phong-tục, nền văn-minh, ngôn-ngữ vv..., về dân-chúng Thổ này, sinh sống trong khắp vùng Đồng-đăng nhưng ít được biết đến.

Tuy nhiên ngay vào những ngày đầu tiên, chúng tôi có thể theo lộ-trình đã được vạch sẵn từ Lạng-sơn và con đường đi qua Thất-khê sẽ thích-thú hơn. Từ phía này, đường hẻm hầu như quẹo về tay mặt một cách liên tục, biên-giới thành lập bởi một dãy đá vôi mà nhiều nơi tạc thành giốc đổ làm thành một bức tường mênh-mông, đôi khi cấu tạo thành một loạt những đỉnh núi cao nối liền nhau giữa chúng nó bằng những thung-lũng nhỏ rất hằm. Nhiều hang động được đào sâu bởi thiên-nhiên trong những bức thành bằng đá, một số người Thổ ở trong đó và đối với họ cũng là nơi trốn bọn cướp ; đây thường là những nơi khó vào nhất, và người ta chỉ có thể đến đó bằng phương-tiện của một cái thang bằng tre dài và mảnh mà những người dân rút đi mỗi buổi tối trong trường hợp nguy-hiểm, một số khác được biến thành những ngôi chùa và chứa một số lớn ngẫu-tượng Phật làm không được khéo mấy. Về phía bên trái con đường có nhiều gò đất hình tròn có cỏ cao bao phủ và phân cách ra bằng những thung lũng có ruộng lúa trải dài cho đến chân những núi đá vôi. Có một ngày, Đại-úy Bu-i-ne và tôi đi mạo hiểm xa hơn thường lệ trên con đường Thất-khê, như lệnh đã ban, trước và sau có hai kỵ-binh Phi-châu, chúng tôi được báo động bởi hai kỵ-binh đi trước rằng họ thấy chỗ quẹo nơi những đường hẻm, không quá một trăm mét có một bọn cướp. Thực vậy, chúng tôi thấy một toán nhỏ có trang bị vũ khí, mà người chỉ huy uốn giọng kêu lên giống như là một dấu hiệu hay là một tiếng gọi, và chúng tôi phân biệt hoàn toàn các khẩu súng cá nhân và các súng phóng lựu. Tức thì hai kỵ binh đi sau cùng đến, chúng tôi bắn ngã hai người trong chúng nó, và chúng tôi làm chủ sáu thổ-phỉ đến đầu hàng không khó khăn mấy trước khi mà chúng có thể nghĩ đến chuyện trốn thoát. Nhưng mà vũ khí đã biến mất : không còn súng cá nhân, không còn súng phóng lựu ; tôi hỏi người hình

như là toán trưởng, nó trả lời rằng nó chẳng hề có vũ khí gì, ngay cả súng cá nhân và nó không phải là một tên cướp, tôi dùng tất cả sự hiểu biết của tôi về tiếng Việt, đầu rằng rất hạn chế, để cố năn-nì và dọa nạt nhưng vô-ích, để cho nó biết rằng từ-chối là vô ích khi mà chúng tôi đã thấy vũ-khí của nó ; nó tiếp tục bào chữa một cách mãnh-liệt cho sự vô tội của nó. Trong cuộc tranh cãi này, Đại-úy Bu-i-ne ra lệnh hai kỵ-binh Phi-châu xuống ngựa và lục soát những đám cỏ cao bao bọc đường hẻm, họ tìm thấy ngay ba khẩu súng loại gắn ngòi mà ngòi nổ vẫn còn bật lên, một khẩu súng ngắn loại gắn trên yên ngựa sẵn sàng nhả đạn, vài cây kiếm và những súng phóng lựu. Không thể nào trốn thoát, chúng nó toan tính đầu vũ-khí. Vì thế, xem như là quá tốt khi mà chúng tôi bắt được những tên cướp nguy-hiểm, chúng tôi dẫn họ đi bộ cùng với chúng tôi và chúng tôi trở về Đồng-long chậm-rãi, mang theo những tù-binh, và rất khoan-khoái về sự bắt được này. Lại nữa, chúng nó tỏ ra rất dễ chịu khi bị dẫn đi và không có sự chống đối nào ; rồi lúc đến nơi được giao cho nhà chức trách quân-sự, toán trưởng của chúng tôi trình ra một tờ giấy viết bằng tiếng Pháp mà chúng tôi giữ kỹ để đưa cho chúng tôi xem, nó chẳng khác gì hơn là một ủy-hội bang-biên hay là Cảnh-sát-trưởng, có chữ ký của Thiếu-tá Xet-vi-e. Mặt khác, thiếu-tá biết người của ông, bị thẫn vẩn khi có thái độ lạ lùng trước mặt chúng tôi, trả lời rằng ông ấy đi tuần, luôn luôn có vũ khí sẵn sàng bắn khi ông ấy đang trên đường, và khi thấy sáu kỵ-mã nhập vào toán nhỏ của ông nên làm ông hoảng-sợ, cho nên lúc đó ông cho đầu vũ-khí. Khi mà những vũ-khí này bị khám phá, và vì ông ấy biết rằng người ta sẽ không làm gì khó khăn cho ông ấy trước khi xét xử việc này, tốt hơn là ông ấy sẽ đến Đồng-đăng để giải-thích bên cạnh Thiếu-tá và chỉ cho chúng tôi xem cái chứng-chỉ Băng-biên.

Vậy thì chúng tôi đã bắt cảnh-sát mà tưởng là bắt được những tên cướp, về phần chúng tôi, tôi thú thật rằng hơi thẹn thùng và thất vọng. Tuy nhiên, đến khi nghĩ về sự kinh hãi của những người này trước mặt chúng tôi, về tiếng kêu ra lệnh của tên thủ-lãnh, về thái-độ quá bất thường của họ đối với chúng tôi, chúng tôi luôn-luôn nghi-ngờ và chúng tôi chỉ có thể xem như rằng ý tứ của họ cũng trong sạch như họ

kêu nài. Người ta có thể chơi nước đôi một cách dễ dàng, trong những lúc bối rối này, và vai trò của những tên cướp và hiến-binh không phải là không ăn khớp với nhau.

Sau vài tuần lễ sau, thời tiết trở thành lạnh hơn và khô hơn ; nhiệt độ vào buổi sáng biến đổi từ sáu đến mười hai độ ; tình hình địa-phương trở nên chắc chắn hơn và nhất là sự tin-tưởng của chúng tôi vào dân-chúng nhiều hơn và chúng tôi có thể dự định làm vài cuộc du ngoạn thích-thú ; nhưng trong thời-kỳ này chúng tôi gặp sự bất hạnh vì mất một trong những người của chúng tôi. Từ hơn mười tám tháng ông Sét-dê bị chứng kiết-lỵ kinh-niên, mắc phải trong chiến dịch cam-go mà ông ta thi hành trong trận chiến cuối cùng trên những chiếc tàu thuộc chiến hạm của Đô-đốc Cuộc-bê. Được đưa về Pháp nghỉ một thời gian ngắn, ông ấy bị tái phát liền khi trở lại Quảng-châu. Khi ông ấy gặp chúng tôi ở Hà-nội, ông còn tỏ ra cường tráng, ăn rất ngon và bề ngoài ông trông rất khỏe ; không phải là ông nhiễm bệnh ít và chính ông biết rõ việc này ; nhưng tôi vô ích khi cố năn-nỉ ông mãi để tránh khỏi bị đeo đuổi bởi viễn ảnh xấu sau này nhưng mà ông ấy không nghe. Nhiệm-vụ mà chúng tôi phải hoàn thành tuy khó nhọc nhưng lý-thú ; nó có thể mang lại nhiều nguy-hiểm : nhưng mà bất cứ giá nào ông ấy cũng không muốn thoái thác nó ; ông nghĩ rằng ông là người duy nhất trong chúng tôi biết tiếng Trung-hoa, sự vắng mặt của ông sẽ gây bối rối cho phái đoàn Pháp không ít. Ông chịu đựng khá giỏi cuộc hành trình, nhưng thời gian lưu-trú tại Đồng-đăng, tình trạng trầm-trọng thêm một cách nhanh chóng ; việc cư trú trong những ngôi nhà của người Tàu ngay ở tầng trệt, trên đất thô trong lúc thời tiết lạnh lẽo và sương mù, không để cho được điều trị cũng như không có sữa tươi đã làm cho thành hảo huyền.

Bệnh tình tăng thêm và nó gặm nhấm dần sức lực của ông. Ông cỡi ngựa và tham-dự tất cả các buổi họp cho đến giờ phút cuối cùng, luôn-luôn vui-vẻ và không muốn nghe nói về việc trở về Pháp trước khi hoàn tất công-việc của chúng tôi. Vào đầu tháng hai, một nhân-viên phụ tá của phái đoàn đến từ Pháp, đó là ông Ha-ít-xơ (Haïtce), cựu sinh-viên trường ngôn-ngữ Đông-phương, biết tiếng Trung-hoa, và sự

có mặt của ông có thể cho phép ông Sét- giê rời chúng tôi. Ông này chỉ bằng lòng việc đó trong lúc nguy-kịch nhất vào lúc cuối tháng hai. Ông được trao-tặng ngũ-hạng Bắc-đầu bội-tinh và lên đường nhưng không thể trở về đến Pháp và trút hơi thở cuối cùng trong lúc đi ngang qua Hồng-hải.

V

Chợ Đồng-đăng. Những người Thổ. Sự chế biến dầu hời.

Dân-chúng Đồng-đăng lấy lại tin-tưởng trong khắp vùng không trể mấy và Đại-tá Cơ-rê-ten rồi đây có thể tìm thấy ở Lạng-sơn những số lượng gạo đầy-đủ không những để nuôi quân-đội bản xứ, mà còn để gởi đến những đồn Thanh-mới và đồn Đồng-sơn. Mỗi ngày, chợ Lạng-sơn được cung-cấp gà vịt, cá của sông Ki-cùng và rau sống, và vào ngày thứ năm là thịt heo, thịt bò, thuốc lá, á-phiện và rượu gạo cất đầy đầy trong chợ. Ngay sở quản-lý có thể mua khoảng ba chục con ngựa nhỏ trong vùng với giá mười lăm đến hai chục đồng (sáu chục đến tám chục quan Pháp). Dù thế nào đi nữa, ngôi chợ của thành-phố Tàu Kì-lừa vẫn luôn-luôn đông đảo hơn chợ Lạng-sơn.

Ở Đồng-đăng, không dễ gì ngăn cản các làng lân-cận đi đến cửa-ải Nam quan vì đó là thói quen của họ, ở đó có năm đến sáu ngàn lính chính-quy đóng trong những thành-lũy, những ủy-viên Trung-hoa, đoàn hộ-tống của họ và đông đảo gia-nhân của họ cho thấy một khối lượng đáng kể khách hàng và người tiêu-thụ ; tuy nhiên dân chúng có thói quen về tụ-tập ở Đồng-đăng khá nhanh ít nhất là vào những ngày thứ bảy và ngôi chợ trở thành rất đông-đúc.

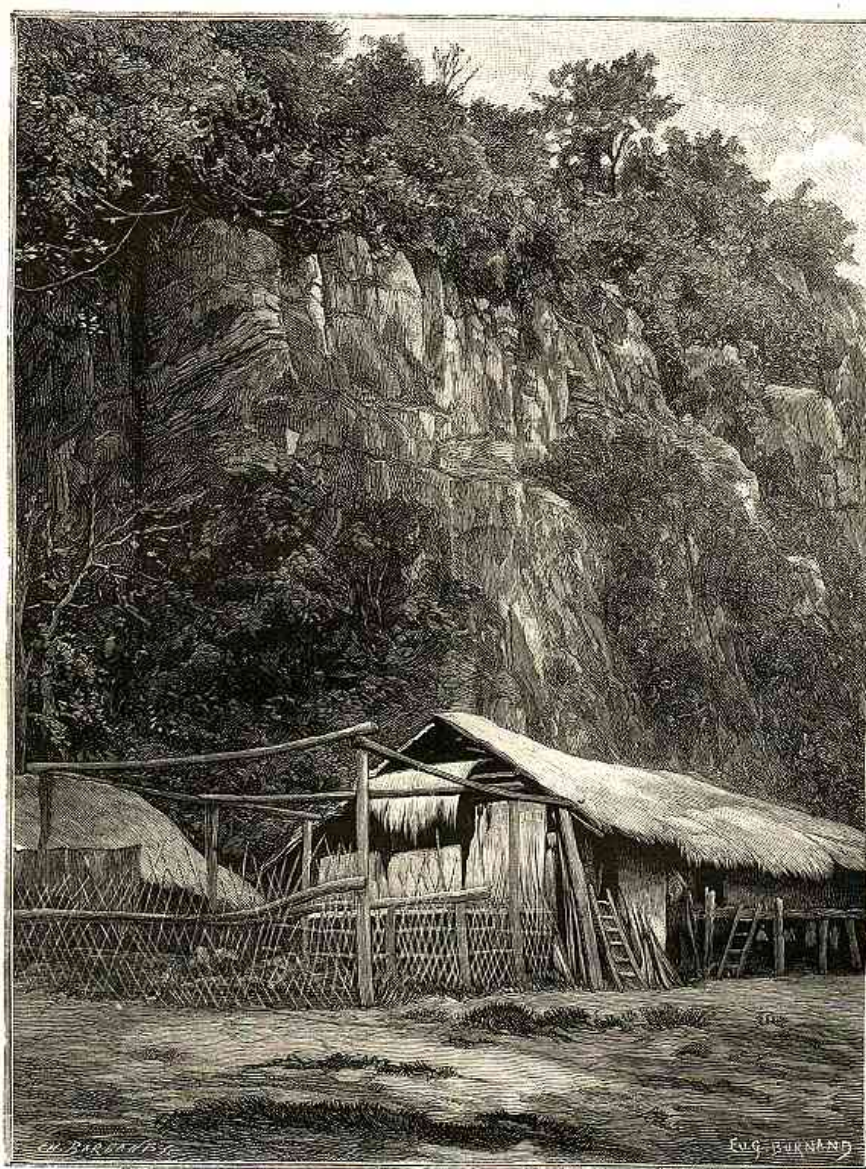
Từ lúc rạng đông, người ta thấy dân chúng kéo đến bằng mọi ngã đường mang theo những gói nặng. Dọc theo đường phố là những người bán ngỗng, gà trống thiến và gà giò, những người bán dầu thù-đu tía, dầu đậu phộng và rượu gạo cất, ngồi chồm hổm sau những cái chum lớn của họ, rồi thì những người bán rau tươi, khoai lang, khoai mài, bột khoai môn, những trái bầu, những củ ấu vv... Quãng chợ bao gồm

bốn dãy cửa hàng. Những người bán thuốc phiện bày ra trên những chiếc bàn nhỏ những món hàng quý báu của họ, thuốc phiện Vân-nam và Quảng-tây, phẩm chất quá tầm thường, tuy nhiên họ thường bán lẻ, phân-lượng tùy theo số tiền. Xa hơn, có nhiều người bán đồ đồng sắt và hàng bán đồ chơi của Tàu, bày ra trên đất những cái gương soi nhỏ, những cái dao, ống điếu dùng hút thuốc phiện vv... và nhiều vài sợi gốc Anh-quốc. Xa hơn một chút nữa, gần ngôi chùa, chúng tôi thấy những con heo đủ cỡ và những con chó con và chúng cũng sẽ bị lấy thịt, bị buộc lại và để trong những giỏ tre kêu la bi-thảm. Những cửa hàng chen chúc nhất và đông đảo nhất là những cửa hàng của các bà già xếp thành hàng dài phía sau những đụn thuốc lá xắt rất mỏng và thuốc nguyên lá. Phía trước mặt họ là một cây đèn nhỏ được đốt sáng, làm bằng một cái bình chứa dầu thù-đu và trong đó có một ngọn bắc bằng ruột cây lác nhúng vào đó. Gần ngọn đèn có một ống điếu bằng tre có độ lớn bằng nắm tay, phần dưới của nó được chụp vào một ống tre thứ hai lớn bằng cái lông ngỗng. Phần dưới của ống tre lớn có chứa nước ; đó là ống điếu có nước của tất cả những người Thổ mà người ta cũng tìm thấy trong nhiều nơi ở Đông-dương. Những người mua hồi-hả xung quanh người bán và đi từ hàng này đến hàng khác, chọn lựa thuốc lá của họ cho đích xác bằng cách hút thử thuốc bằng ống điếu. Gần đó là những người bán trầu và vôi. Có quá ít những hạt cau khô là món thứ ba cấu thành việc nhai trầu, họ thay thế chúng nó bằng những lá thuốc, những vỏ cây teo khô và thuốc tảo.

Trại lính Đồng-đăng bao gồm một trung đội của tuyến 23, một đại-đội tán-binh Việt-nam và một tiểu-đội kỵ-binh Phi-châu đi lại tự-do trong chợ mà không có gây ra một sự rối loạn nào. Thỉnh thoảng một vài lính chính-quy ăn mặc đồng phục đến từ cửa ải Nam quan toan nhập vào trong chợ và người ta đuổi khéo họ một cách lễ-phép mà không có sự chống trả về phía họ.

Đường điện-tín đã được thiết lập lại từ Lạng-sơn đến Đồng-đăng ; những trục lộ đã được sửa sang lại làm cho sự canh-phòng dễ dàng hơn, vì thế sự an-ninh đem lại trong vùng ; trong những lần du-ngoạn chúng tôi có thể không cần hộ-tống và hiển

nhân là có thể đến gần những làng Thổ để thăm viếng. Họ là những người mạnh bạo, có tầm vóc trung-bình, có quan-hệ với người Việt-nam và người Tàu ở phía Nam. Họ có hững gò má ít lồi ra, mũi ít tẹt hơn người Việt-nam, tóc họ dài và có mặc quần áo, người đàn bà không mặc cái quần (quần dài người Việt-nam), nhưng là một váy ngắn bằng vải thô như những người đàn-bà Lào. Tiếng nói của họ hoàn-toàn khác tiếng nói của người Việt-nam. Chúng tôi tìm thấy nhiều tiếng Xiêm-la hay tiếng Lào và những tiếng thông thường nhất, như là kin-kao có nghĩa là « ăn cơm » và nói chung là « ăn ». Người ta cho chúng tôi biết rằng trong ngôn-ngữ này cũng có nhiều tiếng Quảng-châu.



Village de Thùs (voy. p. 330 et 334). — Dessin d'Eug. Burnand, d'après une photographie de l'auteur.

Làng người Thổ, hình do ông Burnand vẽ lại, dựa theo ảnh do tác-giả chụp.

Cũng như nơi tất cả các chủng tộc sống cách biệt mà phương tiện truyền thông khó khăn, những thổ ngữ rất nhiều. Những người có tiếng tăm hầu như biết hết tiếng Quảng-châu và có khi tiếng Việt-nam nữa. Đó là một giống người lấy nông-nghiệp làm căn bản ; tôi không thấy nơi họ ngành-nghề gì khác hơn là nghệ-thuật, đặc-biệt trong một số gia-đình đồ bạc và làm ra những vòng hoa tai và nhất là những chiếc cong có hình thù khá đặc-sắc. Người ta cũng tìm thấy những cái nia trong những căn trại, dùng để làm gạo, có hình-thù sắc-sảo do chính họ làm ra ngoại trừ phần bằng kim-loại mà họ phải mang từ Trung-hoa về cũng như là những nông-cụ.

Người ta có thể phân-biệt xung-quanh Đồng-đăng hai vùng khá khác nhau. Một vùng nằm ở giữa trục lộ đi về cửa ải Nam quan và đường đi Thất-khê, có nhiều núi, không trồng trọt được, bao gồm những rặng đá vôi mà chúng tôi đã có lần nói đến, có hình thù gồ-gề, khi thì có đá hoa xám và trắng trơ-trụi, khi thì bao phủ bởi cỏ cao, và giữa những cụm đá cũng thường có những cây cảnh. Nếu người ta leo lên trên một trong những con đường hầm xuyên qua cái dãy đầu tiên, sau khi lên cao hai hay ba trăm mét, người ta sẽ tới những ải đạo chật hẹp đôi khi đóng kín bằng những cái cửa làm bằng tre hay được bảo vệ bằng những rào dậu bằng đá khô, trong những thung-lũng rất tròn, bao-bọc bốn phía bằng những ngọn đồi có dốc thẳng và ở chính giữa chúng nhô lên cao một ít đá nằm riêng-rẽ, có cùng sự thành lập với những ngọn đồi. Những thung-lũng tròn này tương-tự như những thung lũng được thành-hình tại vịnh Hạ-long bởi những hòn đảo nhỏ cũng khá bất thường ; trong những thửa ruộng, đất đai phì nhiêu và trồng-trọt tốt; người ta thấy ở đó vài con trâu, và trong những góc sâu, người ta thấy những làng người Thổ, mỗi làng bao gồm ba hay bốn túp lều nằm sát bên cạnh dòng nước, đôi khi nằm khuất sau một thế đất đá quanh co khắp-khểnh, có những cái hang sâu được đục vào trong núi đôi khi được dùng như là kho gạo. Những túp lều được xây trên những cái trụ cao cách mặt đất một mét, giống tuyệt đối cái của những người Mường và của những người Lào, chúng tỏ ra còn dơ bẩn hơn và ít tiện nghi hơn, người ta cũng thấy ở đó không có đồ-đạc gì, nhưng đừng quên rằng từ nhiều năm những dân-cư xấu số ở vùng

biên giới này không ngớt bị quấy nhiễu vì những sự xâm lấn liên-miên của các tên cướp.

Nhiều thung-lũng hình tròn thông thương với nhau bằng những cái eo rất hẹp. Chúng nó tuyệt đối giống nhau, và phải định-hướng cẩn thận để khỏi bị lạc trong những mê-lộ này, vì rằng những làng này cách xa những làng kia và một phần lớn bị bỏ hoang ; những tảng đá đứng riêng một mình cũng có chung một hình nấp như trong đồng bằng Lạng-sơn, và tại nơi chân đế của nó, người ta xác nhận rõ ràng là ngày xưa có sự tác dụng của những cơn sóng biển đập vào nó. Ngoài lúa ra, người ta chỉ gặp trong vùng này vài cánh đồng trồng khoai sọ nơi có nước ngập nhiều nhất và một số cây rau sống trong một khoảnh đất kín ở gần nhà. Thịt thú rừng rất hiếm : không có hươu nai và ít có mèo, người ta chỉ bắt gặp một vài con chim trĩ trong những bụi cỏ cao, những con chim mỏ nhát trong những nơi ẩm-ướt và một vài con gà nước dọc theo những con suối.

Phần còn lại của vùng này hoàn toàn khác cái vùng mà chúng tôi vừa tả. Nó được bao phủ bằng những ngọn đồi có hình chỏm thành lập bởi những phiến-nham và đất sét có chất sắt ; và người ta hiếm thấy đá trọc trên những cái sườn núi hình tròn bao phủ bởi những loại cây có cộng cao, ít nhất là dọc theo những con đường có sự đi lại thường xuyên. Liên theo đó chúng tôi đi sâu vào trong vùng, trong lúc cách xa lần những trục lộ chính, bằng cách theo những đường hẻm mới vừa được khai phá ra, chúng tôi đến những ngôi làng đông-đúc hơn và giàu có hơn vùng trước ; những thung-lũng được canh tác thành ruộng lúa và rừng bao phủ những ngọn đồi, thường được trồng thêm cây cối mà không phải do những nhà thực-vật-học, chúng tôi nhận thấy ngay cái mùi nhựa hăng của loại cây hồi-hương tỏa ra.

In-li-xi-um a-ni-zê-tum hay cây đại hồi có trái ngò sao là một loại mộc-lan xinh-xắn mọc tự nhiên trong những cánh rừng hoang ở vùng này ; nhưng nhất là người ta thấy người Thổ trồng nó trên những sườn đồi. Đó là một loại cây cao từ mười đến mười lăm mét, chùm lá có hình tháp khá đều, luôn-luôn xanh, giống như một cây sim lớn, với những nhánh nhỏ chia thẳng lên, có lá nơi những chỏm. Vùng này giàu

có là nhờ sự trồng-trọt loại cây này để lấy dầu hay nói đúng hơn là lấy tinh chất của cây đại hồi bằng cách trích xuất những trái của nó. Toàn cây, vỏ cũng như lá xông ra một mùi hồi hương rất mạnh ; những cái hoa tỏa ra mùi nhiều, nở ra thành những chùm nhỏ màu trắng ở những đầu nhánh vào tháng giêng, những trái tượng hình và lớn lên rất nhanh rồi già đi rất chậm, tích lũy tinh-chất của quế hồi trong vỏ mộc bao quanh cái hạt. Vào tháng sáu hay tháng bảy, trái cây mới già, nhưng mà từ nhiều năm nay, sự thu hoạch bắt đầu sớm hơn trong khi mà trái cây vẫn còn xanh, có lẽ là do sự bất ổn trong vùng nên đã làm cho những người trồng-trọt hái một cách nhanh chóng nhất để có thể lấy hết được sản-lượng. Thói quen này, có hại cho người sản xuất cũng như cho người mua, sẽ được chấm dứt ngay khi mà một nhà sản xuất Pháp đứng đắn muốn phụ-trách việc chế-biến tinh-chất này và có thể mua khi mùa chưa hái.

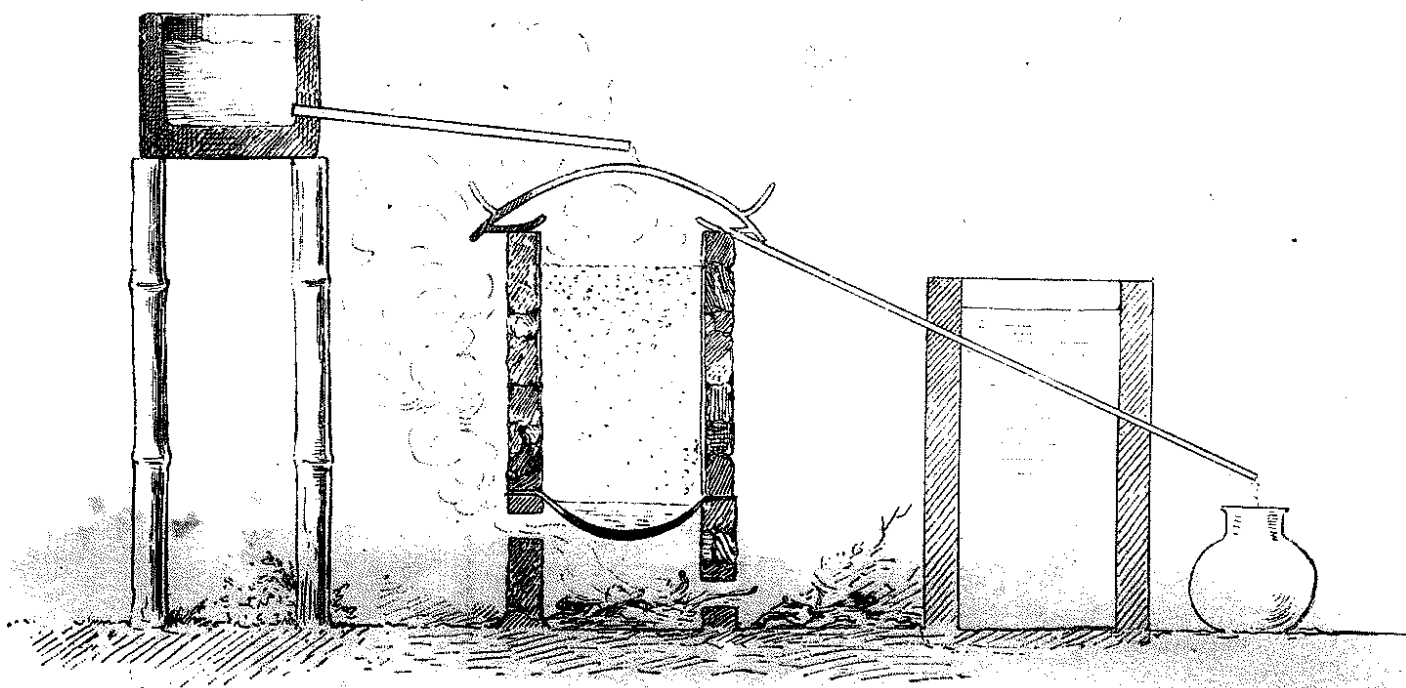
Thật vậy, những người Thổ trồng cây đại-hồi nhưng luôn-luôn bán trái cho người Tàu mà chỉ có họ là độc-quyền chế-biến tinh-chất. Một nhà thực-vật học nổi tiếng, ông Ba-lăng-xa (Balansa) đã cùng lưu-lại với chúng tôi từ ngày 30 tháng giêng đến 25 tháng hai tại Đồng-đăng và tôi rất thích-thú khi đi dạo chung với ông này nhiều lần và ông ấy cho những chỉ dẫn sau đây :

« Vào mùa hè, người ta thấy những người Tàu khắp trong những làng có trồng đại-hồi.

Hầu như tất cả họ là dân gốc vùng Quảng-tây, họ chỉ đến tỉnh Lạng-sơn trong thời-kỳ chế-biến, mang theo với họ những máy móc hay nói đúng hơn là một cái chảo, những bộ phận khác của nồi cất có thể tìm thấy tại chỗ. Họ mang tinh-chất được chế biến ra về Quảng-châu qua ngã Thất-khê. Những máy móc dùng để tinh-chế rất thô sơ, nhưng đều hư hỏng. Họ sẽ không có thể chống lại những người Âu-châu biết cách-thức hơn nhiều mà họ sẽ tới đặt máy móc ở vùng đó. »

Ở chính giữa của hầu hết các ngôi làng người Thổ, người ta để ý thấy có một cái ao sâu bùn lầy mà họ ném vào đó tất cả các đồ bẩn thỉu, việc này lại càng làm tăng thêm sự ô-uế cho dân chúng. Thực vậy những người Thổ là mục tiêu của những cơn

sốt sinh ra do đầm lầy. Cái ao này dùng để nuôi nhiều vịt và một loại ngỗng màu xám xinh xắn, có mỏ nhọn màu đen trên đó có hai cục nhỏ, có vẻ giống con cò hơn là con ngỗng ; nhưng nhất là một cái hồ nuôi cá rộng mênh-mông ; nơi đó những con cá chép cỡ lớn quây bản đục, những con lươn có da màu trắng lốm-đốm giống như là của một vài loại rắn, và một con cá lớn có râu mép dài, bụng dẹp, thịt mềm và nhạt mà người ta tìm thấy trong những ruộng ngập nước và trong khắp những cái ao bùn lầy ở Đông-dương mà tất cả những người ăn gạo đều rất thích.



Appareil à distiller l'huile de badiane (voy. p. 335). — Dessin d'Eug. Burnand, d'après un croquis de l'auteur.

Thiết-bị của người Thổ dùng để chưng cất dầu hồi.

Hình do ông Burnand vẽ lại, dựa theo một tờ phác-họa của tác-giả.

Người ta thừa nhận rằng ngoài những cuộc du ngoạn trong những vùng xung-quanh và những sự bàn-bạc với những đồng nghiệp Trung-hoa, cuộc sống ở Đồng-đăng khá buồn tẻ. Những căn nhà bị bỏ hoang và có thể ở được ở bên trong thành phố thì không nhiều mấy và Đại-úy Bu-i-ne và tôi, cả hai chúng tôi phải bằng lòng một cái tầng trệt chật-chội, chỉ tiếp khách ban ngày ở phía trước khi qua cái cửa lớn và có một cái cửa sổ hẹp đóng bằng tấm ván di động. Hai cái giường xếp của chúng tôi đặt trên sàn đất thô chiếm phần lớn gian nhà và một cái bàn nhỏ bào nhẵn đặt gần cửa sổ dùng làm phòng làm việc.

Khi chúng tôi đến gần, dân chúng vì hầu hết họ là chủng tộc người Tàu nên chạy về Trung-hoa để trốn, đã trở lại đòi nhà của họ ; nhưng chúng tôi trả lời với họ là phải đưa ra bằng chứng về quyền sở-hữu và chúng tôi sẽ bồi thường họ hàng tháng trong thời-gian mà nhà ở bị chiếm đóng.

Chúng tôi rời Hà-nội dưới sức nóng hai mươi tám độ rưỡi và sau đó vài ngày, ngay từ ngày đầu tiên của tháng giêng ở Đồng-đăng, vào buổi sáng hàn-thử-biểu chỉ sáu đến tám độ ; lúc đó lại có mưa bụi dày nên chúng tôi bắt đầu phải chịu cái lạnh và nhiều người trong chúng tôi bị sốt. Ở phía bên trong những nhà tranh của chúng tôi, để làm cho hợp vệ-sinh hơn và cũng để dùng như sưởi, chúng tôi xây những ống khói lớn bằng gạch lấy của những ngôi nhà bị cháy.

Những lính khố xanh Việt-nam đến từ vùng châu-thổ, họ cũng vậy, ít có quen nhiệt-độ này, vì được mặc quá sơ-sài, chỉ có một cái mền mỏng dùng trong lúc ngủ, nên một số lớn bị nhiễm phải bệnh sốt và sưng cuống phổi và trong lúc không có một quân-y-sĩ nào cả, tôi xin Thiếu-tá Xét-vi-e thiết-lập phòng y-tế và tôi chịu trách-nhiệm khi nào tôi rảnh-rang ngoài những công việc của tôi như là nhân-viên ủy-hội. Những bệnh nhân khác bị nhiễm rất nặng gồm những phu-khuân khổ-sở đi từ Lạng-sơn đến Thất-khê qua ngã Đồng-đăng để tiếp-tế trại này. Tôi săn-sóc họ rất chu đáo trong những căn nhà trống bốn phía mà ở đó chúng tôi cho làm những cái sạp bằng tre dùng làm giường, nhưng ngay cả tôi cũng di-hại về nó sau khi bị cơn ác tính có dạng ớn rét. Tuy nhiên chúng tôi không tin rằng trong thời-gian bình-thường vùng này là độc hại ; sức nóng ở Phi-châu nếu mặc đầy đủ và ăn đầy-đủ cũng chỉ đem lại ít người bị bệnh hơn. Trong tất cả những xứ có ruộng, việc nghỉ trồng-trọt trong một năm hay hai cũng đủ để sinh ra chứng sốt rét ngã nước : một cái vùng nào đó trồng trọt tốt và dân đông đúc, sẽ an-lành và có thể không nguy-hiểm ngay đối với những người Âu-châu cũng có thể ở được, sẽ trở thành một trung-tâm ôn-dịch, bị tàn phá do những cơn sốt độc hại, nếu ruộng bị bỏ hoang trong vài năm. Những điều-kiện bất lợi do có những toán quân đang mở chiến-dịch trong những miền quá xa-xôi đối với sự tiếp-tế, cũng làm cho chúng tôi không có thể xét định tính an-lành của xứ

căn-cứ vào tình-trạng vệ-sinh lúc ở trạng-thái bình thường. Những toán quân lập thành đoàn hộ-tống cho những đồng-nghiệp Trung-hoa đang ở cửa ải Nam quan và những lính chính-quĩ Trung-hoa dựng trại trong những đồn lũy chung quanh cũng tỏ ra bị sốt nhiều hơn là lính Âu-châu và Việt-nam chúng tôi.

VI

Sự bắt đầu định-ranh đất đai. Hình thể của xứ-sở.

Cuối cùng, sau khi đã bằng lòng cách thức để tiến hành, giải-quyết số lượng và lộ-trình những đoàn hộ-tống, chúng tôi thỏa thuận là trước khi đi, phải có một phiên-họp chính-thức tại cửa ải Nam quan mà tại đây hai vị chủ-tịch sẽ tham-dự để xác định cái điểm phải dùng làm ranh-giới.



Lên đường đi đến Nam-Quan.

Hình do ông Burnand vẽ lại, dựa theo một tờ phác-họa của tác-giả.

Trong lúc rời Đồng-đăng để đi đến hội-nghị, chúng tôi thấy trên đường Trung-hoa, trên những đỉnh cao nhìn xuống Đồng-đăng và ngay trên đường Thất-khê, trên những lãnh thổ mà chúng tôi xem đúng danh nghĩa như là thuộc Việt-nam, những

lính chính qui Trung-hoa khai-triển khắp các phía, mang theo rất nhiều cờ hiệu và họ cắm trên khắp các hướng. Giới chức-trách quân-sự lo-sợ về sự biểu dương này và chúng tôi gọi đến đó một sĩ-quan để đàm phán với vị chỉ-huy Trung-hoa. Những lính chính-qui, trước những sự trình bày này, ngừng các sự di-chuyển ở phía trước nhưng không rút lui khỏi những điểm đã chiếm cứ. Tuy nhiên chúng tôi cũng như đoàn hộ-tống cũng cứ đi đến cửa ải Nam quan ngang qua giữa những lính chính qui Trung-hoa và nhiều cờ-hiệu cắm trên con đường Trung-hoa. Vừa đến nơi, ông Xen-sáp-phờ-ray phản đối trước mặt những đồng nghiệp Trung-quốc về sự xâm-lấn này trên lãnh-thổ chúng tôi và tuyên-bố rằng chúng tôi chỉ có thể đi vào phiên-họp sau khi có sự thu-hồi những lính chính qui về biên-giới thuộc Trung-hoa. Trước tiên, những ủy-hội Trung-hoa kêu nài rằng không hiểu gì về những sự khiếu nại của chúng tôi, rồi sau khi có được những chỉ-dẫn, họ nói rằng tất cả được làm ngoài ý muốn của họ và giới chức quân-sự Trung-hoa không hề báo trước họ điều gì hết. Ngay cả ông Lí kêu nài rằng tất cả bộ máy này phát xuất từ một sự nhiệt thành quá độ của những ông quan võ Trung-hoa muốn mang lại danh-dự cho chúng tôi. Cuối cùng, họ ra lệnh cho lính chính qui trở về trại. Việc không may xem như cho qua và chúng tôi bắt đầu bàn luận công-việc ngay.

Cửa ải Nam quan nằm ở tận đáy của một hẻm núi không sâu, có những ngọn đồi xiên hiểm trở nằm ở phía trên nó chỉ cao từ năm mươi đến sáu mươi mét. Từ lúc có hòa bình, những người Tàu xây nó lại bằng loại đá lớn và nó được nối liền vào những yếu-địa bao quanh ngọn đồi bằng một bức tường có chọc lỗ. Những ủy-viên Trung-hoa giữ một cách tuyệt đối cho cái cửa và bức tường có chọc lỗ sẽ không nằm trên đường biên giới, ít nhất họ muốn có vài mét đất không có trồng trọt nằm phía trước. Chúng tôi đến tại chỗ và vì về phần chúng tôi phải nhượng bộ nhiều mà không ngừng tự-mãn, về sau chúng tôi thỏa thuận rằng biên-giới sẽ theo con suối chạy qua chân những ngọn đồi của cửa ải Nam-quan, cách vào khoảng 150 mét về phía trước của cửa này. Đó là điều mà tôi gọi là phiên họp đầu tiên về định ranh, sáu tháng sau khi chúng tôi khởi hành từ Pháp, ba tháng sau khi chúng tôi đến

Đồng-long.

Ngày hôm sau, những ủy-viên của hai quốc-gia không có chủ-tịch của họ, bắt đầu lên đường về hướng Tây của ải Nam quan, theo sau là những sĩ-quan địa-hình. Hai toán hộ-tổng đi riêng, theo sau chúng tôi là một trung-đội của tuyến 23, một đại-đội tán-binh Việt-nam, khoảng hai mươi kỵ-binh Phi-châu chỉ-huy bởi Trung-úy He-rông (Hairon) và những người phu mang theo lương-thực và hành-lý. Hai ủy-viên Trung-hoa Lý-bình-Xuân và Vương, theo sau có kỹ-sư Li là thông-dịch-viên và ông Ja-mơ Hát (James Hart) là Cố-vấn, được khiêng đi bởi khoảng một trăm lính chính-quĩ ; nhưng những gia-nhân, những người khuân-vác, những thư-ký, những cái ghế và nhiều hành-lý của họ làm cho họ thành một hàng dài đông hơn chúng tôi nhiều.

Đường đi là một đường hẻm thuộc biên-giới mà ít khi người ta có thể đi được hàng hai và cái ghế dùng để khiêng các ủy-viên Trung-hoa tiến về phía trước một cách khó-khăn. Thỉnh thoảng, gần những nơi mà đối với chúng tôi tỏ ra quan-trọng, để thừa nhận trên bản-đồ hay phải mô-tả vào trong một biên-bản, thì chúng tôi phải chờ đợi những đồng-nghiệp Trung-hoa đến, chúng tôi thỏa thuận với họ và chúng tôi lại lên những con ngựa nhỏ đi tiếp để tiến lên hàng đầu của đoàn người. Để cho bên nào cũng có uy-thế đối với dân-chúng, chúng tôi thỏa-thuận rằng, chừng nào mà chúng tôi đi trên lãnh thổ Việt-nam thì phái-đoàn Pháp đi trước phái-đoàn Trung-hoa và khi chúng tôi ở trên lãnh-thổ Trung-hoa thì ngược lại. Vì đường đất khắp-khểnh, thành lập bởi những ngọn đồi phiến-nham, bao phủ bằng đất sét nên cực kỳ trơn-trợt ; vì vậy những chặng đường đi không thể được quá dài trong những điều kiện này.

Tuy nhiên ngày làm việc đầu tiên không có tai nạn nào ngoại trừ con chó của tôi bị mất. Nó là loại ăn thịt được mà người ta thấy bán ở chợ Đồng đăng : vì nó hơi tách rời tôi trên đường đi nên nó phải cung cấp cho một trong những phu-khuân của chúng tôi hay là cho các phu-khuân Trung-hoa một bữa ăn ngon bổ vào buổi tối.

Trong vùng này, những cái làng của người Thổ nằm khá gần nhau giữa cái nọ với cái kia. Chúng tôi xuyên qua ba cái trong ngày. Cây đại-hồi được trồng khắp nơi và

trên sườn đồi ở xung quanh mỗi làng, người ta thấy những rừng cây xinh đẹp. Cái mà làm cho chúng tôi chú-ý nhất đối với một cái vùng có người ở, đó là sự vắng mặt hoàn toàn của chùa chiền và tất cả những đền-thờ có tính cách tôn-giáo, ngoài những ngôi mộ. Những mộ này đặt trong những nơi khá xa làng mạc, được tập-trung trong những bụi rậm khuất kín có nhiều bóng mát của những cây đa lớn, chúng tôi vào đó bằng những con đường hẻm chật hẹp và ở trung tâm là một khoảng trống lớn ; nơi đó có một cái điểm hình dạng như một ngôi chùa, nhưng không có thờ hình tượng. Chúng tôi thấy có dấu vết của lửa và những căn bã của lương-thực, những đồ thừa mà người Thổ đến nơi này để làm sự cúng hiến. Trong ngày chúng tôi để ý thấy có nhiều rừng thiêng loại này. Vào lúc ba giờ, chúng tôi ngừng lại ở làng Chí-nông, cái làng mà một nửa là vắng bóng và chúng tôi trú đóng lại đó với đoàn hộ tổng. Đại-tá Tit-xay-rơ thay thế chủ-tịch của chúng tôi, đã chỉ-định ngôi làng Na-phì giàu hơn không xa chỗ đó là mấy như là doanh-trại cho những ủy-viên Trung-hoa và đoàn hộ-tổng của họ mà chúng tôi phải xem như là những người khách khi chúng tôi còn đi trên lãnh thổ Việt-nam.

Trước khi đêm đến, hai phái đoàn cùng đến cửa Ải-rô Trung-hoa mà họ cùng chung thừa nhận vị-trí. Khi chúng tôi trở lại làng, những người của chúng tôi đã thiết lập doanh-trại. Vì trời tốt, những phu-khuân nghỉ ở phía bên ngoài của những cái lều nhỏ và họ nghỉ đêm dưới ánh sao xung-quanh những ngọn lửa lớn mà họ đốt lên, nói chuyện, cười và ca hát lâu trước khi trời tối và làm cho chúng tôi khó mà có được một giấc ngủ cho thỏa-thích ; sau khi đã cảnh-cáo họ nhiều lần, cho đến khi mà phải nói vì không chịu được nữa, một trong những chúng tôi ngồi dậy và cầm một nắm bụi-nhùi đang cháy trong đồng lửa trại của họ đuổi họ chạy xa cái túp lều tranh mà chúng tôi đang ở và chúng tôi sợ rằng nó có thể bị cháy bất cứ lúc nào do sự bất cẩn của họ.

Sáng hôm sau, chúng tôi họp hội-nghị và chúng tôi thấy rằng mặc dù cách thức tiến hành tại trường-sở, để phải tránh tất cả những sự ngộ nhận ; chúng tôi còn phải chấm dứt những cuộc bàn cãi phù-phiếm và sôi động ; vì vậy chúng tôi bắt đầu lên

đường mà chưa có được sự đồng thuận và chúng tôi theo một con đường hẻm còn khó hơn con đường ngày hôm trước vì thế đất khắp-khẽnh hơn, các ngọn đồi cao hơn và những khoảng đất sâu thì gồm toàn vũng lầy. Những đường mòn, thường thường được trở ra ở sườn đồi bị xoi rãnh do những cơn mưa lũ đầu mùa, thường thì nó chỉ còn lại chiều rộng đủ để cho những con ngựa của chúng tôi đặt một cái chân. Chúng tôi đi chậm-chạp theo hàng dài và khi xứ sở được để lộ ra, đoàn lữ hành này không thiếu lộng lẫy. Những kỵ-binh Phi-châu theo sau chúng tôi với bộ đồng phục màu xanh dương ngời trên những con ngựa á-rập xinh-xắn nổi bật một cách rõ-ràng trên cảnh-sắc vàng lợt, và tiếp theo sau là những tán binh Việt-nam, xa hơn nữa là đoàn người dài gồm những người phu, choàng những cái mền đỏ của họ theo kiểu áo măng-tô, những lính của tuyến 23 làm hậu-vệ, với những chiếc mũ nồi sắt màu trắng, và phía sau, khi nhìn về phía đằng xa hơn, những lính chính qui Trung-hoa mặc áo choàng đỏ hay xanh, có hình mặt trăng lớn màu trắng trên ngực, rồi thì những cái kiệu của những đồng nghiệp Trung-hoa mà nó được dùng cho họ quá ít trong những con đường núi này.

Những con ngựa nhỏ Việt-nam quen với những con đường này và chúng tôi thán phục những con ngựa của những người đi săn làm sao có thể qua được những nơi mà người ta tin rằng chỉ vừa đủ một con dê qua khỏi một cách khó-khăn.

VII

Hội-nghị gần cửa Ai-loa. Ký biên-bản đầu tiên ở Khô-điện.

Ngày 24, chúng tôi đến làng Bát-cát sớm nhờ con đường tốt hơn và chúng tôi ở lại đó. Cách đó 2 km là cửa Ai-loa của Trung-hoa ; những ủy-viên Trung-hoa bảo chúng tôi đưa họ đến tận đó. Họ phải nghỉ đêm ở Trung-hoa nơi một cái làng bên cạnh biên-giới. Rồi từ làng này chúng tôi tiếp tục đi trên một con đường đáng ghét. Chúng tôi đi qua một dòng nước hẹp có vách đá, rồi là những chỗ đất lún sâu nằm dưới chân đồi cao và hiểm-trở mà nơi đó dựng cửa Ai-loa.

Trong lúc đi ngang qua một vũng sinh, con ngựa của ông Ha-ít-xơ lẫn với người kỵ-mã của nó và ông này đứng dậy người phủ đầy bùn đen và nhớt. Tuy nhiên chúng tôi không có thể đi qua mà bỏ ông Ha-ít-xơ ở lại vì chỉ có ông là biết tiếng Trung-hoa.



Signature du premier protocole. — Dessin d'Eug. Burnand, d'après un croquis de l'auteur.

Ký hiệp-nghị thư đầu-tiên.

Hình do ông Burnand vẽ lại, dựa theo một tờ phác-họa của tác-giả.

Tình huống rất tế nhị do việc phải thỏa-thuận về biên-bản đầu tiên về định ranh, và từ 2 ngày chúng tôi bàn cãi mà không có kết-quả về cách thức mà người ta sẽ chỉ định địa-điểm hay nơi-chốn nằm ở cách Cửa ải Nam quan năm chục mét trên con đường đi từ cửa này đến Đồng-dăng, tại cái nơi mà đường này bị cắt bởi một con suối ! Chúng tôi hoàn-toàn thỏa-thuận trên bản-đồ cùng một điểm cần chỉ-định, nhưng các ủy-viên Trung-hoa từ-khước tất cả mọi cách thức mà chúng tôi đề-nghị

để chọn nơi này mà chính họ không muốn đề nghị một cách nào khác. Chúng tôi bắt buộc tự hỏi có phải chúng tôi không bị lừa phỉnh, tất cả thiện-ý của chúng tôi và tất cả những sự mệt nhọc của chúng tôi sẽ dẫn đến để cuối cùng những chữ-ký của các đồng-nghiệp được áp vào một cái biên-bản hợp lý bên cạnh chữ ký của chúng tôi. Vì thế, ngay chưa được rửa mặt, bản thiếu do bùn lầy, ông Ha-ít-xơ bạo dạn này dắt chúng tôi theo lên đến trên cao của ngọn đồi, bị ướt tất cả cho đến dây nịt vì đi qua sông, và ở đó, chúng tôi ngồi trên những cái băng băng gỗ gần cửa, bàn luận ở giữa trời từ bốn giờ chiều cho đến đêm tối. Một cơn gió nồm mạnh thổi qua, chúng tôi lạnh cứng và đói ; những ủy-viên Trung-hoa không đến, họ cung cấp cho chúng tôi cháo nóng nấu bằng hạt sen và cuối cùng vào lúc tám giờ, chúng tôi đạt đến thỏa-thuận về một trong những cách-thức để chỉ-định cái điểm bị tranh-cãi này, cái cách thức mà từ hai ngày có hai mươi lần được đề nghị. Chúng tôi làm ngay một cái bản thảo của biên-bản ; vào buổi tối chúng tôi cho làm hai bản sao bằng tiếng Pháp, họ làm hai bản bằng tiếng Trung-hoa và chúng tôi chia tay lạnh cóng nhưng với lời hứa long trọng là sáng ngày hôm sau sẽ ký những biên-bản.

Trời tối, phải xuống ngọn đồi dốc, lại đi qua những vũng lầy, lội qua sông, và việc này hầu như là không thể nào được, tuy nhiên phải làm việc do cho được vì song-bản của hai cái biên-bản của chúng tôi và những cái bản đồ phải được sẵn-sàng cho buổi sáng trước khi mà những ủy-viên Trung-hoa, mà ông Li và Kỹ-sư Hát đã xác định cho chúng tôi rằng họ đã thỏa-thuận rồi, nên có thể trở lại trên lời nói của họ. May thay, những kỵ binh Phi-châu của chúng tôi không để mất thì giờ : trong khi chúng tôi bàn luận, vài phu-khuân có trang-bị xuống và cuốc giúp đỡ để những bó cây trong những vũng sình, san bằng những dốc hằm của con sông, sửa lại những lối đi nguy-hiểm và đầu rằng đêm tối, những con ngựa nhỏ của chúng tôi đã đưa chúng tôi về trại mà không gặp chướng ngại gì .

Chúng tôi hẹn với các ủy-viên Trung-hoa ở làng Khổ-diện vào ngày mai để trao-đổi những biên-bản. Đó là một công-tác dài để kiểm-chứng bốn biên-bản (hai bằng tiếng Pháp và hai bằng tiếng Trung-hoa) và hai cái bản-đồ, và chúng tôi áp vào đó

những chữ-ký của chúng tôi, và về phần những ủy-viên Trung-hoa, những chữ-ký và dấu ấn của họ.

Nên biết rằng những đồng nghiệp của chúng tôi không thức dậy sớm, chúng tôi chỉ bắt đầu khởi hành vào lúc tám giờ sáng và chúng tôi đến Khổ-diện vào lúc chín giờ dưới mưa dầm. Làng chỉ có bốn hay năm căn nhà mà tối đen bên trong, và những cái phòng bẩn thiếu quá sức nên chúng tôi cho chái mái ra bằng vài tấm tranh cũ được xông khói, mà chúng tôi không ít lo ngại vì những hạt mưa nặng sẽ rơi xuống. Chúng tôi cho đặt những tấm ván để dùng làm chỗ ngồi và những cái bàn dưới nơi ẩn trú không được chuẩn-bị trước này, và các đồng-nghiep chúng tôi vừa ướt, vừa vấy bùn không đến trễ, luôn-luôn hòa nhã, tươi cười và khí-sắc vui-vẻ dù rằng những cái ghế của họ còn nơi những người khiêng. Chúng tôi trao đổi lẫn nhau những biên-bản. Những biên-bản bằng tiếng Trung-hoa được kiểm-chứng một cách tỉ-mỉ do ông Ha-ít-xơ, và những bản bằng tiếng Pháp, với những bản-đồ từ cửa ải Nam quan đến cửa Ải-rô, mà các địa-danh được ghi bằng tiếng Pháp và tiếng Trung-hoa được xem-xét một cách thận-trọng bởi ông Hát và ông Li. Chúng tôi tìm kế để cất dấu những tờ giấy quý báu này, có vết nước bẩn của mồ hôi. Nhưng lỗi hành-văn của một câu tiếng Pháp trong biên-bản có thể đánh thức những tính dị-cảm của kỹ-sư Lí, những ủy-viên Trung-hoa sẽ không ký nếu chúng tôi không thay thành phần của câu mà và lại đối với chúng tôi không có quan-trọng nào. Đại-úy Bu-i-ne, người viết chữ đẹp nhất trong số chúng tôi (ông thư-ký đang ở Đồng-đăng với ông Chủ-tịch) chép lại hai biên-bản bằng tiếng Pháp, và dưới một trận mưa to như trút vào buổi trưa, chúng tôi đạt đến thỏa-thuận phải áp chữ-ký trên những biên-bản đầu tiên có đính kèm những bản-đồ về việc định-ranh Bắc-kỳ. Mỗi phái-đoàn giữ một biên-bản cho mỗi thứ tiếng và một bản đồ thiết lập và vẽ ra bởi những sĩ-quan địa hình của chúng tôi trong đó tất cả tên những nơi mà chúng tôi cùng thấy chung thì được chỉ-định bằng tiếng Pháp và tiếng Trung hoa. Chính đó là một công việc tốt và hữu ích mà nó không nên được coi thường. Thực vậy nó trở thành vĩnh-viễn, đó là một bảo-chứng sau này khi mà chúng tôi đã không ít khó nhọc để làm việc đó mà

chúng tôi thật sự hãnh diện để uống một ly rượu sấm-pan cho thỏa-thích cùng với các đồng-nghiep Trung-hoa mà họ cũng tỏ ra sung-sướng như chúng tôi.

Chúng tôi khởi hành vào lúc tám giờ ngày hai mươi sáu. Đường đi tốt hơn, xứ sở đông dân hơn, vào lúc mười một giờ chúng tôi ngừng lại ở cái làng lớn Côn-năng, tại đó chúng tôi chờ những ủy-viên Trung-hoa, và chúng tôi thỏa thuận một cách dễ-dàng trong biên-bản về việc định ranh giữa những cửa Ải-rô và Ải-loa. Kể từ nơi này chúng tôi xa lần biên-giới, chúng tôi ở dưới chân của một rặng núi lớn mà từ đó nhìn khắp được tất cả vùng và người ta nhận thấy rõ thành-trị Lạng-sơn, ngọn núi Mậu sơn. Núi này hoàn-toàn thuộc lãnh thổ Bắc kỳ mà cũng rất là lý-thú khi thám hiểm, nhưng về phương-diện định ranh thì không có một sự chối cãi nào. Tuy nhiên chúng tôi chưa có thể nghĩ đến việc đi vào đó nhất là vào giai-đoạn này trong năm, với một đoàn hộ-tống đông-đảo .

VIII

Phổ-đăng. Căn nhà. Cuộc hành trình trên lãnh thổ Trung-hoa - Na-thòng.

Để vòng quanh núi Mậu-sơn mà vẫn có thể ở lại trên lãnh thổ Bắc-kỳ, hầu như phải quay trở lại cho đến Lạng-sơn. Vậy nên chúng tôi thỏa thuận đi vòng quanh nó bằng cách đi ngang trên lãnh-thổ Trung-hoa. Vào buổi xế, trong lúc để những người Trung-hoa ở lại Côn-năng, chúng tôi dừng nghỉ trong một ngôi làng đẹp xây bằng gạch và ngói và có những lối đi được lát đá. Đó là làng Phổ-đăng. Ở đó chúng tôi thấy một đoàn vận tải lương-thực từ Lạng-sơn gửi đến dưới sự hướng dẫn của một đại-đội tán-binh Bắc-kỳ và một đại-đội thuộc tiểu-đoàn Phi-châu đến để thay thế những binh-lính của tuyến 23 được triệu hồi về Pháp. Thật là luyến tiếc khi chúng tôi xa đại-đội thuộc tuyến 23, luôn-luôn rất kỷ-luật, rất dũng cảm và rất đứng đắn trong công tác của họ và phải thay những binh-lính mới tuyến vào trong thành phần của nó bằng những người trong tiểu-đoàn Phi-châu mà người ta còn gọi dưới những tên là Thép hay Thần gió.

Vì không có vấn đề gì chối cãi nữa về một cái cửa khá xa hơn và để xác-định đầy đủ đường vạch biên-giới, chúng tôi cho những sĩ-quan địa-hình ra đi, theo sau bởi hai nhà địa-hình Trung-hoa để thừa nhận biên-giới. Thật vậy, những đồng nghiệp của chúng tôi và phía họ gồm khoảng mười hai người trẻ tuổi xuất-thân từ trong những công binh xưởng khác nhau của thiên-đế và họ không thực thụ là những sĩ-quan địa-hình ; chúng tôi phải nói rằng ngoài hai người trong số họ có trải qua một thời gian ở Hoa-kỳ và nói một ít tiếng Anh, những người khác, theo lời của những sĩ-quan địa-hình Pháp có dịp thấy họ làm việc, hình như không biết gì ngay cả đọc một cái bản đồ.

Vậy nên ngày 17 chúng tôi đi một phía và những sĩ-quan địa hình của chúng tôi một phía khác. Chúng tôi đi thẳng vào làng Na-pi-a, không xa cửa Na-kì mấy và từ chỗ này chúng tôi có thể đi vào Trung-hoa. Như tất cả những cái khác mà chúng tôi đã nói đến cho đến bây giờ ngoại trừ Chế-nam-quan, đó chỉ là một cái cửa đơn giản bằng tre nối liền bởi những hàng dậu vào hai mô đất mà từ chỗ này nhìn xuống là một cái eo núi.

Từ hai ngày, chúng tôi cứ đi lên liên-tục và mặc dầu đã cuối mùa, hàn-thử-biểu biến đổi vào ban ngày từ mười một đến mười ba độ. Tập trung ngoài trời gần cửa, chúng tôi kiểm-chứng lại hai biên-bản và những bản đồ đính kèm. Chúng tôi thỏa thuận và đồng ý về mỗi tiếng được dùng và bên nào rút về bên đó, những người Tàu về Trung-hoa và chúng tôi sẽ gặp lại họ vào ngày hôm sau ở làng Na-pi-a. Tất cả những làng này do những người Thổ ở ; ngôn-ngữ của họ bao gồm một số lớn những tiếng Xiêm hay đúng hơn là Lào. Vì thế, không lạ gì mà người ta tìm thấy ở đây những tên làng bắt đầu bằng những tiếng Na, có nghĩa là ruộng ; ở gần Lu-ăng-pờ-ra-bang, ngày xưa trên hữu ngạn sông Cửu-long, chúng tôi qua một loạt những làng có tên Na-lê, Na-pê, Na-la vv...

Ngày 18, dưới cơn mưa dầm, chúng tôi đi vào eo núi Na-kì. Sau cái cửa, đường hẻm trở nên nguy-hiểm hơn, chúng tôi đi xuống rất nhanh trên đất sét trơn-trợt trong lúc giữ cương ngựa và chúng tôi đến làng Na-thông xuyên qua cơn mưa vào lúc mười

giờ ba mươi sáng. Đó là một cái làng nghèo, chỉ có một vài túp nhà tranh nhỏ tồi tàn. Những ủy-viên Trung-hoa đã dựng lều của họ rồi và thấy căn nhà nhỏ quá ít tiện nghi nên cho dựng lên một cái rất rộng và đầy đủ tiện nghi hơn, có những cái sạp bằng tre để dùng cho chúng tôi nằm.

Ngay sau khi đến, chúng tôi họp lại trong cái lều của ông Vương để ký biên-bản thứ hai mà trước đây chúng tôi đã thỏa-thuận trong đó. Ông Vương nhẹ nhõm sung-sướng trong lúc này và đãi chúng tôi một chén xúp rất nóng và rất cay, bao gồm bún gạo, cá và thịt heo xắt thật nhỏ mà có lẽ là do hoàn cảnh mà trong đó chúng tôi dùng, đối với chúng tôi là thượng-hảo-hạng so với tất cả những thực đơn Trung-hoa mà chúng tôi đã nếm thử. Buổi xế thật là đẹp trời. Những ủy-viên Trung-hoa đã báo cho chúng tôi biết rằng chúng tôi có thể đi khắp nơi nào mà chúng tôi muốn mà không trở ngại gì ; và vì phải ở lại trong ngày tại Na-thòng để chờ những sĩ-quan địa-hình, chúng tôi bắt đầu cuộc du-ngoạn lâu ở các vùng lân-cận dưới sự hướng dẫn của một sĩ-quan Trung-hoa.

Núi Mậu-sơn nhô cao lên ở phía Đông-nam như một bức thành có chỏm nhọn, lập thành một vùng biên-giới thiên-nhiên không thể nào chõại cãi được, mà từ chân núi của nó trải dài ra về phía Trung-hoa là một vùng đồng bằng rộng lớn có trồng trọt tốt, rải-rác có nhiều ngôi làng và một con sông nhỏ uốn khúc theo, chảy hầu như song-song với biên-giới về hướng Bắc và đến huyện Ninh-minh-châu của Trung-hoa và từ đó nó là một phụ-lưu chảy vào sông Quảng-châu. Chúng tôi đi ngược theo hướng sông chảy và có ngang qua nhiều chỗ sông cạn lội được trên những hòn đá lớn cho đến một ngôi làng có vài trăm dân. Trước tiên là những người đàn ông rồi đến những người đàn bà già và cuối cùng là tất cả dân chúng ra khỏi làng để đến sát xem những người yêu-tinh lạ-mặt này mà trước đó họ chưa bao giờ thấy. Trong sự hiếu kỳ của họ, không có một oán ghét nào và sau khi mà chúng tôi phân-phát tiền đồng cho những đứa trẻ con, chúng tôi hoàn-toàn ở trong xứ bạn. Dân chúng vùng này khác hẳn những người Thổ : mẫu người Tàu nổi bật, sống mũi tẹt hơn, những gò má lồi ra hơn, gương mặt vuông hơn, những mí mắt xếch ngược.

Những ngôi nhà không được xây trên cột, nhưng sát đất, và gắn cửa vào lòng người ta để ý thấy một ngôi chùa thờ Phật. Ông Ha-ít-xơ không thể nào hiểu được trong lúc dùng tiếng quan-thoại. Tuy nhiên họ không nói tiếng của người Thổ mà là tiếng Quảng châu, hoàn toàn khác tiếng Tàu ở phương Bắc. Khi chúng tôi trở lại doanh-trại, trời hầu như tối hẳn và tám cây kèn của những ủy-viên Trung-hoa vang lên lệnh thu quân gây một tiếng ồn dữ-dội. Ở Đồng-đăng vào buổi tối chúng tôi thường nghe âm thanh của những cây kèn này phát ra từ cửa ải Nam quan, nhưng chúng tôi chưa bao giờ đến sát để tham-dự buổi lễ này. Tám người lính ăn mặc đồng phục chính qui và đeo trên ngực tên của ủy-viên liên-đối sắp hàng dài trước những cái loa kèn rộng kiểu Tàu dựng trước những cái lều của họ. Được trang-bị bằng vô-số dụng-cụ có chiều dài hơn hai mét, giống như là cái tù-và để biểu-hiệu mà người ta gắn vào Ông Thần thanh-danh hay là những cái mà các nghệ-sĩ gắn vào các thiên-thần lúc phán xét cuối cùng. Những loa kèn của khí-cụ, khi thì đưa lên không hướng về phía mặt trời lặn hay hạ thấp xuống phía mặt đất ; chúng nó thổi ra những tấu khúc lạ lùng rất cùng nhịp mà từ xa nghe rất rõ, liên-hồi trầm bổng.

Đêm đầu tiên của chúng tôi ở Trung-hoa dưới căn lều mà Ông Vương ra lệnh căng ra cho chúng tôi không có gì đáng tiếc và vào lúc mờ sáng chúng tôi bị đánh bật thức dậy vì tiếng kêu inh-ỏi của những cây kèn chào mừng mặt trời mọc. Vào buổi sáng ngày 29, những sĩ-quan địa-hình của chúng tôi đến nơi dưới một cơn mưa như thác đổ. Họ đã hiệp-đồng với các nhà địa hình Trung-hoa để kiểm chứng cái điểm phải xác định, nhưng họ đã thấy rằng không tìm được nơi trú-ẩn trong đêm nên hồi hải đi đến đây một cách mệt lả. Cái lều của chúng tôi rồi đây sẽ không có thể bảo-vệ chúng tôi được nữa. Mưa rơi xối-xả và thực như một cơn thác đổ ào xuống trên cái giường và trôi sạch tất cả hành-lý của chúng tôi.

Vào buổi trưa, mặt trời ló ra và sau cùng chúng tôi có thể nấu ăn. Chúng tôi ăn trưa với những sĩ-quan địa-hình và những sĩ-quan hộ-tổng, sau đó vào lúc một giờ, chúng tôi lên đường mà vẫn không quên để Trung-úy kỵ-binh He-i-rông (Hairon) chụp hình căn trại Na-thông và những ủy-viên Trung-hoa. Đại-tá Tít-xe-rơ thúc-dục

khởi hành đầu rằng có những người mới đến trong ngày rất mệt mỏi. Thực vậy làng Na-thòng quá nhỏ ; để tìm một nơi trú-ẩn tránh mưa, lính chúng tôi và những chính-quí Trung-hoa, rồi những phu khuân người Tàu và các phu-khuân Việt-nam của chúng tôi lẫn-lộn với nhau, người này lẫn đụng người kia, và phải cẩn-thận lắm mới có thể chấm dứt sớm cái tình trạng đó.



La retraite. — Dessin d'Eug. Burnand, d'après un croquis de l'auteur.

Thối kèn lòi quân.

Hình do ông Burnand vẽ lại, dựa theo một tờ phác-họa của tác-giả.

Buổi xế thật tuyệt-diêu. Chúng tôi xuyên qua đồng bằng bằng một con đường đẹp

để trong một giờ rưỡi trong lúc dọc theo núi Mậu-sơn, đi qua gần một khe nước mà nó chảy đổ thành thác từ trên đỉnh của một cái núi ngang của Mậu-sơn, có chiều cao hơn năm mươi mét và chúng tôi ra khỏi nước Trung-hoa vào lúc hai giờ ba mươi bằng cửa Chi-ma nằm trong một cái eo trên cao khoảng sáu chục mét so với đồng bằng này.

IX

Cửa ải Chí-mã - Phai-san. Vi-van-Li. Những người Mán. Trở về Đồng đẳng.

Gần cửa ải này, có con đường dẫn thông-thương đến An-châu, Tiên-yến và Lạng sơn đến Chế-ninh-châu chúng tôi bằng qua một yếu-địa và hằng trăm lính chính qui Trung-hoa có vũ khí đến sắp hàng ở mỗi phía của con đường để chào đón chúng tôi. Chúng tôi biết rằng Tổng-đốc Quảng-tây, Lý-bình-Hưng, không hướng dẫn chúng tôi ở biên-giới, đã đến Chí-ma hôm trước trong lúc đi ngang qua Se-ning-châu Vị Tổng-đốc này là thành-phần của ủy-hội định ranh, phải ký những biên-bản và chúng tôi sợ rằng ông ấy bắt chúng tôi đợi trong nhiều ngày trước khi ông ấy có mặt.

Ngôi làng Việt-nam Phái-sầm ở cách cửa Chí-ma khoảng một cây-số rưỡi ; chúng tôi phải ở lại đó để chờ những ủy-viên Trung-hoa có thể bắt kịp được vì họ sẽ đến yếu-địa Chí-ma trong cùng ngày và ở lại đó. Gần cửa làng, một ông già Việt-nam là chánh-tổng có một ảnh-hưởng lớn trong vùng, ông già Vi-văn-Lí tiến đến gần chúng tôi dẫn theo sau khoảng hai mươi lính khố xanh trang-bị thô-sơ và đi đầu là cờ-hiệu bảo-hộ màu vàng có hình du-thuyền Pháp. Dân cư của Phái-sầm đa phần là người Thổ, chúng tôi hỏi họ tin-tức về dân-chúng ở Mậu-sơn và thể theo lời mời của ông Vi-văn-Lí, họ dẫn đến chúng tôi một người thượng du thuộc những làng này và ông này hứa rằng ngày mai ông sẽ trở lại với vài người đàn ông và vài người đàn bà trong làng. Phần còn lại trong ngày chúng tôi dùng để săn-sóc một số khá đông bệnh-nhân trong đoàn hộ-tống chúng tôi. Những binh-lính của tiểu-đoàn Phi-châu đã mệt-mỏi vì một thời gian đồn-trú ở Bắc-kỳ và phải nói đúng rằng vì chế-đô kỷ-

luật nghiêm-khắc mà họ buộc phải chấp nhận đã làm tăng thêm sự cực nhọc. Trong chạng cuối cùng, nhiều người bị nhiễm phải cơn ác tính khá trầm trọng và một trong số họ chết trong đêm. Người ta cho biết rằng những người khốn khổ này chiến đấu rất giỏi, hầu hết đến từ nhà tù trung-ương hay những nhà giam cải-hối, nhưng trong chiến-dịch họ không chiến đấu hằng ngày và mỗi ngày họ phải đi bộ mệt nhọc, canh gác và chấp-hành, và vì rằng với một kỹ-luật thép thường không ăn-khớp với những qui-định vệ-sinh, nên người ta không có thể nào thu được tất cả những điều đó nơi những người hèn mọn này.

Ngày 30 tháng 3, những ủy-viên Trung-hoa mà chúng tôi để lại ở Na-thòng báo trước cho chúng tôi biết là họ đã đến cửa Chí-mã. Ông Hát và kỹ-sư Li đến với chúng tôi để chuẩn-bị biên-bản và trong buổi xế, dưới cơn mưa dầm, các ông Ha-ít-xơ và Nê trở lại cửa Chí-mã để cùng với người Trung-hoa kiểm chứng sự chính-xác và sự phù-hợp của những biên-bản và những bản-đồ mà chúng tôi sẽ ký ngày mai. Trong lúc trở lại Phái-sâm, mưa đã dứt và ông Vi-văn-Lí dẫn đến chúng tôi vài người Mán ở Mậu-sơn có một người đàn bà theo sau.

Những người thượng du này thừa nhận thẩm quyền của người Việt-nam, có tầm vóc nhỏ, đàn bà chỉ có một mét bốn mươi, mạnh-mẽ, bắp chân của họ nở ra, vai rộng, khuôn mặt giống người Thổ nhưng sống mũi gồ hơn và màu da sáng hơn. Cũng như người Thổ, họ ở trong những cái nhà sàn nhưng luôn-luôn làm ở bên trong những rặng núi lớn. Người ta chỉ có thể đến nơi họ ở bằng những con đường hẻm rất hiểm-trở ; vì thế họ không có ngựa, cũng không có trâu ; họ mang những vật nặng trong những cái gùi tương-tự như những cái của tất cả các người thượng đông-dương, nghĩa là giữ trên lưng bằng hai sợi dây chằng qua trên vai và một sợi thứ ba chằng qua trán giống như cái băng vải. Họ ăn mặc ấm-áp và sạch-sẽ, một quần âu bằng vải sợi màu xanh, viền ở dưới lai một cái băng vải có thêu màu đỏ và màu vàng, có hình vẽ khá đặc sắc, và một cái áo ngắn vuông xung-quanh có thêu tương-tự ; tóc họ cuộn lại trên đỉnh đầu, được giữ lại bằng một cái khăn quấn màu xanh có cùng một cách viền. Người đàn bà, tuổi khoảng bốn mươi, đội một cái mũ có hình chữ

nhặt bằng vải thô màu xanh mà bốn phía thả thòng xuống bằng những băng dài bằng vải màu trắng. Cái áo dài được cột chéo phía đằng trước, được làm như một cái yếm lớn, có thêu màu đỏ và màu bạc, có viền chung quanh, và để lộ ra một cái yếm tương-tự như cái của những người đàn bà Việt-nam mặc. Tiếng nói của họ tỏ ra không có một tương-quan nào với tiếng nói của người Thổ. Người Việt-nam và người Tàu chỉ hiểu nó một cách tổng-quát.

Một người đàn ông trẻ tuổi thông-minh gốc Thổ, biết hầu như tất cả các thổ-ngữ ở biên-giới đến gặp chúng tôi để làm người dẫn đường và thông-dịch, là những công-việc lớn nhất trong phần này của cuộc hành-trình. Trước khi chúng tôi đến, ông ấy là đội-trạm cho chính-phủ Việt-nam trên vùng này của biên-giới và với tư-cách này ông chịu trách nhiệm những cái trạm (người mang tin khẩn cấp) đối với nhà cầm quyền Việt-nam trong sự quan-hệ với nước Trung-hoa ; sau này, trên vùng biên-giới Vân-nam, chúng tôi thấy nó cũng bao gồm hầu-hết là thổ-ngữ của người Mường, mà nó chỉ là thổ âm bắt nguồn từ tiếng Xiêm, cũng như tiếng Lào.

Ngày 31, chúng tôi đến cửa ải Chí-ma để ký những biên-bản và những bản đồ từ ải Na-kì đến ải Chí-mã mà không có quá nhiều khó-khăn. Chính Tổng-đốc Quảng-tây ký vào và áp dấu-trịên của ông trên những biên-bản của ba khu vực mà chúng tôi thiết lập và đã ký trên đường đi ; nhưng mà ông ấy tỏ ra không hài lòng nhiều về công-tác này, ông ấy ký với một sự miễn-cưỡng cũng như các đồng-nghiep của ông, ông Vương và ông Lí-bình-Xuân ; họ còn nghĩ rằng chúng tôi có bốn phạm phải xin lỗi ông ấy sau khi ông rút lui và ngay cả không chào chúng tôi, trong lúc họ giải thích với chúng tôi rằng ông Lí-bình Hưng chưa bao giờ có quan-hệ với các người Âu-châu và chính sự không hiểu biết về thói quen của chúng tôi nên chúng tôi phải tiếp nhận những cách đối xử lạ-lùng này chứ không phải là có ý-định xúc-phạm chúng tôi.

Từ Chí-ma đến Đồng đăng và ải Nam quan, mà tại đây chúng tôi phải trở lại để tìm hai vị chủ-tịch và tiếp-tục việc thừa nhận biên-giới về hướng Đông-Bắc, đường đi ngắn hơn và dễ đi được hơn bằng cách xuyên qua Lạng-sơn hơn là qua Chế-linh-

châu. Vì thế, trong khi mà chúng tôi là khách của họ, chúng tôi để cho những ủy-viên Trung-hoa đi với chúng tôi bằng con đường này và họ chấp nhận với nhiều sự hài lòng. Nhưng trong lúc đi, họ báo cho chúng tôi biết rằng họ không thể nào tiếp nhận sự cung hiến cưỡng bách của chúng tôi được và chúng tôi xem như sự từ khước này được gọi ra bởi ông Tổng-đốc Quảng-tây, mà trước đó không lâu ông đến để từ khước không cho Trưởng phái-đoàn Pháp giấy phép đến Long-châu.

Long-châu, ở phía tả ngạn của nhánh sông Lí-cùng hợp lưu với sông Kỳ-cùng là sông chảy qua Lạng-sơn và Cao-bắc, đã dùng trong thời -kỳ chiến-tranh như là tổng-kho và là căn-cứ hành quân cho quân-đội Trung-hoa ở Quảng-tây. Do vị-trí của nó, thành phố này được dùng để trở thành một trong những cửa ngõ cho việc thương-mại giữa Trung-hoa và Bắc-kỳ ; vì vậy có lợi để thăm viếng nó, biết vị-trí của nó, những tài nguyên của nó và tính cách dễ dàng để thông-thương với Trung-hoa. Tổng-đốc Quảng tây lấy cớ rằng chừng nào mà sự định ranh chưa được làm xong thì ông không thể nào cho phép một người Pháp qua nước Trung-hoa bằng đường bộ, dầu đó là một nhân-viên của ủy-hội định ranh. Vì vậy tôi phải từ-bỏ dự-trù của tôi về việc du-lịch.

Trong hai ngày đi bộ ngắn, chúng tôi trên đường trở về Lạng-sơn vòng qua ngả phía núi ngang phía Tây-nam Mậu-sơn mà dưới chân của nó sông Kỳ-cùng chảy qua. Đường đi, ngoài tình trạng khá tốt, được khai phá kỹ theo dốc núi, một phần rất lớn của đường đi dựng xiên theo con sông ; thung-lũng càng mở rộng khi chúng tôi tiến đến Lạng-sơn ; những làng mạc chen-chúc và rất đông dân do người Việt-nam ở, người Thổ chiếm thiểu-số, và người ta bắt gặp những ngôi chùa thờ Phật mà một số được xây khá kỹ-lưỡng.

Ở Lạng-sơn chúng tôi gặp lại ông chủ-tịch phái-đoàn mà ông ấy đến từ Đồng-đăng trước chúng tôi và mặt khác đã chuẩn-bị khá cẩn-thận để chào mừng sự thành-công của chúng tôi ; sự bất động ngoài ý muốn trong những ngày này làm ông ấy rất mệt nhọc và ông hứa rõ từ rày về sau đi theo chúng tôi trong việc thừa nhận biên-giới. Từ ba tháng nay, Lạng-sơn được tái chiếm lại và bộ mặt thành phố đã hoàn-toàn

thay đổi. Đại-tá Cơ-rê-ten (Cretin) từ Hà-nội đến để đồn-trú ở Lạng-sơn. Những đồ nát đã được dọn-dẹp, phía trong kinh-thành đã được dọn cỏ và bây giờ thì các toán quân chiếm những nơi ở thích nghi hơn. Những vườn rau được trồng từ lúc mới đến có kết quả rất tốt và dọc theo bức tường dài phía Tây của Kinh-thành, trong một nơi mà chưa hề có sự đổ nát và cỏ rác bao phủ lên, quang cảnh rất yên-tĩnh lạc-thú khi nhìn ra một cánh đồng rộng trồng lúa kiều-mạch cho thấy có nhiều hy-vọng tuyệt hảo. Đó là một sự trồng thử nhưng không phải là không quan-trọng, vì chất đất và nhiệt-độ thấp trong vùng trong ba hay bốn tháng trong một năm có thể mang lại triển-vọng cho việc trồng ngũ-cốc nhiều thành-quả tốt.

Tuy rằng có sự tiếp đón tử-tế mà người ta dành cho chúng tôi ở Lạng-sơn, chúng tôi lại khởi hành vào buổi sáng hôm sau và ngày 2 tháng 4 chúng tôi đi đến Đồng đăng và lại chúng tôi không được lưu lại lâu ở đó. Những ủy-viên Trung-hoa phải đi một con đường dài hơn chúng tôi nhiều, đến cửa ải Nam quan vào ngày 5, và thỏa-thuận rằng kể từ ngày 7 sẽ lại lên đường để thừa nhận biên-giới phía Tây Bắc, từ cửa ải Nam-quan cho đến điểm mà sông Kỳ-cùng (sông Lạng-sơn) chảy qua Trung-hoa. Nhiệt độ lên cao, mưa bắt đầu trở thành không ngớt nên không được để mất thì-giờ.

X

Định ranh những vùng phụ cận cửa ải Nam-quan. Lên đường đi đến Binai. Phiamet.

Chúng tôi, trong hai mươi lần hoặc hơn, một mình hay có cùng đồng bạn là ông Ba-lăng-xa, nhà thực-vật-học, hay đồng nghiệp chúng tôi là Đại-úy Bu-i-ne, đi theo rặng núi đá vôi nằm ở phía Tây-Bắc cửa ải Nam-quan mà chúng tôi biết rõ nó tận tất cả những đường hẻm, dẫn đến một loạt những thung-lũng tròn mà mới nhìn hình như không tìm ra manh mối được : nhưng vào buổi sáng ngày 7, khi phải đi qua những ngọn đồi này cùng với những ủy-viên Trung-hoa để xác định đường biên-giới không phải là một việc dễ dàng. Những cái ghế công-kênh của các đồng-nghiep chúng tôi không thể nào qua được những đường hẻm núi này. Họ bắt buộc phải vòng quanh,

rồi họ phải rất chăm-chú để phải tìm cho được một cái làng do ông Tri-châu (ông Châu) của Bình-thăng báo ; ngôi làng bị phá hủy từ lâu mà người ta không thể nào chỉ cho chúng tôi được chỗ của nó. Khởi hành từ Đồng-đăng lúc sáu giờ sáng, tất cả chúng tôi gặp nhau vào lúc hai giờ trên đường Thất-khê, cách điểm khởi hành chưa được tám cây-số, gần cửa Kì-đà. Hàn-thủ-biểu chỉ hai mươi tám độ trong bóng mát và chúng tôi bị bắt buộc đi bộ ba phần tư đoạn đường. Cửa Kì-đà, chỉ là một cái cánh cổng bằng tre, đặt trong một cái eo hẹp, ở cách con đường từ Đồng-đăng đến Thất-khê khoảng năm trăm mét. Sau khi thừa nhận nó, chúng tôi về đến Đồng-đăng và cảm thấy đói ; ở đây chúng tôi giữ những ủy-viên Trung-hoa ăn trưa với chúng tôi.

Hôm sau, ngày 8, chúng tôi lại khởi hành, lần này có ông chủ-tịch chúng tôi đi theo. Ông ấy thích đi theo biên-giới cho đến Bình-hi hơn là đến đó một cách trực tiếp theo con đường ngắn nhất như ông Trịnh, chủ-tịch ủy-hội Trung-hoa đã làm.

Một nghi-vấn chắc-chắn là quan-trọng phải được giải quyết trong lộ-trình này : Nhiều lần, những dân của bốn làng người Việt đến gần chúng tôi để kêu nài, báo cho chúng tôi rằng ông quan ở Bình-chương đã di-chuyển cửa Bô-chài đến nổi mà bốn ngôi làng của họ, ngược lại tất cả quyền lợi, bị ghép vào Trung-hoa. Vì vậy nên chúng tôi đã thỏa thuận rằng những sĩ-quan địa-hình của hai phái-đoàn đi vòng quanh rặng núi đá vôi thành lập biên-giới về phía Bắc-kỳ, trong khi mà những ủy-viên đi qua ngã Trung-hoa và đến trực tiếp cửa ải Ba-câu mà những ông quan ở Bình chương xác-định cho chúng tôi rằng không cách cửa ải Trung-hoa quá hai mươi cây-số.

Vậy nên chúng tôi ra đi với một ít hộ-tống, để đoàn vận tải của chúng tôi cùng những hành lý đi theo đường Thất-khê và hẹn gặp Đại-úy Kê-nét-tô (Quénette) chỉ-huy toán đặc-nhiệm ở làng Bản-tao, mà người ta xác nhận cho chúng tôi rằng nó phải ở rất gần cửa ải Ba câu.

Phần đầu tiên trong ngày rất dễ chịu. Thời tiết tốt, con đường hầu như là xử-dụng được ; dân chúng khá đông-đúc ở gần cửa ải Trung-hoa, tò mò chạy đến trên

đường đi của chúng tôi .Chúng tôi đi qua không xa làng Bản-bô ; nó là sân-khẩu của những trận đánh dai-dẳng mà Trung-úy Nót-măng (Nomand) và nhiều đồng hương của chúng tôi đã ngã ở đó. Theo lời đề nghị của Đại-tá Tít-xe-rơ, đồng nghiệp Trung-hoa Lí-hưng-Giang trước đó không lâu, cho gom lại những thi-thể của của khoảng mười người Pháp chết trong trận giao tranh này và mai táng cho họ tử-tế, nhưng chúng tôi không thể thăm nơi này vì ở quá xa con đường của chúng tôi. Vào buổi trưa, chúng tôi dừng lại để ăn trong một thửa ruộng lớn, trên bờ một dòng nước ; theo sự ước tính thì chúng tôi không ở xa Bản-tảo mấy và hiển nhiên là Ba câu, nhưng không một ai trong chúng tôi biết vùng này, và trong lúc không có sĩ-quan địa-hình, chúng tôi bắt buộc tin theo người dẫn đường do ông quan Bình-chương dẫn đến. Sự thật chúng tôi ở cách Bản-tảo vài phút và bốn ngôi làng mà chúng tôi muốn dùng làm cơ-sở các sự khiếu nại thì còn quá xa Ba câu ; chúng tôi tưởng rằng vẫn còn ở Trung-hoa nhưng thật sự chúng tôi đã ở Bắc-kỳ. Ông quan Bình-chương dẫn các đồng-nghiep của tôi là ông Lí và ông Vương và đã không để cho họ thảo-luận với tôi và chúng tôi bắt buộc tiếp-tục lộ trình theo hướng của người dẫn đường Trung-hoa.

Đường hẻm thì chật và nguy-hiểm,ngay trong thời gian bình thường đã thấy khó đi lại. Chúng tôi đi theo nó nhưng trong lúc này một cơn mưa bụi dày bắt đầu rơi suốt buổi chiều làm cho chuyển đi của chúng tôi khó-khăn hơn. Dầu rằng khéo léo mấy, những con ngựa của chúng tôi vẫn trượt trên đất sét ẩm ướt hay sa vào các vũng bùn trong ruộng và có lúc một trong chúng tôi lặn vào vũng bùn với con ngựa của nó. Những kiêu té này thường ít nguy-hiểm nhưng sau vài giờ từ chân đến đầu đều bao phủ bùn. Đêm gần đến mà chúng tôi cũng chưa đến được Ba câu. Vào buổi tối hôm đó chúng tôi bắt đầu sợ phải bỏ lại hành lý của chúng tôi và số người còn lại của đoàn hộ tống. Cuối cùng chúng tôi gặp lại những đồng-nghiep Trung-hoa Vương và Lí của chúng tôi gần lũy Keocho mà họ cũng lằm lằm như chúng tôi vì ông quan Bình-chương về khoảng cách phải đi và tạ lỗi với chúng tôi, chuyển đi của họ cũng nguy-hiểm như của chúng tôi và họ cũng không ít vấy bùn. Họ mời chúng tôi đi qua

Trung-hoa để nghỉ đêm nơi làng Pioko cách đồn Keochô vài cây số, nhưng chúng tôi muốn xa đoàn hộ-tổng và hành lý của chúng tôi ít nhất có thể được mà chúng tôi luôn luôn hy-vọng sẽ thấy nó đến và chúng tôi nghỉ lại trên đỉnh cao của ngôi làng nghèo nàn Phiamet. Đó là một cái làng nhỏ của người Thổ bao gồm vài căn lều lợp sơ-sài bằng tranh ; chúng tôi chỉ có thể tìm thấy gạo ở đó, những con gà giò và nước rất ít uống được. Người đàn bà già trong lều chúng tôi ở nấu cho chúng tôi món ăn ngon nhất kiểu Việt nam mà chúng tôi không hề thấy sung sướng, vì tất cả chúng tôi đã bị nhiễm độc, hoặc nhiều hoặc ít bởi sự bốc hơi của những vũng sinh lầy mà chúng tôi đã lội vào đó trong ngày. Không thể nào thay quần áo được, chúng tôi nhúm lên một ngọn lửa lớn ở giữa nhà, và quây quần xung-quanh để sưởi quần áo ; người nào cũng toan ngủ trên rạ vì không có mền nên không ngủ được gì và nhiều người trong chúng tôi bị sốt và ói mửa đến mặt xanh.

Vào buổi tối, chúng tôi thấy ông kỹ-sư Lí đến với vài người lính Trung-hoa, đem đến cho chúng tôi lương-thực do các đồng-nghiep ngoại quốc chúng tôi dành cho, khi họ biết rằng chúng tôi đã không nhận được hành lý ; ngoài ra một lần nữa họ biểu lộ những sự hối-tiếc và những lời xin lỗi. Để mang lại lương thực cho chúng tôi, Kỹ-sư Lí đã đi nhiều cây-số trên sông trong đêm tối và thời tiết xấu và chúng đến trễ quá nên cũng không mấy lợi ích cho chúng tôi, tuy nhiên trừ ra vài chai rượu sâm-pan là tỏ ra đem lại sinh-lực nhiều cho những bệnh nhân của chúng tôi.

Hôm sau, ngày 9 tháng 4, phải lưu lại ở Phi-a-mét để chờ đợi đoàn hộ tổng chúng tôi cũng như hành lý ; trong đêm chúng tôi cho một dân làng đi gặp Đại-úy Kê-nét-tơ (Quénette) để báo cho ông ấy đến gặp chúng tôi. Những người khiêng đến trong buổi sáng nhưng họ đều mệt nhừ và chúng tôi không nghĩ đến việc bắt họ đi một đoạn khác nữa trong ngày. Những ủy-viên Pháp lợi dụng sự lưu lại này để và phỏng vấn ông Tri-phủ Na-thông tại thủ-phủ của bốn ngôi làng bị tranh chấp sau khi bắt ông ấy trình diện, và ông này trưng bằng chứng đích xác về quốc-tịch Việt nam của làng họ, vì thế chúng tôi yêu cầu ông ấy đưa chúng tôi đến Bình-nhi, tại đây chúng tôi phải thảo vĩnh-viễn và ký vào biên-bản định ranh vùng này.

Ngày 10 chúng tôi chỉ đi khoảng mười cây số, ngang qua một đồng bằng khô ráo, rải-rác có những tảng đá vôi như xung quanh vùng Lạng-sơn và ở tận sâu của nó người ta thấy mái của những ngôi chùa của thành-phố Bình-chương. Đồng bằng này hoàn toàn được trồng trọt và người ta thấy ở đó những cánh đồng rộng có trồng lúa kiều mạch, mà hoa đã nở vào thời kỳ này trong năm, lại nữa cây nhỏ, thưa hạt nên chúng tôi sẽ không có kết quả nào tốt trong mùa gặt. Trong buổi xế, chúng tôi gặp đồng nghiệp Trung-hoa chúng tôi ở Bản-quyên và đưa đến trước mặt họ ông tri-phủ Na-thông và ông quan Bình-chương muốn dọa nạt ông này nên không trả lời bằng một luận cứ nghiêm-túc nào cả. Những ủy-hội-viên Trung-hoa thỏa-thuận với chúng tôi một cách khá dễ dàng rằng cửa Bồ-chài đã bị xê-dịch không đúng cách và bốn ngôi làng bị tranh chấp đang và phải thuộc về Việt nam. Trên suốt phần còn lại của lộ-trình, những nhà địa hình Trung-hoa đi theo các sĩ-quan địa-hình của chúng tôi vì sự thỏa thuận này chỉ xem như là điều phải làm mà không có khó khăn gì khi mà chúng tôi đã ký ở Bình-hi những biên-bản và những bản-đồ. Trong buổi xế, chúng tôi qua Việt-nam để những người Trung-hoa ở lại Bản-quyên, và chúng tôi ở lại đêm trong làng Náp-pa.

XI

Bình-nhi. Con sông Kì-cùng. Ký những biên-bản vĩnh-viễn. Trở về Hà-nội.

Trong làng này, chúng tôi tiếp nhận những tin-tức báo động từ Lạng-sơn và Đồng-đăng rằng có một đảng cướp lớn ló dạng trên đường Thất-khê mà bằng đường này chúng tôi tính trở lại và cắt ngang đường đi chúng tôi về phía này. Toán hộ-tổng chúng tôi quá ít và những đồn Thất-khê và Đồng-đăng cũng quá yếu để cung-ứng nên không thể nào trong lúc này phát-động một cuộc tấn công nghiêm-chỉnh. Đại-tá Cơ-rê-ten báo chúng tôi rút về Đồng-đăng sớm nhất có thể được bằng con đường mà chúng tôi vừa đi theo. Đối với chúng tôi không thể nào theo đúng ý-kiến này được vì trước hết phải trở về Bình-nhi và tại đây Chủ-tịch của phái-đoàn Trung-hoa,

ông Teng, phải chờ chúng tôi để áp chữ-ký trên những bản đồ và những biên-bản. Ngày 11 chúng tôi lên đường từ rặng đông. Chặng đường dài và khó nhọc trong những đường hẻm lún sâu này ; chúng tôi lộ ra trên cao khi đi qua nhiều cửa và thành-lũy của Tàu, và buổi xế chúng tôi đến làng người Tàu Bình-nhi trên hữu ngạn sông Kì-cùng. Chúng tôi thấy sông này chỉ vừa mới lưu thông được ở Lạng-sơn cho những chiếc thuyền độc mộc nhưng tỏ ra quá lớn đối với nó với những chiếc bè bằng tre : nó có một chiều rộng khoảng sáu mươi mét và có thể chở những chiếc sòng có tầm vóc trung-bình. Dòng nước chảy nhanh và bằng đường này, chỉ chưa được một ngày cũng có thể đến Long-châu, nơi mà cánh sông này hợp lại với sông Cao-bằng để lập thành con sông bên trái, là một nhánh của sông Tây-giang mà người ta còn gọi là sông Quảng-châu. Một cái đập nước mà bây giờ tình trạng đã quá cũ ngăn cản một ít sự lưu-thông trong lúc đi lên Bản-nị. Những cái làng này ở về phía Trung-hoa, một lần nữa chúng tôi là khách của các đồng-nghiep. Họ tiếp đón chúng tôi trong cách tốt nhất của họ, để chúng tôi ở trong một căn lều bằng tre phủ lên một lớp vải tăng, mà họ đã cho xây theo ý muốn của chúng tôi ; đoàn hộ tống chúng tôi căng trại trong một thửa ruộng khô gần lối vào làng và hai lính chính qui Trung-hoa đứng ở ngay cửa để chào đón chúng tôi.

Trước mặt Bình-nhi, trên bờ tả ngạn sông Kì-cùng bao bọc bởi những ngọn đồi nhô cao, bao quanh là một loạt những thành lũy hay nói đúng hơn là những yếu địa mà phía trước có những cái tháp vuông nhỏ quét vôi và nằm lưng chừng trên độ cao của sườn núi. Những yếu địa này bảo vệ con đường Long-châu.

Ở đây mùa mưa quả nhiên đã bắt đầu và trong đêm mười một mưa to thật như là một cơn đại hồng thủy. Những tấm vải tăng phủ chụp lên cái mái tre bị tước ngang rất nhanh và sau đó không còn một nơi nào nữa trong lều mà không có mưa xối-xả như là bên ngoài. Bị đánh bật dậy vì nước lạnh xối lên, chúng tôi phải tiếp nhận một cách trầm ngâm im lặng khi bị lạnh run, ngồi chồm hồm và quần mền ướt cho đến cơn mưa rào buổi sáng. Những người của chúng tôi, dựng lều trong ruộng, còn chịu nhiều hơn chúng tôi nữa, một số khá đông những người bị bệnh và ngay sáng hôm

sau một tán-binh Việt-nam chết vì hư cả hai cuống phổi. Những đồng bạn của ông không muốn để xác ông trên đất Trung-hoa và họ đã an-táng ông trên đất Việt-nam cách đó vài cây số.



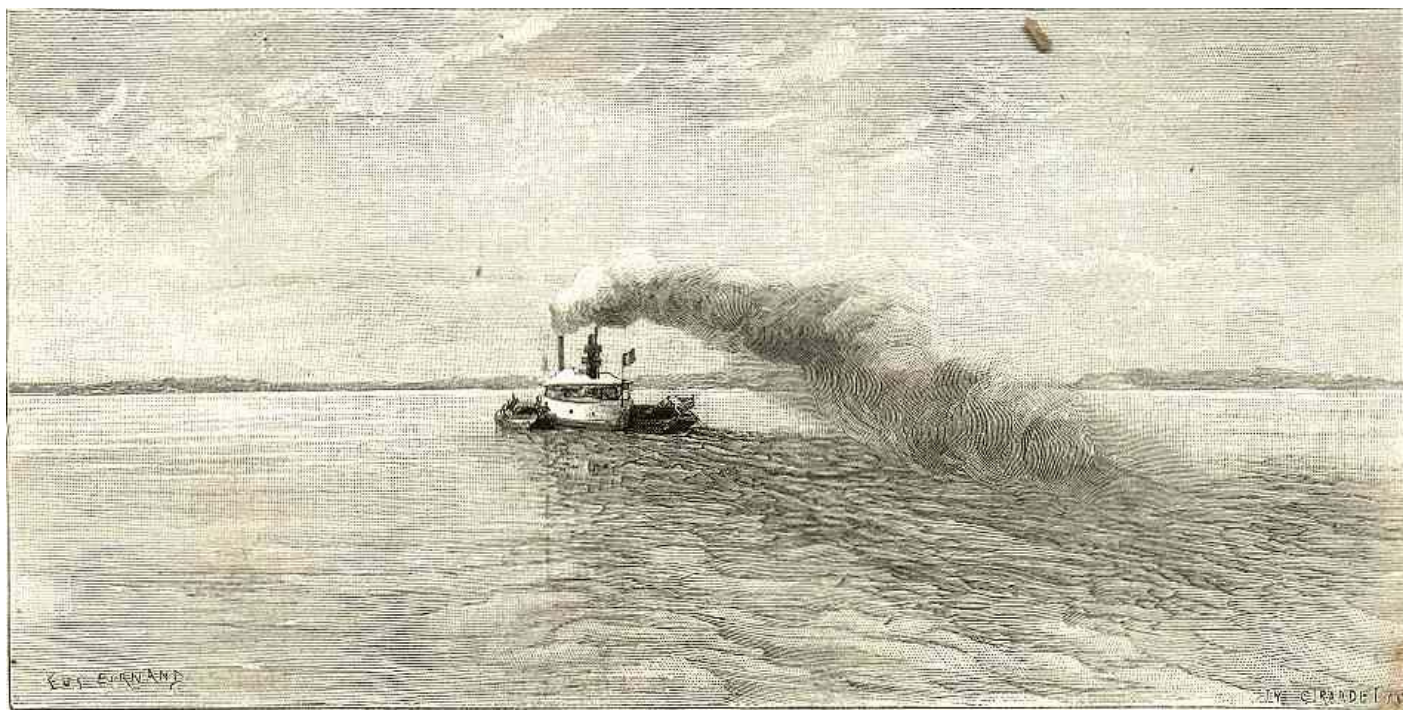
Fort de Binhhi. — Dessin d'Eug. Burnand, d'après une photographie de l'auteur.

Đồn Bình-Nhi.

Hình do ông Burnand vẽ lại, dựa theo một tấm ảnh của tác-giả chụp.

Suốt ngày mười hai dùng để thiết-lập biên-bản, để bàn cãi về những danh-từ và các ông Ha-ít-xơ, Hát và Kỹ-sư Lí kiểm chứng tỉ-mỉ những bản dịch. Ông Thanh đã đến và chúng tôi hy-vọng có thể ký lập tức, nhưng vào lúc làm xong nó và áp chữ ký vào, những ủy-viên Trung-hoa đưa ra một số những khó-khăn về chi-tiết : chúng tôi phải dời sự kết-luận vào ngày mai và còn có lúc chúng tôi sợ có thể không dẫn đến một kết quả nào đâu rằng có những cố gắng của chúng tôi. Tuy nhiên phải vội vã vì thì giờ là quý báu, đoàn quân chúng tôi đã không thể tiếp nhận đoàn vận tải lương-thực từ Thất-khê mà chúng tôi chờ đợi và thức ăn dự trữ cũng gần hết. Mỗi ngày sự nguy hiểm tăng thêm khi thấy rằng sự triệt thoái về Đồng đăng bị cắt đứt do bọn cướp và tình trạng vệ-sinh của toán người chúng tôi càng ngày càng trở nên xấu. Chính tôi bị mắc đảm mật và phụ trách việc thăm viếng các bệnh nhân của chúng tôi

dưới lều của họ hay ngay cả khi họ nằm dài trong bùn, dưới bóng lá rợp. Trong thời gian chúng tôi lưu lại ở Bình-nhi tôi phải thú nhận là tôi phụ-trách về y-khoa nhiều hơn là sự bàn cãi về các biên-bản.



Trên sông Hồng.

Hình do ông Burnand vẽ lại, dựa theo một tờ phác-họa của tác-giả.

Cuối cùng, vào ngày 12, chúng tôi tin rằng sẽ có thể được ký vào lúc bốn giờ chiều sau khi dùng hết buổi sáng để tu-chỉnh lại những biên-bản ; nhưng sự bàn cãi lại bắt đầu sôi động vào giờ phút cuối, và chỉ từ mười một giờ tối là chấm dứt khi cả hai bên đều rất hài lòng. Chúng tôi qua đêm bằng bữa ăn tối và dù rằng nằm trên những sạp tre, chúng tôi ngủ yên và hài lòng. Chúng tôi thật sự đã làm công-việc chu-đáo. Ông chủ-tịch của chúng tôi vừa được bổ nhiệm Bộ-trưởng toàn quyền có thể hãnh diện đúng đắn về kết quả đã làm, và chúng tôi có quyền nghĩ đến việc thu-xếp để có một sự nghỉ ngơi thật xứng đáng cho đến mùa khô.

Ngày 13, những ủy-viên Trung-hoa hợp lại với chúng tôi từ ban sáng và đi trên đường Long-châu theo âm điệu của tiếng kèn mà dẫn đầu là tất cả những cờ hiệu của họ. Chúng tôi đi theo cùng đường của họ không trễ mấy.

Con đường tiện nghi nhất và an toàn nhất là phải đi qua ngả Trung-hoa ; trước khi đi những đồng-nghệp chúng tôi dẫn đến một người hướng đạo để chỉ đường, bây

giờ chúng tôi khỏi phải vòng tránh con đường đang đi, cũng khỏi phải quan tâm đến vấn đề biên-giới, vì thế chỉ trong một ngày chúng tôi đã đến làng Phiamet mà tại đây chúng tôi đã trải qua nhiều lúc cam-go vài ngày trước đó.

Con đường đi chạy xuyên qua thành-phố Bình-chương, mà trong lúc qua khỏi nó chưa xa, gần thành Trung-hoa Keocho, ông quan trong thành đến trước mặt chúng tôi để khẩn cầu rút lui : chúng tôi cách Phiamet vừa đúng hai cây số và nếu vậy chúng tôi phải làm một vòng quanh vô tận. Ông quan này nói rằng đã không nhận lệnh của Tri-châu Bình-chương ; ông ấy nói rằng ông sẽ bị những sự trừng phạt nặng nhất nếu ông không chống lại sự đi qua của chúng tôi. Chúng tôi thấy vô ích để đàm phán nên ông ấy để cái đầu gối ngang qua cái hẻm chật hẹp, chặn đường ông Xen-sáp-phờ-ray vì ông này đi trước chúng tôi và có vẻ bức tức, nên đi qua thân của ông ấy để bắt buộc ông ấy tránh đi. Thế nên ông ấy khẩn cầu vị chủ tịch của chúng tôi cho ông một chứng chỉ xác nhận rằng chúng tôi đi qua bằng võ lực dù rằng có sự khẩn cầu của ông Chúng tôi hứa với ông ấy việc này là chuyện thường và chúng tôi qua thành Keocho và khi đó các người lính tò mò đến tham-dự cuộc diễn hành của đoàn người chúng tôi.

Sự trở về Đồng-đăng không xảy ra điều gì khác và chúng tôi đến đó vào buổi chiều ngày 15. Thấy không có gì khác để làm ở đó, chúng tôi bị bắt buộc đi bộ cho đến Chũ, tại đây chúng tôi tìm một chiếc pháo hạm đưa về Hà-nội.

XII

Khởi-hành từ Lào-cai. Sự xuyên qua Sơn-tây. Sông Hồng bằng tàu Lơ-vơ-ra (Levrard).

Từ khi đến Hà-nội chúng tôi nhận giấy phép của Bộ phải đến Nhật đợi ở đó và chờ mùa khô trở lại để có thể tiếp-tục công-việc. Đại-úy Bu-i-ne đi công-tác một mình về Pháp để tường trình lên Bộ về phần đầu của sự thi-hành việc định ranh. Ông ấy đi liền và chúng tôi chỉ chờ tàu chở khách đến để đi Hồng-kông và từ đó là đi Nhật. Tuy nhiên lúc này chúng tôi nhận phản lệnh.

Chúng tôi đã nói rằng chính-phủ Trung-hoa đã bổ-nhiệm hai phái đoàn cho ủy-hội định ranh ; chúng tôi vừa mới hoạt-động với một trong hai phái đoàn này trên biên-thùy Quảng-tây và phái đoàn kia chờ chúng tôi gần mười tháng tại Vân-nam. Người ta không phải khó nhọc để thừa nhận rằng các đại-thần của họ không kiên nhẫn được nữa khi phải chờ chúng tôi đến và nài nỉ triều-đình Bắc-kinh cho đưa chúng tôi đi lập tức đến biên-giới Vân-nam ; mặt khác vào ngày hai 29 tháng 3, Đại-tá Mốt-xi-ông (Maussion) không có khó-khăn gì trên đường đi, đã vào thành-phố Lào-cai không có cản trở nào. Tất cả vùng này hình-như yên-tĩnh và các giới-chức Trung-hoa ở biên-giới cho Đại-tá biết rằng người ta không đủ kiên-nhẫn nữa để chờ đợi những hoạt động của ủy-hội định-ranh và việc chỉ định những địa-điểm thương-mại để làm sống lại sự buôn-bán trên sông Hồng như trước khi có chiến tranh.

Trong những hoàn cảnh này việc khẩn cấp là phái đoàn phải đi sớm nhất có thể được để lợi-dụng sự dự bị sẵn sàng của người Trung-hoa, vì thế lệnh khởi hành ban ra và sắp tới đây chúng tôi sẵn sàng để quyết-định làm chiến dịch này trong mùa hè.

Vị chủ-tịch chúng tôi, ông Xen-sáp-phờ-ray đã quá gian-nan trong chiến dịch mùa đông nên không có thể dẫn chúng tôi đi ; vì vậy ông lên đường về Pháp và phái đoàn Pháp bây giờ giảm lại chỉ còn ba người : Đại-tá Tít-xay-rơ, Bác-sĩ Nê và ông Ha-ít-xơ và thư-ký là ông Đơ-lâng-đa. Ngày 20 tháng 5 phái đoàn xuống trên chiếc pháo-hạm Lơ-vơ-ra (Levrard), đưa chúng tôi đi xa nhất có thể được ngược lên sông Hồng ; sau đó chúng tôi phải lấy ghe để tiếp tục đường đi.

Về phần tôi nhờ kinh-nghiệm nên biết được những nguy-hiểm của chiến dịch mùa hè trong những vùng này ; tôi thú nhận rằng vào giờ phút đầu tiên tôi luyến tiếc việc nghỉ ngơi trong ba tháng ở Nhật nhưng điều đó kéo dài không lâu vì tôi có những lý-do tuyệt diệu để ao-ước có cuộc hành-trình này : ngoài sự quan trọng và hữu ích của sứ mạng mà chúng tôi sẽ hoàn thành, tôi hiếu-kỳ để đi ngược dòng sông Hồng này mà tôi nghe nói nhiều đến nó, để so sánh dòng nước của nó với dòng sông Cửu-long và tôi tính có thể nhận được đúng những tin tức quý báu về những vùng ở giữa

Lu-ăng-pờ-ra-băng và sông Hồng mà đã nhiều lần, vào năm 1883 và 1884, tôi đã toan đi xuyên qua (xem vòng quanh thế-giới, tháng bảy 1885). Ngay cả tôi nuôi hy-vọng có thể nhờ vào những sứ giả mà tôi có thể đưa đến hay những quan-hệ mà tôi đã thành-lập trong số những người Mường, đi qua từ sông Hồng đến sông Cửu-long và gặp bạn tôi là Pa-vi, lãnh-sự ở Lu-ăng-pờ-ra-băng mà tôi biết ông ấy dự tính làm cuộc du hành này trong hướng ngược lại. Trong mục đích này, tôi tìm ở Hà-nội một số lạng tiền Trung hoa và những nén bạc, những đồng tiền mà những người Mường thích hơn là những đồng bạc Mễ-tây-cơ đang lưu-hành ở Bắc-kỳ.

Một trong những sĩ-quan địa-hình của ủy-hội, Trung-úy Vét-nê đã hoàn thành kỳ-hạn công-vụ ở Bắc-kỳ đã đi về Pháp và được thay-thế bằng Trung-úy kị-binh Phi-châu Ve-rông (Vairon), người đã dẫn chúng tôi trong suốt chiến-dịch đầu tiên. Ngoài ra chiếc Lơ-vơ-ra còn chở ông Công-sứ dân-sự mới, Bác-sĩ Mát-ten Đuy-pông (Martin Dupont) sẽ quản-trị lãnh-thổ Lào-cai, hai phụ-tá dinh Công-sứ và vài sĩ-quan đến vùng thượng lưu sông. Vì vậy Chiếc Lơ-vơ-ra chen-chúc ngổn ngang và vị chỉ-huy phụ-trách phải tiếp nhận một số hành khách quá đông như thế, chỉ được cảnh báo ở giờ phút cuối cùng nên cảm thấy rất bối rối. Ông thu-xếp thế nào cho hoàn-hảo nhất và mỗi người tự để cho ông sắp đặt và sau vài giờ thì chúng tôi có chỗ khá tiện nghi. Chúng tôi chưa ở thời kỳ nước lớn, nhưng dòng nước luôn luôn nhanh trong sông Hồng.

Và rất buồn khi nhổ neo đã bị một tai nạn trầm trọng do một sự điều khiển sai, chiếc xuồng bị lật úp và chỉ một trong hai thủy-thủ Âu-châu trên đó là có thể được cứu thoát, chúng tôi không còn thấy thân-thể của người kia, chắc chắn bị lôi kéo đi do một trong những dòng nước xoáy sâu gần nơi bờ, ngay cả đối với những người lội giỏi nhất khi họ té cũng rất nguy-hiểm.

Vào buổi trưa cùng ngày, chúng tôi đến Sơn-tây, nhiệt-độ chỉ ba mươi lăm độ trong bóng mát và liền theo đó mặt trời lặn, chúng tôi đi đến thành phố cách sông gần ba cây số. Những sự điêu-tàn chỉ còn phảng-phất một ít ở Sơn-tây. Thành phố gồm có một đường phố độc nhất đi từ kinh-thành đến sông, nhưng người ta thấy ở đó

những căn nhà bằng gạch, những căn nhà có buôn bán của người Tàu và người Pháp và người ta còn gặp ở đó ngay cả một vài người đi dạo bằng xe kéo. Một vài người trong số những sĩ-quan có tham dự chiến-công lừng lẫy của Đô-đốc Cuộc-bê (Courbet) chỉ cho chúng tôi biết tại hiện-trường đường tiến của quân đội chúng tôi khi đánh lấy Sơn-tây. Những dấu vết của chiến-trường vẫn còn rất nóng bỏng và chúng tôi có thể theo một cách dễ-dàng trên đường đất những hậu quả của sự giao-tranh khi chúng tôi được hướng dẫn bởi những nhân-chứng thấy tận mắt. Họ chỉ cho chúng tôi nơi mà một tiểu-đoàn bộ-binh an-giê-riêng (algériens) bị giết hầu như cho đến người cuối cùng và những nơi mà tại đó bộ-binh thuộc hải-quân và thủy-quân lục chiến đã tung ra đợt xung phong sau cùng. Trời đã tối khi chúng tôi trở về để ăn chiều trên chiếc Lơ-vơ-ra. Cũng như ngày xưa trên chiếc Mu-leng (Moulun) sà-tàu đã biến thành chỗ ngủ khi chúng tôi bày giường xếp trên đó.

Hôm sau, ngày 21 tháng 5, kể từ hợp-lưu của sông Lư, một cuộc giang hành chậm chạp và khó nhọc bắt đầu, những cồn cát làm nghẽn tắt con sông gây ra những sự mắc cạn thường xuyên ; chiếc Lơ-vơ-ra chở quá nặng và luống cuống vì những chiếc ghe mà nó kéo theo vì không thể lái được trên những chiếc ghe này nữa, tất cả bị hiến dâng để cho dòng nước yếu ớt cuốn theo ; những lá sắt bị hư và neo dùng để ném ra bị bể nát vì những sự vận chuyển khi kéo tàu ra khỏi mắc cạn. Trong năm ngày, chúng tôi có mặt ở trên vọng gác Hồng-hoa, và ngày 26 khi chúng tôi mới vừa mất hút nó thì một sự tổn hại ở bộ máy buộc chúng tôi ngừng lại trong suốt ngày gần một đảo nhỏ trông rất tốt.

Trong thời-gian lưu trú cưỡng bách trong những vùng lân-cận ở Hồng-hoa, chúng tôi biết rằng ủy-hội đã được bổ sung : ông Đi-giông(Dillon), tổng-lãnh-sự và Khâm-sứ ở Huế được bổ làm chủ-tịch và ông Đa-ru (Daru) chỉ-huy trung-đội Pháo binh, tạm thời thay thế Đại-úy Bu-i-ne trong khi ông này về Pháp công-tác. Ông Đi-giông đã lưu-trú tại Trung-hoa trong hơn hai mươi lăm năm như là lãnh-sự và ông ấy biết tận gốc ngôn-ngữ và thói quen của xứ-sở ; đối với tất cả mọi phía đây là một sự chọn lựa thích nghi nhất để đưa sứ mạng khó khăn chúng tôi đến kết-quả mỹ-mãn.

Những ông này đi từ Hà-nội sau chúng tôi năm ngày trên chiếc Cuy-vây-giê (Cuveiller) và chúng tôi đi quá chậm đến nỗi mà chúng tôi hy-vọng thấy họ đến bất cứ lúc nào. Vậy nên chúng tôi phải rất kiên nhẫn khi thấy chuyển đi quá chậm chạp. Chúng tôi cũng nhận được những tin-tức ít hài lòng hơn : cựu quan-bộ Sơn-tây, ông Bộ-giáp, đứng đầu một toán cướp đông chiếm giữ một phần của hữu ngạn sông, giữa sông Hồng và sông Đà cùng các vùng phụ cận của Cẩm-kê. Một người buôn trong số bạn chúng tôi, ông Pốt-chi-ê (Pottier) vừa bị ám sát trong vùng này và nhiều đồn nhỏ bị tấn công. Và chẳng những tin này cũng làm chúng tôi ít lo-lắng hơn, chúng nó chỉ buộc chúng tôi dừng bao giờ để mất hút những chiếc ghe có chở nặng mà chúng tôi phải từ khước kéo nó và phải rất cẩn thận trong những lần đi dạo trên đất.

Dẫu rằng có sự khuyến cáo nặng nề của Đại-tá Mốt-xi-ông trước khi ông Pốt-chi-ê khởi hành từ Lào- cai ; ông này vẫn đi một mình với các gia-nhân người Việt-nam trong lúc lên bờ để đi vào làng, và đã bị ám sát trong một đường phố nhỏ hẹp bởi những người của Bộ-giáp.

Ngày 28, một ít lâu trước khi đến Cẩm-kê, chiếc Cuy-vây-giê đến kịp chúng tôi, có kéo theo một chiếc sồng lớn và một chiếc ghe có trang-bị đại-liên ; từ rày về sau chúng tôi phải chạy cặp theo thuyền bạn để có thể ngừng lại bất cứ lúc nào trong lúc chờ những chiếc ghe mà chúng tôi không thể kéo được.

Suốt vùng giữa Cẩm-kê (Ngạn-phu) và Tuyên-quan rất trù phú và đông-đúc, những làng mạc hầu như nối tiếp nhau không dứt trên hai bờ sông, nhưng càng tiến đến gần Tuyên-quan, những bờ sông nhô lên cao, vùng đất có nhiều cây cối hơn và sự trồng trọt hiếm hoi.

XIII

Tuyên-quang. Những chiếc ghe người Tàu. Chấm dứt sự chạy thuyền bằng hơi nước.

Trong lúc đến Tuyên-quang, như thường lệ chúng tôi thấy rằng, phần lớn những chiếc thuyền của chúng tôi không thể theo kịp chúng tôi nên chúng tôi cho hai người đi tìm một trong những chiếc xuồng đan bằng mây mà người ta đã gọi rất đúng là những cái thúng ; sau này họ trở lại cho chúng tôi biết rằng chiếc ghe đã bị mắc cạn và ông chủ và hai người phu thuộc giang hành đoàn đã bỏ trốn.



Ngợi-Thạc.

Hình do ông Burnand vẽ lại, dựa theo một tờ phác-họa của tác-giả.

Những chiếc thuyền trưng-thu bởi sở hành-chánh ở hạ lưu sông quá nặng và trét sơ-sài, phải găng sức nhiều lắm mới có thể chạy ngược được trên giòng nước. Không phải là những chiếc ghe tương-tự như là của người Tàu làm ngày xưa và còn dùng

trong thương mại trên thượng-lưu, từ Hà-nội đến Lào-cai mà chúng tôi còn thấy một số ở Tuyên-quang. Đó là những chiếc thuyền mỏng và thường dài hơn hai mươi mét, chở không quá hơn hai mươi thùng gỗ. Hai cây tre dài được đặt trên thành về khoảng một phần ba về phía trước của chiếc thuyền và cột chung lại ở trên cao tại một chỗ có khăn lại đặc-biệt và rất chắc chắn để chống đỡ cho một cái buồm vuông bằng vải rất lớn để gió nồm thổi theo lòng sông, ngược với hướng dòng nước mà trong suốt mùa mưa, bộ buồm này đem lại cho họ những công-dụng lớn lao nhất.

Những chiếc thuyền của chúng tôi chỉ có một cái buồm nhỏ xấu bằng lác rách nát tả-tơi, và chúng tôi còn phải nhiều lần bẻ gãy cây cột buồm quá yếu của nó để có thể đi ngang qua dưới những cây to, vì bất đắc dĩ nên chúng tôi phải đi luôn luôn dọc theo bờ và chẳng bao giờ đi giữa dòng sông.

Chúng tôi lưu lại ở Tuyên-quang ba mươi sáu giờ để chuyển hàng trên chiếc tàu bị chìm của chúng tôi sang một chiếc tàu khác của sở hành chánh mà nó không phải là tốt hơn nhiều và chúng tôi lại lên đường vào ngày 2 tháng 6, chạy qua đêm và bị ướn khi ra khỏi cửa của một con sông nhỏ duyên dáng, sông Ngợi-ngung nước trong vắt mà ở đó chúng tôi đã tắm trong buổi tối.

Điều đáng chú-ý là hầu hết những phụ lưu của sông Hồng là hoàn-toàn trong vắt, mà nước có mang theo chất phù-sa như trong vùng châu-thổ.

Ngày 3 tháng sáu, vào lúc 9 giờ sáng, chúng tôi đến cái thác lớn đầu tiên, đối diện của một cái sông nhỏ gọi là Ngợi-thạc, chiếc Cuy-vay-giê đi đầu, chạy tốt hơn là chiếc Lơ-vơ-ra. Nhưng sau một vài phút, nó bị dòng nước tung nó lên trên một tảng đá có bọt nước, những tấm sắt bị lung và nước ủa vào rất mạnh. Chúng tôi thả neo ngay lập tức và không phải là không mệt nhọc để có thể bịt kín lỗ rò, nhưng việc chạy bằng hơi nước xem như chấm dứt ; phải sang qua trên những chiếc ghe và lấy hết sức để lên một cách mệt nhọc cho đến Lào-cai, trong lúc phải vượt lên từ ghềnh này đến ghềnh kia trên những chiếc thuyền nhỏ Việt-nam.

Để làm sự sang tàu này, hai chiếc pháo hạm thả neo trước mặt sông Ngợi-thạc và chúng tôi chờ ở đó những chiếc ghe đến trễ. Hai ngày nghỉ ngơi này trôi qua một

cách thoải mái ; con sông nhỏ Ngợi-thạc rợp bóng mát của những cây to, có thể đi ngược lên nó vài cây-số bằng thuyền nhỏ. Hai bên bờ và ngay cả trên dòng sông náo nhiệt vì các chú tiểu phu dựng trại ở đó, ăn ở trong những túp lều làm bằng những chiếc bè bằng tre. Bờ sông được canh-tác, trồng bắp mà lúc này gần đến mùa hái, và giữa những cây lớn và răn-rỏi này, có hơi cách quãng một ít, những cây mạ trời lên, trở thành lúa chín sau khi gặt mùa ngũ cốc đầu. Xa hơn một chút là những cánh đồng trồng gai của Trung-hoa (*Urtica nivea*) và một thứ sợi khác, loại cấm-qui mà tôi không hề biết, chứng tỏ rằng vùng này không phải là hoang-địa. Tuy nhiên trong lúc đi săn và đi du ngoạn, chúng tôi không hề thấy một ngôi làng Việt nam hay của người Thổ nào, và các tiểu- phu trên sông cho chúng tôi biết rằng những làng này nằm rất xa ở trong sâu vì rằng dân chúng sợ cướp bóc nên tránh xa nhất có thể được việc định cư ở gần bờ của con sông lớn ; điều này không phải là bỏ rơi việc canh-tác trên những vùng đất phì nhiêu bao quanh phụ lưu cho đến cửa thoát ra của nó.

Những tiểu-phu Việt-nam khai thác những cánh rừng khá xa dọc theo bờ sông ; chúng tôi đã theo từ bốn đến năm cây số trên một trong những con đường khắp khênh ngang qua trên đó người ta để những cái nhíp cách nhau khoảng một mét, mà không thể thấy khoảng rừng được khai-thác. Hai con trâu mắc vào những khúc gỗ dài từ mười hai đến mười lăm mét kéo chúng nó trên những cái nhíp này cho đến sông, tại đây bằng phương-tiên của cái bè thả nổi làm bằng những cây tre, chúng được chở đến Hà-nội hay Hải-phòng. Ngoài những cây gỗ quý hoặc ít hoặc nhiều, còn có mây, bắp, củ nâu (một loại thuốc nhuộm) và những sản phẩm khác trong các làng người Thổ do sự trao đổi những hàng hóa, bông vải, đồ dùng bằng kim-loại hay vũ-khí mà họ đã mang đến đó. Các lần đi săn của chúng tôi trong các vùng lân cận ít có kết-quả, dân chúng vì nhu cầu nên trang bị rất tốt và rất là hiểu chiến, muốn để cho các thú rừng nhiều thêm ra, và chúng tôi mất nhiều giờ mà không có kết quả gì để theo đuổi một đoàn bao gồm khoảng mười hai con rái cá dọc theo sông Hồng nhưng chúng tôi không thể nào đến gần lại được.

Vào buổi chiều ngày 5 việc chuyển tàu được hoàn thành ; chúng tôi ngủ trong những chiếc ghe và ngày 6 tháng sáu vào rạng sáng, chiếc Cuy-vay-giê và chiếc Lơ-vơ-ra chào vĩnh biệt chúng tôi trong khi mà chúng tôi sửa soạn nhổ neo với những tự-lực riêng để ngược lên cái thác thứ nhất.

XIV

Sự giang-hành bằng ghe. Thác-cái. Bảo-hạ.

Kể từ hôm nay, một chuyến giang hành cực nhọc bắt đầu. Người này chống-chất lên người kia trong những chiếc ghe mà ngay cả chúng tôi không có thể đứng lên được, ở một nhiệt độ biến đổi từ hai mươi tám đến ba mươi lăm độ ; chúng tôi chưa tìm được một giải cát nào thuận-lợi để cập lại và ăn uống, thế nên chúng tôi phải cam chịu việc ăn uống chật-chội, người này đụng người kia ở trong cái buồng lái tối và khói-khảm do lửa của nhà bếp mà tại đây chúng tôi đã trải qua suốt thời gian của chúng tôi.

Sự nghỉ ngơi ở trên tàu hay nói đúng hơn là trên mái tranh dùng như sàn tàu chỉ có thể được vào buổi tối sau khi mặt trời lặn vì từ tám đến mười người phu chạy ngược chạy xuôi kêu la inh-ỏi để lái chiếc ghe của chúng tôi ; cũng không hề còn chút nào tiện nghi để ăn ở đó vì nhiều muỗi và ruồi đủ loại khác nhau lao vào đĩa của chúng tôi ; và vì lôi kéo bởi ánh sáng, đến trợn vào đồ ăn làm chúng tôi rất bức mình.

Việc di chuyển chậm-chạp và chúng tôi chỉ được trợ lực rất yếu vì cái buồm quá nhỏ, gió bắc vẫn còn rất yếu dù rằng có những tiếng húyt gió kéo dài và lập đi lập lại của những người phu hy-vọng bằng cách đó để kêu gió thuận.

Buổi xế ngày 7, chúng tôi đến cái thác lớn nhất của sông Hồng, thác Cái mà dưới chân của nó hàng chục chiếc ghe của Trung-hoa thuộc loại mà chúng tôi đã tả, chờ đợi lúc thuận lợi để toan tính vượt qua, chúng tôi không thể làm được như họ và đợi vĩnh-viễn cho đến lúc nào thuận-tiện. Trước tiên chúng tôi toan cho lên trước cái chiếc sổng lớn, nhẹ hơn những chiếc thuyền của chúng tôi, chở theo một phần của hành lý của chúng tôi ; nhưng vì ở giữa cái thác nên nó bị dòng nước đẩy đi, đâm

vào một tảng đá, và may mắn khi chỉ có thể mắc cạn trên cái đảo nhỏ mà chính nó làm thu hẹp dòng sông nên tạo thành ra cái thác.

Thế nên chúng tôi bắt đầu dàn xếp với các người lái buôn Trung-hoa, mà họ chỉ thỏa thuận trong ý muốn quá xấu là chỉ nhường cho chúng tôi những cái thúng bằng mây để mang các dây cột thuyền chúng tôi, và cho một người trợ phụ để giúp chúng tôi. Vào lúc 11 giờ sáng ngày 8, tất cả ghe của chúng tôi đều được tập trung lại ở phía trên cao của Thác-cái. Bờ sông vắng vẻ và cây-cối um-tùm, ghe chạy đều đều và thật là sung sướng khi mà vào sáng chủ nhật ngày 13 tháng 6, chúng tôi thấy cờ Pháp phấp phới ở đồn quan-thuế cũ Cờ-Đen ở Bảo-hạ. Đồn này chỉ được chiếm đóng từ vài tuần lễ bởi một đại-đội tán binh Việt-nam, chỉ huy bởi một trong những người bạn của chúng tôi, Đại-úy Ma-rê-san (Maréchal) thuộc bộ-binh Hải-quân. Với tài nguyên của xứ sở và nhờ vào hoạt động của những tán binh của ông, Đại-úy Ma-rê-san đã tạo ra một nơi đồn trú thích ứng gồm từ mọi thứ : những vòng đai công-sự nhỏ dùng làm nơi trú ẩn cho con người và trong những căn nhà nhỏ có vách tường bằng vôi mà ông ấy vừa xây xong, có thể dùng như nơi điều dưỡng cho chúng tôi. Ở sát cạnh đồn là một ngôi làng có một tầm quan-trọng nào đó và cung-ứng những tài-nguyên quý báu cho chỗ đóng quân.

Hầu như cùng lúc mà chúng tôi đến Bảo-hạ, những người phu cũng mang theo thi-thể của một Trung-úy trẻ thuộc đoàn quân của Thiếu-tá Bẹt-căng (Bercant). Thiếu-tá Bẹt-căng vừa thi hành một cuộc thám thính khó nhọc nhất ngay trên sông Đà, trong vùng của người Mường và ông phải chờ ở đó đến ngày hôm sau. Trước đó vài ngày, ông đã mất một sĩ-quan bị chìm trong lúc qua một con sông, trong khi ấy một Trung-úy khác bị cơn ác tính và không có y-sĩ, ông đưa ông này đến trước ở Bảo-hạ để được y-sĩ ở đó săn-sóc, người trẻ tuổi xấu số không may mất trên đường đi ngay hôm trước khi đến đồn này. Buổi xế, tất cả người Pháp tập trung về Bảo-hạ để đưa đến nghĩa-trang nhỏ làm vôi-vàng bên cạnh con sông xác của người sĩ-quan này và dầu rằng tất cả chúng tôi không biết ông này nhưng cái đám tang trong nơi hoang dã này, quá xa tổ-quốc, có một cái gì đó quá sâu thẳm : tất cả chúng tôi đều cảm

động như là chúng tôi để lại ở đó một người họ hàng hay là một người bạn.

Vì chúng tôi phải chờ một chiếc ghe đi trễ và cũng để cho các người phu chúng tôi nghỉ một ít, chúng tôi quyết định ngày hôm sau sẽ lưu-lại Bảo-hạ. Chúng tôi có thể thu-xếp nghỉ trên đất và thăm viếng một ít các vùng lân-cận. Vùng này rất hoang dã và rậm-rạp, tuy nhiên người ta gặp ở đó một số đường hẻm nhỏ được trở ra và Bảo hạ là một trong những trung-tâm buôn-bán giữa người Mường hay người Châu. Hàng hóa chính là một củ lớn chứa nhiều ta-nen (tanin) và được gọi là củ nâu mà người Việt-nam trong khắp Bắc-kỳ và Trung-kỳ dùng để nhuộm cho quần áo của họ thành ra màu đà chói lọi và nổi bật này ; nó mọc ở tình trạng hoang dại trong những khu rừng của người Mường, nhưng họ cũng canh-tác nó trong những thửa đất mà họ khẩn hoang được do đốt rừng.

Phía trước mặt Bảo-hạ, bên bờ tả ngạn, có một ngôi chùa cũ dùng như trại cứu thương ở gần một con thác nhỏ nước trong vắt mà tại đây tất cả chúng tôi đến liền sau khi mặt trời lặn để tắm thật là tuyệt diệu và làm khuây-khỏa bớt đi những cảm xúc buồn-bã của buổi xế. Dọc dòng suối, có một con đường thẳng tắp dẫn thẳng vào bên trong, chúng tôi để ý thấy ở đó có dấu vết chưa ráo của con hổ chúa. Hai trong số các sĩ-quan hướng dẫn chúng tôi kể cho chúng tôi nghe rằng vài ngày trước đó, trong lúc họ đi đến một cái thác để tắm, một con cọp khổng lồ theo sát chân họ trong nhiều mét rồi trở lại trong bụi rậm mà không gây ra một tai họa nào ; nhưng phải thú nhận rằng họ đã không dám tắm một cách bình thường trong ngày đó. Dầu rằng con thú này không phải là hiếm ở Bắc-kỳ, nhưng những tai-nạn rất ít thường xảy ra hơn là ở vùng dưới thấp của Nam-kỳ.

Vào buổi xế ngày 14, chúng tôi ngủ trưa tại nhà Đại-úy Ma-rê-san, mà nhiệt độ trong bóng mát là ba mươi bảy độ, khi ấy chúng tôi thấy Thiếu-tá Bét-căng dẫn đầu đoàn quân đến, ốm hơn, đi với dáng mệt mỏi, tựa vào một cây tre dài và chính ông ấy bị sốt nặng, Thiếu-tá không còn được hơn nửa lính có khả năng tác chiến ; và chúng tôi còn phải thêm rằng tất cả, không trừ người nào đều bị sốt trầm trọng hoặc nhiều hoặc ít trong những ngày sau khi mà họ đến Lào-cai.

Ngày 15 chúng tôi tiếp tục cuộc giang-hành, càng lúc càng khó khăn cho đến khi mà càng tiến gần đến Lào-cai. Cảnh sắc vùng này không thay đổi, con sông có bờ giốc giữa những ngọn đồi nhiều cây, và càng lúc càng xa người ta chỉ thấy trên những ngọn đồi ở về phía xa hơn, những khu rừng trụi cây vì do sự đốt cháy để canh-tác, điều này cho thấy có sự hiện diện của người Mường tại đó.

Khắp nơi trên lộ-trình này, dân chúng đã bỏ đi khỏi những bờ sông mà họ cảm thấy quá trống trải rất dễ cho bọn cướp, để ẩn náu trong những vùng nội-địa. Chúng tôi ít gặp dấu tích của những thú vật sinh sống ngoài dấu vết của những giống hưu nai và những thú vật hung dữ ra trong đêm để giải khát trên những cồn cát, chim chóc rất hiếm và chính những con khỉ hình như cũng trốn cái vùng bị thử dịch này.

XV

Đến Lào-cai. Thành-phố. Sự buôn-bán. Sông-phong.

Ngày 22, nghĩa là 7 ngày sau khi chúng tôi khởi hành từ Bảo-hạ, cuối cùng chúng tôi đến vị trí cao của Lào cai, tại đó Đại-tá Mốt-xi-ông và những sĩ-quan của trại lính đến tiếp đón chúng tôi tại bờ sông. Đại-tá, vì bị mắc cơn đảm trấp trầm trọng đi đứng rất khó nhọc, nên từ lúc chúng tôi đến, hầu như tất cả chúng tôi thấy rõ số phận đang chờ trong suốt thời gian lưu lại trong thành phố này. Đáng khác nữa, cuộc hành trình bằng ghe đã làm cho chúng tôi quá bị phong sương. Trên đường đi, đã có lúc một số lớn trong chúng tôi biểu-lộ ra những cơn sốt dữ-dội, hoặc nhiều hoặc ít, và thật là một sự nhẹ nhõm khi chúng tôi rời khỏi chiếc thuyền chật hẹp để được ở trong một ngôi nhà thật sự và hầu như lấy lại một cuộc sống tương-tự như ở Đồng-đăng.

Sau nhiều ngày đi lại ở giữa một vùng bao la xanh ngát mà không thấy trên bờ những dấu tích khác của con người hơn là vài cái làng hiếm hoi của người Thổ, gồm hai hay ba mái nhà tranh tồi tàn, chúng tôi hầu như tin rằng đã đến trước mặt của một thành phố lớn khi ra khỏi Lào cai. Những tường thành và những căn nhà xây, những cầu thang và một bến tàu bằng đá lớn miếng, tất cả những thứ đó rất mới lạ

đối với người lữ hành, và chỉ sau một cái liếc mắt thứ hai thì mới nhận ra đó chỉ là cái nét chính còn sót lại của thành phố.

Sông Nam-sĩ trong vắt hay đúng hơn là một thác nước mà lưu-lượng nước thay đổi mỗi lúc một khác, phân cách nó với một ngôi làng lớn của người Tàu rất đông đúc hơn, nhưng mà không hiển lộ ra dù là ít nhất.

Lào-cai là một lâu-đài phong-kiến dành cho lãnh-chúa và người làm chủ trên thượng lưu sông, là Lưu vĩnh Phúc, thủ-lãnh nhóm giặc cờ đen, và ông chỉ cho những thương-gia giàu có nhất trú ẩn tại đó nhưng họ phải trả tiền nhiều để được bảo vệ. Xứ sở không có thay đổi cảnh sắc và khắp nơi có những ngọn đồi nhỏ ngổn-ngang nhô lên, bao trùm bởi những cánh rừng, mà trên đỉnh hầu như suốt mùa hè phủ lên bởi một lớp sương mù dày đặc, gắn liền với sự ẩm-ướt liên-tục nên điều này cho thấy một cảm giác đặc biệt như là bị giam hãm dưới một bầu trời quá thấp vì thiếu không-khí.



Lễ mai-táng một sĩ-quan Pháp tại làng Bảo-Hà.

Hình do ông Burnand vẽ lại, dựa theo một tờ phác-họa của tác-giả.

Dinh-thự độc nhất tại Lào cai là một ngôi chùa đẹp và rộng, một trong những cái nổi tiếng nhất ở Bắc-kỳ, phí tổn xây nhiều, mới vừa được mười lăm năm, bằng các tấm

đá hoa cương lớn, mà người ta cho chúng tôi biết rằng lấy từ các vùng lân cận của Quảng châu ; loại xi-măng ngọt làm cho tăng thêm độ cứng của đá hoa và những tinh chất tốt nhất lấy từ gỗ cứng. Những vật liệu này do thiết kế quá sai lầm hay là gỗ còn quá tươi như thế mà được đem ra làm nên cho thấy đã bị hư hỏng khắp nơi. Người ta bắt buộc phải lấy trụ chống đỡ một phần để làm nơi ở cho ông công-sứ và một số trong những nhân-viên của ủy-hội trong thời gian lưu-trú tại Lào cai. Chúng tôi dùng những gian phòng nhỏ cũ kỹ của các ông sư để ở, nhưng những nơi này quá ẩm ướt, nóng và ít thoáng khí, và hiển nhiên là không hợp vệ-sinh. Chúng ta cũng nên ghi nhớ rằng sự hiện diện của nhiều thú vật cũng chia xẻ những bất tiện của những gian phòng với chúng tôi : nào là nhện, thằn lằn, cắt kè, rít và bọ cạp. Về đêm nhiều chuột cống loại rất đặc biệt kêu chí chít liên tục giống như tiếng kêu của những con lợn nước, chiếm lấy chỗ ở liền sau khi điện tắt và thường làm mất giấc ngủ của chúng tôi.

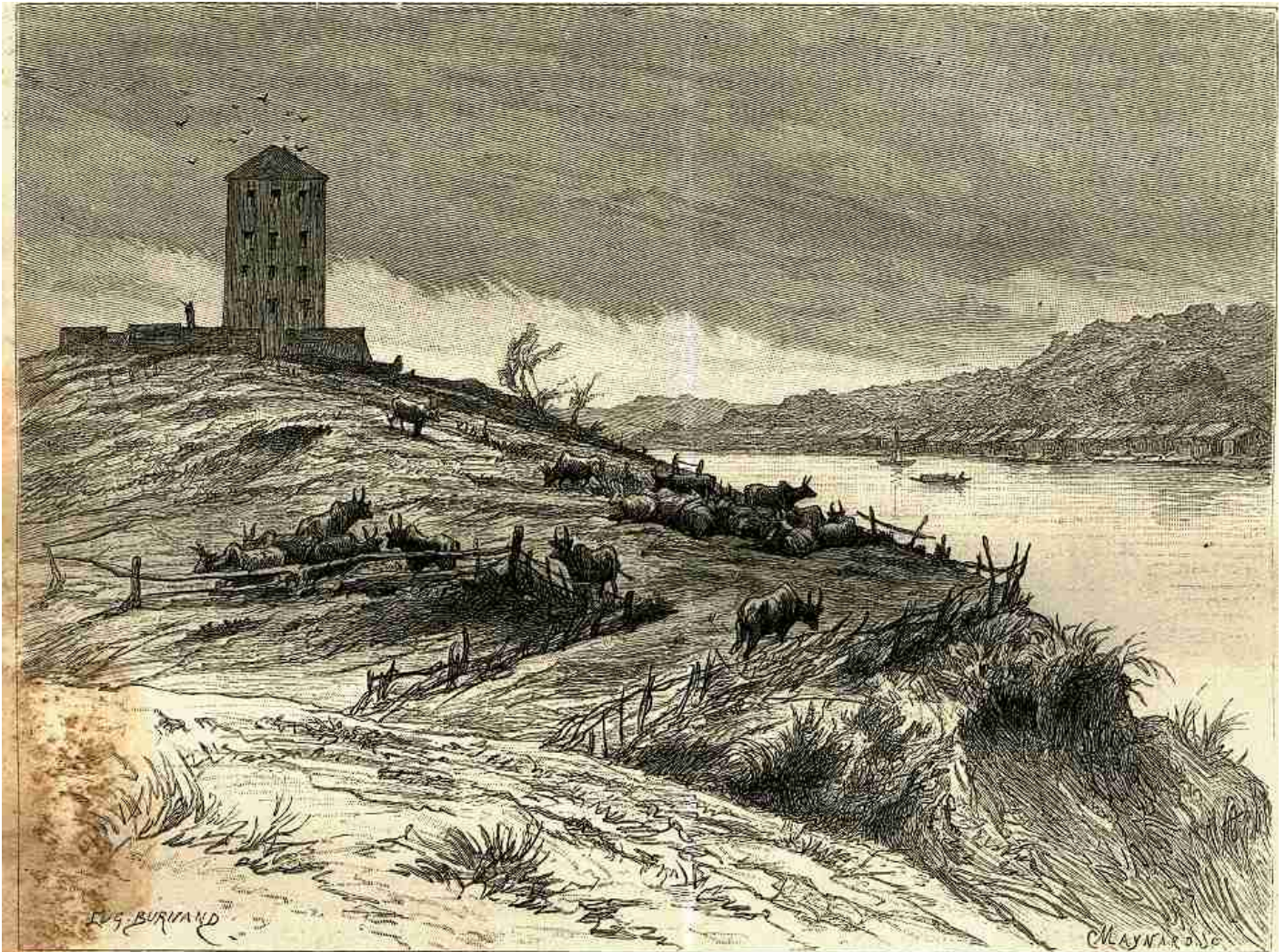
Hai cái bể cạn chứa nước tù và để dùng tiếp tế cho kinh-thành, hoặc là để nuôi cá, góp phần làm cho ô-nhiễm không ít trong những ngày lưu-trú ở Lào cai. Người ta đoán chắc rằng nhiều thi thể của người Tàu đã được ném vào đó dưới lệnh của Lưu vĩnh Phúc, nhưng thà nên chịu đựng trạng thái tương tự này còn hơn là tìm cách để giải tỏa nó, bởi vì việc toan vét cạn những trung tâm ô nhiễm này phải là một công tác lâu dài cũng như gai-góc.

Kinh-thành Nam si được xây ở hợp-lưu giữa sông Hồng và phụ-lưu bên trái của nó, bao gồm một hình vuông mà mỗi cạnh dài khoảng bảy trăm mét, xây lên bằng những bức tường cao từ năm đến bảy mét tùy mỗi phía, không có hào, cũng không có bao lơn và tám cái tháp vuông làm thành pháo đài. Phía bên trong đã hoàn toàn bị đốt cháy bởi Lưu vĩnh Phúc lúc ông này bỏ đi, ông này chỉ tôn kính cái ngôi chùa lớn và khoảng sáu căn nhà của người Tàu ở phía dưới thấp của thành phố mà dân chúng chính yếu là những người buôn bán trong vùng, đã phải trả cho ông ấy một giá rất đắt để được bảo-trì. Lúc Đại-tá Mốt-xi-ông mới đến, những người Tàu này đến trình diện ông ấy để phản đối lại sự phục tùng của họ và vị Đại-tá để cho họ sử

dụng lại những căn nhà của họ.

Tất cả kinh thành được nhìn xuống từ trên cao và không xa bởi những ngọn đồi của Trung-hoa bao bọc hữu ngạn của sông Nam-si và được vòng quanh bằng những thành lũy của Tàu, và thật sự trong lúc này chúng được trang bị quá kém, nên trong thời chiến đã không giữ nổi được địa hạt Lào-cai.

Về hướng Bắc, ngoài thành phố, dọc theo sông Nam-si, thấy có vài lái buôn người Tàu đi lại với Vân-nam để buôn-bán muối, thuốc phiện, thuốc gia-truyền của Tàu và bông, những đoàn lũ hành từ ba chục đến năm chục con la từ những vùng Kai-hoa-phu và Mont-ze đến dựng trại tại đó.



Le parc aux bœufs près de Laokay. - Dessin d'Eug. Burnand, d'après une photographie du lieutenant Hairon.

Sở nuôi bò ở gần Lào-Cai.

Hình do ông Burnand vẽ lại, dựa theo một tấm ảnh của tác-giả chụp.

Về phía dưới thấp của kinh-thành, trên sông Hồng, từ khi có sự chiếm đóng của

chúng tôi, được xây dựng gấp rút vài căn nhà tranh để những người tị nạn Việt-nam trú ẩn cho gần chúng tôi và những thương nhân Âu-châu. Tại đây tuy ngôi chợ dựng lên nhưng còn được cung cấp quá ít và những chiếc thương thuyền cập vào bờ để bốc dỡ hàng hóa. Giới chức quân-sự đã thiết lập gần thành phố một sở nuôi bò, cai quản bởi một đồn lính tán binh. Trên quan điểm về tương lai thương mại của nó, nếu như có đủ lý do để hy-vọng, Lào-cai có được một tầm quan trọng nào đó, nhưng về phương-diện chiến lược, vị trí của nó là một trong những nơi bị chọn sai lầm : bị thu hẹp lại bởi những ngọn đồi dốc hãm và hai con sông, thành phố chỉ có thể nở rộng trong lúc xây trên những vùng đất cao và những ngọn đồi mà dưới chân là bờ dốc, bị ngự trị không ngớt bởi một lớp sương mù dày bao quanh chúng nó, nó vẫn mãi mãi là một nơi lưu-trú độc hại đối với dân bản xứ và tử vong đối với người Âu-châu. Chỉ trong ít tuần lễ, ngoại trừ ông chủ-tịch chúng tôi là ông Đì-giông (Dillon) chỉ bị nhiễm nhẹ, không một người nào trong chúng tôi thoát khỏi bệnh sốt rét ngã nước dưới những hình thức khác nhau, và tôi không thấy một người sĩ-quan nào đã trải qua một mùa hè ở đây mà vô can.

Cách khoảng hai cây số về phía hạ lưu của sông Hồng, chúng tôi gặp một cao nguyên nhỏ, có những lũy của Tàu được che chở bởi những ngọn đồi, tại đó ngày xưa là Phủ Thụy-vi của Việt-nam ; cao nguyên này, chạy dọc theo bởi một con suối chảy mạnh, được canh tác thành ruộng và không có cây cối gì, cho thấy là một nơi đáng được lưu ý về cả hai phương diện quân-sự và thương mại của thành phố mà nó có thể không ít nổi bật lên trong những miền này nếu một mai việc buôn-bán với Vân-nam trở nên đáng kể.

Thành phố Lào cai hiện tại dùng như là bến tàu để chắt và bốc dỡ hàng hóa và cũng là nơi tạm chứa cho những hàng hóa nào chỉ lưu lại đó ít lâu. Dầu là hàng hóa đến từ Bắc-kỳ để đưa sang Trung-hoa hoặc là nó đến từ Trung-hoa để được bán vào vùng châu-thổ, phải luôn luôn đổi tàu ở Lào cai và thay đổi phương tiện chuyên chở. Trong trường hợp thứ nhất, hàng hóa đến từ vùng châu thổ trên những chiếc ghe rất lớn để có thể đi ngược lên phía trên của Lào cai ; lúc đó nếu muốn tiếp tục bằng

đường thủy cho đến Mang-hao thì phải dùng những chiếc sổng trệt ra ; hay nếu người ta quyết định đi đường bộ thì phải chắt hàng trên những con la nhỏ vùng Vân-nam mà người ta thấy khởi hành từ Lào cai những đoàn lữ hành từ năm chục đến một trăm, chỉ do vài người hướng dẫn. Những đoàn lữ-hành lên ngược về phía Bắc bằng những con đường hẻm trên núi đưa đến Mông-ze và Kai-koa-fou.

Cho đến nơi này, hàng-hóa xuất cảng từ Bắc-kỳ sang Trung-hoa là muối, bông đã lấy hột hay kéo sợi đến từ vùng châu thổ, các loại vải bằng bông nhập cảng từ Hồng-kông và thuốc lá dùng cho ống thuốc Lào. Người ta thừa nhận rằng nhiều mặt hàng khác nữa sẽ được đưa đi cùng với những mặt hàng này ngay sau đó khi mà an-ninh của đường bộ và sự bảo vệ cho việc thương mại có mang lại kết quả. Muối không được nhập cảng một cách chính thức trong Vân-nam nữa, nhưng chúng tôi quá biết người Tàu và người Việt-nam nên sẽ không để cho việc buôn lậu trở thành việc mậu-dịch lén lút có số lượng đáng kể. Việc thương mại mở cửa đã được thi hành mới đây và muối ở Bắc kỳ sẽ tiếp tục ngược lên sông Hồng.

Hàng hóa đến từ Vân-nam là thuốc phiện đóng thành bánh mỏng đẹp, ít được tín nhiệm nhưng rất rẻ so với thuốc phiện Ấn-độ, những bánh trà có phẩm chất kém, củ nâu, những dược thảo chế biến sẵn và thiếc. Nhiều căn nhà buôn bán của người Tàu ở Hà-nội có những đại-diện ở Mông-ze và ở Kai-hoa-fou và không có gì ngăn cản những nhà buôn Pháp trong việc cạnh tranh với họ và cũng sẽ có ở đó những đại-diện như Hòa-ước Thiên-tân đã qui-định điều đó, khi mà chúng tôi sẽ có những lãnh-sự Pháp trong mỗi một thành phố này.

Kỹ nghệ độc nhất ở Lào cai, nếu người ta có thể gọi nó bằng cái tên này, là nghề đan giỏ tre dùng để đựng muối và bông cho đoàn la chở đi.

Trước mặt Lào cai, về phía bên kia của Nam-si là cái làng lớn Sông-phong của người Tàu trải dài ra, và nó luôn luôn là ngôi chợ tiếp tế cho dân chúng Lào-cai. Trước đây nó bị chiếm cứ bởi những cựu đảng Cờ đen, và chỉ sau khi những ủy-viên Trung-hoa đến ở đó thì chúng tôi mới có thể thăm viếng ngôi chợ khi thấy rằng không còn nguy hiểm và ngay cả sai gia nhân đến đó mua đồ. Ngoài cá, thịt, gà vịt, rau sống và trái

cây, mận, đào và trái táo mang đến từ những vùng lân cận của Mang-hao khi theo sông Hồng, người ta còn bán vũ khí tất cả các loại và ngay cả những súng liên thanh theo những kiểu mới nhất. Điều lạ lùng khi thấy rằng chúng được bày bán mà không có một sự cẩn thận nào trong những cái thùng, bên cạnh những hàng hóa khác, những đồng hộp-đạn kim-loại các kiểu Rơ-ming-tông (Remington), Mô dê(Mauser), Mạt-ti-ni Hăng-ri (Martini- Henri) vv... Chắc chắn rằng chúng đã được lấy đi trong lúc cung cấp cho những đồn lũy lân cận bởi vì chúng bán rẻ hơn là ở Âu-châu. Không thể nào để việc tiếp tế cho những băng đảng bất chính hưởng lợi một cách trắng-trợn nhưng các nhà chức-trách Trung-hoa chưa hề đụng đến bóng dáng của chúng. Ở Sông-phong sản xuất những chiếc sòng trệt dùng cho sự di chuyển giữa Mang-hao và Lào cai và những chiếc thuyền chiến dùng đi tuần trong phần này của thượng lưu sông. Đó là những ghe lớn trệt ra không có bờ, hay đúng hơn là những loại bè làm dài ra mà sàn ghe chỉ cách mặt nước ba mươi phân, những chiếc thuyền này chở ở phía trước một ổ súng lớn kiểu cũ bằng gang, một cỡ súng như thế làm cho tôi cảm thấy rằng khó có thể bắn mà không làm hủy chiếc thuyền và vài khẩu đại bác nhỏ bằng đồng trên đó có khoảng ba chục người trang bị súng cá nhân, nằm ngay tại chỗ hay trên sàn thuyền vì phía bên trong thiếu chỗ.

XVI

Nam-si. Châu Chiến-thân. Những người Mường. Lễ 14 tháng 7 ở Lào-cai.

Những đồng-nghiep Trung-hoa của chúng tôi tỏ ra quá sốt ruột để được thấy chúng tôi đến tuy nhiên không có vôi vàng bắt liên lạc với chúng tôi. Chỉ từ ngày 11 tháng 7 thì hai ủy-viên đầu tiên, Tang và Híe đến Sông-phong và đến thăm chúng tôi. Ông Châu, vị chủ tịch chỉ đến vào ngày 19, và cuối cùng vào ngày 27, hơn một tháng sau khi chúng tôi đến Lào cai, chúng tôi mới có thể có phiên họp chính thức đầu tiên của ủy-hội.

Những vùng phụ cận Lào cai trong lúc này tương đối yên tĩnh ; chúng tôi có thể võ

trang khi cỡi ngựa và nhiều người cùng đi mà không sợ gì, làm những cuộc du ngoạn thoải mái trong một khoảng cách nào đó so với đồn, và khi mà người ta không sợ vướng vào trong những đường hẻm mới vừa trở ra hay là trở về ướt át dưới những cơn mưa rào mạnh rơi xuống nhiều lần trong ngày.

Những đường hẻm được trở ra theo dốc núi và bị xoi mòn bởi mưa lũ, đôi khi rất nguy hiểm. Vì thế một xạ thủ pháo binh đi bộ dọc sông Nam-si, theo con đường dốc nghiêng được khoảng 10 mét thì bị té xuống sông và chìm luôn. Một ngày khác, trong một cuộc đi dạo, chúng tôi đi với vài người bạn theo ông chủ tịch, chúng tôi thình lình thấy ông ấy biến mất ở chỗ quanh của đường hẻm. Con ngựa ông ấy đặt chân vào mé đường và cả hai rơi vào cái hố sâu từ 12 đến 15 mét, bị dính mắc trong đám cây cỏ như thế nào mà chúng tôi không còn thấy con ngựa, cũng không thấy kị-mã nữa. Ông Đi-giông giải thoát ra khá nhanh và trồi lên từ từ trên con đường mà không thấy có một vết trầy nào, nhưng không phải là không khó nhọc để kéo con ngựa ra khỏi nơi đó vì nó lặn xa ra hơn nhiều. Phải đi tìm những dân của một làng bên cạnh ; những người này trang bị những cái kiếm để trở ra một lối đi đến sát con vật nên nó ra không bị đau đớn gì. Rồi chúng tôi tiếp tục cuộc đi dạo ; ông Đi-giông là người đầu tiên phải cười về sự rủi ro của ông.

Một trong những thú giải trí là tắm sông vào buổi chiều, trong dòng nước trong vắt của Nam-si, và giữa chúng tôi đó cũng là một đề tài bàn thảo không ngớt. Những dân bản xứ Việt nam và Tàu rất sợ những chỗ nước trong của dòng thác, hoặc để uống, hoặc để tắm trong bất cứ nơi nào mà họ gặp, và nhiều người châu Âu cũng chia xẻ cái quan điểm của họ. Họ thích những nước đục của sông Hồng hay những nước đọng trong những cái ao và sông. Tôi không muốn nói rằng nước sông Hồng là dơ mà tôi còn tin rằng nó rất hiền sau khi được lọc trong bằng cách thêm vào vài gam phèn trắng hay chỉ cần một sự lắng đọng lâu ; nhưng tôi phải nói rằng lúc nào cũng vậy, không có một cuộc hành trình nào ở Đông-dương mà tôi gớm guốc những dòng nước trong, mát và vị ngon và tôi tin rằng đã không có phàn nàn về điều đó. Để trở lại việc này ở Nam-si, điều chắc chắn rằng hầu hết những ai đã thường tắm ở

đó đều bị nhiễm cơn sốt, nhưng những ai chưa tắm ở đó thì đã không bị nhiễm, hoặc không ít trầm trọng, cũng không ít cấp tính.

Chúng tôi lợi dụng thời gian nghỉ cưỡng bách này để gởi đi những sĩ-quan địa-hình các ông Bô-hen và He-rông cùng một toán hộ tổng nhỏ đi về hướng Đông, dọc theo Nam-si. Họ trở lại sau 6 ngày, đem lại một công việc quan-trọng nhưng mà mệt rã rợi nên đưa đến việc nhiễm sốt cho tất cả toán người hộ-tổng. Chính họ cảm thấy ngay những triệu chứng của bệnh và từ lúc này không thể nào mà ông Bô-hen thoát khỏi những cơn sốt trầm trọng dưới dạng đảm trấp trong thời gian ông lưu-trú ở Lào cai.

Từ những ngày đầu tiên khi chúng tôi đến, chúng tôi có may mắn được gặp một trong những người thủ lãnh của người Mường chỉ huy châu Chiên thân giữa Bảo-hạ và sông Đà. Người thủ lãnh Mường này đã giúp nhiều công việc rất lớn cho Đại-tá Mốt-xi-ông và Thiếu-tá Bẹt-căng trong cuộc viễn chinh của họ bên cạnh sông Đà, hoặc là tiếp tế cho đoàn quân, hoặc là cung cấp cho họ tin tình báo và việc hướng đạo. Ông ấy ở không xa Mường lai (Lai-châu) và tại nơi này ông có thù nghịch vì ở ngay chỗ đường bị cắt với Lu-ăng-Pờ-ra-băng, vì thế ông không chắc có thể gặp một sứ giả nào chịu với bất cứ giá nào để mang một lá thư đến Lu-ăng Pờ-ra-băng, tuy nhiên ông hứa sẽ làm thử.

Ngày xưa trên vùng Nam-u, tôi đã đi du-lịch với một ông quan bị đuổi từ Mường lay và tôi đã lấy tin tình báo để vẽ một bản đồ của những vùng này trên một tờ giấy để vẽ. Nhờ ông thủ lãnh Mường này tôi có thể nhận ra một số sai lầm không tránh được trong loại việc làm này. Chính ông ấy là người đầu tiên cho tôi biết rằng Nam-thể của những người Lào mà trên đó là xứ Mường lai không phải là sông Mã của người Trung-kỳ như tôi tin mà đúng là sông Bộ hay là sông Đà, tức sông Lysien của người Tàu.

Cũng như là tất cả những người Châu hay người Mường, ông ấy nói thổ ngữ Lào, ông ấy gốc người Việt-nam, nhưng những người đi theo cùng ông đúng là chủng tộc Tày. Tuy nhiên chúng ta hãy để ý rằng chủng tộc Xiêm đã ở đông-đức trong tất cả

những vùng này, nó ở kề sát nhau ở đó và ngay cả thường lẫn lộn với các sắc dân tương tự như người Mán và người Thổ mà chúng tôi đã nói và cũng giống như người Kha hay Mọi ở khắp trong các vùng núi từ Nam-kỳ cho đến Vân-nam. Hiện thời ông ấy xác nhận rằng ông xem như tuyệt đối không thể nào đi từ nhà ông đến Mường-lương được mà ông gọi là Lu-ăng Pờ ra-băng và lại tôi không có ý định tính làm một cuộc du-lịch trước khi xong công việc của chúng tôi.

Thời gian trôi qua một cách mệt nhọc, những cơn sốt trở thành thường xuyên hơn, tuy nhiên nhờ vào sự hòa đồng tốt cũng như tình bạn hữu thật thà không ngừng nảy nở giữa những nhân-viên của phái đoàn, nhân viên của dinh công-sứ, các ông Quát-cờ-lờ (Wacle) và Ga-nét-s-cô (Ganesco) đến từ Lào-Cai như là du-khách và những sĩ-quan của trại lính, đôi khi chúng tôi trải qua những buổi tối vui-vẻ.

Ngày 14 tháng 7 được cử hành sang trọng mà chúng tôi không tin có được ở Lào-Cai.

Chúng tôi tìm vải và những mảnh giấy và dưới sự hướng dẫn của các nghệ-sĩ thuộc quân đoàn hải ngoại, những tán binh Việt nam chế ra hằng trăm cây đèn lồng và dùng vải và lá xanh để trang hoàng những bức tường của ngôi chùa lớn dùng làm phòng họp.

Rạng sáng sớm, một loạt phát đại bác báo hiệu sự khai-mạc buổi lễ và tất cả những dân làng người Tầu Sông-phong thoát ra khỏi nhà ở của họ khi tưởng rằng bị ném bom, tuy rằng ngày hôm trước chúng tôi đã báo cho những nhà chức trách Trung-hoa. Vào lúc tám giờ tất cả những người Âu-châu, công chức dân-sự hay quân-sự, khoảng 30 người được tập họp tại chỗ để tham-dự cuộc duyệt-binh. Chúng tôi không phải xa nhau trong ngày nữa, bữa ăn trưa được chiêu-đãi bởi ông chủ-tịch ủy-hội, bữa ăn tối bởi ông Công-sứ Mát-ten Duy-pông (Martin-Dupont) và các người đầu bếp thật xuất sắc. Buổi tối, tất cả các ngôi nhà được thắp sáng và tại đồn lính tán binh Việt nam canh gác sở nuôi bò, ở phía bên kia của sông Hồng, hai hàng đèn lồng bao bọc hiện ra. Những ngọn đèn này tách rời với nền xẩm tối của những hòn núi và phản chiếu trong dòng sông làm cho quang cảnh có một sắc thái huyền ảo.

Sau bữa ăn tối và các chén rượu mừng thông lệ, chúng tôi uống với tất cả tấm lòng cho tương lai của Bắc-kỳ, và vì điều đó mà tất cả chúng tôi đã tập trung trong cái đồn nguy-hiểm này ; rồi khoảng mười hai người thuộc quân bản xứ đến trình bày hợp ca xen lẫn với đơn ca.

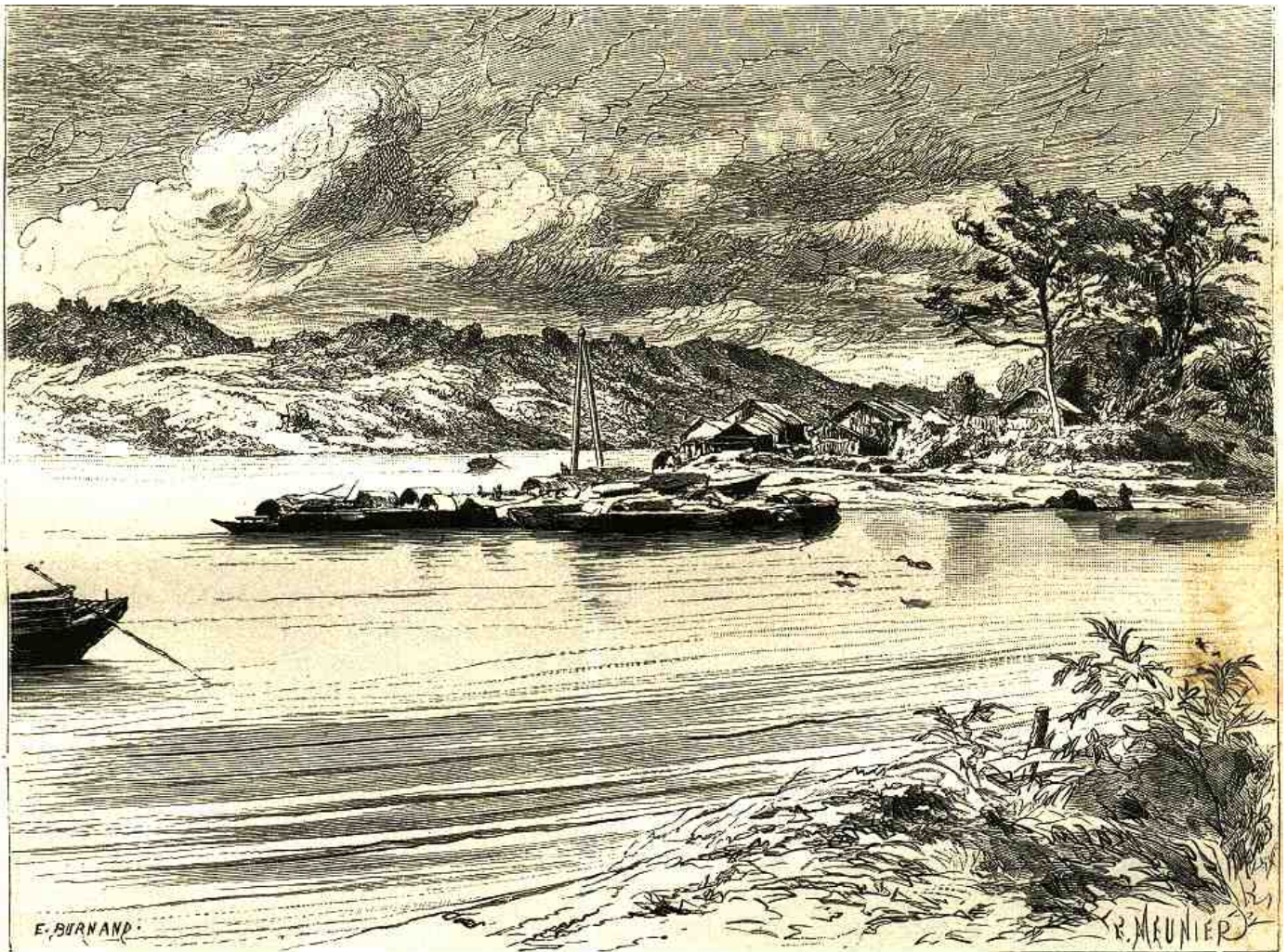
Cũng như là hầu hết những buổi hợp ca mà chúng tôi đã nghe xướng lên mà không có chuẩn bị trước do những người thủy thủ trong những quãng đường trường, bản này là một sự pha trộn của bản tình ca nhiều tình cảm được hát lên do lòng tin vững chắc, những bài hát thô tục và những câu hò bình dân ; tuy nhiên nếu ở đây âm hưởng luôn luôn không đúng, nhưng mà sự vui vẻ chân thành nó vẫn bao trùm không ngớt và ở Lào-Cai chúng tôi không thể đòi hỏi nhiều hơn.

XVII

Cuộc họp đầu tiên của ủy-hội Vân-nam. Chuẩn bị cho việc khởi hành đi đến Long-po-ho.

Vài ngày sau, những ủy-viên Trung-hoa đến Sông-phong, chúng tôi đến thăm viếng chính thức. Chúng tôi thỏa thuận họp luân phiên ở Lào-Cai và Sông phong, và ngày 23 là ngày họp chính thức đầu tiên của ủy hội tại Trung-hoa. Các đồng nghiệp của chúng tôi tiếp chúng tôi trong một ngôi chùa cũ ở cách Nam-sĩ vài trăm mét. Để đi đến nơi họ, chúng tôi phải qua con sông này mà chúng tôi đã nói về nó mà mực nước rất thường thay đổi. Chúng tôi không có ghế để phải mang như các đồng nghiệp của chúng tôi và đoàn hộ tống chúng tôi không có vũ khí dù, rằng ngược lại với ưu-thế của chúng tôi ; ngay cả có lẽ là thiếu cẩn thận khi đi bộ từ bờ sông đến nơi họp, giữa đám đông kín mít toàn là người Trung-hoa đến gần để xem xét chúng tôi. Chúng tôi phải đưa qua sông những con ngựa, điều này không phải là một công-việc dễ-dàng. Một hàng lính chính qui Trung-hoa mặc đồng phục, trang bị súng cá nhân dẹp cái đám đông tò mò của những dân làng Sông-phong trước mặt chúng tôi. Từ những cuộc bàn cãi đầu tiên, điều dễ dàng cho chúng tôi thấy rằng chúng tôi không có chút nào thắng được trong sự trao đổi và các ủy-viên Vân-nam không ít

quái, cũng không ít chậm chạp trong cuộc thảo luận hơn là những người mà chúng tôi đã rơi ở Quảng-tây.



Le Nam-si. - Dessin d'Eug. Burnand, d'après une photographie du lieutenant 1-Iaïron.

**Sông Nam-Si. Hình do ông Burnand vẽ lại,
dựa theo một tấm ảnh của Trung-úy Hairen chụp.**

Để công việc tiến hành nhanh chóng hơn nên đã quyết định rằng Đại-tá Tít-xay-rơ và ủy-viên Tang họp mỗi ngày để chuẩn bị cho việc thỏa thuận về chủ đề liên quan đến những vùng lân-cận của Lào-Cai và phần biên giới thừa nhận bởi những sĩ-quan địa-hình. Sau vài ngày, chúng tôi đạt đến việc thỏa thuận trên những điểm này và chúng tôi vội vã ký vào ngày 1 tháng 8 biên bản đầu tiên xác nhận thỏa ước này.

Những ủy-viên Trung-hoa chấp nhận Nam-si như là biên-giới và thỏa thuận chung rằng ở chính giữa sông Hồng thành lập phía trên Lào-Cai là đường phân ranh giữa Bắc-kỳ và Trung-hoa, tả ngạn thuộc về Trung-hoa và hữu ngạn thuộc về Việt-nam. Nhưng chúng tôi thiếu chỉ dẫn chắc chắn về cái nơi mà tại đó hữu-ngạn chấm dứt là

thuộc Việt-nam. Vì vậy cái nơi này phải để dành lại cho đến khi nào chúng tôi có thể kiểm chứng nó trên đất, cũng như là thỏa-ước về giang-hành phải được can thiệp sau này về vấn đề đậu tạm thời trên đất và việc kéo những chiếc ghe từ nước này qua bờ nước kia.

Từ lúc có vấn đề về chuyển đi này, ông chủ tịch Châu bắt đầu tuyên bố rằng đối với ông tỏ ra không cần thiết rằng hai phái đoàn phải hủy bỏ những công việc của họ để đến cửa khẩu Long-po-ho cái nơi mà hữu-ngạn của sông Hồng trở thành Trung-quốc, chỉ một người trong ủy-hội Trung-hoa là đủ để xác định việc này ; như thế nên ông chủ-tịch chúng tôi phải bị giữ lại bắt đắ dĩ ở Lào-Cai và quyết định rằng chỉ hai trong số chúng tôi cùng di chuyển và lên ngược sông Hồng.

Đương lúc ấy, bệnh của Trung-úy Bô-hen càng ngày càng trầm trọng thêm. Ông Ha-ít-xơ cũng bị nhiễm rất nặng. Họ phải cam chịu từ bỏ chúng tôi trở về Hà nội để lấy lại sức khỏe của họ. Thật vậy, sức khỏe họ bình phục khá nhanh và sự hiện diện của họ ở Hà nội sau đó cũng mang lại lợi ích lớn nhất cho ủy-hội, khi tìm kiếm và đưa đến ủy-hội những tài liệu khác nhau của Việt nam và Trung-hoa mà người ta không có thể tìm thấy trong thành phố này.

Những người Trung-hoa cũng không mạnh khỏe gì hơn chúng tôi, người của họ chết số đông và ủy-viên Hie cũng bị những cơn sốt dữ dội trong lúc đó ông Tang bị nhiễm trùng vì giải phẫu làm cho ông nằm tại giường. Ông này nhờ tôi việc săn-sóc và hằng ngày tôi đến Sông-phong để băng-bó ông ấy. Chính vì thế mà chỉ sau vài ngày tôi có thể đi dạo một cách dễ dàng trong chợ này và tôi chẳng bao giờ bị nhục mạ. Điều đáng ghi nhớ là người Trung-hoa tin tưởng nhiều trong sự văn-minh và săn-sóc của chúng tôi đối với những chứng bệnh cần giải phẫu hơn là những chứng bệnh cần dùng thuốc. Đối với những chứng sau này, họ có nhiều thuốc và phức tạp, và ngay cả ký-ninh, được chấp nhận quá quen thuộc bởi những người Việt nam và Xiêm, cũng chỉ gởi cho họ một sự tin tưởng tầm thường. Sau khi ông ấy khỏi bệnh rồi, ông ấy biếu cho tôi một cái bản đồ Trung-hoa thuộc vùng biên giới Vân-nam, vẽ rất là tinh-vi trên lụa nhưng hiển nhiên trong đó những đường biên-giới không được

vẽ có lợi cho chúng tôi.

Để thừa nhận vị-trí của con sông nhỏ Long-po-ho làm thành ranh giới giữa Bắc-kỳ và Trung-hoa, ở trên hữu ngạn của sông Hồng, nên đã thỏa thuận rằng một phía là ủy-viên Híe và những sĩ-quan địa-hình Trung-hoa, bên kia là Thiếu-tá Đa-ru và Bác-sĩ Nê cùng các sĩ-quan địa-hình Pháp lên ngược dòng sông cho tới nơi này. Theo tất cả các tin tình báo, vùng này yên tĩnh và trước khi chúng tôi khởi hành, chúng tôi cẩn thận đưa đi hai sứ-giả bằng đường bộ dọc theo hữu-ngạn của sông Hồng và họ đã trở lại sau ít ngày và xác nhận với chúng tôi rằng hiện thời không có một toán cướp nào trong những vùng này.

Mặc dầu vậy, chắc chắn chúng tôi vẫn thích mở ra sự thám thính bằng đường bộ hơn. Chúng tôi biết việc giang hành rất khó khăn, chúng tôi đang ở lúc nước cao nhất vào thời điểm đó và chúng tôi biết rằng trong trường hợp bị tấn công, không thể nào phòng vệ được đối với một chiếc ghe đang đi ngược lên cái thác nguy hiểm để chống lại kẻ thù ẩn núp dọc theo bờ. Rủi thay chúng tôi thiếu phu để mang những lương thực cần thiết cho đoàn hộ tống cũng như những bệnh nhân mà chúng tôi không thiếu từ những ngày đầu tiên. Vì vậy chúng tôi phải cam chịu để toan tính việc du hành bằng đường thủy. Đó cũng là cái cách chọn lựa bởi ủy-hội-viên Híe nhưng ông ấy không muốn thỏa thuận cho những chiếc ghe của chúng tôi chỉ làm như cuộc du-hành trừ bị và ông đi trước chúng tôi một ngày. Ông lấy cớ rằng dọc tả ngạn (bờ Trung-hoa) có nhiều thành lũy chiếm đóng bởi lính chính qui Trung-hoa, nên cần thiết để ông ấy đi trước để báo tin cho các trưởng đồn để cho chúng tôi qua mà không có cản trở nào. Ông ấy lấy cùng cớ để từ khước ông Đi-giông khi ông này nài-nỉ rằng phải để trên những chiếc thuyền của chúng tôi một người mang tín-chỉ hay một sĩ-quan Trung-hoa chịu trách nhiệm liên-lạc giữa chúng tôi với các nhà chức trách địa phương Trung-hoa nếu chúng tôi có khó khăn gì cần giải quyết với họ. Lại nữa những nhà địa-hình Trung-hoa phải đi cùng lúc với chúng tôi trên một chiếc thuyền riêng nhưng không bao giờ được xa chúng tôi.

Vào lúc này, trại lính Lào-Cai quá yếu, hơn một nửa quân-số lý thuyết thường xuyên

ở tình trạng không xử dụng được. Vậy nên chỉ đem theo với chúng tôi số người ít nhất có thể được. Họ giao cho chúng tôi 15 người thuộc đoàn quân hải ngoại và 35 tán binh Bắc-kỳ để làm hộ tống ; bộ phận nhỏ này ở dưới lệnh của một Sĩ-quan nhiệt huyết, trung-úy Jây (Geil) thuộc Bộ-binh Hải-quân và ông Hăng-ri (Henri) thiếu-úy trừ-bị trẻ tuổi thuộc quân đoàn hải ngoại.

Không phải là không khó nhọc để tập hợp 6 chiếc thuyền hay đúng hơn là 6 chiếc sống trệt và những người phu cần thiết cho thủy thủ đoàn để lái chúng nó. Chúng tôi phải trưng thu bằng võ lực những phu khuân trên những chiếc ghe buôn, sự dụ hoặc bằng số lương gấp hai và thức ăn ngon không thể nào làm cho chúng quyết định đến với chúng tôi được. Ở giờ phút cuối cùng, một số tìm cách bỏ trốn và ông châu (thủ lãnh người Mường ở Chiêu-thân) đang ở Lào-Cai dẫn đến cung cấp cho chúng tôi khoảng 12 người Mường để bổ khuyết cho thủy-thủ-đoàn dù rằng họ chẳng bao giờ làm công việc của những người chèo thuyền.

Chúng tôi mang lương thực cho 20 ngày và chúng tôi đem theo với chúng tôi những con ngựa bởi vì chúng tôi có ý định đến Long-po-ho để ngược lên dọc theo bờ của nó cao nhất có thể được và ăn-định tận mắt biên-giới phía Tây xa nhất như là chúng tôi có thể tới được.

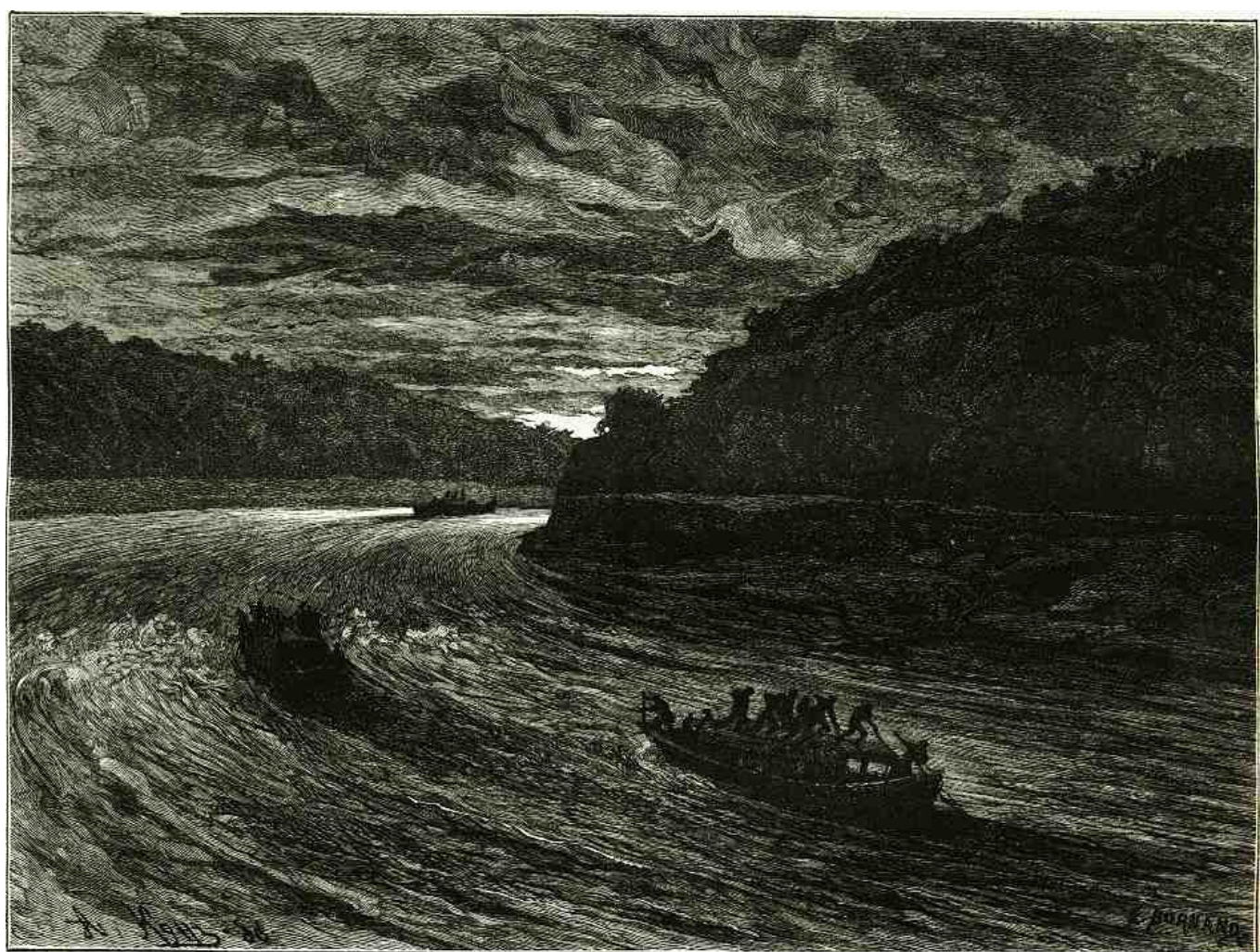
Chúng tôi phân bổ bằng cách sau đây : chiếc ghe lớn nhất đi đầu như thường lệ và mang cờ hiệu của Pháp, trên đó có các Trung-úy Jây và Hăng-ri, 4 lính thuộc quân-đoàn hải ngoại và 6 tán binh Bắc-kỳ ; Thiếu-tá Đa-ruy, Bác-sĩ Nê cùng các lính hầu của họ (2 người lính An-giê-ri) và vài tán binh Việt nam leo lên chiếc thứ hai ; chiếc thứ ba chở hai sĩ-quan địa-hình, các ông He-rông và ông Pi-nô ; chiếc thứ tư chở những con ngựa, chiếc thứ năm chở lương thực và chiếc thứ sáu lập thành đoàn hậu-vệ có 9 người lính thuộc quân-đoàn hải ngoại. Kể từ ngày thứ hai, chiếc sau cùng này, bị một con thác kéo ra giữa dòng sông, chỉ có thể trở lại bờ ở phía dưới Lào-Cai rất xa và không theo chúng tôi trong suốt phần còn lại của chuyến đi, như thế là lấy mất của chúng tôi đi hơn một nửa lính Âu-châu.

XVIII

Khởi hành đi Long-po-ho.

Những lũy của người Tàu và trại lính của họ.

Buổi sáng ngày 13 tháng 6, hai đồng nghiệp chúng tôi các ông Đi-giông và Tít-xay-rơ đến với tất cả những người Âu-châu ở Lào-Cai, luyến tiếc rằng không thể tham dự đoàn viễn hành, đưa chúng tôi đến tận những chiếc ghe và đoàn ghe nhỏ chúng tôi bắt đầu lên đường. Nước dâng rất cao nên việc giang-hành khó nhất. Khởi hành từ buổi sáng trong ngày để rồi chỉ ngừng lại vào lúc 7 giờ tối ; chúng tôi đi với những sự gắng sức lớn nhất để chỉ lên được hai cây số rưỡi trong ngày đầu và ba cây số trong ngày thứ hai !



La flottille en marche à l'approche de la nuit. - Dessin d'Eug. Burnand, d'après un croquis de l'auteur.

Hạm đội nhỏ trên đường đi, khi trời gần chuyển về đêm.

Hình do ông Burnand vẽ, dựa theo một tờ phác-họa của tác giả.

Những nhà địa hình Trung-hoa, phải cùng đi một đường với chúng tôi, có một chiếc thuyền nhẹ hơn và vận chuyển tốt hơn, ở gần chúng tôi trong suốt ngày, nhưng vào buổi tối cách xa hơn ngoài tầm mắt mà trong những ngày đầu chúng tôi không xem điều đó là quan trọng lắm. Ở mỗi khuỷu sông khi phải băng qua nó và đến cái bờ đối diện, chúng tôi mất nhiều giờ cùng sự khó nhọc trong sự vận-chuyển để có được đường đất. Chính trong một sự di chuyển tương tự mà chiếc thuyền cuối cùng bị kéo đi cho đến quá xa cái nơi khởi hành của nó. Chúng tôi đi vui-vẻ và bằng lòng, rất sung sướng để thở ra trong vài ngày một bầu không khí khác hơn là bầu không khí độc hại ở Lào-Cai và thoát khỏi sự hiện-hữu vô thú vị và nặng nề mà chúng tôi kéo dài ở đó vì không ngừng bị phiền nhiễu vì những cơn sốt hay ngay cả trong những ngày tốt nhất vì hoàn toàn ăn không ngon và một tình trạng buồn nôn không thể chịu được kéo dài.



Arrivée devant un fort chinois. - Dessin d'Eug. Burnand, d'après un croquis de l'auteur.

Đến trước một pháo đài Trung-hoa.

Hình vẽ của Eugène Burnand, theo một tờ giấy vẽ của tác-giả.

Buổi sáng ngày thứ ba, tuy nhiên chúng tôi không phải là không lo lắng ; chúng tôi bắt đầu thất vọng vì nghĩ rằng không thể đạt đến mục đích trước khi hết số lương thực cho hai mươi ngày mà chúng tôi mang theo ; lại nữa trong hai đêm đầu tiên

này những người phu chúng tôi mệt rã rời vì chuyển giang hành khó nhọc như thế nên một số khá lớn bỏ trốn dù rằng chúng đã được canh giữ cẩn thận kỹ lưỡng. Trung-úy Jêy đi đến mỗi chiếc thuyền, công kích những tán binh Việt-nam trách nhiệm trong việc bỏ trốn của các người phu và vào buổi sáng, những người canh về đêm không thấy sự ra đi của những người phu bị kết tội phải thay thế họ và phải làm người chèo thuyền. Cách thức này đem lại kết quả tốt nhất và từ rày về sau, những người canh gác Việt-nam trông coi cẩn thận hơn. Ngày thứ ba này, nước hạ xuống một ít, dòng nước trở nên ít dữ-dội hơn và trong buổi sáng chúng tôi đến trước một cái thành của Trung-hoa. Liền sau khi họ thấy chúng tôi đến thì cái thành được bao phủ bằng những lá cờ và khoảng 50 người lính chính qui mặc đồng phục xuống sắp hàng trên bờ, và khi chúng tôi tiến gần lại họ bắn lên không. Chúng tôi tiến lại chân thành và Thiếu-tá Đa-ruy, nhờ thông dịch, bắt đầu đàm phán với ông quan nhỏ chỉ huy đơn-vị. Ông này trả lời rằng ông hoàn toàn biết chúng tôi là ai, mà ông đã nhận lệnh để cho chúng tôi đi qua, và để nghênh tiếp chúng tôi nên ông đã cho xếp hàng những người lính của ông và ra lệnh bắn ngòi súng hỏa mai, tuy nhiên ông ấy bảo chúng tôi đừng để những người phu xuống trên đất Trung-hoa ngay cả để kéo những chiếc ghe của chúng tôi bởi vì ông thêm rằng « xứ sở bị quân cướp tàn phá quá nên tôi không thể nào bảo đảm vấn đề an-ninh cho các anh chừng nào mà các anh vẫn còn trên lãnh thổ Trung-hoa ».

Thiếu-tá Đa-ruy cảm ơn những vinh-dự mà ông ấy muốn đem lại cho chúng tôi, nhưng ông quá mệt nhọc để làm cho ông ấy hiểu được là chúng tôi không thể nào theo ý-kiến ông ấy được khi phải theo dọc theo hai bờ sông một cách luân phiên, theo hình dạng của bờ và hướng của các bức thành đá. Ông ấy rời chúng tôi trong lúc khuyến cáo trong mọi trường hợp chúng tôi không nên ghé vào bờ phía Trung-hoa để ở lại đêm. Chúng tôi qua mặt 4 chiếc ghe chiến đấu trang bị tốt đang bỏ neo dọc theo thành và chúng tôi tiếp tục lộ trình.

Buổi chiều chúng tôi đi được 8 cây số ; đó là một thành quả lớn ; sự vui mừng trở lại cùng với hy-vọng thành công, và vì chúng tôi đã thấy gần bờ Trung-hoa có một giải

cát thuận tiện, chúng tôi làm lập tức một cái bàn bằng những cành lá, Thiếu-tá Đa-ruy và tôi mời những sĩ-quan hộ-tống và những sĩ-quan địa-hình cùng ăn chiều với chúng tôi. Trong lúc chúng tôi ngồi lại bàn, khoảng hai chục lính chính qui Trung-hoa có vũ khí không biết từ đâu ló ra và ông quan chỉ huy chúng nó đến bảo nhỏ chúng tôi lệnh nhổ trại và đi nghỉ về phía bờ sông Việt-nam. Bờ sông này hiểm-trở, bao bọc cây cối và chúng tôi phải mất nhiều trăm mét và có lẽ nhiều cây số để đến đó. Vì thế thiếu-tá Đa-ruy trả lời cho ông quan bằng một sự từ khước quả quyết và ông quan rút lui trong khi phản đối rằng ông đưa ý kiến này chỉ vì lợi ích của chúng tôi và bởi vì ông không thể bảo đảm an-ninh cho chúng tôi.

Dẫu thế nào đi nữa, chúng tôi đã cho canh gác rất cẩn thận trong suốt đêm, điều này không ngăn cản bữa ăn tập thể chúng tôi rất là vui. Chúng tôi nhớ rằng vào ngày này, ngày 15 tháng 8 là một ngày lễ cho tất cả gia-đình chúng tôi, chúng tôi chúc sức khỏe cho nhau và cho nước Pháp, và chúng tôi chỉ chia tay rất trễ sau khi chuyện trò lâu về kết quả không chắc về chuyển viễn hành của chúng tôi. Nhất là ông trẻ Hăng-ri chưa thấy binh lửa nên rất hăng hái và tôi nghĩ như thế ; ông ấy mong muốn rằng chúng tôi có thể lên ngược đến Long-po-ho nhiều ngày về hướng Tây và ông ấy nghĩ đúng rằng chúng tôi sẽ gặp ở đó những tên cướp. Than ôi, ao ước sau cùng này chỉ được thực hiện quá sớm !

XIX

Tiền-phong.

Sự tấn công chiếc ghe của các ông Giây và Hăng-ri.

Hai ngày tiếp theo không có xảy ra hậu-quả gì, nhiệt độ duy-trì ở giữa 30 và 34 độ, những cái thác càng lúc càng trở nên lại gần và khó khăn, nhưng chúng tôi biết rằng Long-po-ho ở ít xa hơn, mà người ta đã không nói điều đó cho chúng tôi : nó chỉ cách Lào-Cai 40 cây số thay vì 60 mà chúng tôi đã tính, vì vậy từ rày về sau chúng tôi xem chắc như có thể hoàn thành sứ mạng.

Phía hữu ngạn của sông Hồng thuộc về Bắc kỳ, vẫn hoang vắng và có cây cối trong

suốt cuộc hành trình. Một vài ngôi làng hiếm hoi của người Tào lộ ra từ xa xa trên bờ hữu ngạn, ít nhô cao và không có cây cối trên triền của bề mặt của nó ; vì thế đầu rằng có ý kiến của những sĩ quan ở trong thành Trung-hoa, chúng tôi vẫn ghé vào phía bờ này để nghỉ đêm.

Ngày 18, chúng tôi phải ngã cột buồm để đi qua dưới những cây lớn và đến ngôi làng Tiên-phong người Tào trên Lào-Cai khoảng 30 cây-số. Tiên-phong là một làng nhỏ nằm trên một vùng cao trụi cây cối, ở chỗ khuỷu của một con sông. Chúng tôi gặp ở đó những chiếc thuyền nhỏ buôn trái cây và gà vịt xuống từ Mang-hao. Họ vui lòng ưng-thuận để bán cho chúng tôi một phần hàng hóa của họ. Mang hảo và các vùng lân cận của nó sản xuất nhiều trái cây loại vùng ôn đới như mận, mơ, táo và lê nhưng tất cả những trái cây này, nhất là trái lê là nhiều nhất, được hái còn rất xanh, cứng và không có vị gì, nhưng chúng nó gây ra không ít sự hài-lòng lớn nhất trong những vùng này, khi mà chúng tôi nhớ lại những trái cây ở Pháp. Thiếu-tá Đa-ruy mua trọn hết số hàng trên một trong những chiếc thuyền này với một giá rất là ít ỏi để phân phát cho các người của chúng tôi và ông chủ tỏ ra vui vẻ về bữa chợ của ông.



Tiên-Phong. Trận phục-kích lần thứ nhất.

Hình vẽ của ông Eugène Burnand.

Điều không giống như vậy khi chúng tôi tính mua hay thuê của dân làng một hay hai

trong số những chiếc xuồng đan bằng mây này cần thiết cho chúng tôi để chuyển vận những dây thừng trong lúc đi qua những con thác vì những chiếc của chúng tôi đã cũ và không sử dụng được. Họ không từ khước một cách tuyệt đối nhưng nói rằng chuyện đó phải có giấy phép của xã-trưởng, bởi vì những chiếc thuyền thuộc về làng chứ không phải của tư nhân và họ cũng cho biết rằng ông xã-trưởng vắng mặt suốt ngày. Chúng tôi để ý thấy trong làng này không có một người đàn bà và đứa con nít nào, và chúng tôi ngạc nhiên khi thấy có khoảng 12 người Tàu trang bị súng cá nhân và mặc đồ xanh của giặc Cờ Đen xuyên qua sông Hồng từ Trung-hoa sang Việt nam ở dưới chúng tôi vài trăm mét.

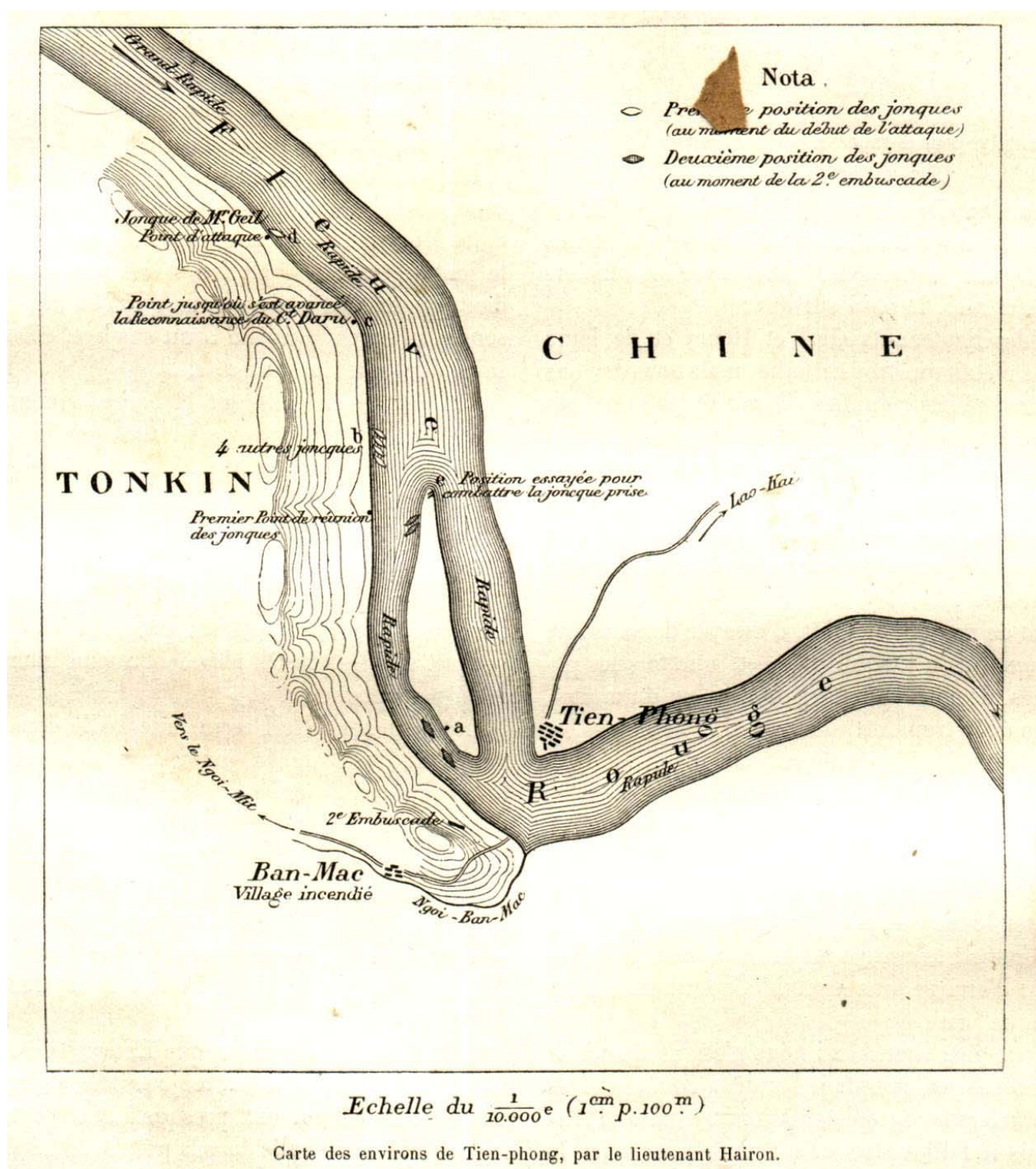
Chúng tôi để lại trong làng này ông đội Thanh, người đã theo chúng tôi trong cuộc du hành này và làm thông dịch cho chúng tôi để mặc cả việc mua bán ; ông ấy phải đến gặp chúng tôi một cách dễ dàng trong buổi tối trên một trong những cái thúng nhẹ này.

Tại nơi này chúng tôi ngang qua sông rất nhanh và trời đã tối khi tất cả các thuyền, trừ chiếc của những sĩ-quan địa-hình, đang tập trung ở điểm A trong một đảo nhỏ mà tại đó chúng tôi hy vọng được an-toàn. Chiếc thuyền của ông He-rông và Pi-nô do các người phu vụng về điều khiển sai, bị lôi kéo dọc theo phía bờ Việt nam và không thể nào vượt qua sông để đến bắt gặp chúng tôi trước ban đêm ; vì vậy những sĩ-quan này qua đêm riêng ra với những chiếc thuyền khác ; và chúng tôi lo cho số phận của họ đến ngày mai.

Đêm đến dần nhưng ông đội Thanh không trở lại. Cuối cùng vào nửa đêm, một người Tàu đưa ông này đến và tách xa ra liền cùng với cái thúng chở ông đến. Ông đội Thanh kể rằng không những ông này bị cấm không được bán cho ông một cái thúng, mà ông còn nghe phong phanh có những lời đe dọa chống lại người Pháp. Chỉ bằng với những khó khăn lớn nhất và nhờ vào một đồng bạc mà ông có thể quyết định cho một dân làng đưa ông đến với chúng tôi.

Chúng tôi có một vài tin tưởng nơi người Thổ thông minh này, đã phục vụ chúng tôi nhiều công việc rất lớn trên những vùng biên giới Quảng-tây ; nhưng mà tối hôm

đó, đối với chúng tôi ông ấy tỏ ra cho giận dữ và sợ sệt, và vì ông không có thể xác định những sự đe dọa sẽ làm để chống lại chúng tôi mà ông nghe nên chúng tôi cũng không cho việc việc đó như một sự quan trọng lớn.



Bản-đồ những vùng phụ cận của Tiên-phong, theo Trung-úy He-rông.

Theo những tin tình báo thu nhặt được trong làng Tiên-phong, chúng tôi đang ở dưới thấp một loạt những con suối rất khó vượt qua. Ngay cả người ta cũng xác nhận rằng những chiếc thuyền không bao giờ lên được cao hơn làng này ; mặt khác chúng tôi biết rằng đồng nghiệp Trung-hoa của chúng tôi, ông Hí đã nghỉ đêm ở đó

tối hôm qua ; Theo các thỏa ước đã được thiết lập, những nhà địa hình Trung-hoa đi bên cạnh chúng tôi trong ngày, thỏa thuận rằng không bao giờ qua đêm gần thuyền chúng tôi, và đã bỏ rơi chúng tôi đêm trước đó trong lúc chúng tôi dừng lại ở Tiên-phong, để tiếp tục đường đi của họ và đã mất hút ; vì vậy ít nhất chúng tôi phải toan tính đi theo họ.

Từ rạng sáng, trong lúc cùng nhau uống cà-phê, chúng tôi thỏa thuận với các ông Giây và Hăng-ri để lấy những quyết định sau đây : về phía trên cao của đảo nhỏ, tại điểm C, con sông là một cái khuyú quá rõ làm sinh ra một cái thác còn khó vượt qua hơn là đi dọc theo bờ sông mà toàn là cây cỏ rồi tung bao phủ, có thể làm cho thuyền dạt vào bờ và sau đó hầu như không thể nào kéo thuyền được. Trong tất cả những thuyền của chúng tôi, chỉ có một chiếc là có dây neo dài bằng mây cần dùng để lên được những con thác lớn. Chiếc thuyền của ông Giây chạy tốt nhất và cũng được điều khiển tốt nhất, phải lên đầu tiên trong khi 4 cái khác tập trung phía dưới cái thác tại điểm B, chờ đợi cho người ta cột dây neo về phía trên của cái khuyú, sau đó thả nổi nó theo dòng nước để nó có thể dùng kéo hết chiếc này đến chiếc khác. Những sợi dây thừng bằng mây này nhẹ và chắc chắn ; chúng nổi trên nước một cách dễ dàng và chúng tôi đã dùng nhiều lần dùng dụng cụ này để qua những cái thác. Chiếc thuyền đầu tiên phải đợi chúng tôi ở phía trên cái thác ở một địa-điểm đầu tiên thuận lợi, tại đó chúng tôi có thể nấu cơm cho người chúng tôi và chúng tôi cùng ăn sáng với nhau tại đó.

Trước tiên tất cả xảy ra đúng như những dự liệu của chúng tôi ; dù rằng sức mạnh của dòng nước, chiếc thuyền đầu tiên vượt qua cái mũi nhọn khá dễ dàng và biến mất dưới tầm mắt của chúng tôi. Vào lúc 10 giờ 30, được theo sau rất gần bởi ba chiếc thuyền khác, chúng tôi đến gần điểm B tại đây chúng tôi phải chờ cho người ta bỏ dây neo bằng mây. Không phải nghi ngờ gì nữa khi mà chúng tôi nghe một tiếng nổ lớn xuất-phát ra bởi một sự bắn đồng loạt rất dữ dội của một toán quân đông và theo sau là nhiều loạt súng rất mạnh.

Chúng tôi không thể nào biết điều gì đã xảy ra về phía bên kia của của mũi nhọn,

nhưng ngay vào giờ phút đầu tiên, về phần tôi, tôi không có một ý tưởng nào để lo lắng và tôi nói với Thiếu-tá Đa-ru « Chắc là còn một cái đồn lính Trung-hoa khác thuộc về một cái thành nhỏ đã đầu hàng, như ngày hôm nọ, khi đốt thuốc súng, lấy có rằng để đem lại vinh-dự cho chúng tôi và họ đã xem chiếc thuyền của những sĩ quan hộ tống chúng tôi là thuyền chúng tôi ». Thật vậy, chiếc thuyền này là cái độc nhất mang cờ hiệu của Pháp.

Sự coi thường của chúng tôi không kéo dài lâu vì ngay sau đó chúng tôi thấy những viên đạn lổm chổm trong nước về phía bờ Trung-hoa. Hiển nhiên đó là những loạt súng bắn ra từ phía bờ Việt-nam và chúng tôi nhận ra được tiếng kêu của những khẩu súng cá nhân Gờ-ra (Gras) của chúng tôi bắn trả lại : chiếc thuyền của các ông Giây và Hăng-ri bị tấn công. Chúng tôi vội vã đi vào bờ và trong khi đi đến đó chúng tôi vớt người lính thối kèn của đoàn quân hải ngoại bị dòng nước kéo đi nhưng vẫn còn lợi mạnh bạo để tiến đến gặp thuyền của chúng tôi. Cánh tay trái của ông bị xuyên qua một viên đạn và trong ngực một viên khác. Những lời nói đầu tiên của ông là : « Họ bị giết hết không còn một người nào và tất cả chúng ta cũng sẽ bị giết bởi vì chúng nó quá đông ».

Không thể nào có vấn đề đổ bộ để cứu cấp bằng đường đất cho các đồng bạn không may của chúng tôi. Phải thấy rằng trong lúc nước cao, những bờ sông có cây cối rậm rạp, có nhiều cành và rối rắm để biết rằng tuyệt đối không thể nào có một nơi có thể xâm-nhập lên bờ được, không khác nào người ta toan tính xuyên qua một bức tường. Dòng nước mạnh đến nỗi rằng chúng tôi không có hy vọng gì vượt qua vài trăm mét trước nhiều giờ, phần vì những người phụ hoảng lên vì sợ hãi, phần thì không có sự hỗ trợ của những dây thừng bằng mây. Trong những hoàn cảnh này, ngay cả trước khi chờ sự tập hợp của ba chiếc thuyền đi theo chúng tôi, trước tiên thiếu-tá Đa-ruy chính ông muốn biết về tình hình mọi việc. Các loạt súng chỉ kéo dài trong chốc lát, vừa mới chấm dứt, điều này chỉ còn làm chắc chắn hơn sự kể lại của người lính thối kèn bị thương. Vào lúc này chúng tôi thấy giữa sông hai người Việt nam, hoặc là tán binh, hoặc là phu, cố gắng đến bờ phía Trung hoa : một trong

chúng nó bị chìm trên đường, nhưng chúng tôi thấy người kia leo lên bờ và trốn thoát trong vùng. Sau đó chúng tôi chẳng bao giờ nghe nói đến người Việt nam này. Thiếu tá giao cho tôi việc giữ thuyền, nhào trên nước với 3 tá binh Việt nam, rồi náu vào các cành cây ở cạnh bờ để đi cho đến chỗ khủy của sông và là nhân chứng của một thảm kịch. Chiếc thuyền bị cháy ở phía đằng sau, bị chiếm giữ bởi những người Tàu mặc đồ xanh thuộc những băng đảng bất chính và chúng bao phủ cái bãi chật hẹp mà gần nó chiếc thuyền bị mắc cạn. Liền theo đó những tên cướp thấy thiếu-tá Đa-ru, các loạt súng xuất phát từ phía bờ và chiếc thuyền bị tấn công lại bắt đầu trong hướng của ông ; may thay ông không bị trúng và trở lại chiếc thuyền của chúng tôi với một sự đích thực buồn bã khi thấy những đồng bạn không may mắn đã chết. Trong thời gian này tôi cho người của chúng tôi trang bị vũ khí, vì bờ sông quá ngổn ngang dày đặc cây cỏ không thể nào thấy được một mét từ bờ của nó, tôi sợ rằng, theo lời nói của những người Việt nam rằng những tên cướp không nhảy vào thuyền trước khi mà người ta có thể dùng vũ khí tấn công ; vậy nên tôi cho gắn kiếm lưỡi lê vào nòng súng và sẵn sàng đẩy lui nếu có một cuộc tấn công. Tôi chỉ còn lại hai lính hầu cận và bốn tá binh Việt nam, và lại còn 3 chiếc thuyền sau cùng, kể cả chiếc có chở hai sĩ quan địa hình, sẽ bắt kịp chúng tôi ít lâu sau và khi mà được tụ họp lại và có sự đề-phòng, chúng tôi có thể chống trả một cuộc tấn công dù rằng vị trí bất lợi của chúng tôi. Những viên đạn mà chúng toan đạt đến thiếu tá Đa-ru trong lúc ông trở về bay ngang đúng trên đầu của chúng tôi, và không một tên cướp nào dám trở ra ngay chỗ quẹo của con sông, khi mà chúng tôi không được an-ủi để gọi đến chúng nó vài phát súng.

XX

Sự toan-tính để giải thoát chiếc thuyền đầu tiên. Cuộc phục-kích thứ hai.

Thiếu-tá Đa-ru, trong lúc vắng mặt các sĩ-quan hộ-tống, hiển-nhiên đã nắm lấy quyền chỉ-huy, đã chấp thuận sau một hồi nghị-quyết ngắn với các sĩ-quan địa-hình

và tôi kế hoạch như sau :

Cái chết của những trung-úy Giây và Hăng-ri và những đồng bạn của họ là điều quá chắc chắn, nhưng chúng tôi phải làm hết sức để báo thù họ và không để những tên cướp lấy chiếc thuyền và nhất là thi-thể của hai đồng bạn chúng tôi. Toan ngược lên hữu ngạn của dòng sông để mở ra một cuộc tấn công chỉ là một hành động điên rồ vô ích ; chúng tôi chỉ có thể tăng thêm số lượng nạn nhân mà không có một chút may mắn nào để thành công. Vì vậy chúng tôi quyết định qua trên cái đảo nhỏ, toan từ cái mũi nhọn của nó khai hỏa trên chiếc thuyền bị chiếm và một khi các tên cướp xa ra, trả lại cho chúng tôi làm chủ, hay ít nhất nếu đám cháy quá mạnh thì thu hồi các người chết và có thể là những người bị thương nếu còn ở đó. Nếu từ mũi của cái mũi nhọn mà không thể nào thấy được nơi bị phục kích, điều mà chúng tôi không thể nào xét đoán được từ nơi chúng tôi đang ở, thì lúc đó phải toan vòng quanh chiếc thuyền để đến được phía hữu ngạn Trung-hoa và dọc theo bờ này lên ngược cho đến phía trên nơi bị tấn công, tại đó tất cả chúng tôi tính vượt qua sông cùng một lúc để chiếm chiếc thuyền bị lấy.

Kế hoạch này có nhiều may mắn : chúng tôi chỉ có 8 hay 10 người Âu-châu kể cả 2 ủy-viên và 2 sĩ-quan địa-hình và khoảng 30 người Việt-nam. Tuy nhiên phải mất nhiều giờ để đi trên lộ trình và sau thời gian này sự can thiệp của chúng tôi tỏ ra quá vô ích ; nhưng trong lúc này đối với tất cả chúng tôi, đó tỏ ra là giải pháp duy nhất phải tính và đối với chúng tôi không thể nào phải từ bỏ một cách hèn hạ khi ngồi im mà không tính tất cả những gì có thể làm được.

Vì vậy chúng tôi lên đường để đến đảo nhỏ. Nhưng những người phu quá đói hoảng sợ làm cho sự điều khiển thuyền trở nên khó khăn ; hai chiếc thuyền, chiếc của những sĩ quan địa hình và chiếc chở những con ngựa không thể đi đến đích và bị dòng nước cuốn đi. Tôi lợi dụng sự xuyên qua này để xem lại một cách kỹ lưỡng hơn những vết thương của người lính thổi kèn mà người này chưa có một cái băng tạm thời nào của tôi. Vết thương trên vai không làm tổn hại một cơ quan nào quan trọng và viên đạn trúng ngực, sau khi vòng cái sườn, không xuyên qua phổi ,đã đến biển

mất dưới da ở chỗ vai, ở đó chúng tôi có thể trích lấy nó một cách dễ dàng. Đó là một người vùng An-dát-xiêng (Alsacien) mạnh bạo, một trong những người can đảm này, đúng hơn là thuộc những người lính Phổ, thích phục-vụ cho tổ-quốc đích thực của họ hơn, ngay cả với tư cách là người ngoại quốc và chính họ tạo thành phần ưu-tú nhất của quân đoàn hải ngoại, ông này kể lại chi tiết trận tấn công vừa xảy ra :

« Việc đi qua cái thác tương đối dễ dàng và chúng tôi ngừng lại gần một bãi cát chật hẹp tỏ ra thuận tiện cho việc nghỉ lại ăn trưa, cách vừa khoảng 200 mét ở phía trên chỗ khuỷu của sông. Những tán binh Việt nam và những người phu xuống đất và tìm cây khô để nấu cơm ; hai trung-úy ngồi trên mái thuyền trông coi người của họ trong khi chờ chúng tôi, khi mà không thấy người nào, cũng không nghe một tiếng ồn khả nghi nào, thì thành lính nổ lên loạt súng liên hồi mà chúng tôi đã nói ở trên. Những tên cướp ẩn núp rất gần trên bờ nổ súng đồng loạt cùng với sự chính xác cao độ, chỉ nhắm vào những người còn trên thuyền và tất cả đều bị trúng do loạt đạn bắn ra đầu tiên này. Nhiều người lính và phu đang tụ họp xung quanh lửa của bếp nhóm vào phía sau, những viên đạn rớt vào phần này và những que củi cháy dở bị tung ra khắp nơi, chắc chắn là làm mồi cho cái thuyền, mà các tên cướp không có lợi gì đốt nó quá vội như vậy.

Trung-úy Giây bị một viên đạn trong đầu và ngã ở cuối thuyền. Trung-úy Hăng-ri bị thương ở cánh tay, tập trung những người còn có thể mang được súng cá nhân và làm diễn hình khai hỏa vào các tên cướp khi mà chúng tiếp tục bắn không ngớt. Những người đã xuống đất bị bắn hết người này đến người kia, cho đến khi mà họ toan lên trong thuyền để tìm vũ khí của họ nhưng không một người nào đến được thuyền. Tất cả việc đó chỉ kéo dài trong vài phút. Khi các tên cướp thấy ông Hăng-ri và người lính thối kèn là những người duy nhất còn đứng, luôn luôn bắn trả, chúng nó nhào ra trên bãi. Trong lúc mà hầu như để đầu súng sát vào địch, ông Hăng-ri bị một viên đạn xuyên qua ngực và ngã xuống ; người lính thối kèn cũng bị trúng đạn, nhào trong sông ; thế là các tên cướp xông vào thuyền và nhiều người trong chúng nó nhả đạn trên người lính thối kèn đang bị dòng nước cuốn đi rất

nhanh và một viên đạn xuyên qua cái mũ nồi. Thế nên người ta thấy rằng làm sao ông này có thể được cứu vớt bởi chúng tôi trong vài giây sau đó. »

Câu chuyện này, được kể ra với nhiều ớn lạnh vài phút sau nội vụ, tiếp theo đó được lập lại nhiều lần bởi ông lính thối kèn, không có một biến đổi nào, vậy nên chúng tôi có thể xem đó như là sự tự thuật chính xác điều gì vừa xảy ra.

Vậy thì chỉ còn hai chiếc thuyền trong đảo nhỏ, chiếc chúng tôi và chiếc chở lương thực. Chúng tôi chỉ còn lại với chúng tôi 12 người Việt nam và hai người lính hầu của chúng tôi. Thiếu tá Đa-ruy không vì đó mà từ khước đồ án của ông : sau khi cột neo kỹ những chiếc thuyền, tất cả chúng tôi đi đến đầu mút của đảo (điểm E) từ đó chúng tôi hy-vọng có thể khai hỏa.

Không biết rằng trên đảo còn các tên cướp hay không, chúng tôi đi hàng dài, thiếu-tá Đa-ruy đi đầu, súng ngắn cầm tay và tôi đi sát hàng hay là cạnh sườn, mang một cái xách gấp thành như một cái túi, những băng vải và những xơ vải cũ, trang bị cây gậy của tôi và với cái này tôi giữ hàng đi của những lính trẻ Việt nam, mới đến gia nhập vào trung-đoàn chúng tôi nên không tỏ ra có một sự gan dạ to tát cả nào. Và chẳng tôi được giúp đỡ bởi 2 lính bộ binh của chúng tôi, hoan-hỉ về viễn ảnh được trao đổi vài viên đạn với các tên cướp.

Khi đến mũi nhọn của đảo, chúng tôi thấy rằng từ nơi này chúng tôi không thể đánh kẻ địch tại chiếc thuyền bị cháy một cách có lợi, chúng tôi thấy phía trên cái mũi nhọn những ngọn lửa lớn và khói : nó đã hoàn toàn bị bốc cháy. Và lại chúng tôi không nghe một tiếng súng nào nữa từ lúc có sự thám-thính của thiếu-tá Đa-ruy khi đi vòng dòng sông ; chúng tôi không thấy một tên cướp nào và chúng tôi nghĩ rằng chúng chưa rút lui vào phía trong đất liền, vì vậy chúng tôi không thể nào nghĩ đến việc thu nhặt bằng một cái giá phải trả cho sự nguy hiểm quá lớn trong khi mà những người Tàu đã có ý bỏ rơi để lánh đi xa.

Trong khi mà chúng tôi nghị quyết điều còn lại phải làm và thiếu tá Đa-ruy không có thể quyết định vừa đánh vừa rút lui thì chúng tôi nghe ở phía hạ lưu và không xa chúng tôi nhiều tiếng súng đồng loạt dài, tiếp theo sau là nhiều loạt súng dữ dội.

Không còn nghi ngờ gì nữa, hai chiếc thuyền bị kéo đi bởi dòng nước đã bị tấn công bởi một ổ phục kích thứ hai. Con đường chỉ dẫn phải theo trở nên quá rõ ràng : phải cứu những người sống và bỏ lại những người chết ở đó. Chẳng khác nữa, chúng tôi đang ở giữa hai ổ phục kích nên vị trí chúng tôi rất là xấu. Chúng tôi xuống thuyền vội vã và thấy chiếc thuyền chở những con ngựa bị cuốn đi trong một cơn xoáy và nhận nhiều loạt súng dữ dội từ phía bờ Việt-nam khi mà nó cũng bắn trả lại một cách dũng cảm.

Thiếu-tá Đa-ruy ra lệnh tất cả chiến-sĩ nằm áp sát xuống phía trong mái thuyền, dùng phần lồi ra của nó như là nơi ẩn náu ; ông cho chiếc thuyền chở lương thực ra đi và chúng tôi theo sau nó một khoảng ngắn, sẵn sàng bảo vệ cho sự rút lui bởi vì bây giờ chúng tôi sợ có thể bị tấn công từ tất cả các phía.

Chúng tôi bị dòng nước kéo đi rất nhanh nhưng chúng tôi không thể cưỡng bức các người phu dùng mái chèo của họ để lái chiếc xuống. Nằm dài ở cuối thuyền, không có đánh đá gì, cũng không có sự đe dọa chết chóc nào có thể quyết định làm cho họ phải nhúc nhích. Chúng tôi đã bị giết một phần, mà chúng tôi cũng không có cách nào để làm cho những người khác đứng dậy vì bị điên lên do sợ hãi, vậy nên chúng tôi bị dòng nước kéo theo rẽ vào gần phía hữu ngạn và đến về phía mũi nhọn của đảo, chúng tôi bắt đầu nhả đạn vào các tên cướp.

Bị lôi cuốn do nhiều cơn xoáy của con sông, chúng tôi làm nhiều vòng tròn vện nhưng không thành công để điều khiển các người phu của chúng tôi. Vị trí chúng tôi rất xấu vì hai người lính hầu và các tán binh Việt nam của chúng tôi không còn được bảo vệ bởi phần lồi của mái nên bị trống trải nhưng họ bắn ra cũng nhiều mà hầu như làm dập tắt tiếng súng của những tên cướp và chúng tôi đi qua mà không có một người nào bị thương. Trên chiếc thuyền chạy trước chúng tôi, chỉ có một người phu bị một viên đạn trên ót.

Tất cả sự việc này, từ lúc có sự tấn công vào chiếc thuyền ông Giây chỉ kéo dài trong thời gian rất ngắn. Vì vậy nếu tính khoảng cách giữa trận phục kích thứ nhất và thứ hai, hiển nhiên không thể nào chấp nhận rằng các tên cướp tham-dự trận thứ

nhất có thời gian để đến trước làng Tiền phong hay tham dự vào trận thứ hai. Thật sự có hai toán đông, hành động riêng biệt nhưng hiệp-đồng để tấn công chúng tôi. Chúng tôi vội vã đi tìm hai chiếc thuyền khác, chiếc chở các sĩ-quan địa hình và chiếc chở những con ngựa vì theo cường độ của sự chạm súng chúng tôi sợ rằng có một số lớn bị thương. Trong lúc đi qua trước làng Tiền-phong, chúng tôi ngạc nhiên khi thấy đàn bà và trẻ con từ trên cao của làng nhìn chúng tôi một cách tò mò. Tuy nhiên họ không ở xa nơi bị phục kích thứ hai và khi họ phải để lộ ra cho thấy như thế là quả có ý quá chắc chắn muốn nhắc rằng không nên bắn vào hướng của họ. Chúng tôi chỉ bắt gặp hai chiếc thuyền nhiều cây số ở phía dưới thấp. Tôi băng bó những người bị thương, may quá không có nhiều, và tất cả ăn sáng ngon lành sau tất cả những xúc động này khi các ông Pi-nô (Pineau) và He-rông kể cho chúng tôi nghe những mạo hiểm của họ.

XXI

Những sĩ-quan địa-hình. Sự trở về Lào-Cai.

Đi từ cùng một điểm với chúng tôi, họ bị dòng nước kéo đi ; thuyền của họ bị quay tròn chìm xuống trong những cơn xoáy và các người phu, vụng về và điên lên, không còn cách nào để lái nó nữa. Vì thế, không thể nào cập vào bờ, họ đã đến ở phía Nam mũi nhọn của đảo nhỏ, mà và vì họ vừa qua khỏi đảo lớn vài sải, trung-úy kỵ binh Phi-châu He-rông, người bơi rất xuất sắc, lấy hết can đảm cầm một sợi dây neo và nhảy xuống sông để kéo nó vào đất.

Không thể nào lên đất được, đối với họ tức là bỏ rơi cuộc chiến vì giảm hơn một nửa lực-lượng và đã quá bị thu hẹp để thi hành kế hoạch được qui định chung. Vì thế có thể giải thích sự toan tính điên rồ của trung-úy gan dạ He-rông khi ông không thể làm gì được do sự vụng về và có lẽ là sự bạc nhược của các người phu, bị thúc dục phải lánh xa nơi nguy-hiểm, nên ông tự hiến mình cho một cái chết hầu như chắc chắn trong lúc lao mình vào cái thác. Dòng nước mạnh quá đến nỗi mà dây neo bị tuột ra liền khỏi những bàn tay của ông và chính ông bị kéo theo cơn xoáy nên sau

đó vài giây bị cô lập ở giữa sông. Trong lúc này, về phía bờ Việt nam trước mặt làng Tiền-phong, nhiều tiếng súng đồng loạt tiếp theo sau là nhiều loạt súng liên-hồi xả vào chiếc thuyền và những viên đạn rơi như mưa xung quanh ông He-rông khi mà dòng nước đã cuốn ông đi về phía bờ bên phải.

Trung-úy Pi-nô đang ở tình trạng không thể nào cứu vớt cho đồng bạn của ông đâu là ít nhất, nhưng mặc dù ông ấy, trong lúc ở trên chiếc thuyền của ông khi nó đi xa ra, không còn điều khiển nữa vì tất cả những người phu đã biến mất khi cùng đường, nhưng ông vẫn còn nhả đạn rất mạnh vào các tên cướp.

Từ khi có các loạt súng đầu tiên, người hạ-sĩ-quan thuộc bộ binh hải quân (những tán binh Việt nam) đã bị thương ở bàn tay vì hai viên đạn, làm ông gãy cánh tay, và trung-úy Pi-nô cầm một khẩu súng cùng với các người của ông bắn ra những phát súng cho đến lúc chúng ở ngoài tầm hiệu lực.

Hạnh-phúc cho trung-úy He-rông. Chiếc thuyền chở những con ngựa cũng vậy vì thiếu ông Pi-lô và bị dòng nước kéo đi quá không xa ông ấy và ông đã cầm một dây thừng mà người ta ném cho ông để ông có thể lên thuyền tổ chức sự phòng vệ. Một người phu và nhiều con ngựa bị thương nhưng mà tóm lại không có người nào bị đạn chết vì trận phục kích thứ hai này. Chúng tôi đến vào lúc mà chiếc thuyền chở những con ngựa đã ở ngoài tầm đạn và người ta thấy rằng chúng tôi đi qua mà không bị cản trở nhiều.

Không thể nào còn có vấn đề tiếp tục cuộc hành trình trong những điều kiện tương-tự nên chúng tôi cam chịu trở lại Lào-Cai. Chúng tôi đi một cách rất nhanh chỉ trong 3 giờ là hết cái lộ trình mà chúng tôi đã đi một cách rất là cực nhọc trong 6 ngày, và chúng tôi xuống thuyền một cách quá buồn bã ở bến Lào-Cai này, mà tại đó chúng tôi đã ra đi tin-tưởng và sung-sướng 6 ngày trước đó. Những người lính của quân-đoàn hải ngoại từ rày về sau gọi nơi xuống thuyền này là bến Bất hạnh. Chúng tôi không hề nghĩ đến những nguy hiểm cá nhân mà chúng tôi đã gặp, nhưng mỗi lần ở giữa các bạn chúng tôi ở Lào-Cai, cái chết của hai người đồng đội dũng cảm của chúng tôi và đồng bạn của họ, ngay trong buổi sáng ra đi đã rất hăng hái, không

khỏi gây cho chúng tôi một sự đau đớn sâu xa.

Thiếu-tá Đa-ruy đã xử trí quá dững cảm trong hành động, giờ đây tất cả nguy hiểm và tất cả trách nhiệm không còn với ông ấy nữa tuy vậy ông hoàn toàn mất tinh thần vì việc mất đi hai sĩ quan của ông và điều đó tác động không ít trong chứng bệnh dai dẳng và cực nhọc mà ông đã mắc phải kể từ ngày này. Và lại, không một người nào, hoặc là Âu-châu hoặc là Việt nam có tham gia vào cuộc viễn chinh thiếu may mắn này mà thoát khỏi bệnh sốt rét rừng ; tất cả bị nhiễm sốt trầm trọng hoặc nhiều hoặc ít trong những ngày sau khi chúng tôi đến.

Khi chúng tôi nhớ lại quyết định của ủy-viên Híe là không cùng đi với chúng tôi, sự biến mất của hai sĩ-quan địa hình Trung-hoa hôm trước cuộc tấn công, sự từ khước của ông Châu không muốn để một người mang tín chỉ ở trên mạn thuyền của chúng tôi, những ác cảm của dân làng Tiền-phong đối với chúng tôi và sự năn-nì của những sĩ-quan Trung-hoa đã buộc chúng tôi là đừng dừng lại nghỉ trên phía bờ Trung-hoa, thế nên với tất cả những điều đó, rất khó cho chúng tôi khi không đổ lên người Tàu trách nhiệm của trận tấn công này. Nhưng mặc dù điều đó, vì chúng tôi bị tấn công trên lãnh thổ Việt nam bởi những người không mặc đồng phục của lính chính qui Trung-hoa, chúng tôi vẫn không có bằng chứng đầy đủ nào để kêu nại một cách chính thức.

Việc âm-mưu mai phục đã qua rõ lộ liễu để khỏi cần phải chuẩn bị lâu dài. Nếu trận phục kích đầu tiên có đủ kiên nhẫn để chờ đợi sự hội đủ 5 chiếc thuyền trên cái thác thì sẽ không một người nào trong chúng tôi trở về được ; nhưng bị lầm lẫn vì cờ hiệu của Pháp chỉ phấp phới trên cái thuyền đầu tiên, nên những tên cướp nghĩ rằng những ủy-viên Pháp có mặt trên chiếc này và đó chính là điều tránh cho chúng tôi cái số phận của ông Giây và ông Hăng-ri.

Ngày hôm sau, những sĩ quan địa hình Trung hoa đến Tiền phong. Theo lời họ kể, thường là mâu thuẫn, họ không xa chúng tôi khi có trận tấn công ; họ ở gần của chỗ quanh sấp đến và nghe các loạt súng mà đầu tiên họ không hiểu chuyện gì xảy ra, rồi họ bị một toán cướp ở bờ phía Việt nam đe dọa, tuy nhiên không tiếp nhận

những phát súng nào. Trong lúc trở lại, họ thấy thuyền của chúng tôi hoàn toàn bị đốt. Sau đó là ông Híe đến, ông này đã đến tận Long-po-ho nhưng ông bệnh và không thể đến gặp chúng tôi. Những ủy-viên Trung-hoa khác đến chúc từ chia buồn chúng tôi. Nếu theo ông Híe, sự chỉ đạo của thiếu-tá là không đúng nhưng điều này không được chứng tỏ khi từ khước cùng đi chung với chúng tôi, ông ấy bị trừng phạt vì mấy ngày sau khi ông trở về, ông chết ở Sông-phong trong một cơn ác tính.

Đó là một ông quan nhờ tiền bạc mà được chức tước, là con trai của một người buôn bán thuốc phiện giàu ở Quảng-châu. Vì tham vọng ông chấp nhận nhiệm vụ cực nhọc là ủy-viên của chính phủ ông trong việc định ranh. Ông có dẫn con trai ông theo và ông này cũng chết vì cơn ác tính trong cuộc hành trình mà ông này thực hiện để đưa xác của cha ông về Quảng-châu. Sự quan hệ của chúng tôi với ông Híe luôn luôn thân mật nhất. Chính ông ấy tiếp đón tôi khi tôi đi săn sóc ủy-viên Trương-kỳ-Sơn khi ông ấy ở lại với ông này và sự tiếp đón của ông ấy luôn-luôn ân cần nhất. Tuy nhiên phải nói rằng tôi chịu trách-nhiệm với ông Đi-giông vài ngày trước khi chúng tôi khởi hành để thu xếp với ông ấy những điều kiện trong việc đi, ông ấy đã thú nhận một cách ngây thơ với chúng tôi rằng ông tính không đi cùng với chúng tôi vì nghĩ rằng rất nguy hiểm khi theo chúng tôi ; vậy quá đúng rằng ông đã được cảnh báo về cuộc tấn công mà chúng tôi phải chịu.

Những người Tàu trong xứ này cũng không thể chịu đựng giỏi hơn chúng tôi để chống lại bệnh sốt rét ngã nước trong mùa mưa. Trong những vùng này, việc du hành ngay trên sông vào thời điểm này trong năm luôn luôn nguy hiểm và chúng tôi biết rằng chẳng bao giờ một ông quan của Lào lên đường từ tháng sáu đến tháng mười trên sông Cửu long hoặc trên bất cứ những phụ lưu nào của nó. Chúng tôi thấy rằng không có một chút cẩn thận nào nữa khi du hành trên sông Hồng vào lúc này.

TRÊN VÙNG BIÊN-GIỚI BẮC-KỲ (2/2)

Tác-giả : Bác-sĩ P. NEIS

XXII

Việc định-ranh trên bản đồ. Bệnh của những nhân viên trong ủy-hội. Sự trở về Hà-nội của tôi. Chấm dứt việc định-ranh ở Lào-Cai.

Thấy rằng dầu với tất cả thiện chí của tôi, việc định ranh trên đất hiện thời tuyệt đối không thể thực hiện được, nên từ ngày 10 tháng 8 ông Đi-giông viết cho ông chủ-tịch Châu để đề nghị ông ấy nghiên cứu một dự án về định ranh căn cứ trên sự so sánh những bản đồ và những tài liệu Trung-hoa và Việt nam mà hai phái đoàn có. Cùng một lúc, ông đánh điện tín về Bộ để chứng minh sự cần thiết phải làm bằng cách này, nếu người ta muốn rằng công việc khó nhọc mà người ta qui định cho chúng tôi trong mùa hè này có một kết quả hữu ích.

Những ủy-viên Trung-hoa vui lòng chấp nhận giải pháp này nhưng họ không thể cam kết trước khi tiếp nhận sự phúc đáp mà họ thỉnh thị ý kiến ông Tổng-lí-Danh khi ông này ở quá xa chỗ điện tín, mà phải tính sự chậm trễ từ 30 đến 40 ngày trước khi có lời phúc đáp.

Vậy thì chúng tôi còn phải lưu lại một thời gian dài ở Lào-Cai. Chúng tôi dùng thì giờ này để làm việc trong khi chờ đợi sự cho phép đã được đệ trình. Chúng tôi đã nói rằng Thiếu tá Đa-ruy quá bệnh, tôi cũng không chậm trễ khi bị mắc phải một cách trầm trọng hơn ông ấy, vậy thì cả tôi cả ông không người nào có tham dự chút gì vào công việc định ranh trên bản đồ này. Tất cả khó nhọc dồn về cho ông Đi-giông và Đại-tá Tít-xây-rơ có trung-úy He-rông trợ giúp mà ông này cũng không ít bệnh hơn chúng tôi.

Vài ngày sau khi chúng tôi trở về từ Long-po, chúng tôi nghe những tin đồn làm cho lo lắng đến từ nhiều nguồn gốc : đường điện tín bị cắt nhiều lần liên tục, những

chiếc thuyền buôn bị tấn công, người ta cho biết rằng có nhiều băng đảng bất chính đang tập trung về Lào-Cai. Lính trong đồn chúng tôi quá yếu và cũng quá bệnh để nghĩ đến việc đi thám thính, nếu có cũng chỉ cách thành phố vài cây số và những đội tuần thám nhỏ này cũng đã nhiều lần nhận những phát súng.



Sur la pointe de l'île (voy. p. 374). — Dessin d'Eug. Burnand, d'après un croquis de l'auteur.

Trên mũi nhọn của đảo.

Hình vẽ của ông Eugène Burnand, phỏng theo tờ giấy vẽ của tác giả.

Những đồng-nghiep Trung-hoa của chúng tôi cũng không an tâm gì hơn chúng tôi và ông Tang trước đó ở làng Song-phong, trong ngôi chùa mà chúng tôi dùng như nơi hội họp, cũng bỏ đi lên trên cao và ở gần ông Châu trong một yếu địa trông xuống Lào-Cai.

Dân chúng Sông-phong càng lúc càng đông và họ tỏ ra bạo dạn khi vượt qua Nam-sĩ vào một buổi tối lúc 10 giờ để đến phóng hỏa một trong những ngôi nhà của người

Tàu ở ngoài cửa Lào-cai và làm bị thương nhiều nhà buôn người Tàu. Trước khi mà lệnh báo động được đưa ra thì sự việc đã xong và các tên cướp đã biến mất.

Vài đêm sau đó, từ phía thượng cảng, họ đến toan đốt nhà của những người Việt nam ; và nhiều lần đồn lính tán binh Việt nam ở trước mặt chúng tôi, về phía bên kia sông Hồng, có nhiệm vụ canh giữ sở nuôi bò, cũng bị tấn công ban đêm và các tên cướp bắn vào đó những hỏa tiễn và địa lôi để toan đốt. Thêm vào chuyện đó, nhất là những phu trạm (người mang thư bản xứ) thường bị bắt giữ, hầu như chúng tôi không có tin tức gì, điều này không phải là một trong những sự tước đoạt ít nhạy cảm nhất.



Pagode de Lan-kay. — Dessin d'Eug. Burnand, d'après une photographie du lieutenant Hairon.

Chùa Lào-Cai.

Hình do ông Burnand vẽ, dựa theo một tấm ảnh của Trung-úy Hairon chụp.

Mỗi buổi tối, những ngọn đồi xa bị lệnh giới nghiêm, nhờ vào đó những loạn quân ra những dấu hiệu. Một bà già liên lạc cho một cái chùa nằm trên một đồi nhỏ ở phía dưới Lào-cai chưa được một cây số, bị nhận thấy khi ra dấu tương ứng với những

ngọn đèn trên các ngọn đồi nằm bờ bên kia của sông Hồng. Bị theo dõi rất kỹ nên bà ấy bị bắt ngờ trong một đêm vì sự sự chiếm đóng bởi Đại-úy thuộc quân-đoàn hải ngoại sau khi làm một cuộc tuần thám có dẫn theo 4 người. Họ lục soát ngôi chùa và tìm thấy ở đó 3 người Tàu có vũ khí mà họ toan dẫn về Lào-Cai ; nhưng họ đã giết chúng nó trên đường đi sau khi có sự toan tính tẩu thoát. Kể từ lúc này họ đặt một trạm nhỏ trong chùa, họ cũng xây công-sự cho hai ngọn đồi nhỏ nhìn xuống kinh thành, nhưng cũng không cách những đồn của chúng tôi là mấy ;trong một vùng có nhiều rừng như thế nên chúng tôi không được an toàn.

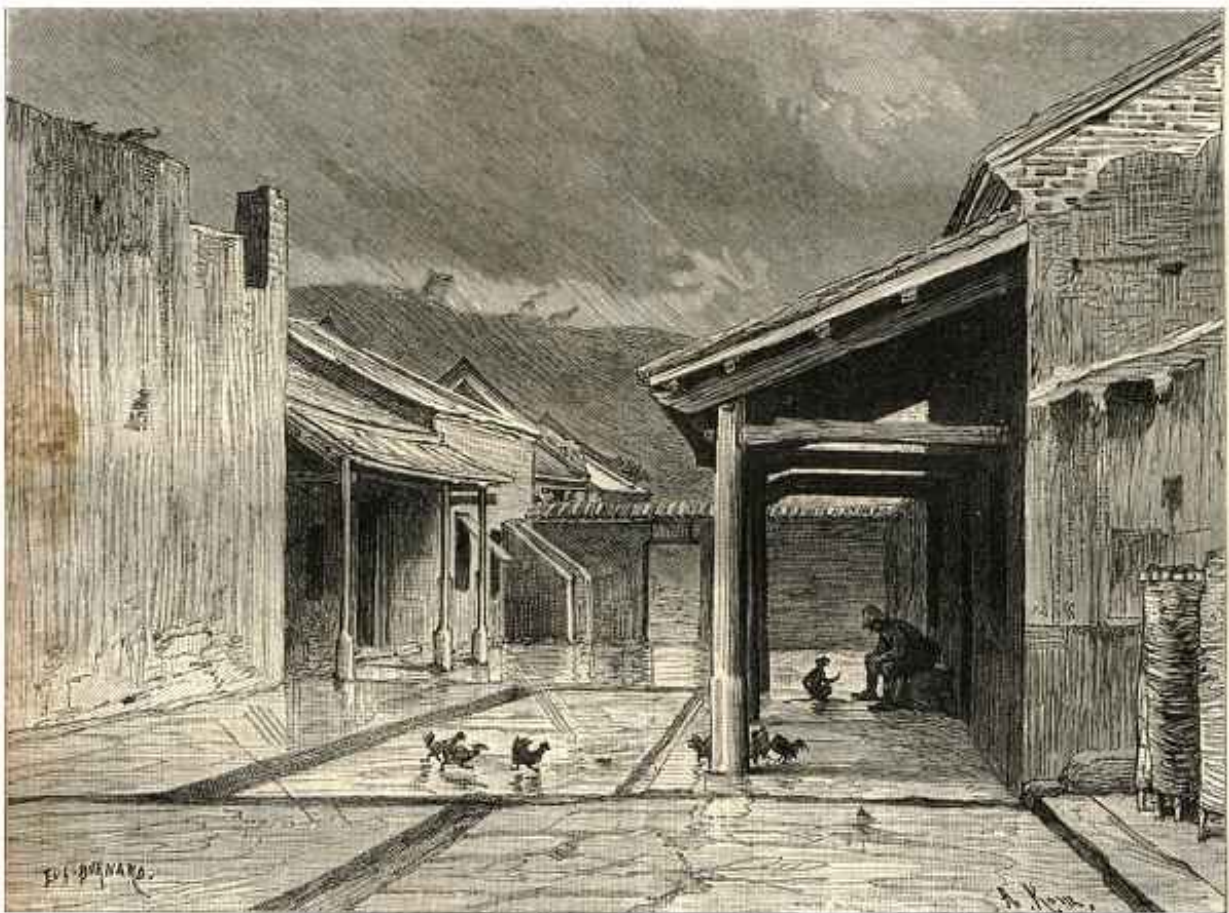
Ngay cả những cuộc đi dạo ngắn ngoài thành phố vẫn là bất cẩn, và trong sự bất động cưỡng bách này, tiếp theo sau những cơn sốt liên tục và những sự buồn chán, tinh thần của đồn lính xuống thấp ; một trong những phụ tá của ủy-hội hoàn toàn mất lý trí và chính nhiều sĩ quan trở thành cáu kỉnh và mẫn cảm ở điểm mà chỉ có ý tưởng về bốn phận và nguy hiểm chung là ngăn cản được những cuộc cãi vã mà chỉ làm cho buồn rầu về sau này.

Tháng 8 và tháng 9 trôi qua như thế. Người thư ký của ủy-hội, ông Đơ-lâng-đa ở trong nhiều ngày giữa cái chết và cái sống, chịu nhiều đau đớn dữ dội trong bụng dưới và thiếu-tá Đa-ruy càng lúc càng yếu dần nên có quyết định gởi họ về Hà nội để bình phục. Vùng đất cũng chưa hoàn toàn được bình định, không có sự buôn bán nào sẵn sàng phục hồi lại như Đại tá Mốt-xi-ông đã tin tưởng theo lời nói tốt phỉnh phờ của những nhà chức-trách Trung-hoa. Nhân viên quan thuế được gởi đến đó như nhân-viên tình báo, đã cố gắng điện tín về Hà nội một cách vô ích khi mà trong đó người ta viết thói phòng lên trong tờ công báo chính thức rằng cánh thương mại lấy lại ưu-thế.

Chúng tôi không ít bị bao vây bởi những kẻ thù bao gồm những băng đảng của Tàu, hoặc nhiều hoặc ít chính thức, nhưng trong mọi trường hợp chúng được trang bị và được tiếp tế ở làng Tiên-phong. Nhiều phụ tá của Lưu-vĩnh-Phúc tuyển một cách dễ dàng những cựu đảng Cờ-đen, hiện tại không có việc làm, và các thương gia cầu an, tôi không dám nói là thật thà, quen bị chúng nó bắt phải chuộc tiền nên

không thể nào sửa đổi gì hơn tình trạng hiện tại.

Trong những hoàn cảnh này, sự hiên diện của ông công-sứ dân-sự ở Lào-Cai tỏ ra không lợi ích gì cho chính phủ : Người ta đã đưa đến đó Đại-tá Pen-lơ-chi-ê (Pelletier) kiêm tất cả quyền hành dân-sự và quân-sự và ông Mát-tanh Đuy-pông bị triệu hồi về. Dù rằng có những lời phản đối của ông muốn ở lại Lào-Cai, chúng tôi vẫn phải lợi dụng sự ra đi của ông để thành lập một đoàn thuyền để có thể đi an toàn nên tôi đã quyết định vĩnh viễn cho thiếu tá Đa-ruy trở về Hà-nội nhưng trong khi đó một tai nạn trầm trọng xảy đến làm thay đổi quyết định này.



Une rue de Laokay. — Dessin d'Eug. Burnand, d'après une photographie du lieutenant Hairen.

Một đường phố ở Lào-Cai.

Hình do ông Burnand vẽ, dựa theo một tấm ảnh của Trung-úy Hairen chụp.

Suốt trong tháng tôi đã bị lên nhiều cơn thuộc dạng đảm trấp, nhưng liền sau đó, những cơn chấm dứt, tôi hồi phục nhanh chóng và tôi đã không quá mất nhiều sức lực, nhưng vào buổi sáng ngày 1 tháng 10, tôi bị chứng thổ huyết đến nỗi mà tôi tưởng là chết liền. Tôi vội vã đi đến Bác-sĩ Mát-ten Đuy-pông ở trong cùng ngôi chùa

và ông bắt tôi chịu một sự điều trị rất mạnh ; nhưng mặc dù có điều đó, nửa giờ sau tôi bị thổ ra hai lít máu và tôi ở trong một tình trạng bất tỉnh nhân sự, chân tay lạnh cứng và không thể nào cử động.

Thiếu-tá Đa-ruy không muốn nghe nói về việc ra đi của ông ; ông đòi hỏi rằng tôi lấy chỗ của ông trong chiếc thuyền để đi khi nào mà tôi chịu đựng nổi sự chuyên-chở. Ngày 4 tháng 10 chúng tôi đi Hà-nội, có Bác-sĩ Mát-ten Duy-pông luôn luôn theo sát và săn sóc và với ông này tôi mang ơn lớn nhất và chúng tôi đến Hà-nội ngày 8. Ở đó chúng tôi được tiếp đón bởi ông Khâm-sứ Vi-an (Vial) và ông này cho tổ chức một chiếc xe điện để chở ông Đờ-lăng-đa và tôi đến bệnh viện, tôi ở đó một tháng.



Une porte de Laokay (voy. p. 375). — Dessin d'Eug. Burnaud, d'après un croquis de l'auteur.

Cửa Lào-Cai.

Hình do ông Burnand vẽ, dựa theo một tờ giấy vẽ của tác-giả.

Sau khi tôi rời khỏi Lào-Cai, những sự cho phép của hai chính phủ để tiến hành việc định ranh trên bản đồ đến ngay sau đó. Sức khỏe thiếu-tá Đa-ruy phục hồi dần dần nên trợ giúp các ông Đi-giông và Tít-xây-rơ để khai triển công việc một cách nhanh chóng và chẳng bao lâu nữa sẽ đạt đến kết quả tốt nhất.

Chính vì thế mà trên bờ hữu ngạn của sông Hồng, những tỉnh người Mường Phong-thổ, Lai-châu, Điện-biên-phủ và các tỉnh khác, trước tiên bị khiêu nại bởi các đồng nghiệp Trung-hoa và phó-vương Vân-nam muốn ghép vào, nhưng theo một thỏa thuận chung, nó được thừa nhận như là lãnh thổ Việt nam.

Trong thời gian này sự nguy hiểm tăng thêm ở Lào-Cai : những tên cướp bạo dạn gấp đôi và có mặt khắp nơi mà người ta không thể nào thấy chúng nó, cắt đường điện tín, bắt giữ những người đem thư, cướp bóc những chiếc thuyền lẻ loi và nhục mạ hằng đêm các tuyến phòng thủ của chúng tôi.

Vị tư lệnh Pen-lơ-chi-ê chỉ đem đến rất ít viện binh nên dù rằng có sự hăng hái của ông và tất cả những gì ông làm để nâng cao tinh thần quân đội, tình trạng vệ sinh vẫn không có cải thiện gì. Trong tháng 10, bốn người Âu châu trong đó có một hạ sĩ quan chết trong vòng 3 ngày vì sài uốn ván và trong số lính của các quân đoàn hải ngoại, chỉ còn không được hai mươi người là đủ sức khỏe.

Vì vậy vị tư lệnh Pen-lơ-chi-ê bắt buộc cố thủ một cách chặt chẽ trong kinh thành để đợi mùa thuận tiện và những tăng viện mới để tìm cách quét sạch những tên cướp. Sau các công tác của ủy-hội vào cuối tháng mười, ngay cả có sự cẩn thận ông vẫn không tin tưởng khi để cho những ủy-viên Pháp xuống thuyền về Hà-nội. Nhiều tin tình báo ăn khớp chỉ dẫn cho thấy những ủy-viên như là mục tiêu chính yếu của các băng đảng bất chính. Vì vậy các đồng nghiệp của chúng tôi bị kẹt ở Lào-Cai cho đến cuối tháng mười một và chỉ từ lúc đó, sau khi tiếp nhận được quân mới đến thì vị tư lệnh mới bắt đầu mở một chiến dịch dữ dội kéo dài trong vài tuần lễ, chống lại các tên cướp, trong đó ông đã quét sạch các băng đảng bất chính, đem lại an ninh trong

vùng và ông đã vào ở tại đó, bắt từ xứ Châu cho đến Mường lay phục tùng và chỉ trở về Lào-Cai khi có lệnh của cấp trên.

Những ủy-viên có thể theo dòng sông xuống mà không bị cản trở và họ đến trong những ngày cuối cùng của tháng 11, mệt mỏi nhưng bằng lòng về kết quả của sự mạng của họ, tuy nhiên trong khi lên bờ họ biết được tin buồn là ông Ha-ít-xơ, đồng nghiệp và cũng là bạn vừa bị ám sát trên vùng biên giới Quảng đông.

XXIII

Các ông He-ít-xơ và Bô-hen đi Móng-cái. Móng-cái trước khi người Pháp đến.

Trong tháng 10 tôi nằm ở bệnh viện, khi đó thì các ông Ha-ít-xơ và Bô-hanh đang lúc an dưỡng nên đã đi đến bờ biển để lấy lại sự bình-phục hoàn toàn, ở trong một lều tranh tại quần đảo Đồ-sơn mà ông Pôn-be (Paul Bert) đã cho xây cất và ông này sẵn lòng để cho họ xử dụng.

Vào cuối tháng này, những đại biểu Trung-hoa trong ủy-hội của hai Quảng mà với họ chúng tôi đã có hẹn vào lúc này ở Móng-cái, đã cho ông Thống-sứ biết rằng họ đã đến Kim-châu, tỉnh lỵ Trung hoa gần nhất và đợi chúng tôi đến. Dù rằng vùng này bị rối loạn, có những người Tàu và các tên cướp cư trú mà ngay cả những người dân thật thà nhất cũng sống nhờ vào buôn lậu, nhưng ông Pôn-be, thể theo lời khẩn-cầu của ông Toàn quyền công-sứ ở Bắc-kinh, thấy cần thiết phải đưa đến Móng-Cái người độc nhất trong thành phần của phái đoàn Pháp rảnh rang trong lúc này là ông He-ít-xơ đến trước gặp các ủy-viên Trung-hoa, mà sự hiểu biết tiếng Trung-hoa của ông sẽ cho phép làm việc tốt hơn. Vì vậy ông phải hội đàm với các đồng nghiệp của chúng tôi, chuẩn bị công việc trong khi chờ các nhân viên khác của phái đoàn Pháp ; và trung-úy Bô-hen theo ông, bắt đầu thiết lập địa hình các khu lân cận.

Chúng tôi không được quên để thêm ở đây để giải tỏa trách nhiệm của họ vì rằng ông Di-giông được tham khảo vào một lúc mà đường điện tín mới vừa được thiết lập

lại, và đã thấy rằng việc gửi một mình ông He-ít-xơ ra biên giới là hoàn toàn không đúng lúc, và tướng Gia-mông (Jamont) tư lệnh quân đội, đã tuyên bố rằng trong lúc này ông không tin có thể phân bổ đủ quân số để bảo đảm an-ninh cho vùng Móng-cái nên ông chống lại việc gửi đến thành phố này một ủy-viên Pháp cùng một lực lượng quân sự không đủ. Bị thúc giục bởi ông Cồng-x-tăng (Constans), Phủ Thống-sứ tin rằng phải vượt trên tất cả những nhận xét này và người đồng nghiệp trẻ của chúng tôi chỉ nghĩ đến sự can đảm của ông nên đi Móng-Cái. Đi trước ông ấy là trung-úy bộ-binh thuộc hải-quân, ông Goi (Goy), giữ chức vụ phó công-sứ, cùng một trợ tá phòng công-sứ và khoảng 60 lính khố xanh Việt nam ít được luyện tập đến hạ trại trong một kinh thành cũ Việt nam cách thành phố Móng-cái khoảng một cây số. Ông He-ít-xơ, dẫu rằng là ý kiến của ông, muốn ở ngay cả trong trung tâm thành phố của người Tàu, tại đó ông được tiếp đón khá tử tế và lúc đầu không hề có lo lắng nào. Cùng ở với ông có khoảng 30 bộ-binh dưới lệnh của trung-úy Bô-hen, và thấy rằng được an toàn nên sau vài ngày ông này đi với 25 người đến mũi Paklung để thực hiện địa hình nơi quan trọng này. Ông He-ít-xơ dù rằng sống lâu với người Tàu nhưng đã quá tin tưởng họ. Lẽ phép, uyển chuyển, nói chung không có thể làm sai nếu điều đó không có thể đem lại cho họ sự lợi nhuận ; những người Tàu thông minh làm ngạc nhiên và quyến rũ hầu hết những người Âu-châu mà họ giao thiệp. Trong lúc nghe họ giảng giải về khoa-học và ngay cả về luân-lý, cùng một sự chiêu đãi tử tế, mới thấy rằng họ cũng thích làm ra vẻ được bàn luận với người đồng đẳng, tuy nhiên cần cào một ít cái lớp bóng giả tạo này để thấy ở dưới đó con người mọi rợ.

Có một cái vực thẳm giữa tư-tưởng của một người thuộc giống Mông cổ và của chúng tôi : họ cảm thấy, họ suy nghĩ khác chúng tôi ; những ý-tưởng của họ về luân-lý, danh-dự, thiện ý, không có gì giống cái của chúng tôi. Đã bao nhiêu lần chúng tôi thấy những đồng nghiệp Trung-hoa của chúng tôi nói không ngừng về sự chân thành của họ, nhưng không thể nào chối cãi điều đó được khi mà họ đã phạm việc nói láo quả tang, không cảm thấy một sự lẫn lộn nào dù là ít nhất và thỏa mãn

vui cười sự thất bại vì sự quý quai của họ ! Chắc hẳn họ thông-minh và văn-minh, nhưng sự thông minh của họ khác nhiều sự thông-minh của chúng tôi, sự văn-minh của họ cũng vậy. Chúng tôi không nói rằng nó thấp hơn, chúng tôi chỉ nói rằng nó khác. Và lại ông He-ít-xơ không dự vào cuộc mai-phục ở Long-pô-hô nên không có thể hình dung được rằng những đồng nghiệp của chúng tôi, mà chúng tôi bàn luận với họ ở Quảng-tây, có rất nhiều quan-hệ tốt như thế, nhưng đã có thể làm được khi mà không báo cho chúng tôi một cơn nguy cấp sắp đến !

Để hiểu những biến cố xảy ra từ ngày 23 đến ngày 29 tháng 11 thì cần phải biết rõ Móng-Cái trước khi ông He-ít-xơ đến và lợi ích chính yếu mà các người dân cần phải bảo vệ sự độc lập mà họ đã được thủ đắc. Để làm việc đó, người ta đã cho phép chúng tôi mượn một phần lớn nhất các tin tức theo sau đây, trong lúc đính chính một ít, của một quan sát viên người Anh nổi tiếng, ngài Giem-mờ X-cót (James scot) đã lưu lại ở đó từ đầu năm 1885.

« Sau đảo Vạn-ninh là tỉnh Quảng-đông của Trung-hoa tiếp giáp biển, nó phân cách tất cả cái vùng ở xung quanh vịnh Oánh-xuân với phần còn lại của tỉnh Quảng-yên, rồi nó chấm dứt tại đây ở sông Pak-lam. Dòng nước sông Pak-lam đánh dấu đường biên giới từ phía Bắc mà ở đó núi Vạn sơn làm thành một dãy dùng như là biên giới cho đến tỉnh Lạng-sơn. Như thế rõ ràng sự can thiệp này, trên một mảnh đất thuộc phía Trung-hoa giữa hai phần nhỏ thuộc lãnh thổ Việt nam chỉ làm gây ra những khó khăn vô tận.

Móng-cái là hải cảng mà các tên cướp biết quá rõ khi chúng đặt căn cứ trên lãnh thổ Bắc-kỳ và đã bỏ rơi bằng đảng để trở thành những tên ăn trộm lẻ tẻ. Đảo Vạn ninh chỉ là một châu-thổ thành lập bởi sông Pak-lam và Móng-cái nằm ở trên đỉnh của châu thổ này.

Khi đến từ biển, người ta ngược lên sông Pak-lam giữa đảo Vạn ninh và đất liền, người ta tưởng rằng đi gần đến vùng khô cạn và hoang phế mà sẽ không gặp bóng dáng một con người nào ; nhưng thành linh khi không cần một sự chuyển dịch nào dù là ít nhất, nguyên thành phố Móng-cái hiện trước mặt các anh. Từ cái liếc mắt

đầu tiên, người ta chợt thấy một cách dễ dàng rằng dù ở trên lãnh thổ Bắc-kỳ, nó không có gì là một thành phố Việt nam cả. Làng Việt nam thường bao gồm những túp nhà nhỏ nghèo nàn lợp bằng rơm : Móng-cái được xây bằng gạch chắc chắn với những mái bằng ngói mà người ta thấy trong khắp Thiên-đế. Thật sự người ta bị đập vào mắt cảnh dễ chịu và tiện nghi của nhà cửa. Khó mà thấy ở đó một cái nhà mà trên mái không có máng xối có đầu con rồng và một cái mái hiên bao phủ bằng những chậu hoa. Những cửa vào các đường phố được trang hoàng bằng những bức vẽ tượng trưng một cái cây mà các cành của nó được treo lên một câu liễn trên đó ghi một câu châm ngôn có tính cách luân-lý rút ra từ các nhà triết học xưa. Tất cả những cái cửa được củng cố bởi hàng rào vững chắc làm bằng những cây tre lớn mà nó không sợ gì tất cả mọi toan tính bẻ phá để đột nhập. Ở phía ngoài mỗi nhà và đặt trong tường, người ta để ý thấy một bàn thờ nhỏ mà ở đó mỗi ngày những cây nến và những thẻ nhang thơm dùng để lôi kéo các phước đức từ hoàng thiên xuống cho gia chủ có phẩm hạnh.



Village dans l'île de Vanninh. — Dessin d'Eug. Burnand, d'après une photographie du lieutenant Hairen.

Ngôi làng trong đảo Vạn-ninh.

Hình do ông Burnand vẽ, dựa theo một tấm ảnh của Trung-úy Hairen chụp.

Sự trật tự và yên tĩnh ngự trị trong những đường phố rất thích nghi cho việc cư trú của các nhà giàu có. Dân cư khi làm công việc mình được che bởi những chiếc lọng

làm bằng lụa nước Anh, họ ăn mặc cũng sang trọng như những đại-thương-gia ở đường phố Hoàng-hậu thuộc Hồng Kông, bằng những chiếc áo dài bằng lụa màu xanh, màu xám hay màu trắng, tùy theo từng mùa, những chiếc giày đẹp bằng gấm thêu và các chiếc tất ngắn màu trắng. Người ta không gặp ở đó những người Bắc-kỳ nào khác ngoài một hay hai người phu và vợ những người Tàu ; không có một người công chức nào khác hơn là hong-see, một loại thị trưởng. Có một số người phu làm việc cho những cơ sở buôn bán đi lại ban đêm trên những đường phố, gõ trên những cây tre để chứng tỏ họ đang thức, báo giờ và la lên rằng không có tên cướp nào lộ ra, cũng không có nhà nào bị cháy. Cứ cách khoảng một trăm mét, người ta gặp những cửa hàng lớn, ở đó chất đầy những hàng hóa ăn trộm được hay cướp bóc được từ khắp các nơi ở vịnh Bắc-kỳ : thuốc phiện, những cái xách bằng lụa hay bằng vải, gạo, muối, dầu đậu phộng, trà, quế, sau cùng là tất cả những sản phẩm các vùng xung quanh. Tại đây, chúng được phân biệt ra và dồn chung vào kho vì người ta không có buôn bán lẻ ở Móng-cái ; các thương-gia liên kết với các tên cướp và các tên buôn lậu, chỉ thương lượng với nhau trên những kiện hàng nguyên. Đó đây, người ta gặp những nhà cải huấn dành cho những người đàn bà bị bắt trộm, phần lớn là người Việt nam ; người ta giáo dục họ theo cách Trung-hoa, người ta dạy họ tập quán Trung-hoa để tăng thêm phẩm chất trên thị trường Hồng-kông và Thượng-hải ; và khi nói về Hồng-kông, ông X-cốt tỏ lời tức giận : « Sự tổ chức chính thức việc buôn bán các người nô lệ trong một trong những thuộc địa của chúng tôi thuộc vương-quốc là một sự sỉ nhục đối với nhà cầm quyền ».

Trước mặt Móng-cái, trên lãnh thổ Quảng-đông là ngôi làng Tống-hình có một chòi canh, mà ở đó người ta không thấy việc buôn bán, cũng không thấy sự giàu có. Đó là một xóm nhỏ của tỉnh-lỵ Kim-châu và ông quan nhỏ cai trị nó là một người tính tình dễ dàng và có cái nhìn rộng rãi về phương diện luân-lý. Ông không thể nào quên rằng ông là nô bộc của hoàng-đế và người trách nhiệm trước các nhà chức-trách của tỉnh, nhưng mà ông cũng phải nhớ rằng những nhà buôn ở Móng-Cái đều giàu và có thể lực nên nhân thế mà ông hành động. Ông thường qua sông Pak-lam

để gặp các bạn của ông ở phía bên Việt nam và ông luôn luôn được tiếp đón một cách thân mật bởi vì không một danh-dự nào quá lớn đối với một ông quan khi cho phép những chiếc thuyền chèo đầy vượt qua sông Paklam và thấy có hơn một nghìn những đoàn lũ hành giàu có trên đường đi Kim-châu.



Mirador de Tong-hin-kai. — Dessin d'Eug. Burnand, d'après une photographie du lieutenant Hairon.

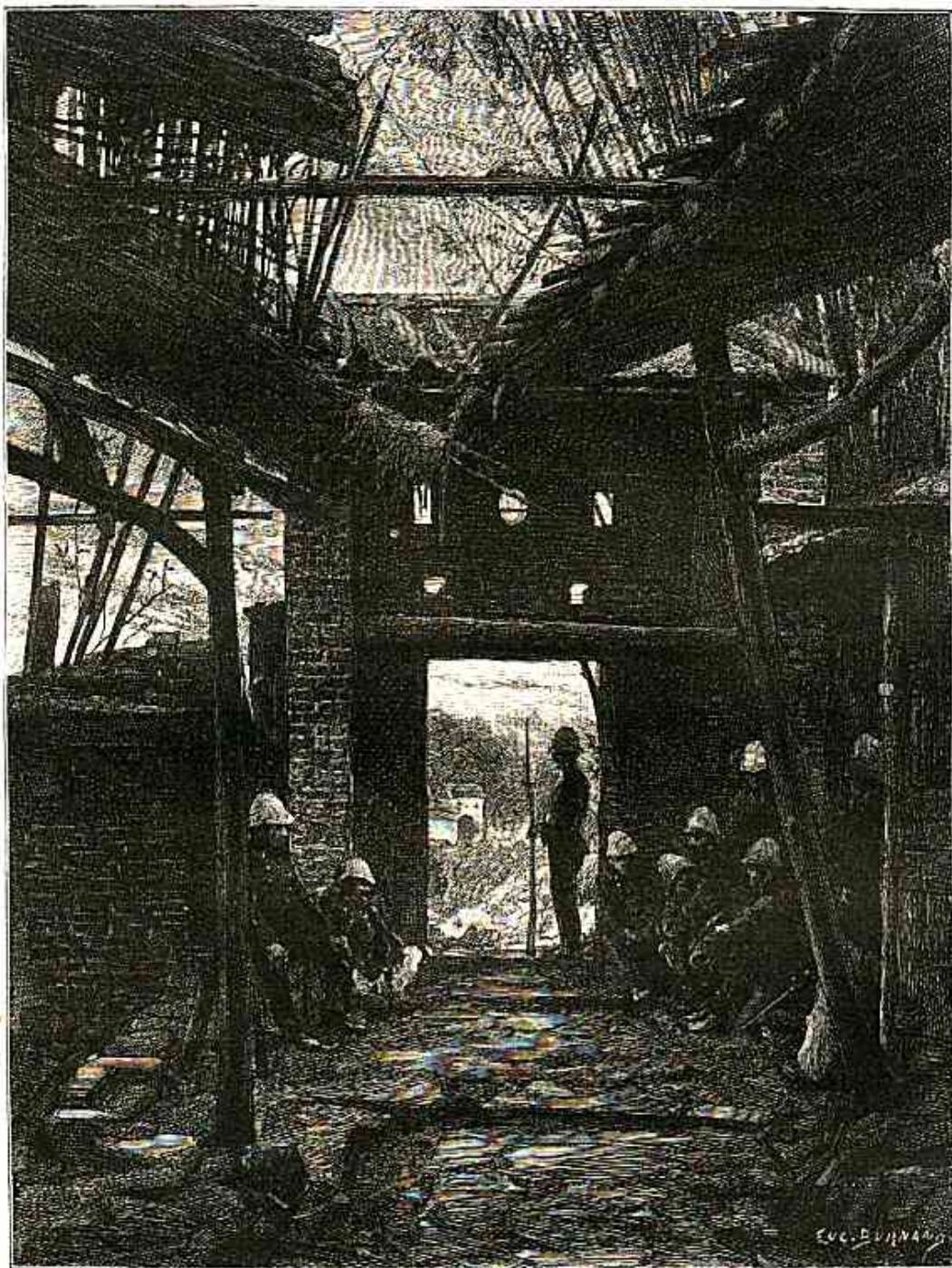
Chòi canh làng Tổng-hình.

Hình do ông Burnand vẽ, dựa theo một tấm ảnh của Trung-úy Hairon chụp.

Làng Tổng-hình luôn luôn có một trại lính có mấy trăm lính chính qui, làm cho đồn này ồn ào và mất vệ sinh vượt ra ngoài tất cả mọi lời phát biểu. Nhiều tên cướp cũng từ hàng ngũ của họ mà ra để trợ giúp cho việc vun đầy lên những cửa hàng ở Móng-Cái, và nhiều người lính Quảng-châu đã xâm nhập vào Bắc-kỳ bằng sông Paklam vào năm 1883 và 1884.

Thật sự có một ông quan Việt nam trong đảo Vạn ninh, nhưng ông quá tự bảo vệ vì sợ sệt những chủ nhân người Tàu ở Móng-cái và nếu ông tính chuyện đó bởi vì ông sẽ không ở lâu trong đảo. Ông sống hăm hiu cách về phía Đông Móng-cái khoảng một dặm, trong một ngôi làng lấy tên của đảo. Đó là một cái xóm có hơn hai mươi túp nhà nhỏ bằng đất, làm sơ sài mà ở đó ngay một ít mưa cũng biến con đường thành vũng bùn lầy dày hơn một bàn chân. Những đứa con nít trần truồng và nhóp nhúa, toàn thân bao phủ ung nhọt, lang thang trong rác rến cùng với những con

heo ; cha mẹ chúng là những người ăn mặc lôi thôi rách rưới. Người ta thấy chỉ những cửa hàng là được làm thành một nơi trú ẩn bằng tre phía trước các căn lều và người ta mua tất cả các loại hàng hóa có ở đó bằng một nắm tiền. Người công chức Việt nam ở trong một cái thành giả và hầu như ông cũng dơ và rách rưới tả tơi như những người cùng xứ của ông. Ông này thỉnh thoảng cũng đi Móng cái và ông làm cái gì tốt nhất để làm vui lòng những người Tàu, như trưng thu cho họ những ngư phủ Việt nam khi họ cần những người phu. Ông X-cốt kết luận rằng nước Pháp sẽ thấy bị cưỡng bức phải hủy bỏ Móng-cái để bảo đảm hòa bình trong tỉnh Quảng-yên.



Un poste à Monkay. — Dessin d'Eug. Burnand, d'après une photographie du lieutenant HIRON.

Một đồn lính ở Móng-Cái.

Hình do ông Burnand vẽ dựa theo một tấm ảnh do Trung-úy HIRON chụp.

XXIV

Sự lưu-trú ở Đồ-sơn. Ông thần phù-hộ của biển.

Sự trở về Hà nội.

Theo những gì có trước đây, người ta thừa nhận rằng ngoài người Bắc-kỳ khi sống bằng việc lao động trên đất đai mà đối với họ quá vô tư khi mà phải thay đổi những ông chủ ; các dân cư vùng Móng-Cái cũng như là tất cả những người Tàu ở vùng

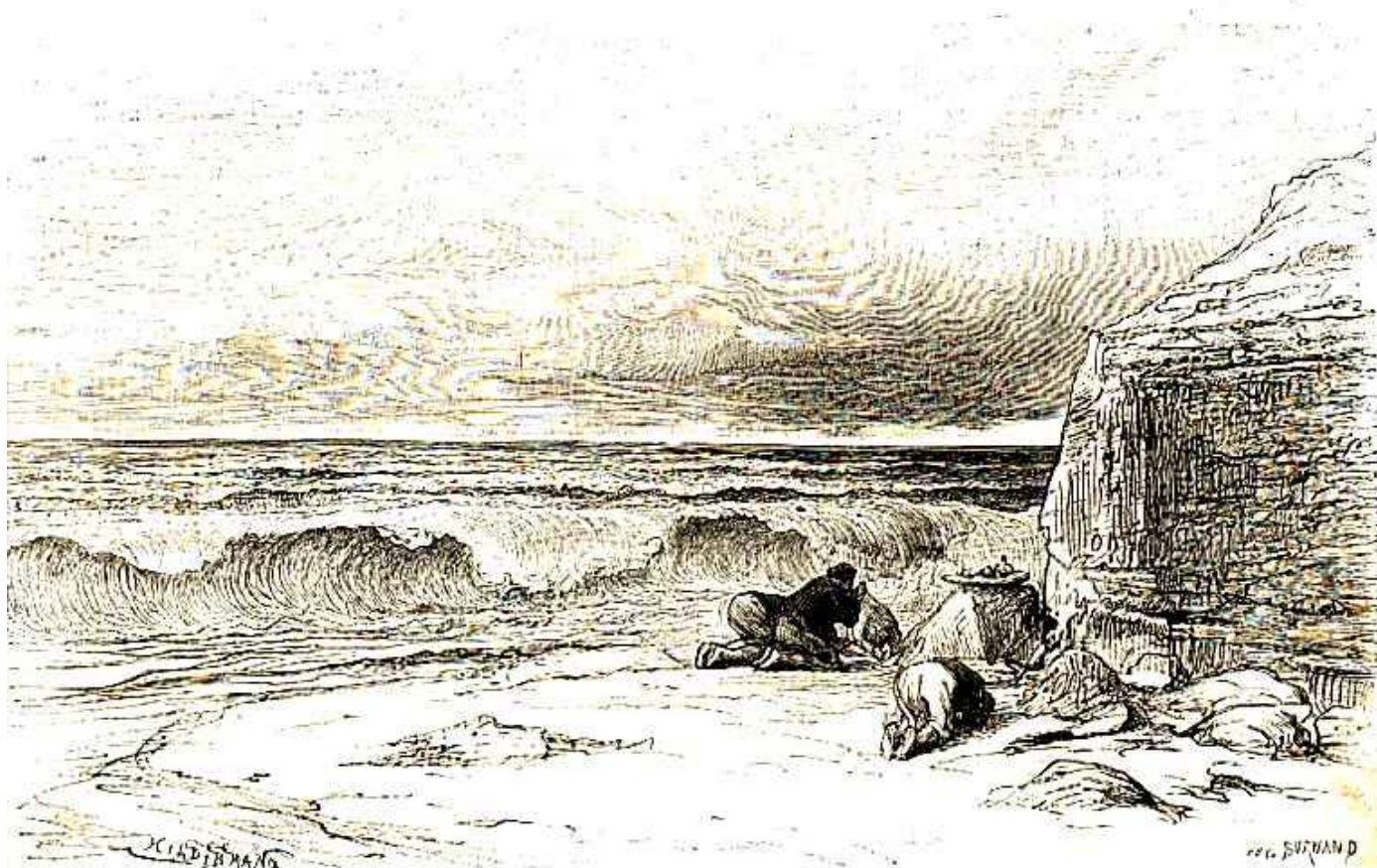
biên giới sống nhờ vào các sản phẩm do cướp bóc và buôn lậu, nên thấy buồn chán khi xứ sở được thiết lập trật tự chính thức bằng sự chiếm đóng của người Pháp và việc hoạch-định biên-giới.

Những ông quan Tàu ở vùng biên-giới không phải là ít giận dữ về sự thay đổi chế độ này ; vì từ lâu tất cả vùng này phải làm việc dưới các nhà chức trách Trung-hoa.

Nhiều tin tình báo cho chúng tôi biết việc đó sau này và tôi trích đoạn sau đây mà sự thực- chúng đã được chứng tỏ cho chúng tôi :

« Trong dòng tháng 9, ông quan chịu trách nhiệm về hàng hải ở Long-môn, lúc đến chỗ vào sông Kim-châu, đã đến trong vịnh Pak-lung cùng với hạm đội của ông và đổ lên đảo Vạn-ninh nhiều ông quan Trung-hoa. Những ông này mời các kỳ hào đến báo cho họ rằng những ông quan lớn do hoàng cung ở Bắc-kinh cử đến để hoạch-định biên giới với Bắc-kỳ đang ở trên sân thuyền của họ và họ đến để cho các ông này những huấn thị. Những kỳ hào phải tuyên bố thuộc lãnh thổ Trung-hoa tất cả các vùng giữa mũi Paklung và Tien-hien ; nếu người Pháp toan chống lại chủ trương của họ, người ta sẽ đánh chúng nó và đuổi chúng nó đi một cách dễ dàng.

Vì các kỳ hào do dự và tỏ ra cho thấy rằng trong mọi trường hợp, việc làm chứng của họ sẽ dễ dàng bị nói ngược lại bởi các dân cư của ba vùng giáo dân Bắc-kỳ vì họ sẽ trở thành người Tàu bằng cách này và đặc biệt các người thiên-chúa-giáo ở đảo Trà-cô, quản trị bởi các linh-mục bản xứ (phái bộ Tây-ban-nha). Những ông quan trả lời : « Vấn đề này sẽ dễ giải quyết, các anh đừng sợ gì về phía người Pháp ; các anh thấy rằng họ không có tàu chiến trên bờ biển chúng ta, họ cho các người lính của họ về Pháp và họ giảm số lính của họ để dùng lính người Việt nam, những ông quan lớn Pháp muốn bỏ rơi Bắc-kỳ ; và họ sẽ làm điều đó lập tức nếu họ gặp nhiều khó khăn ».



La prière au génie de la mer (voy. pl 338). — Composition d'Eug. Burnand, d'après les indications de l'auteur.

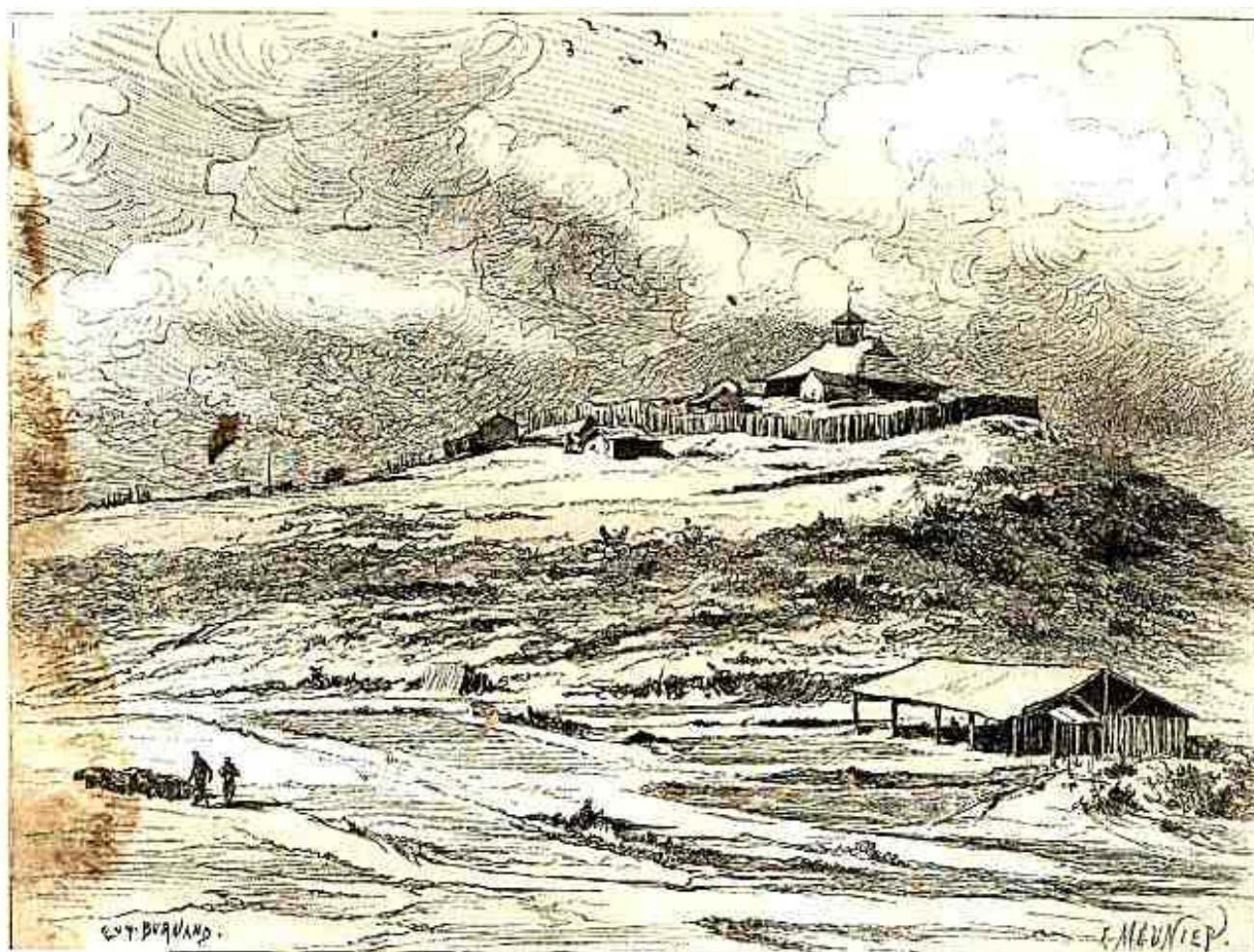
Cảnh vài người dân đang làm lễ thờ cúng thần biển.

Hình do ông Burnand vẽ, phỏng theo lời diễn-thuật của tác-giả.

Nhiều điều trong những chủ trương này chỉ là việc quá đúng thôi, người ta biết chuyện đó nên đem lại sự tin tưởng nơi những thương-gia người Tàu ở Móng-Cái mà họ có tất cả lợi ích để không có chuyện thay đổi chế độ.

Ông Goi, phó công-sứ đang ở với các lính khố xanh của ông trong kinh thành Việt nam mà ở đó ông cảm thấy như bị giam lỏng nên bắt buộc phát hỏa mỗi lần mà ông cùng với toán hộ tống đến vùng đất bao vây (tên mà người ta gọi vùng đất Bắc-kỳ ở giữa mũi Paklung và đảo Trúc-sơn của Trung-hoa xung quanh vịnh Oánh-xuân). Ông không hề biết gì về tất cả những âm mưu này và chờ đợi một cuộc tấn công nghiêm trọng khi được cảnh báo rằng những toán đông người được thành lập trên lãnh thổ Trung-hoa, nhưng chưa xem đó là nguy hiểm quá gần ; ông nghĩ rằng sau khi ông Bô-hen và He-ít-xơ đến thì ông phải đi Hải-phòng rồi Hà-nội để tường trình về tình hình và xin chỉ thị. Trước khi đi ông lại mời ông He-ít-xơ đến ở trong kinh thành nhưng ông này nghĩ rằng ở giữa thành phố sẽ an ninh hơn, lại nữa được bao bọc

bằng những hàng rào kiên cố và có nhiều thương-gia giàu có cư ngụ mà chúng tôi đã nói. Ngoài ra ông được canh giữ bởi một cái đồn nhưng không may quá ít người.



Environ de Monkey. — Dessin d'Eug. Burnand, d'après une photographie du lieutenant Hiron.

Vùng phụ cận Móng-Cái.

Hình do ông Burnand vẽ, dựa theo một tấm ảnh của Trung-úy Hiron chụp.

Trong khi mà những nhân-viên của uỷ-hội bị kẹt ở Lào-Cai và ông He-ít-xơ chờ ông S E Teng một cách vô ích ở Móng-Cái, vì ông là chủ tịch phái đoàn Trung-hoa tỉnh Quảng tây mà chưa thấy đến, và trước mặt ông này, ông He-ít-xơ đã được tiến đi ; thì tôi đang trải qua một tháng quá dễ chịu trong quần đảo Đồ sơn. Vì tôi còn rất yếu khi ra khỏi bệnh viện để có thể nghĩ đến việc gặp lại các đồng nghiệp của chúng tôi nên ông Pôn-be rất ân cần khi dành cho tôi ngôi nhà tranh lộng lẫy mà ông cho xây trên một tảng đá ở tận mút của quần đảo Đồ-sơn và có gió biển thổi vào đủ hướng.

Một bãi biển cát trắng đẹp trải dài cho đến tận chân tảng đá và một khách sạn nhỏ

của người Pháp được quản lý rất tốt, được xây ở mút của bãi biển để cho các người tắm biển từ Hải phòng đến tắm ở đó vào mùa hè và hồi phục lại sức khỏe của họ nhờ hít gió nồm của biển.

Sau này có lẽ người ta phải nghĩ đến việc thiết lập, khi chiếm hữu Vùng Đông-dương, những viện điều dưỡng ở miền núi tương tự như những thành-phố hành-chánh trong Hy-mã-lạp-sơn mà người Anh ở ; bởi vì nếu chúng ta không có Hy-mã-lạp-sơn ở Viễn đông, chúng ta cũng có những cao-nguyên đủ cao như cao-nguyên Bô-lô-ven (Boloovens) hay cao-nguyên Phoucuns, để có nhiệt độ được ôn hòa hơn. Nhưng để có việc đó, phải làm những con đường, những công trình lớn, việc chặt cây cối và những sự xây cất mà người ta không có thể nào dự định làm vì còn lâu ; vì thế trong khi chờ đợi, đối với chúng ta quá hữu lý khi tìm trên những bờ biển những nơi trống trải có gió nồm từ biển thổi vào và ở bên cạnh những bãi biển có cát để mỗi năm những người Âu-châu có thể đến đó nghỉ vài tuần trong mùa xấu.

Về quan điểm này, Đồ-sơn đáng là nơi tuyệt diệu đáng được chọn với điều kiện phải có một con đường đi được nối liền nó với Hải-phòng hay là xây ở đó một cái bờ đê để lên bờ được. Hiện thời sự rời bến và sự lên bờ chỉ có thể làm ở đó một cách khó khăn và chỉ khi thời tiết tốt.

Mùa đến quá sớm đối với các người tắm, nên khi đến ở rồi, tôi sống một cách tuyệt đối cô lập, chỉ có hai gia-nhân người Việt nam và những lính khố xanh chịu trách nhiệm bảo vệ khu nhà ở, đi săn và đi dạo suốt ngày trên những bãi biển. Tôi chỉ biết kể từ ngày 19, việc bất hạnh vừa giáng xuống trên thuộc địa : Ông Pôn-be chết ngày 11 và khi mà tôi biết được tin buồn này thì thi thể ông đã được chở về Pháp rồi. Sức lực của tôi trở lại một cách nhanh chóng và tôi bắt đầu lo cho số phận của những nhân viên khác của phái đoàn mà tôi không nhận được một tin tức nào. Vậy nên tôi đi Hải-phòng ở đó tôi xin huân thị của ông Vi-an, vị khâm-sứ mới để nói với ông ấy rằng tôi cảm thấy đầy đủ hồi phục để đi gặp ông He-ít-xơ ; nếu như tôi đã nghĩ điều đó vì rằng quá trễ để trở lại Lào cai. Ông Vi-an khuyên tôi nên kéo dài thời gian lưu lại ở Đồ-sơn để chăm sóc sức khỏe và tôi chấm dứt việc hồi phục ở đó mà

không có lo âu nào khác hơn là sự vắng mặt hoàn toàn những tin tức của các thành viên khác trong ủy-hội mà tôi biết rằng đang bị kẹt ở Lào-Cai.

Tôi lợi dụng thời gian này để thăm viếng quần đảo và các vùng phụ cận. Quần đảo này, một phía nhìn ra biển xa và một phía nhìn ra vũng Cửa-nam-triều, được thành lập ở hai mút bởi những ngọn đồi đá mà giữa chúng nó là một giải đất bằng phẳng và có cát chạy dài khoảng mười cây số. Trên mũi đất phía Tây mà ở đó đường dây ngầm dưới biển được thả sát mặt đất là ngôi nhà của ông Thống-sứ. Mũi đất chấm dứt để làm thành ra một cái đảo nhỏ mà tại đây người ta thấy ngọn hải đăng Hồng-đô dùng cho thuyền bè vào đậu ở Hải-phòng và vào cửa Nam-triều.

Từ biển xa nhìn vào, xứ sở tỏ ra vắng vẻ và người ta chỉ thấy rất hiếm những túp lều mà dân Hải-phòng bắt đầu cho xây ở đó để cho người tắm biển đến, tuy nhiên quần đảo có một cái làng quan trọng có hơn một ngàn dân.

Được che chở để chống lại gió biển và nhất là chống lại sự dòm ngó của những tên cướp từ trên những hàng rào tre dày và cao, nên những căn nhà được phối trí dọc theo bãi biển nhìn vào Xâm-triều, với hai con đường khá rộng mà suốt chiều dài của nó chạy xuyên qua làng. Những ngôi nhà được bao bọc bởi những hàng rào tre quá dày đến nỗi rằng người ta có thể đi qua đó mà không ngờ rằng đang đi qua một cái làng đông dân, nếu người ta không được báo bởi những tiếng chó sủa và việc thấy các đứa trẻ con chạy trốn một cách vội vã từ xa trước mặt anh và nhào vào giữa các cây tre để rồi kéo ra từng đoàn và quan sát anh một cách tò mò từ đằng sau.

Những người đàn ông tận tụy với nghề đánh cá ở gần bờ, đang ở trên những chiếc thuyền nhỏ, họ chẳng bao giờ ra ngoài khơi và chỉ có thể ném những cái lưới vét thênh thang dài từ hai đến ba trăm mét trong lúc biển lặng ; với những cái này đôi khi họ đánh được cá một cách ngoạn mục. Những người đàn bà phơi cá và sản xuất nước mắm (một loại nước cá để lên men và không có thúi, như người ta thường nói). Những thửa ruộng cũng do chính họ canh tác, tỏ ra rất phì nhiêu dù rằng không có phân bón gì.

Thực vậy, điều đáng ghi nhớ là biển không đẩy vào bờ một loại rong rêu nào trong

số các loại rong rêu mà những bờ biển của chúng ta để lại khi nước thủy triều xuống ; đáng khác nữa, những tảng đá suốt dọc bờ biển hoàn toàn trơ trụi và không có rong biển nâu. Người ta cũng trồng khoai lang ngọt và cây đậu phộng và trên những ngọn đồi có đá, thoạt đầu thấy hình như không có trồng trọt gì nhưng người ta hái rất nhiều những trái thơm tuyệt diệu. Cây cỏ hoang ít có nảy nở ; vài con chim loại ở miền biển và những con chim gáy hầu như là thú săn duy nhất mà tôi đã gặp ở đó.

Những người Việt-nam không xây những thánh đường nhô cao trên những tảng đá và thấy được từ xa ở ngoài biển như những giáo đường nhỏ mà người ta thấy trên khắp những bờ biển ở Pháp, nhưng họ không phải là có ít những ông thần che chở cho biển cả mà tôi có thể biết rõ trong thời gian lưu trú ở Đồ sơn.

Một sĩ-quan trong số những người bạn của tôi trở về Pháp trên chiếc Săng-đet-na-go (Chandernagor) bị ngừng lại bởi thủy triều ở phía trong chỗ đá nổi của Hải-phòng, cách Đồ sơn hai hay ba hải lý, có ý định lợi dụng sự chậm trễ này để đến chào cáo-biệt tôi. Tôi giữ ông ấy lại ăn cơm trưa và buổi tối chúng tôi không thể tìm một chiếc thuyền nào để đưa ông lên tàu của ông mà nó phải lên đường trước khi trời sáng. Chúng tôi cho bỏ xuống nước một cái thuyền nhỏ của nơi trú sở và chúng tôi lên thuyền với ba người lính khố xanh không quen mấy về loại thuyền này. Đến lúc mà chúng tôi khuất mắt sau cái mũi đất, mọi việc đều tốt ; nhưng khi ở trước mặt của cái eo, biển trở nên rất mạnh, chúng tôi hoàn toàn biến mất giữa những cơn sóng. Đêm rất tối và những lính khố xanh của chúng tôi đã quen vận dụng những mái chèo các cái sòng, thấy rằng những người chèo quá vụng về đối với chiếc thuyền độc mộc của chúng tôi nên chúng tôi lúc nào cũng có thể sợ bị cuốn hút mất. Chúng tôi quá sung sướng khi được tiếp đón bởi cái xuồng của chiếc tàu có đèn hiệu đang bỏ neo trong eo biển khi viên hạ-sĩ-quan chỉ huy nó đến cứu khi nghe tiếng kêu của chúng tôi và dẫn lên tàu ông bạn thiếu thận trọng của tôi đúng lúc. Chúng tôi giao lại chiếc xuồng nhỏ cho các người lính khố xanh, nó nhẹ bớt đi vì không có trọng lượng của chúng tôi và hy vọng rằng họ có thể lái nó vào đất ; thế nhưng dòng nước

kéo họ đi và họ chỉ trở lại buổi chiều ngày hôm sau khi mà tôi không còn chờ đợi họ nữa. Họ kể cho chúng tôi rằng lúc tôi rời khỏi chỗ đá nổi thì họ không thể lái được nữa và họ bị dòng nước kéo đi cho đến bờ biển Quảng-yên. Sáng hôm sau, khi tôi đi dạo như thường lệ xung quanh cái mũi đá trời lên vì thủy triều xuống, tôi thấy ba người lính khố xanh của chúng tôi đến trong cung cách đón rước cùng với nhiều bạn bè của họ và những người trong gia đình họ ở trong làng. Họ khiêng những cái mâm trên đó có những cây nến bằng sáp, những trái cây, gạo, thịt heo quay, gà vịt và rượu gạo cất. Họ dừng lại gần mút của cái mũi đất, dùng một chỗ đá nhỏ khấp-khểnh như là bàn thờ và tại đó sau khi thắp nến và sắp sửa đồ ăn, họ bắt đầu cầu nguyện. Tôi không làm gián đoạn việc thực hiện hiếu thảo của họ nhưng khi họ làm xong tôi hỏi và họ trả lời rằng ba người này đã gặp phải một nguy hiểm quá lớn đến nỗi mà họ chỉ có thể được cứu thoát nhờ sự can thiệp của một ông thần phù hộ. Họ lợi dụng sự đền bù mà tôi cho họ như là giá trả cho công phu của họ để đến làm sự cúng dâng và cảm ơn ông thần biển đã che chở cho họ. Khởi cần nói thêm cũng biết rằng những thức ăn và rượu gạo được ăn uống lập tức bởi những những người đem cúng dâng để làm vinh dự ông thần ; tuy nhiên với ông này họ cũng ban cấp một vài phần nhỏ khi ném chúng nó ra trên biển.

Mỗi ngày tôi càng lúc càng lo lắng cho số phận của những thành-viên của ủy-hội bị kẹt ở Lào-Cai. Vào ngày 1 tháng 12, tôi nhận được một lời văn-thư của ông Huy-nan (Hunal) công-sứ ở Hải-phòng báo cho tôi biết cái chết của ông He-ít-xơ, của trung-úy Bô-hen và đồng bạn của họ.

Tôi liền đi Hải-phòng ở đó tôi biết được ông Bô-hen thoát được sự thẩm sát và các ủy-hội-viên Pháp ở Lào-Cai cuối cùng có thể ra khỏi cái nơi nhiễm dịch này và vừa đến Hà-Nội. Ở Hải-phòng, vào sáng ngày 2, tôi gặp ông Bô-hen dừng cảm này đang đi Hà-nội. Tôi cũng vội vã đi Hà-Nội sau khi để lại đó một người đầy tớ mà tôi không hề tin tưởng để đi Đồ-sơn lấy hành-lý của tôi. Tại đây tôi gặp lại các đồng-nghiep, chúng tôi rất buồn bã vì sự bất hạnh lại đến nữa giáng vào chúng tôi và không còn nghĩ gì nữa để mà vui cho ngày trở về sung sướng của họ. Theo ý kiến

của ông chủ-tịch Đi-giông, tất cả chúng tôi phải đi đến Móng-Cái sớm nhất có thể được, nhưng chúng tôi ao ước vào tại đó cùng một lúc với đoàn quân gởi đến để chiếm đóng nó. Đại-úy Bu-i-ne thăng cấp thiếu-tá, đã lấy lại chỗ của ông trong ủy-hội và thiếu-tá Đa-ruy còn quá mệt nên phải trở về Pháp.

Một đoàn quân nhỏ dưới lệnh của Thiếu-tá Pông-xê (Poncet) đi tức-tốc đến Móng-Cái, nhưng giới thẩm quyền quân sự không nghĩ nên cho phép chúng tôi theo họ. Phải hành động với sự cẩn thận và chắc chắn : bất cứ giá nào người ta không để cho một sự thất bại vì người ta không biết mức độ nghiêm trọng về sự kháng cự của các người Tàu. Một đoàn quân thứ hai dưới lệnh của Đại-tá Duy-gie-nơ (Dugenne) sẽ nắm giữ tư-lệnh vùng, chuẩn bị sẵn sàng để tăng cường cho đoàn quân đầu. Người ta báo cho chúng tôi phải chờ đợi sự chiếm lấy Móng-Cái và đoàn quân thứ hai đến thì mới đến được nơi làm việc và chúng tôi bắt buộc lưu lại ở Hà-nội cho đến ngày 20 tháng 12.

Thiếu tá Pông-xê thấy rằng toàn vùng bị những người Tàu xâm chiếm và chỉ tiến lần tới với một sự thận trọng lớn nhất. Tuy nhiên những lính chính qui rút lui trước mặt quân-đội chúng tôi mà không kháng cự ; các tên cướp và những băng đảng bất chính không cảm thấy được ủng hộ nữa nên sang ẩn náu ở Trung-hoa : thành phố Móng-cái được lấy mà không tốn một phát súng nào. Dân chúng trong thành phố không cảm thấy áy náy nào về cái chết của ông He-ít-xơ, tất cả đã di cư trên lãnh thổ Trung-hoa và thiếu-tá Pông-xê đi vào một thành phố vắng tanh.

Nhưng mà trước khi tiếp tục câu chuyện này, chúng ta hãy đi ngược lại và nhờ các tin tình báo thu thập được khắp nơi trong suốt thời gian lưu lại Hà-nội của chúng tôi và sau này ở Móng-cái, chúng ta hãy dựng lại lịch sử của cuộc tấn công và sự thảm sát đồng nghiệp bất-hạnh của chúng tôi .

XXV

Ông He-ít-xơ ở Móng-Cái. Cuộc tấn công ngày 24

tháng 11 trong thành phố. Sự bao vây kinh thành. Cái chết của ông He-ít-xơ.



M. Haïtce. — Gravure de Thiriat, d'après une photographie.

Hình ông Haïtce, do ông Thiriat vẽ dựa theo một tấm ảnh chụp.

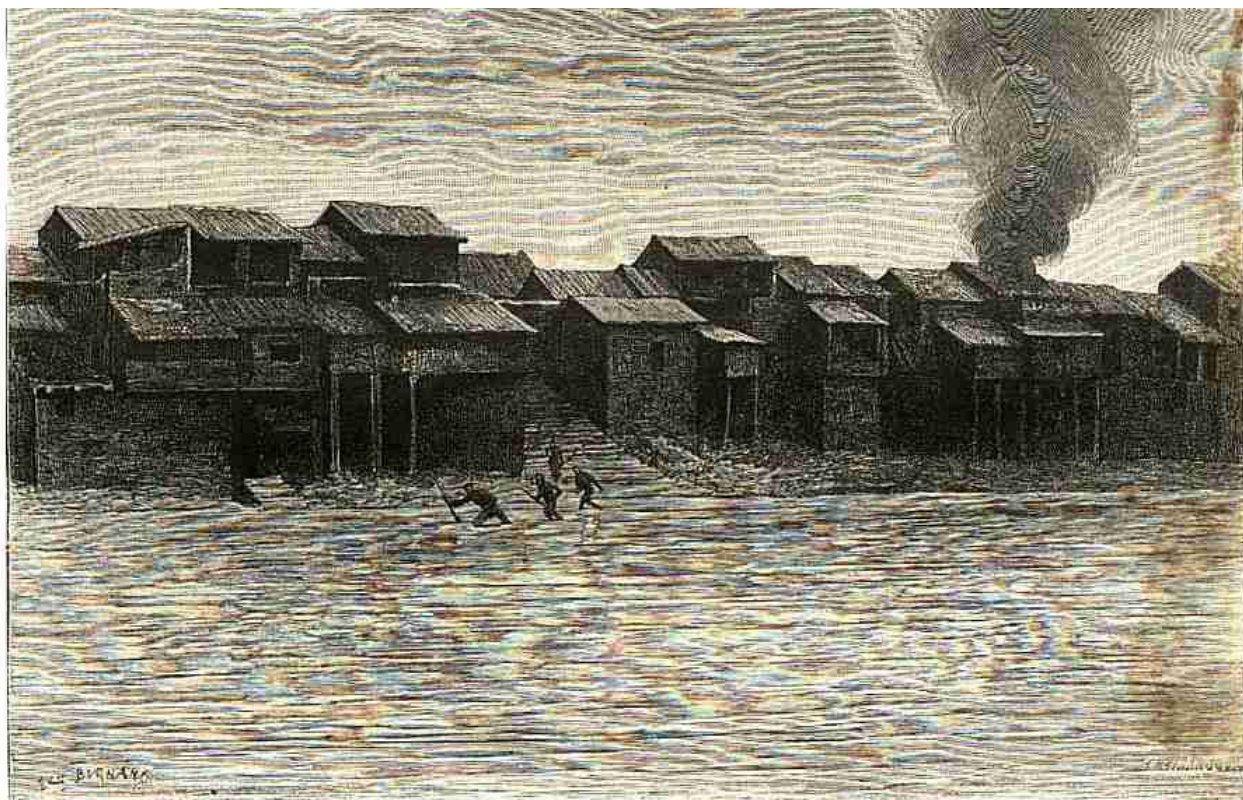
Từ đã 3 tuần lễ, ông He-ít-xơ chờ đợi ông Trịnh đến. Ông Vương, ủy-viên Trung-hoa, ngoài tư cách ủy-viên, còn sung những chức vụ quan trọng tào tai trong những

vùng này, tuy nhiên có đến thăm viếng ông ấy để đáp trả lại sự thăm viếng mà ông He-ít-xơ đã làm ở Tổng-hình. Ông được tiếp đón bởi ông Vương với cùng một sự vồn vã ân cần và cùng một sự thân mật như năm trước. Ông Vương từ khước phụ-trách việc định ranh trước khi hai phái đoàn đến nhưng ông ấy khen ngợi việc đến Móng-cái của ông He-ít-xơ bởi vì sự hiện diện cả hai của họ chỉ có thể làm dịu bớt những sự phán đoán và làm lợi cho những mối quan hệ giữa các giới chức ở vùng biên giới của hai quốc gia.

Lúc ông Bô-hen ra đi, ông Vương quá lịch sự nữa là khác, đã cho hỏi ông He-ít-xơ là ông sĩ quan này sẽ có tấn công Cẩm-bình, ngôi làng chính của giải đất bao vây Việt-Nam hay không và ông lấy làm hài lòng khi người ta trả lời với ông ấy rằng ông này chỉ làm một chuyến đi công tác về địa hình.

Trong lúc này những người Tàu chuẩn bị một cuộc tấn công. Cha Gờ-răng pi-e-rơ (Grandpierre), nhà truyền giáo Pháp từ lâu có cơ sở trong đảo nhỏ Trúc-sơn, ở trong phần đất của Quảng-đông chạy đến tiếp giáp biển giữa đảo Trà-cô và lãnh thổ Cẩm-bình, đã được báo động bởi các người Thiên-chúa-giáo của ông về những ý định thù nghịch và những sự chuẩn bị của người Tàu. Trong nhiều lần khác nhau, ông viết cho ông He-ít-xơ mà cho đến ngày sau cùng ông rất bi quan, vì ông ấy không muốn đếm xỉa gì đến những lời khuyên nhủ và những lời khuyến cáo của ông này. Như chúng tôi có nói, ông ở phía trong thành phố, chỉ có ba kỵ binh và bốn lính khố xanh canh giữ ; phần còn lại của đồn lính bao gồm khoảng mười hai kỵ binh và cũng chừng đấy lính khố xanh Việt nam của các ông Pe-ranh (Perrin) phụ tá phòng Công-sứ và ông Phệt-lay (Ferlay) nhân viên công binh ở trong một cái thành nhỏ Việt nam cách thành phố khoảng một cây số.

Trong đêm 24 rạng ngày 25, vào khoảng 9 giờ tối, ông He-ít-xơ nghe từ nhà ông nhiều loạt súng khá dữ dội về phía kinh thành ; ông ra khỏi thành phố và đến liền hướng kinh-thành nhưng trước khi ông đến thì các loạt súng đã ngừng và ông trở vào yên tâm trong Móng-Cái mà các cửa được đóng lại sau đó như mọi đêm và những người gác đêm tiếp tục đi tuần và kêu lên như thường lệ.



La fuite dans la rivière (voy. p. 392). — Dessin d'Eug. Burnand, d'après une photographie du lieutenant Hairon.

Cảnh trốn chạy dọc theo bờ sông.

Do ông Burnand vẽ lại dựa theo một tấm ảnh của Trung-úy Hairon chụp.

Vào lúc 2 giờ, ông bị đánh thức bởi những tiếng la hét và tiếng động của những cú đập đã nói do người ta đập vào cửa toan chọc thủng nó. Cái cửa này được củng cố bởi những cây song gỗ dày và cứng nên cực kỳ là chắc chắn và các người quyết tử không thể nào phá vỡ nó được .

Khi đứng ở cửa sổ, ông He-ít-xơ thấy một đám đông người có vũ khí trong đường phố hô lên những tiếng kêu quyết tử và nhiều viên đạn đến đụng vào cửa sổ gần ông ấy. Những kỵ binh khai hỏa lập tức và trong chốc lát các người quyết tử di tản khỏi đường phố để ẩn núp trong các đường phố kề cận và sau những bức tường của những căn nhà mà tại đó nhiều người tiếp tục bắn trả. Những người Tàu này không mặc đồng phục của lính chính qui nhưng nhiều người có những vũ khí bắn nhanh.

Dân chúng Móng-cái ở lại trong nhà của họ ; khó mà tin tưởng rằng họ không đồng lõa khi mà một đám nhiều trăm người chiến đấu có thể đột nhập mà không gây tiếng ồn trong một thành phố canh giữ bởi nhiều người gác đêm nếu họ không mở cửa.



Les Chinois promènent les têtes de leurs victimes. — Composition d'Eug. Burnand, d'après les indications de l'auteur.

Một đám người Tàu đi phô-trương các đầu-lâu mà họ đã cắt của người Pháp. Hình do ông Burnand vẽ, phỏng theo lời diễn-thuật của tác-giả.

Sau một lúc hoãn ngót trong đó người ta có thể tin rằng sẽ thành công để cố thủ đến sáng thì người ta nghe từ mái nhà sau các người cảm tử leo lên, rồi bóc ngói và xuyên qua những cái lỗ trên mái, chúng nhả đạn xối xả và hỏa tiễn bốc cháy vào các người bị bao vây. Trong hơn hai giờ, kích động bởi ông He-ít-xơ, ba kỵ binh và bốn

lính khố xanh chiến đấu chống lại đám đông mà nó không ngừng tăng thêm ; nhưng vào lúc 5 giờ sáng lửa bốc nhiều nơi cùng một lúc, nhưng phía sau nhà làm bằng những miếng kim loại dát mỏng và cái trần của căn phòng mà ở đó các người phòng-vệ cố-thủ bắt đầu bốc lửa nên phải quyết định rời địa điểm.

Họ mở cửa : ba kỵ binh là những người đầu tiên vội-vàng chạy ra đường phố và bởi thái độ của họ nên làm cho các người Tàu chạy trốn, tuy nhiên chúng tiếp tục bắn trả lại họ khi núp dưới các phen ngăn của những mái hiên. Trong lúc này một trong những kỵ binh bị bắn ngã chết, bốn người lính khố xanh và hai thanh niên Việt-Nam bị các người Tàu bắt và số còn lại của toán nhỏ dừng cảm chạy trốn về hướng kinh thành, thỉnh thoảng quay lại để bắn trả và làm cho kẻ thù phải nề. Đến đầu đường phố, họ thấy cái cửa chặn lại : thế là sự rút lui bị cắt đứt ; tất cả các căn nhà mà cửa phía sau nhìn ra sông đều đóng kín mít, và ông He-ít-xơ đập một cách vô ích nhiều cái trong chúng nó. Tuy nhiên thời gian thúc bách các tên cướp khi thấy rằng con mồi của họ bị nhốt kín nên bắt đầu làm cho chúng gan dạ thêm. Nhưng sau nhiều lời thúc giục, cái cửa của căn nhà áp cuối mà người đội của cảnh-sát Việt nam ở mở ra và cho các người trốn thoát một lối ra hướng sông. Nhưng mặt khác ông đội từ khước cho họ núp lâu và khi người ta nghe những cú đánh vồn-vã đập vào cửa phố bởi các tên cướp đang đe dọa tung nó ra nên ông khẩn nài ông He-ít-xơ chạy qua sông để trốn, lấy cớ rằng không có thể dẫn ông đi, đòi phải trả tiền nếu muốn nhờ ông giữ chân những người đuổi theo một thời gian tại nhà ông. Nước thủy triều lên cao và sông ngập vào phía sau nhà. Ông He-ít-xơ bị đánh thức vào giữa đêm, rồi bận rộn với việc đẩy lui các trận tấn công của các tên cướp, chạy trốn khi mặc có nửa người và không có mũ nón gì, tuy vậy ông vẫn nhào xuống nước theo sau là những người của ông ấy. Như thế mà họ đi được khoảng năm chục mét trong nước và trong bùn cho đến vai và rất may mắn đến được phố của chợ Hải-ninh trước khi mà những người Tàu Móng-Cái chưa ra.

Còn lại gần một cây số để đến được kinh thành nhưng họ có thể sợ bị quay trở lại Nhưng mà trên nửa đường, họ gặp ông Pe-ren khi ông này đến rất vội vã cùng một

nửa số người của ông để cầu cứu.

Ông cũng bị tấn công trong kinh thành vào lúc mà những phát súng được nghe ở Móng cái nhưng trận tấn công không quá nghiêm trọng nên ông mới có thể đi ra để cứu ông He-ít-xơ. Thế nên họ đến kinh thành một cách dễ dàng mà không bị theo đuổi bởi những người Tàu. Và lại, những người này chỉ biết quá rõ rằng con mồi của họ không có thể thoát khỏi được họ và trong lúc này say lên vì giận dữ và trở về với bản chất dã man để thấy máu đổ, chúng dồn hết sức vào những cái xác của người kỵ-binh và những người lính khố xanh ngã gục trong trận chiến. Chúng nó để những cái đầu của họ trên đầu của cây tre, đem đi diễu trong thành phố cùng với cái đầu con chó cái của trung-úy Goi vì nó vẫn còn ở lại trong nhà của ông He-ít-xơ.

Những tên thủ-lãnh cho dập tắt đám cháy nơi cái nhà bị tấn công để xâm chiếm hành lý của các ông He-ít-xơ và Bô-hen, những bản đồ, những tài liệu và những con ngựa .

Dân chúng Bắc-kỳ xác nhận với chúng tôi sau đó rằng phần lớn nhất của các di vật này được mang đến nhà ông Tào tại Vương mà ông này không muốn hay có lẽ không bao giờ dám cho giữ lại, điều này hầu như là một sự thú nhận về sự đồng lõa của ông.

Ngày 25 khá yên tĩnh và các đồng hương lợi dụng nó để tổ chức lại sự phòng thủ kinh thành. Những người Tàu, và đặc biệt những băng đảng bất chính hiểm khi tấn công trong ban ngày, vậy nên người ta không tin tưởng ở sự tạm nghỉ bề ngoài và người ta chờ đợi một cuộc tấn công trong đêm đến. Thành phố Móng-cái mà người ta nhận được tin do các người Việt nam trốn thoát thì đã ở trong tay các tên cướp người Tàu ; những tăng viện mới đến không ngừng từ Tổng-hình và nhiều lính chính-quy mặc đồng phục thấy có mặt trong chúng nó. Chúng đốt một số nhà của người Tàu có duy trì sự quan hệ thương mại với người Âu-châu ; những nhà buôn khác ở kín trong nhà của họ.



Le père Grandpierre. — Dessin d'Eug. Burnand, d'après une photographie du lieutenant Hairon.

**Hình Cha Grandpierre do ông Burnand vẽ,
dựa theo một tấm ảnh của Trung-úy Hairon chụp.**

Trong ngày 25, người ta bỏ rơi kinh thành để ẩn náu trong một nhà nhỏ (nằm ở điểm B) ở trên đỉnh của một cái đồi cao khoảng 30 mét, có cây cối và hiểm trở. Cuộc tấn công bắt đầu từ lúc đêm xuống với một sức mạnh dữ dội. Các đồng-hương của chúng tôi để đầu súng sát vào địch để bắn ; ngoài súng cá nhân của họ ra còn có

những súng bắn đá mà căn nhà nhỏ được trang bị. Bằng đẳng tăng cường thêm từ giờ này qua giờ kia và những trận xung phong tái diễn hầu như không ngớt cho đến 7 giờ sáng. Trại lính hết lương thực, không có nước và vì số lượng đạn dược quá ít nên không mấy chốc đã thiếu hụt nó. Khi trời thật sáng những quân cảm tử rút đi nhưng còn ở một khoảng cách nào đó. Nhưng ngày 26 này thật là kinh khủng cho những người bị bao vây khi mà họ thấy toàn là lều và lính bao phủ trên những ngọn đồi xung quanh Tổng-hình trên lãnh thổ Trung-hoa. Những lính chính qui càng lúc càng đông hơn đến gia nhập vào đội quân đã tấn công ngày đầu tiên. Sự đi đến của ông Bô-hen cùng với hai mươi kỵ binh và hai mươi tán binh Việt-Nam của ông, nhưng nhất là sự lạnh lùng của ông và sự quen biết về chiến tranh ở Việt nam của ông cũng có thể đủ để cho phép triệt thoái về Hà-cối ở cách Móng-Cái khoảng bốn mươi cây số mà tại đây trung-úy Mắc-ma-hông (Mac Mahon) giữ một cái đồn nhỏ với một trung đội kỵ-binh. Nhưng ông Bô-hen không thấy đến đâu rằng người ta đã gửi cho ông ba lá thư ; cũng dễ để đoán rằng những thư này đã rơi vào tay của các người Tàu. Một người đàn bà bản xứ làm công việc cho thành bằng lòng sẽ tận tâm và toan vượt qua phòng tuyến của những người quyết tử để mang một lá thư của ông He-ít-xơ cho cha Gờ-răng pi-e-rơ ở Trúc-sơn. Người ta hy-vọng rằng ông này có thể báo cho ông Bô-hen. Khi ra khỏi kinh thành vừa được 100 mét, người đàn bà này rơi vào một ổ phục kích của người Tàu ; bà trốn thoát trong lúc chạy trên con đường Trà-cổ và bị vài tên cướp đuổi theo. Không để bị mất lý-trí, bà vung-vãi tung bay 40 đồng bạc mà bà mang trong người trên những cánh đồng và vài tấm lụa đựng trong một cái thúng. Những người Tàu bị mắc mưu vì chậm trễ lại để lượm những đồng bạc và trong thời gian này người đàn bà có thể vào một cái rừng nhỏ để núp trong một bụi rậm. Vài giờ sau bà lại bắt đầu lên đường đi Trà-Cổ và đến đó lúc 5 giờ chiều, từ đó phái bộ truyền giáo Việt nam cho chuyển lá thư đến cha Gờ-răng pi-e-rơ mà ông nhận được nó vào lúc 10 giờ tối. Lá thư này chỉ đến ông Bô-hen ngày hôm sau trong lúc mà ông đã lên đường đi Móng-Cái.

Trong ngày này và trong ngày trước, ngoài những thư tín được gửi đến cha Gờ-răng

pi-e-rơ để tổng đạt chúng nó đến Trung-úy Bô-hen, ông Ha-ít-xơ cũng đã gửi ba cái khác cho trung-úy Mắc Ma-hông đang chỉ huy cái thành nhỏ Hà-kôi để nhờ ông ấy cứu. Chỉ một trong ba ông trạm là đến được nơi tiếp nhận. Vì rằng trung-úy Mắc-ma-hông lúc đó cũng bị tấn công một cách khốc-liệt nên đã chỉ có thể giải vây với sự khó nhọc và mặc dù đã không do dự khi đang ở trong một tình trạng nguy hiểm đối với cái đồn của ông khi bị lấy bớt đi một nửa số người, nhưng toán quân nhỏ này đến quá trễ để cứu những người bị vây.

Lại nữa, cha Gờ-răng-pi-e-rơ mắc phải cơn ác-tính dữ dội làm cho ông liệt giường nhưng phải trốn thoát ban ngày, ngay khỏi giáo-khu Trúc-sơn vì mạng sống của ông bị đe dọa nên ông vội vã đến Hải-phòng để tường trình lại những chuyện gì đã xảy ra.

Vào chập tối ngày 27, những người Tàu lại bắt đầu các đợt xung phong vào cái nhà nhỏ. Ông Bô-hen cũng chưa thấy đến và khắp các phía người ta thấy kẻ địch bao phủ cánh đồng bằng và bao vây hoàn toàn kinh-thành. Sợ rằng vùng đất bị đặt mìn hay sợ bị gặp ở đó vài điều bất ngờ trái ý khác, vì thế quân địch không xâm chiếm kinh thành khi mà chúng tôi đã bỏ rơi nó và tập trung tất cả lực lượng của chúng vào ngôi nhà nơi họ đang trốn. Ngôi nhà này ở tình trạng quá xấu nhưng cũng vừa đủ lớn để chứa những người phòng vệ dũng cảm, hơn nữa vì ở trên đỉnh của một ngọn đồi nhỏ mà các sườn bị bao phủ cây lá dày đặc và vài con đường hẻm chật hẹp và khó đi cũng mới vừa được trở ra nên cũng cho phép những người bị bao vây giữ vững mà không bị thiệt hại nhiều. Đêm là cái gì đen tối nhất : liền khi một người Tàu xuất hiện thì nó bị bắn kẻ sát đầu súng và các tên khác trụt lui ; rủi thay trong toán quân nhỏ không có người chỉ huy quân-sự : mỗi người bắn theo ý của họ và không biết quản lý đạn dược. Vào giữa đêm, những kỵ binh bàn cách tìm một lối thoát và toan lợi dụng lúc không trăng để mở cuộc rút lui về Hà-cối : họ kiệt sức vì mệt mỏi, đói và nhất là cảm thấy khát nước một cách tàn bạo. Từ hơn 48 giờ, họ không có thức ăn, thức uống và phải giữ thể cả ngày lẫn đêm.

Ông He-ít-xơ đôn-đốc người của ông, buộc họ phải kháng cự lại ít nhất cho đến tối

hôm sau vì nghĩ rằng đại-diện của họ là ông Bô-hen và toán cấp cứu từ Hà-cối chắc chắn sẽ đến trong ngày và những người Tàu không dám tấn công ban ngày nên sự rút lui lúc đó sẽ dễ dàng hơn.

Tuy nhiên các trận tấn công dồn dập và những người Tàu không thể làm vỡ sức kháng cự mãnh-liệt trong ngôi nhà, nên chất rơm trong rừng, bỏ dầu và thuốc súng và toan đốt nó nhưng chúng không thể thành công, tuy nhiên cũng tỏa ra một đám khói dày đặc và hăng làm tăng thêm sự khó-chịu cho những người bị bao vây.

Buổi sáng ra, người ta thấy rằng đạn dược hầu như là cạn. Các ông He-ít-xơ và Perren thấy trong lúc này sự tấn công chậm lại và nghĩ rằng vào ban ngày những người Tàu xa ra giống như những đêm trước, nên quyết định toan thoát ra để tìm cách đến Hà-cối. Họ đi ra trên một trong những con hẻm nhỏ chạy trên đồi, có bao phủ cây cối mà không bị phát hiện nhưng khi đi ra vùng quê, họ chợt nhận ra một hạ-sĩ kỵ-binh và hai tán-binh Việt nam đã đi xuống kinh thành để toan tìm lương thực ; các người này không được báo về sự di tản của căn nhà và bị bỏ quên lại. Ông He-ít-xơ không hề muốn bỏ rơi những người xấu số này : ông cho dấu người của ông và trở lại căn nhà với hai kỵ-binh để tìm người hạ-sĩ và hai tán binh, như thế là mất đi một thì giờ quý báu.

Vì thế, vừa mới ra khỏi rừng, chạy về đường đi Hà-cối thì họ bị theo đuổi bởi một đám đông người Tàu bắn xối xả vào họ và tung lên những tiếng hô quyết tử. Thỉnh thoảng họ phải quay mặt lại để dùng những túi đạn sau cùng làm cho những người đuổi theo ngừng lại. Lúc đến bờ sông, vẫn luôn-luôn bị theo đuổi sát, họ xét thấy tuyệt-vọng khi thấy rằng lạch nước cạn trên con đường đi Hà-cối thì không dùng được ; thủy-triều quá cao và nhiều kỵ-binh không biết bơi. Mặc dù điều đó, nhưng vì không có cơ may nào khác để thoát nguy, ông He-ít-xơ vẫn ra lệnh qua sông. Một số chết chìm trong sự toan tính này ; những người khác được giúp đỡ bởi những người biết lội nên lên được trên đất nhưng vũ khí và đạn dược bị mất hết. Viên đội cảnh sát mà ngày 25 đã mở cửa của ông cho ông He-ít-xơ một cách khó khăn trong thành phố Móng-Cái và ít nhất người ta phải nghi ngờ là ông này không muốn báo cho ông

ấy đúng lúc về nguy hiểm đe dọa ông ấy, thì giờ này cũng đang tận tâm. Ông lội qua sông ba lần có mang theo một kỵ-binh nhưng khi ông trở lại lần thứ tư thì kẻ địch đã quá gần, nên ông bị bắn chết ở giữa dòng nước vì một viên đạn cùng với người kỵ-binh mà ông mang theo. Những người Tàu bắt đầu lội và cắt đầu họ ngay cả trong sông.

Tuy nhiên, các ông He-ít-xơ và Pe-ren vì muốn ở lại trên bờ tả-ngạn cho đến giờ phút cuối cùng để trông coi việc qua sông và cũng vì thái độ kiêu hãnh của họ nên nấn ná lại một chốc ; vì thế họ thấy bị dồn ép bởi đám đông người quyết tử lúc đó không ngừng tiến gần nên họ bắt đầu lội cùng với bốn kỵ-binh và đến được bờ bên kia.

Những lính khố xanh tàn mạt và bị giết hết trong khi bốn kỵ binh khác đi theo dọc bờ sông đến lạch nước cũ của sở quan thuế (xem bản đồ ở đó có một cái thuyền do các người Việt nam theo đạo Thiên chúa đưa họ qua về phía bên kia). Bốn kỵ-binh này mà trong đó có một hạ sĩ, có thể đến được đảo Trà-Cổ mà ở đó vài giờ sau được tiếp đón bởi ông Bô-hen cũng chạy đến đó.

Các ông He-ít-xơ và ông Pe-ren cùng bốn người kỵ binh khi chạy trốn trên đường về Hà-cối, lúc đang đến trên bờ hữu ngạn thì bị bao vây bởi một nhóm người Tàu đến từ các làng bên cạnh và cũng bởi các người khác nữa mà chúng nó biết rõ con sông hơn các đồng hương của chúng tôi khi họ lội qua ở một chỗ sông cạn có nước cao hơn. Họ không còn vũ khí cũng không còn đạn dược : hoàn toàn không thể nào chiến đấu, vài kỵ-binh tẩu thoát được trên đường về Hà-cối mà ở đó họ được tiếp đón vài giờ sau đó bởi phân đội nhỏ mà Trung-úy Mặc-ma-hông đã gọi đến để cứu ông He-ít-xơ. Trong lúc chạy trốn, họ có thời gian để thấy ông Pe-ren ẩn náu trong sông, ngã xuống sau khi bị đâm bằng nhiều phát lao và ông He-ít-xơ đã bị thương một viên đạn ở chân cũng biến mất giữa đám người Tàu.

Nhiều tin tức sau này cho chúng tôi biết hồi kết của thảm-kịch buồn bã này : họ cưỡng bức người bạn xấu số của chúng tôi đi bộ cho đến thành phố mà ở đó ông ấy bị thảm sát trong phố bởi đám dân hèn hạ ; rồi bởi do một thói quen ăn thịt người

từ ngàn xưa mà người ta thường tìm thấy ở Việt nam và trong miền nam nước Tàu, thi thể ông bị xé ra từng mảnh, lá gan bị ăn và mật được trộn với rượu gạo để cho những người mọi rợ này uống mà họ hy vọng rằng sẽ sở đắc được tính can-đảm và giá-trị của sự dũng cảm đã bị rơi vào những bàn tay của chúng.

Những cái đầu và một số bộ phận của thân thể của tất cả những người Pháp và người Việt nam bị giết trong ngày này bị đem bêu ở đầu những cây giáo, đem điếu nhiều ngày trong thành phố Móng-cái và trong những vùng phụ cận, giữa những buổi lễ ăn thịt người rất xứng đáng cho những người Tàu tốt này mà người ta thường xác-nhận với chúng tôi là họ có một tính tình rất hiền hậu, rất lễ phép và rất văn minh.

Như thế là cái chết vào ngày 27 tháng 11 của ông He-ít-xơ, đồng nghiệp và cũng là bạn của chúng tôi, nạn nhân của sự tàn-tâm cho xứ sở ông ấy và cũng vì cho sự văn-minh, bị thảm sát bởi những người Tàu cư-trú trên lãnh thổ Việt-nam và những người láng giềng của chúng, sống nhờ bằng sự cướp bóc và sự buôn lậu, mà chúng có lợi để ngăn cản sự thiết lập và sự giám sát của chúng tôi trong những vùng này.

Ông He-ít-xơ 27 tuổi, đến Pa-ri (Paris) lúc còn trẻ, ông đã không để mất thời gian, vừa làm việc như là nhân-viên thư-tín cho sở giao-dịch chứng-khoán, vừa theo học trường ngôn-ngữ Đông-phương một cách xuất sắc. Cũng trong thời gian này, ông cũng cộng-tác đặc-lực cho nhiều tờ báo và các tập-san, ngoài ra cũng cộng tác vào Phụ bản Tự-diễn đàm-thoại mà nhiều đề-mục do ông viết. Được bổ nhiệm thông-ngôn ở Trung-hoa, sau đó lần lượt ông là thư-ký riêng của ông Hạc-măng(Harmand), tổng- ủy-viên Cộng-hòa tại Đông-dương, rồi là chánh văn-phòng của ông Lơ-me-rơ (Lemaire) khi ông này được cử đặc-nhiệm bên cạnh triều-đình Huế ; và như chúng ta đã thấy, ông thay thế ông Sết-dê ở ủy-hội về định-ranh.

Là người làm việc không mệt mỏi và một sự thông minh xuất chúng, ông He-ít-xơ có thể có nhiều tương lai sáng lạng hơn do sự tiếp-đãi lạnh-lùng và khiêm tốn ; ông phục tùng một cách khó-khăn, nhưng khi ông đã tin tưởng anh rồi thì người ta chỉ còn biết ưa mến khối óc và con tim của ông hơn. Xứ sở mất đi một người phục vụ

quí báu và chúng tôi mất đi một người đồng chí và cũng là người bạn thân sống chết cùng nhau trong những lúc mệt mỏi gian nan và những sự nguy hiểm đeo đuổi làm cho chúng tôi trở thành thân mật một cách đặc biệt.

XXVI

Tường-trình của Trung-úy Bô-hen khi bị tấn công gần Tổng-sơn.

Trong khi mà những biến cố này xảy ra ở Móng-Cái thì về phía trung-úy Bô-hen cũng bị tấn công nên đã rất nhiều khó nhọc để chỉ có thể tự cứu thoát. Người ta cho phép tôi trích bản tường trình của ông gửi cho ông chủ-tịch ủy-hội khi thuật lại về chuyến đi của ông.

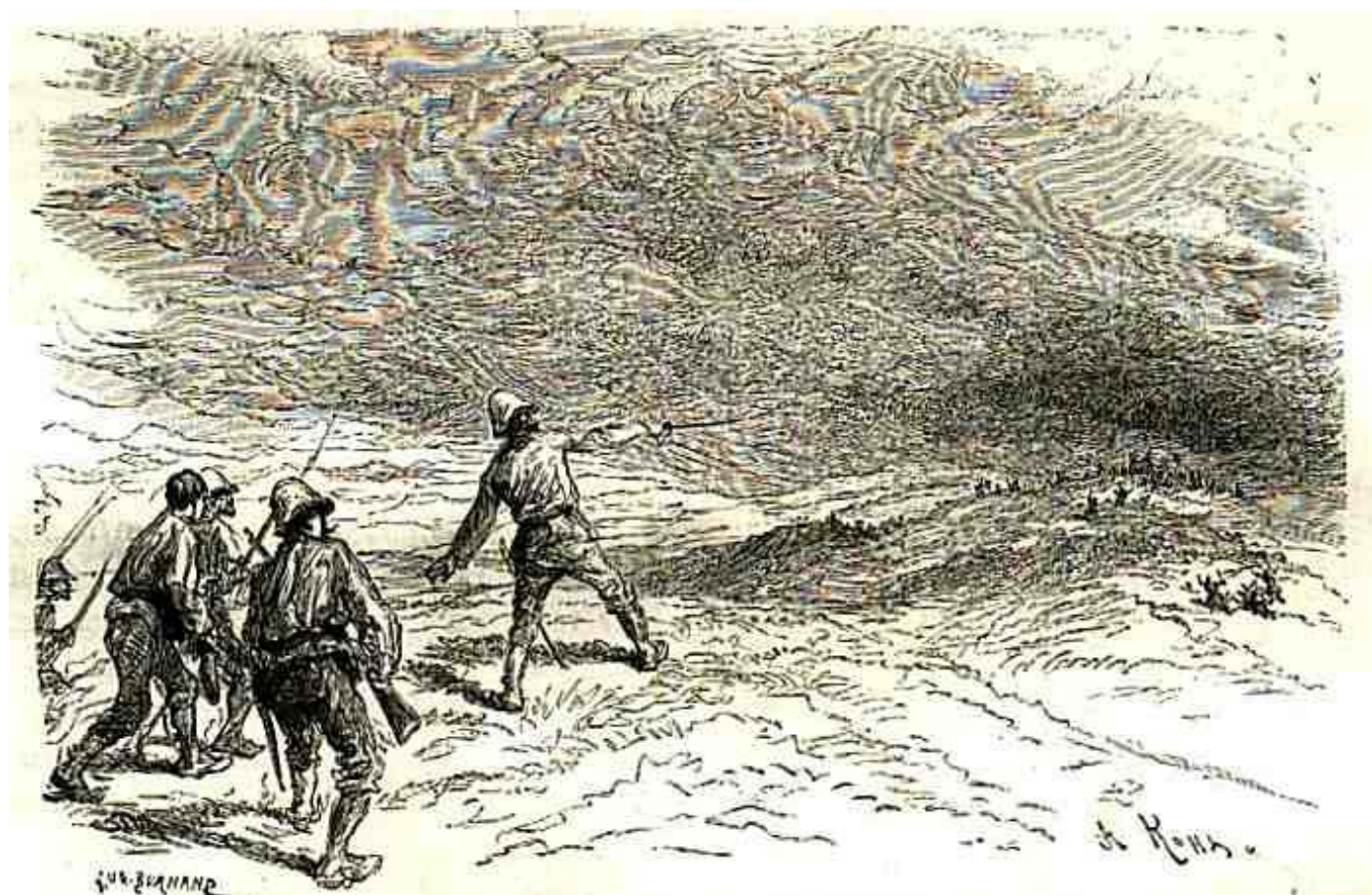
« Khởi hành vào buổi sáng ngày 20, chúng tôi chỉ có thể lên bờ ở mũi Paklung vào lúc 3 giờ chiều ngày 21 vì do biển xấu. Tôi đi theo ông bang-biên là ông quan ở Cẩm-bình phải dẫn tôi đến biên giới. Chúng tôi phải vắng mặt trong 8 ngày và người của chúng tôi phải mang theo lương thực cho thời gian này.

Những ngày 22, 23, 24 và 25 yên tĩnh, xứ sở tỏ ra rất yên lặng, nhưng người ta chỉ thấy rất hiếm dân chúng ; toàn vùng đất cho đến Hà-cối không có trồng trọt gì, nghèo nàn và hầu như là không có dân ở.

Vào buổi trưa ngày 25 tôi nhận một lá thư của ông Ha-ít-xơ thúc tôi phải hoàn thành những công việc của tôi và chỉ nói rằng những sự báo động không có ý nghĩa gì, không nên chú ý đến chuyện đó.

Ngày 26, vào lúc 10 giờ sáng, chúng tôi đi đến làng Sông-phong sau 3 giờ đi bộ từ Cẩm-bình. Làng này, ở trong sâu của một thung lũng rất hẹp, tất cả các phía đều cao hơn nó và chính con đường mà chúng tôi phải theo đi qua một cái đèo có độ cao vào khoảng từ 130 đến 150 mét . Vào giữa trưa, tôi nhận của cha Gờ-răng pi-e-rơ một lá thư báo cho tôi biết rằng những biến cố trầm trọng xảy ra ở Hải-ninh ; thư này viết cùng ngày với cái thư của ông Ha-ít-xơ nên không làm cho tôi sợ quá đổi. Tuy nhiên sứ mạng chúng tôi đã hoàn thành ở Cẩm-bình nên tôi vội vã ra đi, lúc đó

tôi được báo rằng những người Tàu có trang bị vũ khí đến từ Trung-sơn có ý định ngăn chặn đường tôi và chiếm giữ tất cả các lối đi.



« Nous poursuivimes les Chinois de nos feux. » — Composition d'Eug. Burnand, d'après les indications de l'auteur.

Hình cảnh đuổi bắn phe Tàu, do ông Burnand vẽ lại dựa theo lời kể của tác-giả.

Tôi kiểm tra sự việc và thật vậy, trong lúc mà chúng tôi bắt đầu lên đường, nếu chỉ cần một nháy mắt trên tất cả những đỉnh của các mô đất thì thấy đông đen người Tàu có trang bị vũ khí và cờ hiệu được khai trương ; nhiều người trong số chúng nó mặc đồng phục của lính chính-quy Trung-hoa.

Sau khi cho tổ chức đoàn người ra đi, chúng tôi toan trèo lên con đường chạy qua đèo nói trên nhưng chúng tôi phải từ khước nó bởi vì độ nhanh của cái dốc và độ cao không thể cho phép chúng tôi đến đỉnh để ở trong tình trạng có thể đẩy lui những người Tàu chiếm giữ nó. Tôi cho đi vòng quanh rặng núi dưới làn đạn của các người Tàu, lúc đó có khoảng 400 người, nhưng chúng tôi đẩy lui chúng nó từ mô này đến mô kia, sau đó thung lũng được nở rộng ra một ít sau hai giờ chiến đấu

(lúc đó là 2 giờ rưỡi) và một cuộc xung phong cuối cùng bảo đảm sự an toàn vĩnh viễn con đường cho chúng tôi và chúng tôi bắn đuổi theo những người Tàu.

Trong trận chiến, hai người Pháp và một lính khố xanh giữ mặt cực phải của chúng tôi rơi vào một ổ phục kích, tiếp theo sau những tai nạn trên loại đất mà cây cỏ rậm rạp ở xứ này. Họ phòng vệ một cách dũng cảm, một kỵ binh và một lính khố xanh giải vây được ; nhưng mặc dù với hết sức cố gắng, chúng tôi vẫn không có thể cứu kỵ-binh thứ hai bị rơi vào tay của những người Tàu và bị thảm sát. Chúng tôi không thể nào chiếm lấy thi thể của ông được vì toán quân nhỏ mà tôi chỉ huy bị đánh từ mọi phía.

Chúng tôi thấy 15 người Tàu ngã trên những mô đất dưới lằn đạn của chúng tôi (dân chúng cho con số 21 người chết và nhiều người bị thương). Trận chiến xảy ra dai-dẳng giữa khoảng 50 và 30 mét.

Vào lúc 4 giờ chúng tôi ở Cẩm-bình. Tại đây một lá thư quan trọng hơn của cha Gờ-răng-pi-e-rơ đề vào buổi sáng ngày 26, được trao cho tôi lúc tôi đến. Tôi lập tức ra lệnh cho ông chủ chiếc thuyền nhỏ đến gặp chúng tôi, lúc đó là 4 giờ chiều. Lệnh này chỉ đến với ông ấy vào lúc 5 giờ sáng ngày 27, nên trong khi mà tôi không có tin tức gì về ông, chúng tôi đã đi Cẩm-bình để xuống trên các chiếc sông đưa chúng tôi đến Trà-kê (Trace).

Thủy-triều thấp, chúng tôi phải đi bộ cho đến vịnh Trúc-sơn, ở đó chúng tôi gặp chiếc thuyền nhỏ. Ông chủ trao cho tôi một lá thư mới của cha Gờ-răng-pi-e-rơ khẩn cấp nhất mà ông mới vừa nhận ngay trong buổi sáng. Chính chiếc thuyền nhỏ cũng bị tấn công tối hôm qua và đã đẩy lui dũng cảm trận tấn công ấy.

Chúng tôi lên thuyền lập tức và tôi ra lệnh cho ông chủ, ông Hê-rô (Hérait) cho chúng tôi xuống thuyền ở Trà-kê, lúc đó là 9 giờ sáng, mà tại đó trong hơn một giờ rưỡi chúng tôi đã có thể cứu kinh thành. Vào lúc 10 giờ, chúng tôi tiếp đón trong chiếc sông bốn kỵ-binh đến gặp chúng tôi mà trong đó có một hạ-sĩ không có mũ, không có quần áo, chỉ có một khẩu súng. Ông ấy cho chúng tôi biết thảm họa ở Hải-ninh, làm sao họ có thể đến với chúng tôi, hướng đi của một số những người khác,

sự biến mất của ông He-ít-xơ và cuối cùng là cái chết của ông Pe-ren và Phệt-lay. Ba lính khố xanh khác cũng có thể thoát được cuộc thảm-sát và hiện ở trong làng thiên-chúa-giáo Trà-kê.

Một cuộc thám-thính được thi hành : không có người Pháp nào ở trong vùng, nhưng chúng tôi có thể tiếp nhận ông phủ của Hải-ninh và hai lính khố xanh, người thứ ba không có thể tìm được. Chúng tôi phải đợi thủy triều của ngày 28 để đi về hướng con sông Hải-ninh vì tôi muốn thám hiểm vùng bờ biển và con sông này cho đến nơi cao nhất mà ông chủ có thể ngược lên được.

Qua ông phủ, tôi cho các sứ giả để đi tìm những người Pháp hay lính khố xanh còn ở trong vùng. Người ta không có tin tức gì về ông He-ít-xơ. Trong đêm, nhiều làng, trong đó có Hải-ninh, bị đốt cháy. Đối với chúng tôi hình như là chính phái bộ truyền giáo Trúc-sơn là miếng mồi cho những ngọn lửa. Cha Gờ-răng-pi-e-rơ đã đi Hải-phòng nên tôi không cần phải đi tìm ông ấy.

Vào lúc 6 giờ sáng ngày 28, chúng tôi lại ra đi mà không có một tin nào khác. Tình trạng của biển không cho phép chúng tôi chạy theo gần bờ. Cờ hiệu của Pháp được kéo lên và từng loạt súng hỏa mai được bắn lên từng chập để lôi kéo đến bờ biển những ai còn có thể cứu được.

Ở chỗ vào con sông Móng-Cái, chúng tôi tìm thấy một chiếc xuồng chạy bằng hơi nước đang đi lên Móng-Cái, tôi cho gọi nó nhờ vào những dấu hiệu và cuối cùng nó thấy. Tôi ngăn cản nó đi lên Móng-Cái và tôi trưng thu nó, hy vọng rằng dù đang lúc có thủy triều nó cũng có thể giúp để thám-hiếm một phần con sông. Nhưng sự hư hại trong cái nồi nước nóng của nó không cho phép làm việc này vì lửa bị tắt do chỗ thùng. Ông chủ thuyền chỉ có thể neo thuyền xa hơn một cây số .

Bãi biển tràn ngập giáo-dân khi phải trốn thoát khỏi làng của họ vì bị các tên cướp người Tàu đốt ; chúng chỉ tôn trọng những ai không phải là đạo thiên-chúa. Tôi hỏi một số người và theo họ không còn một người Pháp nào.

Ông He-ít-xơ cũng như những công-chức và quân-nhân khác đều bị bắt, bị giết hay chết chìm. Ông He-ít-xơ và nhiều người khác toan đến Hà-cối nhưng không thành

công.

Một cuộc thám thính lại được làm nữa trong ngày ; chúng tôi tiếp nhận ba lính khố xanh mới đến nhưng không tìm thấy một người Pháp nào ; tất cả đồng nói rằng họ bị thảm sát hết. Trong ngày,tôi nhận một cái thiệp của ông chỉ-huy-trưởng đơn-vị gửi từ Hà-cối nhờ cầu cứu kinh thành : tất cả các hy-vọng từ rày về sau đối với chúng tôi là đình-chỉ vì con đường Hà cối mà tôi tính đi vừa bị cấm.

Trong buổi tối,nhà truyền giáo Việt nam của Trà-Cổ tị nạn với các người Thiên-chúa-giáo của ông có cả đến hàng ngàn người,một số trên những chiếc thuyền,một số trên bãi biển, đến cầu xin tôi ở lại. Tôi cho ông ấy biết rằng số đạn dược ít ỏi còn lại không cho phép chúng tôi điều đó và trong lúc chờ đợi cứu viện mà tôi đang xin cho ông ấy, tốt hơn hết là cho các thuyền đi về phía Trà cối.

Vào lúc 5 giờ ngày 29, chiếc xuồng chạy bằng hơi nước bắt đầu chạy theo gần bờ biển nhất có thể được. Những dấu hiệu được tung ra nhưng chúng tôi không thấy người nào. Vào lúc 9 giờ rưỡi, chúng tôi đến Hà-cối ; thành phố đang bốc lửa. Một chuyến xe đưa đi ngày hôm trước, đã đến trước chúng tôi và nó vừa được tiếp-nhận bởi Trung-úy Mắc Ma-hông. Ông ấy cho chúng tôi biết rằng phân-bộ do ông gửi đi để cứu viện Hải ninh đã tiếp nhận 4 người Pháp nhưng không có tin tức nào về những người khác.

Ông Mắc-ma-hông đã bị tấn công vào ngày 27 nhưng ngày 28 nghiêm trọng hơn.Vài giờ trước khi chúng tôi đến,lửa đã được phóng ra ở Hà-cối và nó hoàn toàn bị thiêu rụi. Ông tiên liệu sẽ bị tấn công không ngớt nữa. Ông vừa cho chuyên chở vật liệu đến cái thành mới mà ở đó có đủ một tháng lương thực.

Sau khi được bàn thảo với ông ấy, tôi để lại tất cả phân-bộ kỵ-binh và lính khố xanh và tôi lại đi lập tức bằng chiếc xuồng chạy bằng hơi nước bị trưng thu để trình bày một cách nhanh nhất có thể được sự trầm-trọng của tình hình cho các giới chức quân-sự và dân sự. Đó là tất cả những gì mà cha Gờ-răng pi-e-rơ và ông Bô-hen cho chúng tôi biết sau này.

XXVII

Khởi hành đi Móng-Cái. Vịnh Hạ-long.

Chính trong lúc trái tim se thắt tuy nhiên phải vội-vã để đi thay thế đồng-nghiep xấu số của tôi để theo đuổi, nếu được, sự báo thù cho ông ấy và tiếp-tục công-trình của ông, vì vậy chúng tôi lên đường đi Móng-cái.

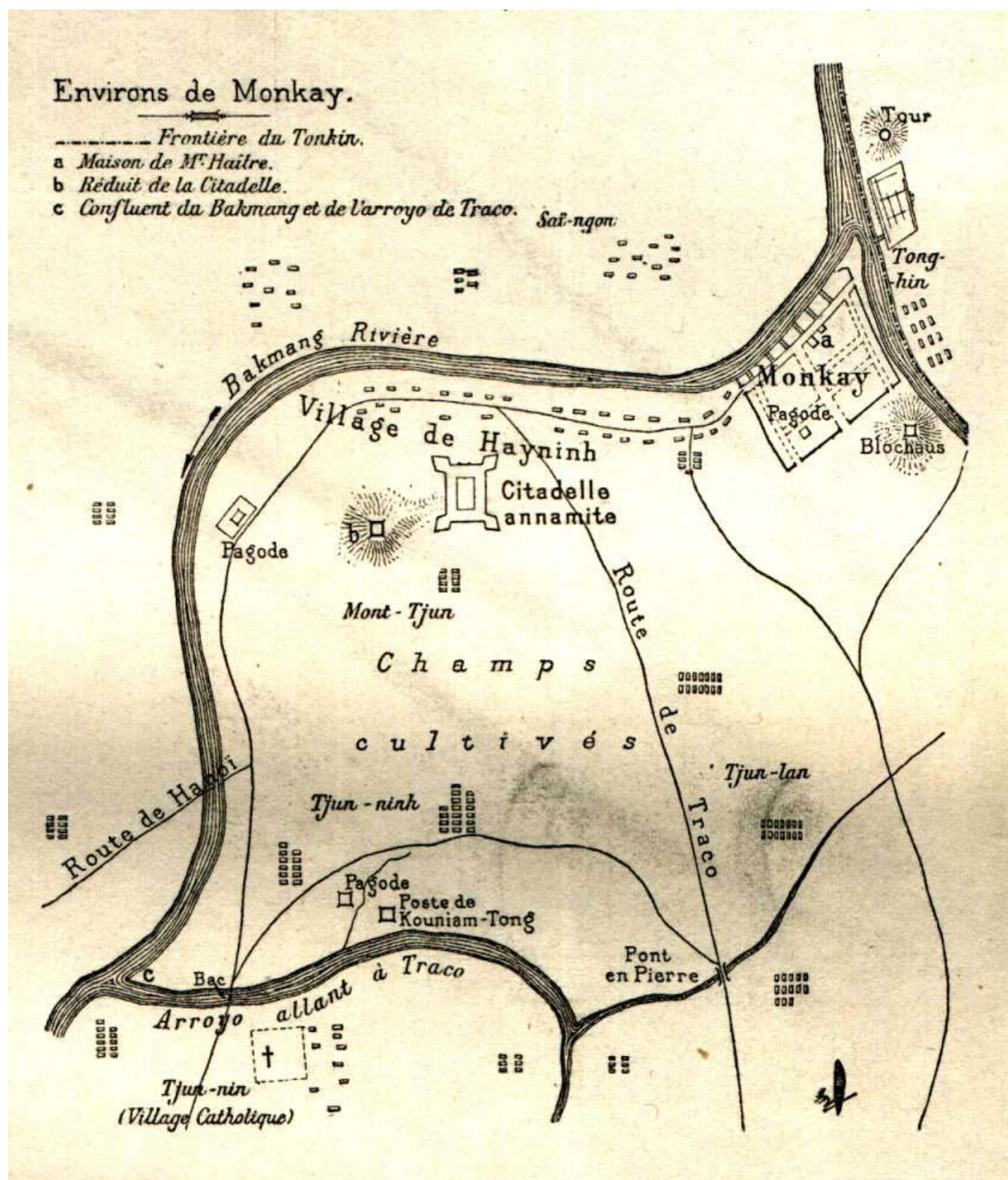
Ngày 22, chiếc pháo hạm Cát-xờ-tét-tờ (Casse-tête) đưa chúng tôi đến Hải-phòng và chúng tôi ra biển hay đúng hơn chúng tôi theo những con kênh đào và những cửa biển liên tiếp chạy dài từ Hải-phòng cho đến mũi Paklung.

Đầu tiên chúng tôi qua trước Quảng-yên, chúng tôi ngắm nghía cái bệnh viện lớn mới xây cất, rất trống trải tiện cho gió ngoài khơi. Sáng ngày hôm sau, chúng tôi đi vào vịnh Hạ-long mà với vô số những đảo đá vôi nhỏ của nó cống hiến một quang cảnh không thể nào quên được.

Những cơn bão lốc và các cơn giông tố thổi đến từ Hải-nam xuyên qua vịnh, mà ông Giem-mơ X-cốt đã nói với chúng tôi, làm vỡ tung ra trên bờ biển Quảng-yên tất cả sức mạnh của nó và sau nhiều thế-kỷ đã làm phá hoại, gặm nhấm và làm vụn nát tất cả những gì không phải là đá cứng, đến nỗi mà tất cả bờ biển cho đến mũi Paklung được bao bọc bởi một vùng bao la chằng chịt những hòn đảo và những tảng đá trơ trụi mà được chỉ định dưới một cái tên không đầy đủ mấy gọi là Vạn-đảo.

Vịnh Hạ-long trình bày ra một nét đẹp quá đặc biệt. Nó làm nổi bật lên một số lượng phi-thường những hòn đảo nhỏ vướng vít với nhau, cái nọ trong cái kia mà nhiều cái chỉ là những khối đá cứng bị bóc vỏ, khối này bị chọc thủng từ phần này đến phần kia, những khối khác mà dưới chân đế bị gặm nhấm bởi sóng biển trở thành giống như là những cái nấm khổng lồ ; những khối khác nữa thì được bao phủ một lớp cây cỏ và cây có lá luôn luôn xanh, mà trên tất cả các đảo này, vô số chim biển đủ loại khác nhau chen chúc như chim hải âu, chim công cộc, chim ưng và diều hâu ở biển . Chưa bao giờ những người buôn lậu và các tên cướp có thể tìm thấy cái sân-khẩu huy hoàng hơn và thích đáng hơn cho thành-tích của họ. Cho đến lúc mà nước Pháp bắt đầu chiến-dịch ở Bắc-kỳ, tất cả các dân làng trên những cái đảo và trên những thành phố của bờ biển lần lượt làm nghề buôn lậu và cướp bóc, chỉ để thì giờ đi

đánh cá khi nào những công việc này đã làm xong.



Sơ-đồ vùng phụ-cận Móng-Cái.

Ngay hiện thời, dù rằng có một số lớn pháo-hạm và những tàu chiến khác qua lại trong những miền này, nhưng những chiếc ghe, ngay cả đối với những chiếc xuồng chạy bằng hơi nước bỏ neo ở đó vào ban đêm cũng không cần thận, vì có những chiếc thuyền mà mới đầu tiên, có thể hình như là những chiếc thuyền nhỏ đi câu,

dám xông vào. Phải trông coi cẩn thận đừng để những người đi câu khả nghi này cập gần lại hoặc bao vây.

Trong sâu của vịnh Hạ-long và về phía Bắc, người ta thấy cái đảo nhỏ Hòn-gai, được biết từ lâu như là một cái mỏ than, đó là Tân Ma-cao đối với những cựu thương-gia Hòa-lan. Hải cảng Hòn-gai rất vững chắc, với những sự tu-bổ sơ sài nó cũng có thể tiếp nhận những chiếc tàu có trọng-tải lớn nhất, và thành phố không thể thiếu sự phát triển khi mà những cái mỏ được khai thác một cách đều-đặn vì sẽ là một vị-trí tuyệt-diệu để tiếp tế cho các tàu chở than và cũng để cung cấp than cho đường hỏa xa mà đầu tuyến đường phải là Quảng-yên.

Sau khi xuyên qua vịnh Fai-tzi-long (mà nhiều nhà địa lý đã lấy tên bằng tiếng Anh Fit z-long), hình dạng các đảo thay đổi đặc-tính ; chúng nó không còn là đá vôi nữa, tỏ ra ít giốc và nhiều cái có thể canh tác được, như là đảo Sam-mui-tao mà phía sau nó chúng tôi neo thuyền vào lúc 5 giờ tối ngày 23 trong lúc bỏ neo chiếc Vi-pe-rơ (Vipere).

Nhiều chiếc pháo-hạm và một số những chiếc tàu vận-tải đưa quân đến đã bỏ neo ở nơi này, và chiếc pháo-hạm Mui-ten (Mutin) chở ông Thống-sứ Vi-an và tướng Mơ-ni-ê (Menier) mà chính họ muốn viếng thăm thành phố Móng-cái để biết sự quan trọng của nó về phương diện thương mại cũng như về phương diện quân-sự.

Người ta đi thăm lẫn nhau và vì chiếc xuồng chạy bằng hơi nước chứa tất cả những hành khách một cách khó khăn nên chúng tôi quyết định vào ngày tiếp theo sẽ qua chiếc Cát-xờ-tét-tờ. Và lại, những vấn đề mà chúng tôi sẽ phải bàn luận với những người Tàu cũng bao gồm những vấn đề thuộc về biển. Tùy theo lợi ích mà vịnh Oánh-xuân có thể đem lại như là nơi để bỏ neo các tàu chiến của chúng tôi, nên phải gắn liền sự quan trọng hoặc nhiều hoặc ít trong khi khiếu nại về mũi Paklung ; vì vậy các ủy-viên có lợi để được làm sáng tỏ bên cạnh các vị chỉ huy các tàu chiến khác nhau đã có dịp thực hiện sự bỏ neo này. Hạm trưởng Buy-ga (Bugard), Đại-ủy chiến hạm, ngay cả ông ấy cũng có một thời gian là tùy-viên cho ủy-hội định ranh để cung cấp những tin tức về kỹ thuật mà ủy-hội cần. Hiện thời, ông ấy đang ở trên

chiếc Ni-e-vơ-rơ (Nièvre), chiếc vận tải neo gần chúng tôi nhưng ông ấy phải đi đến Hải-phòng trước khi đến gặp chúng tôi .

Trong ngày 24 chúng tôi lên đất liền trên đảo Trà-cổ mà ở đó trú đóng một đại đội tán binh Việt nam và một ổ đại bác dùng cho miền núi. Đảo Trà cổ này có hình một giải đất dài, chạy dài từ đảo Trúc-sơn cho đến cửa vào sông Paklam, ở đó một cái đồi nhỏ gọi là Mũi ngọc nhô lên cao mà tại đây người ta xây tiếp theo một cái pháo đài cùng với một cửa hàng tiếp liệu. Nơi này là nơi mà sự lên bờ dễ nhất, tuy nhiên người ta chỉ có thể cập vào bờ ở đó khi có thủy triều dâng và chỉ cho những tàu chìm xuống nước ít hơn 3 mét ; còn phải kể đến việc phải theo con lạch nằm ở giữa những giải cát trong 4 cây số, rất thường thay đổi ; nên điều này làm cho việc ra hiệu khó khăn và gây ra những sự mắc cạn thường xuyên. Đảo Trà-Cổ chỉ phân cách với đảo Vạn-ninh bằng một cái lạch ít quan trọng mà thuyền chỉ đi lại được khi thủy-triều cao, nhưng những khoảng đất rộng sinh lầy và bao phủ cây đước làm cho quá khó nhiều khó khăn sự thông thương trên bộ giữa Mũi-ngọc và Móng cái ngay cả lúc thủy triều thấp.

Buổi tối chúng tôi ăn mừng lễ nửa đêm trên tàu Cát-xờ-tét-tờ và sáng hôm sau vào lúc sáu giờ chúng tôi lấy chiếc xuồng chạy bằng hơi nước để đến Móng-cái ; tại đây Thiếu tá Pông-xê đã cho sửa soạn chỗ ở của chúng tôi, tiếp đón chúng tôi theo cách thân mật nhất.

XXVIII

Sự đi đến và sự lưu lại ở Móng-Cái.

Chúng tôi đã nói ở trên về Móng-cái trước khi có những biến cố của tháng trước. Lúc chúng tôi đến, chúng tôi thấy nó hầu như đúng theo ông J. X-cốt đã mô tả nó cho chúng tôi, nhưng ngôi làng Việt nam nằm trước thành phố và cái pháo đài Việt nam hầu như hoàn toàn bị những ngọn lửa thiêu rụi ; tất cả những ngôi nhà rải rác đó đây trong miền quê cũng hầu như bị đốt cháy.

Sau cái chết của ông He-ít-xơ, những người Tàu cướp bóc và đốt tất cả cái gì có liên hệ đến nhà của người Việt nam và sau khi quân đội chúng tôi vào, những người Việt

Nam đã ra tay phục hận đối với những ngôi nhà của người Tàu. Tuy nhiên thành phố Móng-cái vẫn nguyên-vẹn, chỉ có ngôi nhà các ông He-ít-xơ và Bô-hen ở là có dấu vết của lửa.



Fortifications de Monkey. — Dessin d'Eug. Burnand, d'après une photographie du lieutenant Hairen.

**Đồn trại ở Móng-Cái, hình do ông Burnand vẽ lại,
dựa theo một tấm ảnh của Trung-úy Hairen chụp.**

Việc dọn nhà của dân-cư trong thành phố không phải hoàn thành trong một ngày, nhưng có phương pháp và chu đáo. Trong những căn nhà, tất cả đều bị lấy đi : hàng hóa, đồ gỗ, đồ dùng trong nhà ; không có gì là bị bể nát điều này chứng tỏ rằng chúng hành động không có vội vã, chỉ bỏ lại các đồ gỗ quá nặng, công kênh và không có giá trị gì.

Mặt trước của những cửa hàng được trang hoàng bằng những phù hiệu làm bằng những miếng ván dài nhẵn bóng màu đen hay đỏ với những chữ bằng vàng, sự trang sức những cái cửa cũng vậy, mà ông Giem-X-cốt đã mô tả cho chúng tôi, đã không chịu một sự phá hoại nào, nhưng những nén hương không còn thắp nữa trước những khách sạn nhỏ ; và thay vì các hàng dài những nhà buôn giàu mặc quần áo bằng lụa, ngoài những người phu của nhà nước, người ta chỉ thấy đi lại trong những đường phố những bộ đồng-phục của các kỵ-binh Vành-xen-nơ

(Vincennes) hay của những tán-binh Việt-Nam.

Những người này ở trong những căn nhà trống ở trung tâm thành phố, chế tạo rất nhanh những cái bàn, những cái ghế dài và những giường xếp cùng với những ngăn kệ cho các cửa hàng, những cánh cửa và ngay cả những rầm nhà ; những nhà bếp bị choán chỗ và trong cái đồn lính tương đối có tiện nghi này bao trùm một không-khí an lạc và vui vẻ. Người ta tin tưởng được an toàn hơn và người ta ít lo đến tình trạng phòng-thủ cho thành phố.

Nhiều khu rộng vẫn còn vắng vẻ và cho thấy một sự tương phản ngược lại với trung tâm thành phố. Người ta nói mới đây Móng-cái có gần được hai ngàn dân nhưng không nên tin rằng nó có nhiều chỗ ở như một thành phố Âu-châu có cùng tầm quan trọng. Ngoại trừ những thương-gia giàu, người ta biết có bao nhiêu các người Tàu khi mà họ chiếm ít chỗ trong một nơi ở : vào ban đêm, có hàng chục người chất đống trong cái phòng nhỏ nhất hay nội chỉ trong một cái thuyền.

Dân Việt-Nam ở Vạn ninh theo sau đoàn quân chúng tôi trở về, đã bắt đầu dọn dẹp những ngôi nhà đổ nát của họ, nhưng không người nào ở trong thành phố Móng-cái. Vào buổi xế trong ngày mà chúng tôi đến, thiếu tá Pông-xê cho chúng tôi đi qua trước mặt các quân lính được tập hợp lại, rồi ông giới thiệu chúng tôi với từng sĩ-quan một trong trại lính mà bên cạnh những người này chúng tôi sẽ sống trong nhiều tháng dài.

Cùng trong ngày, người ta gửi một lá thư đến làng người Tàu Tổng-hình để báo cho các ủy-viên Trung-hoa rằng chúng tôi đã đến. Lá thư này được ủy-thác cho một hạ sĩ quan kỵ-binh mang đi qua một lạch nước cạn của sông Trúc-sơn, chia cách Móng-cái và Tổng-hình. Ông không mang theo vũ-khí và cầm lá thư trong tay. Khi ông đến bờ bên kia của lạch nước cạn, ông ấy gặp một ông quan võ nhỏ và ra dấu cho ông này đến lấy lá thư để mang đến địa-chỉ của nó.

Ngày ngày hôm sau, chúng tôi tiếp nhận của ông Vương một lời phúc đáp tử tế, hoan-hỉ chào mừng chúng tôi và nói với chúng tôi rằng ông sẽ gửi lập tức một thư tín cho ông chủ-tịch Trịnh mà ông ấy đang đợi ở Kim-châu để báo cho ông ấy là

chúng tôi đã đến. Thư tín này được mang lại cho chúng tôi bởi một ông quan cỡi ngựa và liền sau đó ông đi qua chỗ lạch nước cạn gặp một hạ sĩ quan kỵ binh đến trước ông và dẫn ông đến nơi ở của ông chủ-tịch chúng tôi : thế là luôn luôn từ rày về sau người ta thông tin cùng nhau bằng cách này và nhờ vào những sự cẩn-thận này mà đã không bao giờ xảy ra trên vấn đề này những sự sơ xuất bất như ý.



Petite pagode à Monkay. — Dessin d'Eug. Burnand, d'après une photographie du lieutenant Hairen.

**Một ngôi chùa nhỏ ở Móng-Cái, hình do ông Burnand vẽ lại,
dựa theo một tấm ảnh của Trung-úy Hairen chụp.**

Hai ngày sau khi chúng tôi đến, đoàn quân Đuy-gien-nơ (Dugenne) bao gồm một đại đội kỵ binh, ba đại-đội tán-binh Bắc-kỳ và một trung-đội pháo-binh đến dựng trại gần Móng cái và sẽ tiến đến giải đất bao vây vào ngày hôm sau, mà tại đây họ chiếm đóng Trấn-sơn và những nơi chính trong vùng mà không bị kháng cự. Cũng như là ở Móng-cái, những dân cư người Tàu chạy trốn trước quân đội của chúng tôi, bỏ lại nhà cửa của họ và dân cư người Bắc-kỳ ở lại trong nhà của họ.

Đại tá Duy-gien cho đắp thành lũy ở Trấn-sơn và đồn này được chiếm đóng bởi lính của chúng tôi trong suốt thời gian định-ranh mà không có một sự phản đối nào về phía các ủy-viên Trung-hoa.

Vị-trí của chúng tôi đối với các đồng nghiệp Trung-hoa không để cho quá bị mỏng-mạnh ; chúng tôi, khi không có bằng chứng thực-thể và hiển hiện, không có thể tố cáo họ về việc ám sát người bạn bất-hạnh của chúng tôi. Một sự tố cáo chính thức do chúng tôi làm sẽ là một cái sai lầm vụng-về ; chắc-chắn chúng tôi sẽ chạy theo trước một sự thất bại và tuy chúng tôi biết một cách chính-đáng rằng ít nhất ông Vương là người chịu trách nhiệm về tất cả sự quản-trị của cuộc họp này, thì không thể nào là hoàn toàn vô tội trong tội ác này. Nếu thừa nhận rằng ông không phải là người chủ mưu thì cũng không thể nào mà ông không biết về cuộc âm-mưu cũng như là những người sắp đặt nó.

Những tin-tức đến với chúng tôi sau này, mà chúng tôi không có thể dùng một cách chính thức, báo cho chúng tôi biết rằng cuộc tấn công này và ngay cả cuộc tấn công mà các ông Giây và Hăng-ri là nạn nhân trên sông Long-po-ho đã được bàn tính từ lâu giữa phó-vương Quảng-châu, ông chủ-tịch của ủy hội Trịnh và ông tào tai Vương và chính ông này chịu trách nhiệm thi hành, đã cung cấp vũ-khí và cho một tên cướp gọi là Bắc-hạ kết nạp người để chỉ huy tấn công vào Móng-cái.

Từ ngày 28 tháng 12, ông Vương và Lí đến thăm chúng tôi ở Móng-cái và bày tỏ cho chúng tôi các lời chia buồn về cái chết của đồng nghiệp của chúng tôi. Tôi thú thật rằng chúng tôi phải ráng sức rất nhiều mới có thể nắm được bàn tay khi các ông ấy chìa ra cho chúng tôi.

Ít ngày sau khi chúng tôi đến Móng-cái, chúng tôi nhận được sự thăm viếng của cha Gờ-răng-pi-e-rơ, mà mới vừa được bình phục, trở lại nơi làm việc của ông trong làng người Tàu Trúc-sơn, phải đi 4 hay 5 giờ từ Móng-cái. Chúng tôi thấy rằng ông không quan-tâm ông hơn là cho đồng-nghiep xấu số của chúng tôi khi ông này không được cảnh báo kịp ; ông còn chấp-nhận đem sự hiểu biết về xứ sở và nhiều phương tiện để lấy tin tức của ông để phục-vụ cho ủy hội. Và lại, Cha Gờ-răng-pi-e-rơ cũng được

các sĩ-quan hải-quân biết rõ khi họ thi-hành chiến-dịch ở Trung-hoa : trong nhiều lần khác nhau, ông đã có thể tìm ra những người lái tàu cho Đô-đốc Cuộc-bê và cung cấp cho ông ấy những tin tình-báo hữu-ích.

Ba mươi lăm tuổi và cũng tỏ ra đúng với tuổi của ông ấy, dù rằng sự sống còn vất vả mà ông diu dặt từ 12 năm trong làng Trúc-sơn, cha Gờ-răng-pi-e-rơ cũng như hầu hết những nhà truyền đạo thiên-chúa khác ở Trung-hoa, mặc quần áo của Tàu, đầu cạo sát và phía sau là một cái đuôi được bôi lên.

Dân-cư Trúc-sơn không phải là người Tàu ; mà những người này gọi chúng là những người man di và hầu như họ xứng đáng với cái tên này. Họ có một lối nói đặc biệt và giữ lại tất cả mái tóc của họ. Không thiện cảm, lưỡi biếng và nhút nhát ,nên phải có tất cả năng lực của cha Gờ-răng-pi-e-rơ cùng tất cả sự tận tụy của ông để đi đến việc lập nên tiểu-giáo-khu này. Bị các tên cướp bao vây tất cả các phía và thiếu sự che chở của các ông quan vì thù nghịch với ông, nên ông đã làm cho tiểu-giáo-đường của ông thành như một cái pháo-đài thật sự, mà ở đó ông ấy đã chống-đỡ và đẩy lui nhiều đợt tấn công của các tên cướp.

Trong cuộc chiến sau cùng, bị đe dọa bởi những ông quan chính thức, ông phải tị nạn cùng với tất cả các giáo-dân của ông trong một hòn đảo xa bờ biển hơn mà những người man-di này tự để cho chết vì nhớ nhà và chết đói còn hơn là phải làm việc. Trở về Trúc-sơn liền sau khi hòa-bình, ông cho tổ chức lại giáo-khu dù rằng vị trí bất ổn của ông, sửa sang lại giáo đường nhỏ của ông và nhà mồ cô mà tại đây ông tiếp nhận các đứa trẻ mà nếu không có nhà này thì chúng sẽ bị bán cho các tên cướp để đưa đến các thị trường Hồng-kông và Thượng-hải. Trúc-sơn bắt đầu đông đúc hơn khi mà các sự rối loạn ở Móng-cái còn đến để làm cho tình hình phức tạp thêm.

Bị cưỡng bách từ nhiều năm phải luôn luôn canh chừng và tiên đoán những âm mưu thành lập chống lại ông, nhờ vào những giáo dân người Tàu mà ông có một cơ sở tình báo tổ chức rất tốt và ông đã nhiều lần được cảnh báo kịp thời những nguy hiểm đe dọa ông.

Người ta hoài bão có được bao nhiêu người trợ tá giống như vậy để có thể có ích cho chúng tôi. Ông bằng lòng cống hiến thì-giờ cho chúng tôi sau khi làm các công việc thường lệ của ông và rồi đây đối với tất cả chúng tôi, không những ông là một cộng sự viên mà còn là một người bạn thật-sự nữa.

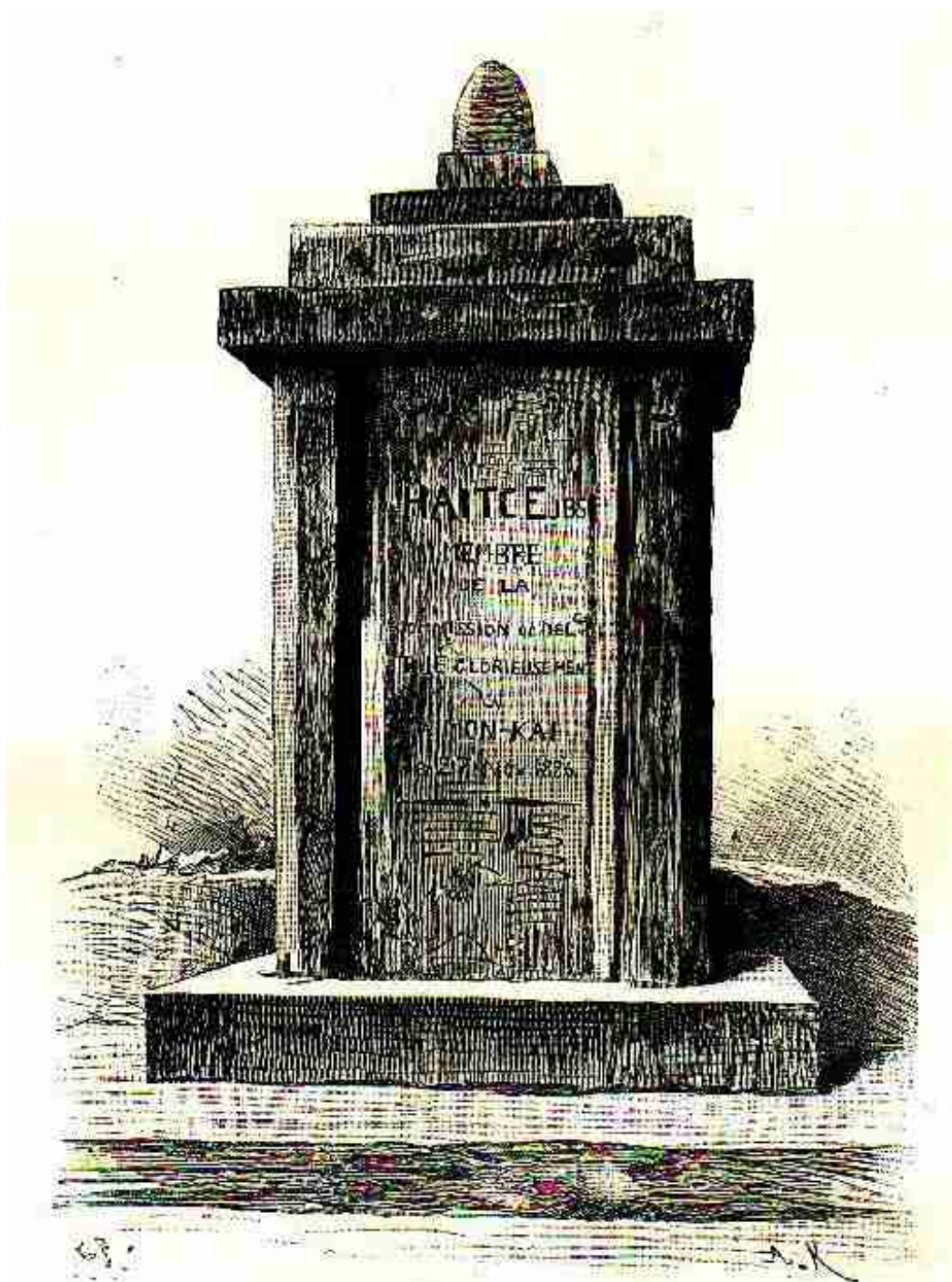
Chính nhờ có sự giúp đỡ của ông mà chúng tôi có thể hiểu biết được các chi tiết về cái chết của ông He-ít-xơ và cũng nhờ ông mà chúng tôi có thể tìm lại được cái đầu của đồng-nghiệp chúng tôi. Được khuyến khích vì lời hứa sẽ thưởng rất lớn của ông chủ tịch chúng tôi, nhiều người của ông bắt đầu chiến-dịch và lần-lượt mang về cho chúng tôi nhiều cái đầu còn được bảo quản hoặc nhiều hoặc ít. Tôi xem-xét tất cả chúng nó với sự cẩn thận lớn nhất và tôi có thể chỉ-định với sự chính-xác hai cái sọ người Âu-châu và cuối cùng cái đầu của người bạn bất hạnh của tôi hoàn toàn nhận ra được nhờ vào vài dấu-hiệu đặc-biệt.

Được trợ-tá của bác-sĩ Rô-bet-đô (Roberdo) và nhiều người bạn biết ông He-ít-xơ trong lúc ông còn sống, chúng tôi có thể thiết lập cho ông ấy một cái giấy khai-tử và người ta bày tỏ lòng tôn-kính táng-lễ đối với những phần còn lại tìm ra được của ông ấy cùng của những người kỵ-binh và lính khố xanh. Họ được an táng ở khoảng giữa đường giữa thành phố Móng-cái, mà tại đây họ bị tấn công, và kinh thành mà tại đây họ đã phòng-vệ một cách dũng cảm.

Tất cả trại lính Móng-cái tham dự vào buổi lễ buồn-thảm này. Ông Đi-giông và Đại-tá Tít-xay-rơ tỏ lòng kính-mến trong những lời nói cảm động trong lúc tưởng-niệm ông Ha-ít-xơ và những người dũng cảm cùng chết với ông ấy. Một cái lăng được xây bằng những tấm đá lớn lấy từ phần đổ nát của một ngôi chùa cũ được dựng lên trên cái mộ của ông và vật kỷ-niệm cho những người đồng hương của chúng tôi muôn thuở sẽ ở trong xứ này.

Trong những ngày đầu tiên sau khi chúng tôi đến, người ta quá tưởng rằng trong thành-phố sẽ được an-toàn, dù rằng không được bảo-vệ kỹ, chỉ bao-bọc bằng những hàng rào tre và cách không xa những cánh rừng nhỏ, có thể làm thuận-lợi cho một cuộc tấn công. Ngoài thành phố, nếu ra xa hơn là không cẩn thận và trên mỗi mô

đất, người ta có thể sợ gặp những tên cướp phục-kích ở đó.



Mausolée de M. Haïtce. — Dessin d'Eug. Burnand, d'après une photographie du lieutenant HIRON.

**Lăng kỷ-niệm ông Haïtce, hình do ông Burnand vẽ lại,
dựa theo một tấm ảnh của Trung-úy HIRON chụp.**

Nếu chúng tôi phải liên-kết với những tin tình-báo, mà về phần tôi, tôi tưởng rất đáng tin, những cái đầu của tất cả những người Âu-châu ở Móng-cái, từ những cái của các nhân-viên của ủy-hội và của Đại-tá Đuy-gien cho đến cái của người lính cuối cùng đã được đem ra khảo-giá khác nhau, tùy theo cấp bậc. Ngay cả người ta cho

tiền thưởng đối với tất-cả những đồ-vật đã được mang đến trong nước Tàu và chắc chắn nó thuộc về của một người Âu-châu, như là mũ nồi, giày dép hoặc quần áo.

Khi Đại-tá Duy-gien đã tổ chức xong những cái đồn trong vùng đất bao vây, ông trở lại Móng-cái và kể từ lúc này, trong thành phố bao phủ một không khí sôi động. Từ rạng sáng, những người lính trong y-phục làm việc, bắt đầu công-trình. Chỉ trong ít lâu, tất-cả các cùng lân-cận của thành phố được chặt cây và dọn cỏ rác : những cây tre và những cây ăn trái , những ngôi nhà hay những ngôi chùa, tất cả những gì có thể làm lợi cho một cuộc tấn công hay từ đó bắn ra những người cố-thủ sẽ bị san bằng mà không có thương hại gì. Kinh-thành Việt-nam được đặt lại trong tình trạng phòng-thủ và cái lũy nhỏ hoàn toàn được chặt cây, được làm cho kiên-cố và tích lũy lương thực, được trang bị súng Đại liên và hai khẩu đại bác 90 mm : bây giờ nó có thể kháng cự lại tất cả một quân-đội của Tàu.

Ngoài ra một cái pháo-đài nhỏ được xây trên một trong những ngọn đồi nhìn xuống ngôi làng người Tàu Tống-hình. Chúng tôi ở trong một vị-trí ngược lại mà chúng tôi có ở Lào-cai. Ở đây chính chúng tôi ngự-trị ngôi làng người Tàu và những cái lũy chung quanh ; chính thật sự thành phố biến thành một yếu-địa, và người ta đã phá hủy nó gần một nửa để làm cho nửa bên kia ở trong tình trạng phòng-vệ. Tất cả những công-việc này mà Đại-tá Duy-gien-nơ cho thi-hành là cần thiết để bảo đảm an-ninh cho chúng tôi, nhưng tôi phải thú nhận rằng không có một luyến tiếc gì và ngay cả còn có một thú-vị nào đó khi tôi được thấy thành phố này bị phá hủy và những căn nhà của dân chúng bị san bằng, vì chúng là đồng lửa trong cái chết của đồng nghiệp chúng tôi

Thật vậy, những tin tình-báo có tính cách báo động nhất không ngừng được mang lại cho chúng tôi kể từ tháng hai.

Khi dân-chúng Móng-cái thấy rằng chúng tôi nhất định muốn ở lại và chiếm thành phố thì họ tức giận lên và nếu không có những sự đề phòng qui-mô do Đại tá Duy-gien-nơ quyết-định thì chắc chắn chúng tôi đã bị tấn-công hoặc đêm này hoặc đêm khác rồi. Ngoài các công việc phòng thủ này, Đại-tá cho đi tuần mỗi đêm trong tất

cả đồng bằng và dựng lên những ổ phục-kích trong những nơi mà người Tàu ở Tổng-hình có thể vượt qua biên-giới.

Ông cũng ra lệnh cho đi thám thính xa hơn một ít, mà chính trong lúc này, các sĩ-quan địa-hình của chúng tôi có thể dựng lên một phần biên-giới về phía Bắc. Trong một trong những cuộc tuần thám này tiến sâu cho đến chân núi Muôn-sơn, người ta bắt một tù binh, giống người Bái, dân miền núi, do bất cẩn đã đi mạo hiểm trên lãnh thổ chúng tôi và người ta dẫn nó về Móng-cái. Những dân-chúng này, như là những người Mán mà họ không giống chút nào, sống trong những phần lúi sâu nhất trong núi.

Người mà họ dẫn đến chúng tôi hầu như trần truồng, hình như chết hơn một nửa vì đói và khi mà người ta biểu thức ăn, ông ấy nhảy lên vì thèm thuồng ; không ai hiểu một tiếng nào trong ngôn-ngữ của ông. Với những sợi tóc quăn lại, mắt không có xéch ngược và da màu nâu, ông này làm cho tôi nhớ nhiều đến vài mẫu người Mã-lai hơn là tất cả người Đông-dương nào khác. Người ta không có thể hỏi ông ấy và trung-úy He-rông rất muốn chụp hình ông, rồi vài ngày sau, vị Đại-tá cho dẫn trở lại nơi mà ông ấy bị bắt. Khi người ta cho ông ấy biết rằng ông được tự do, ông bỏ chạy giống như một con thỏ rừng về hướng núi và chạy trốn rất nhanh mà không nhìn lại phía sau ông.

Những căn nhà ở Móng-cái lớn hơn nhà ở Đồng đăng nhiều, hầu như tất cả đều có một tầng và nhiều phòng ; ở trên phía đằng sau có một sân trống xây ra bờ sông ; nếu việc dùng cửa gương và các cửa sổ di động là hoàn toàn không được biết đến, người ta cũng có thể đặt nó ở đó cho khá tiện nghi hơn trong mùa hè. Lúc chúng tôi đến và nhất là hai tháng tiếp theo, nhiệt độ lạnh và ẩm ướt, nên những ai trong chúng tôi không có thể cho xây những ống khói phải chịu lạnh.

Móng-cái gồm có nhiều ngôi chùa : người ta dùng hai cái lớn nhất, một để đặt xe cứu thương ở đó và cái khác để làm phòng họp cho chúng tôi. Cái này ở gần cái cửa phía Đông của thành phố, và những người Tàu có thể đến đó với các người hộ-tống, những người khuân vác và các gia nhân của họ, nhưng những gia-nhân không có

thể tàn nát ra trong thành-phố.



Un paï. — Gravure de Thiriat, d'après une photographie du lieutenant HIRON.

**Một người Bái, hình do ông Thiriat vẽ lại,
dựa theo một tấm ảnh của Trung-úy HIRON chụp.**

Những cuộc bàn cãi vô tận lại bắt đầu với các đồng nghiệp Trung-hoa, và dù rằng hầu như người ta luân phiên mỗi ngày, một buổi họp ở Tổng-hình bên Trung-hoa

hay nơi chúng tôi ở Móng-cái, những sự-vụ không tiến nhanh hơn là ở ải Nam-quan. Để hội họp trong những thời gian đầu tiên, người ta đi qua chỗ nước cạn của con sông nhỏ bằng ngựa ; sau này người ta thỏa thuận xây một cây cầu tạm thời mà chỉ dùng cho hai ủy-hội thông thương.

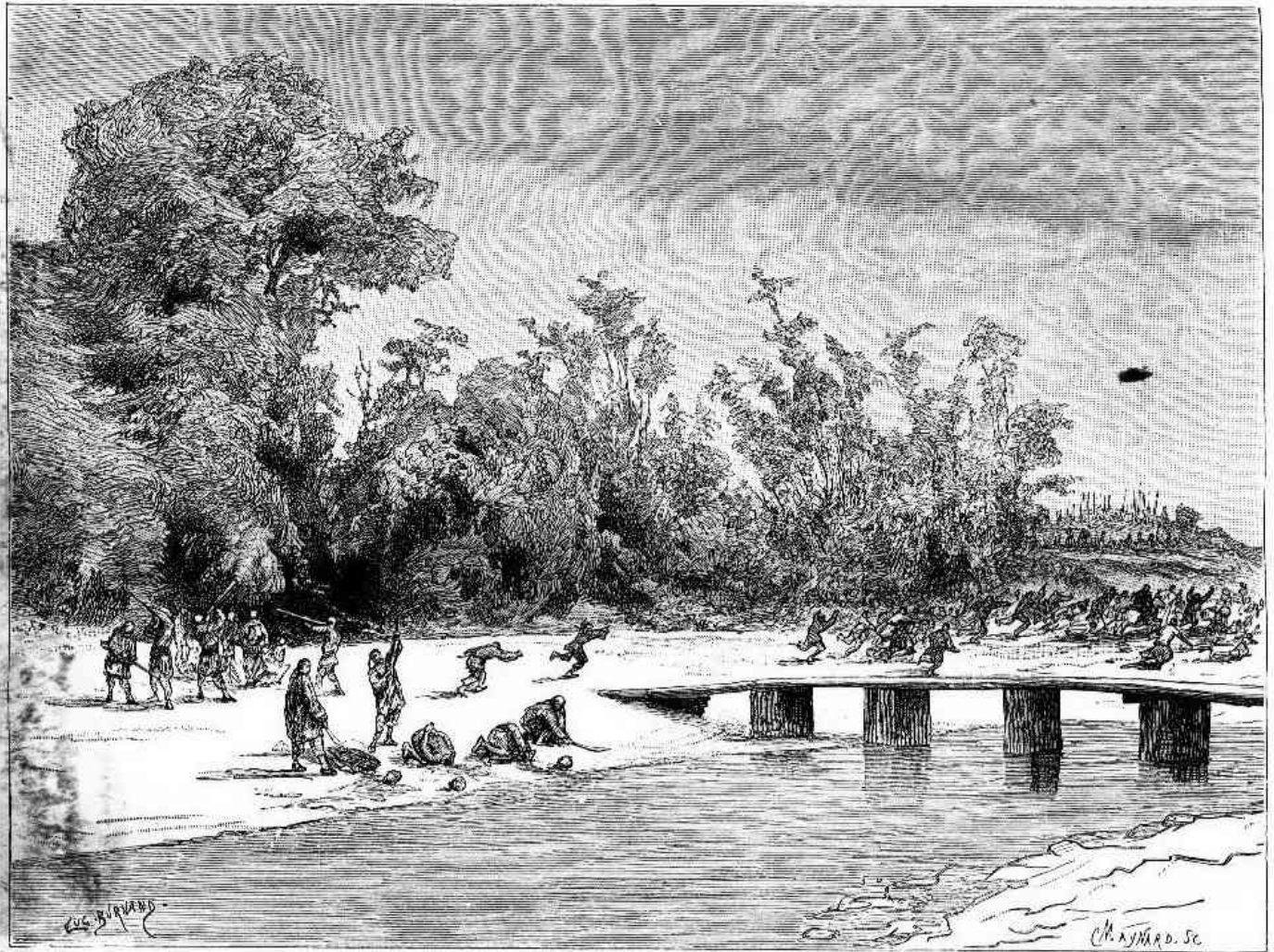
Thực vậy, không có một người nào khác được vượt qua biên-giới. Mọi người Pháp hay ngay cả mọi người Việt nam nào mạo hiểm xuyên qua sông đều bị bắt giữ, nếu trước đó nó đã không bị dân-chúng đánh như tử. Về phía những người Tàu, họ đã nhiều lần đến vi-phạm bằng những hành vi cướp bóc trong những xóm người Việt nam ; mọi người Tàu ở trên lãnh thổ chúng tôi mà không có thể chứng-minh được lý-do sự hiện-diện của nó trên phía biên-giới của chúng tôi, phải bị giết sau một cuộc điều-tra ngắn.

Các giới thẩm-quyền Trung-hoa không bao giờ chống đối cách-thức hành-động này và Đại-tá Duy-gien cũng như là các ủy-viên thường tuyên bố với chúng tôi rằng tất cả những người Tàu mà người ta thấy lang thang trên biên giới chúng tôi chỉ có thể là những tên cướp nguy-hiểm.

Vì người ta phàn nàn với ông Vương rằng những băng đảng đã giết chết ông Ha-ít-xơ là đến từ lãnh thổ Trung-hoa và đã trú ẩn trên lãnh thổ này lúc đoàn quân của thiếu tá Pông-xê đến ; những ủy-viên không có thể từ-khước sự-kiện này, nhưng phản đối rằng đối với họ, tuyệt đối không thể nào ngăn cản điều đó được và họ đã dùng tất cả quyền-lực của họ để cho bắt giữ những kẻ phạm-tội. Thủ-lãnh đảng cướp Bác hạ và nhiều tên khác là chủ-mưu của vụ thăm-sát không phải là ít được an toàn ở Tổng-hình và trong các vùng phụ-cận. Chúng tôi được báo cáo về sự hiện-diện của chúng ; tuy nhiên chúng chẳng bao giờ lo-lắng. Ngược lại, nhiều lần trong tuần, các ủy-viên cho người báo chúng tôi rằng những cuộc hành-quyết các tên cướp người Tàu đã xảy ra trên bờ sông, gần cây cầu dùng cho ủy-hội, và thực vậy người ta cắt đầu ở đó từ 3 đến 5 tên.

Từ trên cao của một cái pháo-đài nhỏ nhìn xuống cầu, đôi khi tôi dự vào cái quang-cảnh buồn bã này. Nơi hành-quyết là một cái bãi đá cuội nhỏ và các đao-thủ-phủ,

cùng số người với số người bị kết-án, mặc áo quần màu đỏ, chờ đợi những tử-tội ở đó trong khi mài những lưỡi kiếm của họ, mà cái lưỡi ở trên cao rộng hơn ở dưới thấp, giống như loại dao dùi chặt thịt.



Une execution de pirates. — Dessin d'Eug. Burnand, d'après une photographie du lieutenant Hairen.

Cảnh hành-hình những người làm giặc cướp. Hình do ông Burnand vẽ lại, dựa theo một tấm ảnh của Trung-úy Hairen chụp.

Ở khoảng một trăm mét, bằng một con đường hẻm đi xuống bờ sông, người ta thấy một ông quan cỡi ngựa đến gấp, theo liền sau bởi những người bị kết án mà tay bị trói lại sau lưng để không thể nào mà chạy được nhanh nhất, theo sau mỗi người bởi một người bảo-vệ có trang bị một cây tre. Tiếp đến là khoảng năm mươi lính chính-quì mặc đồng phục có trang bị súng cá nhân của họ và một đám đông dân chúng chạy theo sau. Khi đến gần những đao-thủ-phủ, những người bị hành-hình quì gối, mặt quay về phía bờ sông và đầu rơi ngay lập tức trước khi mà người ta có

thì giờ để tự hỏi họ sẽ hành-động bằng cách nào. Trong lúc này, những người lính bắn lên trên không và ông quan cỡi ngựa, các người lính và tất cả đám đông người tò mò bỏ chạy sao cho thật nhanh nhất trong lúc hô lên những tiếng la hét chửi. Họ sợ bị theo đuổi bởi linh-hồn của những tử-tội và để làm cho nó sợ nên họ đã làm vang lên tiếng ồn này. Chỉ các đao-thủ-phủ là có được trí-óc mạnh-mẽ nên không vội-vàng rút lui nhanh và bình tĩnh lau những cái kiếm của họ trên cỏ của bờ sông. Theo luật-lệ, thân thể và đầu phải để ba ngày tại nơi mà nó bị rơi, nhưng việc trông thấy những thi thể nằm dài trên lối đi của chúng tôi, khi chúng tôi đến họp ở Tổng-hình, đối với chúng tôi ít dễ chịu, nên người ta đã làm biến mất nó trong vòng vài giờ sau, rồi sau đó người ta bày những cái đầu trong những cái thùng đan bằng mây để trong chợ hay trên những con đường có người đi ở Tổng-hình với lời ghi chú nói về nguyên nhân của hình phạt. Chúng tôi chẳng bao giờ biết những người không may này bị cáo buộc về chuyện gì mà người ta cắt đầu như thế ; nhưng phải hành-quyết tất cả những người nào làm chuyện ăn cướp hay ra lệnh đi ăn cướp và khi đó người ta bắt buộc phải kết án hơn ba phần tư dân-số trong vùng.

Lúc chúng tôi đến, những dân-chúng cũ của Móng-Cái hy-vọng được trở về nơi ở của họ và nhờ các ủy-viên cầu xin ông chủ-tịch chúng tôi nếu ông ấy có thể cho lấy những biện-pháp gì trong mục-đích này. Ông Đi-giông trả lời rằng điều đó ngoài thẩm quyền của ông và phải xem lại nơi các giới-chức thuộc về lãnh-thổ ở Bắc-kỳ. Và lại, các nhà chức-trách quân-sự ít quan tâm đến việc mở những cái cửa của thành-phố cho băng đảng cướp bóc và gián điệp này.

Trong khi mà Đại tá Duy-gien-nơ làm tất cả những sự thận trọng như thế trong trường hợp bị tấn công, thì giới chức dân-sự đại diện bởi ông Goi là phó công-sứ không phải là bất động. Trú đóng trong một ngôi chùa lớn nằm ở giữa pháo đài nhỏ và con sông và có 60 lính khố xanh Việt nam tại chỗ, ông cho củng cố dinh của ông, đào những cái hố và huấn-luyện quân sự cho các lính khố xanh của ông để rồi đây họ sẽ ở trong tình trạng phải đảm trách việc an-ninh trong vùng. Ông Goi, cựu trung-úy bộ-binh thuộc hải-quân, đã trải qua 4 năm ở Đông-dương, nói tiếng Việt-

nam thông thạo và biết rõ xứ sở ; ông cố hết sức để tổ chức việc cai-trị dân chúng Việt nam, mà họ đã trở về trong nhà của họ và bắt đầu dọn đi những sự đổ nát của ngôi làng bị đốt Hải-ninh. Và lại, đối với những người khốn-khổ này, việc đốt cháy các căn nhà của họ không phải là một rủi ro quá đáng kể, và trong vài ngày một cái nhà mới lại được xây. Khoai lang ngọt là sự trồng-trọt chính trong vùng, vẫn còn nằm ở dưới đất, và những cánh đồng mà các người Tàu đã bỏ đi cũng có thể được thu gặt bởi những người Việt nam này, vì vậy họ sống rất là yên tĩnh dưới sự che chở của các người lính chúng tôi.

Ông Goi không phải là ít thấy những khó khăn lớn nhất trong việc chọn lựa những nhà chức-trách người bản xứ như phủ, huyện và xã, bởi vì tất-cả những người này không tin gì về thời gian chiếm đóng của chúng tôi. Số nhiều trong những người đã chấp nhận những chức-vụ đã chỉ làm nó dưới sự chủ-mưu của những người Tàu, mà họ trình báo một cách trung-thực tất cả những gì đã xảy ra cho những người này. Vì thế các hoạt động khai-triển bởi Đại-tá Duy-gien-nơ trong công-việc củng cố Móng-cái đã làm dễ dàng cho việc cai-trị xứ sở hơn là tất cả những lời tuyên-bố, lời hứa và bảo đảm bằng lời nói mà người ta có thể cho người Việt nam. Rủi thay, trong lúc ông bắt đầu biết rõ cá nhân ông ấy, ông Goi được thay thế bởi một người trẻ tuổi nóng nảy, không biết gì về chuyện của người Việt-nam và tự làm những báo-cáo về cảnh-sát hơn là trong việc cai-trị trong những hoàn-cảnh khá tế nhị.

Từ tháng giêng, nhờ vào các biện-pháp mạnh mẽ, tất cả đồng bằng Móng-cái giữa Paklam và con lạch của sở quan-thuế trở nên đủ vững-vàng. Thật sự rằng người ta chỉ có thể mạo-hiểm bằng quân đội có vũ trang về phía bên kia của sông Móng-cái, trước mặt của thành phố, mà ở đó chúng tôi chưa có những cái đồn cố-định và ở đó, hầu như trước mặt ngôi chùa dùng làm trú sở, các tên cướp người Tàu đến cướp bóc một căn nhà và ám sát hai người đàn bà ; nhưng từ bây giờ người ta có thể làm những cuộc du-ngoạn lâu bằng ngựa cho đến phía bên kia của con lạch cũ sở quan-thuế, về hướng Mai-ngọc và dọc theo Trà-cổ. Trong lúc mà những tin đồn tấn công vào Móng-cái là đe dọa nhất thì Đô-đốc Ri-ơ-ni-ê (Rieunier) nắm quyền chỉ-huy sư-

đoàn ở biển Trung-hoa đến thăm chúng tôi vào cuối tháng giêng và lưu lại cùng chúng tôi vài ngày.

Một buổi tối, giữa một bữa ăn lớn, trong đó như là người đứng ra tổ chức nên tôi đã cho làm mọi sự cẩn thận. Đại-tá Đuy-gien-nơ và đô-đốc đang ăn với chúng tôi thì chúng tôi nghe những phát súng về phía làng Hải-ninh và viên hạ-sĩ giữ cửa này của thành-phố hô lên phải cầm vũ khí. Cái bàn được dọn sạch trong nháy mắt, mỗi người chạy đến vị-trí của họ và những người khác đi xem thử chuyện gì đã xảy ra. Tất cả mọi sự đề-phòng được áp-dụng trong lúc này và người ta không sợ một sự bất ngờ nào ; vì thế không ở vị trí chiến-đấu, tôi cứ tiếp tục chặt kỹ-lưỡng một con ngỗng tuyệt ngon mà nó là món ăn chiến đấu cho bữa ăn chiều chúng tôi : những thực khách lại đến để ngồi vào bàn trước khi mà nó nguội. Đó là một sự báo-động giả làm ra bởi các lính khố xanh trong trú-sở : họ tin rằng chợt thấy những tên cướp người Tàu dọc theo con sông và họ đã bắn theo hướng cửa Móng-cái. Những lính ở trạm đó, có nhiệm-vụ giữ cái cửa đã nghe các viên đạn bay vèo trên đầu họ và họ đã cho báo động ; dù rằng hai mươi lần, người ta đã báo cáo cho chúng tôi là Móng-cái sẽ bị tấn công vào một ngày cố-định, và đó là báo động duy nhất mà chúng tôi đã nhận được trong thành-phố này.

Trong một lần thăm viếng mà chúng tôi đến gặp đồng nghiệp của chúng tôi về vấn đề ngày đầu năm của Trung-hoa, đô-đốc cùng chúng tôi tiếp các ủy-viên và trong lúc đối thoại ông ấy cẩn thận nói với họ rằng một hành động thù nghịch nào dù là nhỏ nhất nếu xảy ra do các người Tàu về phía bên kia của Móng-cái thì tuyệt đối sẽ quyết định dùng biên-pháp trả thù và nhờ vào hạm đội của ông, phải đốt và tàn phá một trăm cây số trên bờ biển nước Trung-hoa.

Những ngày lễ Tết này (ngày đầu của năm Việt-nam) làm chậm trễ vài ngày các công việc của chúng tôi, rồi cảm chúng tôi lại không có họp, nên ngay từ phiên-họp đầu tiên đã đưa đến một sự thỏa thuận bằng lời nói hầu như đầy đủ. Không phải là những người Tàu bao giờ cũng muốn xem cái giải đất bao vây và cái mũi đất như là của Việt nam, nhưng trong ngày đó họ chấp thuận khi thừa nhận nguyên-trạng và

cái quyền của chúng tôi được chiếm một cách tạm thời trong vùng, trong khi chờ đợi quyết định của hai chính phủ chúng tôi. Rủi thay những điều khoản tốt này không kéo dài. Họ đòi hỏi phải chờ đến ngày mai mới ký cái thỏa-ước, và ngày mai họ đòi hỏi một tháng rồi họ lại bắt đầu tìm cớ thoái-thác vĩnh-viễn luôn.

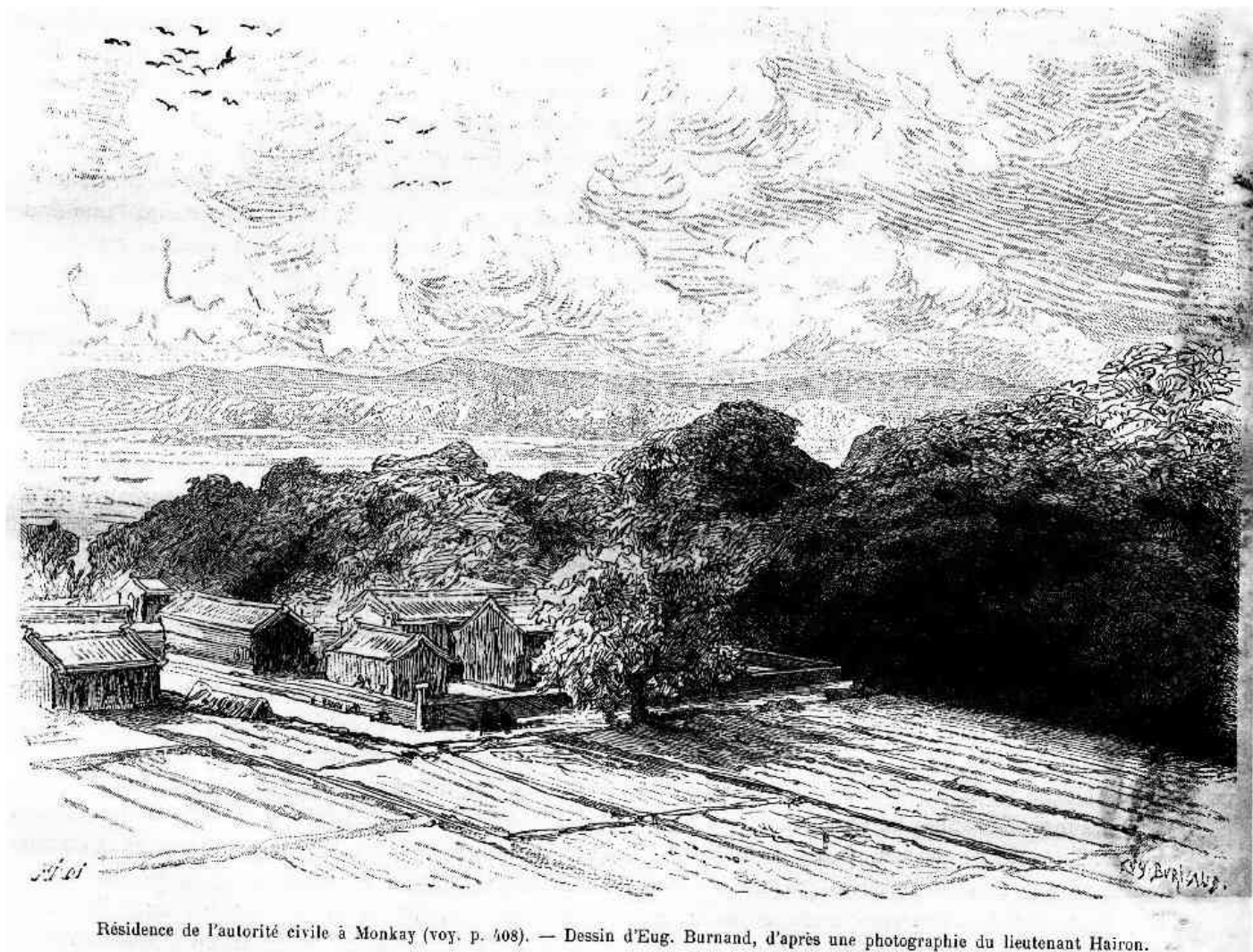
Mặc dù có những tin đồn tấn công và những lời báo liên tiếp mà chúng tôi tiếp nhận từ nguồn gốc đứng đắn để không ngừng cảnh giác, nhưng nhờ vào những biện pháp mạnh mẽ của Đại tá Duy-gien, chúng tôi có thể làm những cuộc đi dạo xung quanh Móng cái từ tháng hai. Đó là thời kỳ mùa xuân đối với xứ này và tất cả những bờ ruộng trong những vùng phụ cận đều bao phủ những hàng rào cây hoa hồng xứ Bắ-gan-lơ (Bengale) mà hoa thơm ngát trong vùng này.

Việc đốt những ngôi nhà ở Hải-ninh có kiêng nể đến những cái vườn, nên chỉ ít lâu thì nhiều nơi có những sự đổ nát đen đui được bao phủ lên bởi những cụm hoa hồng.

Việc săn bắn ít có kết quả, xứ sở quá được canh tác nên không phải là nơi ẩn-náu cho các thú rừng lấy thịt và bất cần khi mà đi xa ra cạnh của những ngọn đồi. Những con chim mỏ nhác trong những thửa đất ẩm ướt, những con chim gáy và vài con chim trĩ đỏ hiếm hoi trong những thửa đất khô, đó là hầu như thú rừng lấy thịt duy nhất mà người ta gặp. Còn một cách săn khác nữa buồn cười hơn, đó là săn những con chó Tàu trở thành hoang-dại, trong những ngọn đồi nằm ở phía đông của thành phố : những thú vật này không theo chủ của nó ở Trung-hoa, nhưng trong thời gian chúng tôi lưu lại, chúng nó không bao giờ đến gần Móng cái. Chúng đào những cái hang trong những ngọn đồi, và khi chúng tôi gặp chúng nó trong đồng bằng trong những cuộc đi dạo bằng ngựa của chúng tôi, chúng tôi đùa để chiếm đoạt chúng nó như là đối với những con chồn.

Một trong những sự quan-tâm đầu tiên của Thiếu-tá Pông-xê khi ông ấy trú đóng ở Móng cái là cho trồng-trọt trong một thửa đất rộng gần cái đồn nhỏ ; vì thế trong vài tuần lễ, người ta đã có đầy đủ xà-lách, những củ cải đỏ và các loại rau sống khác nhau ; không những dùng cho các sĩ-quan, mà cho cả tất-cả những người Âu-châu.

Ngôi chợ mà người ta cho thiết-lập gần thành-phố thì lúc đầu chỉ được cung cấp ít , vì xứ sở hoàn toàn bị tàn phá ; tuy nhiên việc này dần-dần phát-triển ra nhờ những người đánh cá miền biển đem cá của họ đến đó ; và dân cư Trà-cổ cùng các nơi khác mà đã thoát khỏi cướp bóc đến đó bán heo, trứng, gà vịt của họ cũng như là trái cây và rau sống. Và lại, họ bán cho chúng tôi những hàng-hóa này ít ra nữa cũng gấp ba giá của nó ở Hà-nội.



Résidence de l'autorité civile à Monkay (voy. p. 408). — Dessin d'Eug. Burnand, d'après une photographie du lieutenant Hairen.

Khu cư-ngụ ở Móng-Cái, của những nhân-viên làm việc cho chính-quyền.

Hình do ông Burnand vẽ lại, dựa theo ảnh của Trung-úy Hairen chụp.

Sự trồng-trọt chính trong xứ là khoai lang , làm thành thực phẩm căn bản cho các người nghèo ; mọi người đều thích lúa mà nó mọc cũng tốt trong đồng bằng Móng cái, nhưng mà khoai lang mỗi năm cho đến ba mùa gặt một cách dễ dàng và ở mỗi mùa gặt, một số lượng lớn nhất dùng làm căn-nguyên dinh-dưỡng ; ngoài ra người ta còn trồng đậu phụng, bắp, và một ít lúa kiều mạch.

Đồng-bằng này có những cái lạch nhỏ chạy qua, rải-rác có những chùm cây sinh ra do những cây đa khổng lồ, mà dưới chúng nó người ta thường thấy có những ngôi mộ. Ở gần lạch nước của sở quan thuế, xứ-sở có cây nhiều hơn. Trong một ngôi chùa cũ có bóng rợp của những cây lớn ở cách Móng-cái bốn cây số, giới thẩm quyền quân-sự đã đặt một cái đồn nhỏ chỉ huy bởi một sĩ-quan, và đồn Kounian-tong này hầu như trở thành nơi hẹn hò vào mỗi buổi chiều cho những cuộc đi dạo bằng ngựa của chúng tôi.

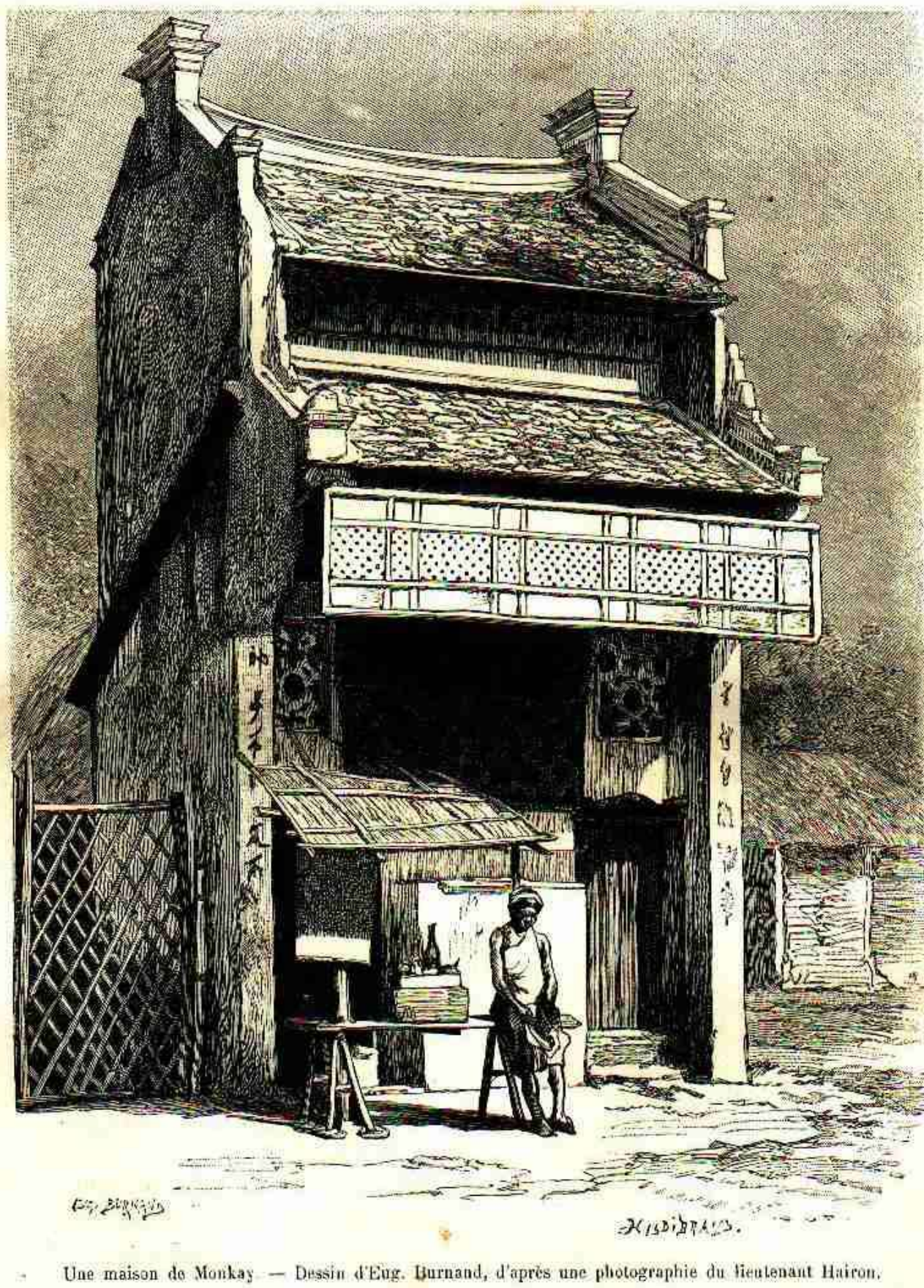
Thỉnh-thoảng khi thủy-triều thấp, người ta đi qua con lạch ở chỗ nước cạn và đi đến ngôi làng công-giáo Trung-ninh mà những đồ nát được dọn dẹp một cách nhanh chóng. Chính những người dân của làng này đã cứu ba kỵ-binh khỏi sự thảm sát trong lúc đưa họ qua con lạch khi mà người Tàu đã làm chủ trong vùng, đã đốt làng và đuổi dân chúng.

Dưới sự chỉ-đạo của ông linh-mục người Việt nam của họ, họ bắt đầu làm việc đặc lực từ lúc người Pháp đến. Tự cảm thấy hơi xa cái đồn của chúng tôi nên họ bắt đầu xây cất một vòng đai công-sự phòng-thủ bằng những hàng rào và bằng những cây tre gai góc, để ẩn náu nếu có trận đánh thành-linh của các tên cướp ; và rồi với những vật liệu của những ngôi nhà người Tàu mà người ta đã phá hủy và người ta cho phép họ dùng nó để xây lại những cái nhà lợp bằng ngói, có đủ tiện nghi hơn là những cái mà họ đã chẳng bao giờ có. Ở trung tâm của làng có một cái nhà trống lớn lợp bằng ngói, được dùng như nhà thờ, mà vị linh-mục Việt-nam ở trong một góc.

Tất cả các phái-bộ truyền giáo thuộc phần đất này của Bắc-kỳ là các phái-bộ Tây ban nha và các giám-mục người Tây ban nha rất ít khó khăn hơn những giám-mục của chúng tôi trong việc tuyển chọn các thầy tu người bản xứ. Liên sau khi các người tân-tín-đồ biết một ít về tôn giáo của họ và họ biết đọc chữ la-tin thì người ta xem họ là học đủ để được phong linh-mục và gởi đi cai-quản các giáo-khu. Thường họ không biết tiếng la-tanh cũng không biết một ngôn-ngữ Âu-châu nào và hưởng dụng rất ít ưu-thế đối với giáo-dân của họ. Ông linh-mục Trung-ninh không khác biệt

những người khác trong làng, bởi vì ông cắt tóc ngắn thay vì búi tóc như người trong nước, nhưng mà phần còn lại thì ông mặc theo kiểu Việt-nam và đôi khi chúng tôi gặp ông ấy làm việc ngoài đồng hay là trong việc củng cố ngôi làng giống như các giáo-dân của ông, và mặc những quần áo cũng nhợt nhúa như các người khác. Dầu sao chẳng nữa, người ta cũng quá sung sướng khi ở giữa những làng thiên-chúa-giáo, nhất là trong những xứ-sở hỗn-loạn này, và không thận-trọng khi không thấy một cái đồn quân-sự. Bất kỳ là phái-bộ truyền-giáo nào, Pháp hay Tây-ban-nha, hiển-nhiên là những giáo-dân của họ luôn luôn nhìn những người Âu-châu như là những người bạn và chừng nào mà người ta còn ở trên đất họ thì người ta chắc-chắn có thể được báo cáo kịp thời, nếu người ta sợ vài nguy hiểm. Những người dân của Trung-ninh luôn luôn chào chúng tôi với sự vồn vã, họ là những người hướng đạo cho chúng tôi trong các cuộc du ngoạn và người ta cảm thấy hoàn toàn an-ninh khi ở giữa họ, trong khi mà trong làng Phật-giáo Mout-say ở bên cạnh, xa hơn một chút về phía đông, dân-cư trốn hay ẩn núp khi chúng tôi đến gần, và nhiều lần các đội tuần-tiểu của chúng tôi tìm thấy các tên cướp người Tàu được che dấu trong làng này.

Bất kỳ cái chính sách mà người ta sẽ theo đuổi đối với người công-giáo ở Bắc-kỳ, mà theo sự phát biểu của ông Phờ-răng-xít gát-ni-ê (Francis Garnier), người ta dùng chính sách đó mà không dùng họ, hay là dựa vào họ rồi người ta thỏa thuận cho họ vài sự tin tưởng nếu không là vài lợi nhuận, thì người ta luôn luôn có thể chắc chắn rằng họ thích sự đô-hộ của chúng ta hơn là việc cai-trị quá bất thường của những ông quan, mà tùy theo ý chuyên-đoán để cho họ bình yên trong vòng vài năm, rồi sau đó truy đuổi họ với sự giận-dữ trong nhiều năm khác. Và chẳng, sao mà còn phải ngạc nhiên về sự dè dặt và sự ít nhiệt tình, mà với những điều này họ đã đến với chúng tôi vào năm 1885, đặc biệt trong những phái bộ truyền giáo Tây-ban-nha ; khi mà người ta còn nhớ, bằng cách nào, vào năm 1874, sau khi đã thỏa-hiệp với họ rồi, người ta vẫn giao họ trong toàn vùng Bắc-kỳ để đáp lại sự thịnh-nộ của các sĩ-phu, khi mà chúng tôi ra đi khỏi xứ !



Une maison de Monkay — Dessin d'Eug. Burnand, d'après une photographie du lieutenant Hiron.

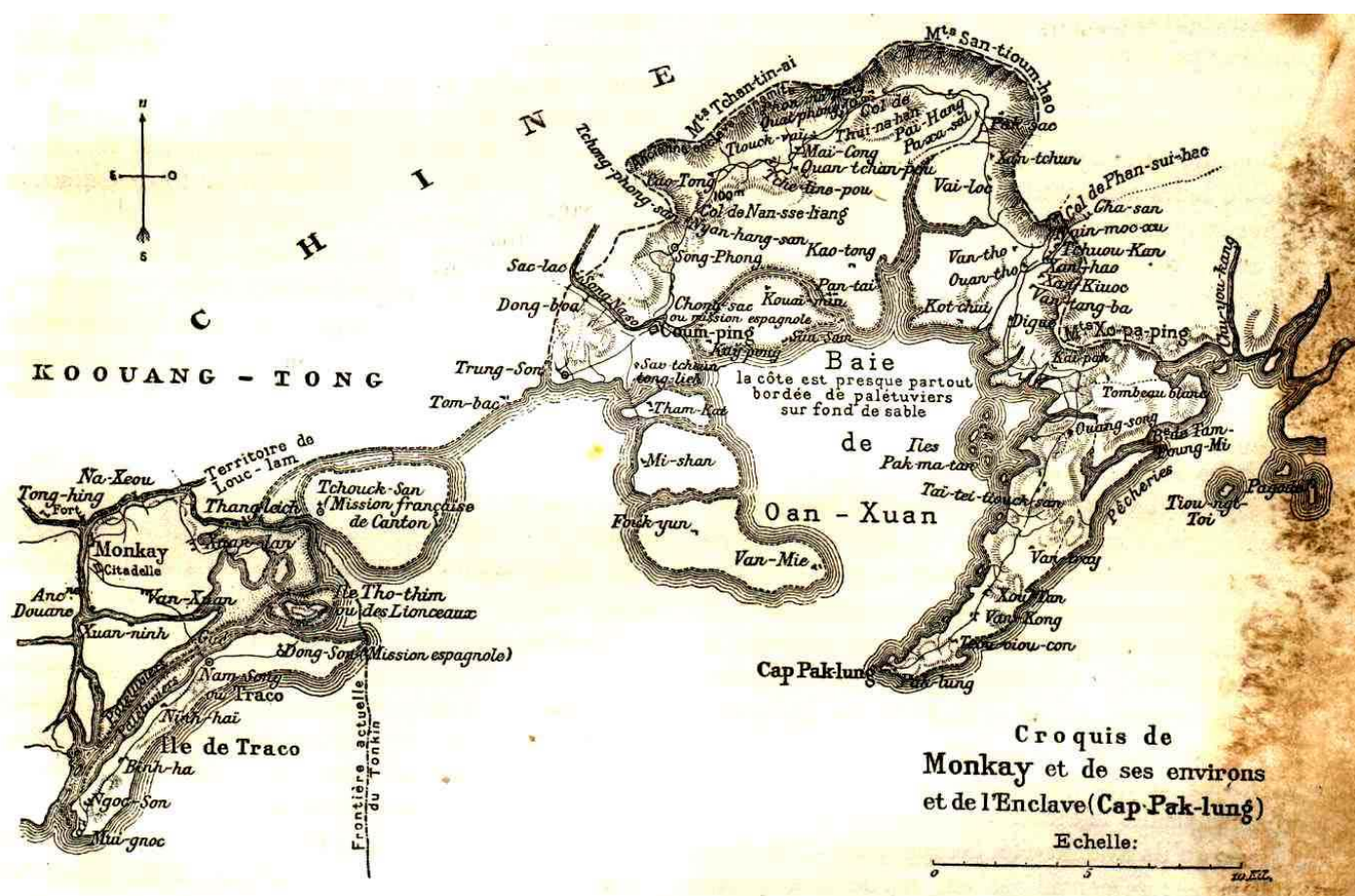
**Một căn nhà ở Móng-Cái, hình do ông Burnand vẽ lại,
dựa theo một tấm ảnh của Trung-úy Hiron chụp.**

Thế là những tháng đầu tiên ở Móng-cái đi qua khá dễ chịu. Buổi tối người ta quây

quần xung quanh một ngọn lửa lớn trong một ngôi nhà của người Tàu mà chúng tôi cho trang hoàng lộng lẫy dưới tên là Vòng tròn, mà ở đó với các sĩ-quan của trại lính, chúng tôi dùng chung các tờ báo, các tạp chí và những quyển sách mà chúng tôi nhận được. Thật sự rằng chúng tôi không có, và tiếp theo đó chúng tôi không được có một sự hài lòng nào về phương-diện thành-công của sứ mạng chúng tôi trong vùng này, nhưng đời sống vật chất đầy đủ tiện nghi và những giải trí thay đổi nhờ vào những sự liên-hệ thân thiết không ngừng bao trùm như thế giữa nhiều sĩ quan ở trong thành phố. Từ tháng ba, những điều-kiện thay đổi : bạn thân và đồng bạn quen biết, thiếu-tá Bu-i-ne đi Bắc-kinh ; vài tuần lễ sau đó, đại-tá Duy-gien-nơ đi cùng với đoàn quân và hầu hết các sĩ-quan ; và các người khác về ở trong kinh-thành được tu bổ lại. Rồi sức nóng trở lại cùng với sức nóng của những cơn sốt. Trong những ngôi nhà cũ này ở Móng cái, những tầng trệt và dưới mặt đất thì ngổn ngang đồ phế thải làm cho bốc hơi men và ngay từ những cơn nóng đầu tiên đã làm thoát ra những cái mùi buồn nôn. Những thú-vật ô-uế bẩn-thịu khác nhau nhất xâm-chiếm chỗ ở của chúng tôi. Tuy nhiên tôi phải loại ra những con này hai con nhện lớn có thân bằng ngón tay cái và từ mút chân này đến mút chân kia dài hơn 15 cm. Chúng được tuyển-định trú-sở ở phía trên của giường tôi nằm và tôi chống lại người đầy tớ khi ông này quấy rầy chúng nó ; chúng xuống dọc theo bức tường nhưng không bao giờ quá xa, nhưng chúng làm biến mất những con muỗi dùm tôi và nhất là những con dán mà chúng sinh ra tràn đầy nhà. Chúng gáy lên một âm thanh khò khò giống như tiếng gáy của con mèo, nhưng có thể lan rộng ra từ phòng này đến phòng kia. Trong những cơn sốt dài làm cho tôi nằm liệt giường trong lúc đó, tiếng gáy này tỏ ra với tôi dễ chịu một cách đặc biệt và tôi theo chúng nó đi săn đuổi cũng có lợi.

Và lại, là những người mẹ tốt trong gia-đình, chúng mang một cái xách lớn bằng lụa mỏng, được gắn chặt trên lưng, có độ lớn bằng một ngón tay nhỏ mà xuyên qua nó người ta thấy khoảng mười hai cái trứng màu vàng chói, điều này không ngăn cản cho chúng đi vội vã, với một vận tốc thái quá, trên những con dán hầu như cũng lớn

bằng chúng, rồi chúng chích những con này ở cổ để hút máu và làm cho những con này lại rơi trong vài giây.



Bản phác-họa Móng-Cái và vùng phụ-cận.

Tôi không nói rằng tôi bị thu hẹp lại ở cách giải trí duy nhất này, bởi vì trong những xứ này người ta quan sát xung quanh mình nhiều điều lý-thú mà người ta quá ít rảnh rang để mà ghi-chú hết các điều đó, nên tôi chẳng bao giờ có thể hiểu được rằng làm sao người ta có thể tìm thấy thời gian để mà buồn chán.

Trong tháng tư và tháng năm, các ông Hát và kỹ-sư Lí đến nhiều lần khẩn cầu tôi đi đến Tống-hình để săn sóc những bệnh nhân có quan-hệ với họ. Tôi để ý rằng một thành-phố thật sự đã được xây cất từ lúc chúng tôi đến. Những đại thương-gia giàu có nhất của Móng-cái đã quyết định bỏ rơi vĩnh viễn chỗ ở cũ của họ và cho xây những cửa hàng lớn để tiếp tục việc buôn bán thành thật của họ. Nếu người ta muốn nhớ lại rõ rằng hòa-ước Thiên-tân không có dự liệu những thị-trường mới được mở cửa ở Quảng-đông trong việc buôn bán với Âu-châu, thì cũng dễ hiểu rằng sự tồn tại của một thành-phố thương-mại mà dân-cư và lại chỉ biết có buôn bán bất

chính những hàng hóa lấy được nhờ cướp bóc hay nhờ buôn lậu, thì sẽ không có lý do gì để tồn tại dưới một chế-độ bình thường. Từ rày về sau, trước mặt Móng-cái, chúng tôi có một thành phố mới của người Tàu mà các người dân giàu toan tiếp-tục việc buôn-bán ngay thẳng của họ mà họ đã làm ngày xưa, và chỉ một sự giám-sát tích cực nhất cũng đủ có thể ngăn cản được các điều đó. Về tương lai của thành-phố giàu có Móng-cái này, chúng tôi chỉ có thể ước ao được thấy hoàn thành lời tiên đoán mà từ năm 1884 mà ông Giem-x-cốt, minh mẫn khi đã nói :« Nó phải biến mất trên bản đồ để cho tỉnh Quảng-yên được hưởng một chút an-ninh ».

Dù sao chẳng nữa, những cửa hàng không được cung cấp nữa, nạn cướp bóc và buôn lậu hiện thời không thể nào có được, những đại thương-gia giàu có chỉ cho luân-lưu trong những cửa hàng mới của họ những đồ cung-cấp cũ và một số đông những người phu, những người buôn bán nhỏ và nhân công ở trong một tình trạng nghèo nàn kinh khủng, chết đói và thường liều cuộc đời của họ để đến ăn trộm vài củ khoai lang trong những đồng ruộng của các vùng phụ cận Móng-cái.

Nhiều lần, khi ông Đi-giông và tôi chỉ là những nhân-viên còn lại của phái-đoàn, tất cả dân-chúng Tổng-hình đến để biểu tình trước mặt lỗi đi của chúng tôi và những lính chính qui Trung-hoa bị bắt buộc phải bao bọc các người biểu tình. Có một ngày, ông S.G Vương báo cho chúng tôi rằng dân-chúng nổi nóng, toan tấn-công chống lại chúng tôi, lần đầu tiên mà chúng tôi đi đến một cuộc họp ở Trung-hoa. Ông nói với chúng tôi rằng ông đã làm hết sức cẩn thận nhưng mà bảo chúng tôi báo cho ông giờ chính xác mà chúng tôi đến Trung-hoa.

Chúng tôi đi bộ như thường lệ cùng với các kỵ binh không có vũ khí cũng không có hộ tống và chúng tôi ngạc nhiên khi gặp ông taotai Vương ở đầu cầu, cùng với ông Lí và một đoàn hộ tống đông đang đi về hướng của chúng tôi đến. Nhiều ngàn người Tàu xô đẩy sau cái hàng rào lính chính-quy trong đó chúng tôi phải đi qua để đến cái chùa có các cuộc họp. Đoàn biểu tình này, mà chúng tôi luôn luôn nghi ngờ là được tổ chức dưới sự chủ-mưu của các đồng-nghiệp rất tốt của chúng tôi, hiển nhiên là không có ảnh hưởng nào trên các cuộc bàn cãi của chúng tôi ; nhưng trong

lúc trở về, dù rằng chúng tôi được theo sau bởi ông tàotai Vương và Li-bình-Xuân, nhưng dân chúng đã phá vỡ các hàng lính chính qui và các người dân cũ của Móng cái nhào tới đưa cái bụng xẹp trước mặt chúng tôi, bắt đầu hô lên những tiếng kêu phàn nàn và khẩn cầu sự thương hại của chúng tôi. Chúng tôi tuyệt đối không có thể làm gì cho họ được và may quá chúng tôi không có lấy một quyết định nào, vì rằng, thật sự về phương diện lương tâm, đó là những vấn đề phức-tạp mà chúng tôi may mắn là không phải chịu trách-nhiệm.

Nếu người ta trừ ra những thương gia giàu có nhất (mà họ tuyệt đối là người Tàu, chủng-tộc Tàu) ; những dân-chúng của Tông-hình và Móng cái, cũng như là tất cả dân trong những vùng phụ-cận cho đến quá Hà-cối, là thuộc một chủng tộc hay đúng hơn là một nhánh của chủng-tộc Mông-cổ, hoàn toàn khác biệt, mà chính chúng tự gọi là hát-ca (hakkas - người Nùng). Chúng đã bị đuổi khỏi những vùng phụ cận của Quảng châu trước đây nhiều năm vì có thói quen xấu là đi cướp bóc các xóm làng giềng và sống bám vào họ ; và sau khi có sự bỏ xứ ra đi của chúng, chúng đã đẩy lui và cưỡng-bức những người Việt nam trong vùng mà chúng đã xâm chiếm thành tình-trạng chư-hầu. Hiển nhiên triều-đình Huế rất ít lo lắng gì về những sự xâm-lấn này và các ông quan địa-phương bị đe dọa hoặc được trả tiền nhiều nên để mặc cho quyến rũ một cách dễ dàng. Có lẽ thành thói quen từ nhiều thế-kỷ, đã sống nhờ vào việc cướp phá trên đất hay cướp bóc trên biển, những người Nùng này phải bị, hoặc là thủ tiêu, hoặc là trục-xuất khỏi những lãnh- thổ mà chúng đã xâm chiếm, nếu người ta muốn bảo-đảm sự yên-tĩnh và tự-do cho người Việt-nam mà hiện thời chúng đang sống bám vào những người này.

Thật sự, phần lớn vùng này do người Tàu cư-trú và chính đó là cái luận-cứ lớn của các đồng-nghiep chúng tôi chớ không có gì khác ; những giới thẩm-quyền Trung-hoa trong các vùng phụ-cận thường đứng ra can-thiệp để giải quyết các sự tranh- chấp, điều này giải-thích bởi sự xa cách và sự bạc-nhược của những ông quan Việt-nam ; nhưng mà theo truyền-thống, các sổ-thuế và ngay cả đại-địa-lý chính-thức của Trung-hoa cũng chỉ cho chúng tôi vùng này như là thuộc về Bắc-kỳ. Tuy thế, các

đồng-nghiệp chúng tôi không được bàn-giải về điểm này : họ có lệnh chính-thức của phó-vương Quảng-châu là không thừa-nhận lãnh-thổ này như là thuộc Bắc-kỳ.

Trước một thái-độ như thế, nên tất cả các sự bàn-cãi trở thành phù-phiếm ; không có hy-vọng gì thuyết-phục những người khi họ không muốn, ngay cả bởi lệnh cấp trên nữa, cũng không thể nào bị thuyết-phục được. Tuy nhiên, chỉ sau nhiều lần gặp-gỡ và khai-triển lâu dài tất cả những bằng chứng mà chúng tôi phải cung cấp và làm sáng tỏ cho các ủy-viên Trung-hoa thấy sự hư-ảo về những luận-điều của họ, nên chúng tôi thỏa-thuận xem vấn-đề vùng đất bao vây như chưa giải-quyết và chúng tôi phụ-trách sang các chuyện khác. Vì vậy, chúng tôi làm một bản dự-trù cho biên-bản về sự nhất-trí của chúng tôi trên vấn đề giải đất bao vây, có đính kèm theo bản-đồ, một hiệp-ước tạm-thời dành lại sự quyết-định cho các chính-phủ của chúng tôi, và vì đoàn-quân Duy-gien-nơ đang chiếm đóng trong vùng nên người ta thỏa-thuận giữ lại nguyên trạng cho đến khi có quyết-định này.

Tất cả đã được thu-xếp, những bản-đồ được chuẩn-bị và các biên-bản được thảo ra và đối chiếu, chúng tôi hy-vọng ký vào ngày mai và hiện thời vấn-đề nóng bỏng về giải đất bao vây này xem như đã xong rồi ; thì ủy-viên Vương đến nhà chúng tôi một mình ngày 6 tháng 2, thay vì đi với tất cả nhân-viên của ủy-hội. Ông đến cho chúng tôi biết rằng lời nói mà họ đã đưa ra hôm trước không được kể vào điều gì cả. Thúc dục bởi ông Đi-giông, ông ấy thú nhận rằng trong đêm, họ đã tham-khảo phó-vương Quảng-châu bằng điện tín và họ đã không được tán thành. Họ còn rất muốn xem một phần của giải đất bao vây là phải được dành cho quyết định của các chính phủ, nhưng họ từ khước bao gồm cái mũi Paklung vào trong đó và đòi hỏi chúng tôi phải di tản quân-đội lập tức nơi này. Ông ấy nói cứ năm hay sáu năm, hạm-đội Trung-hoa của phó-vương Quảng-châu đến bỏ neo trong cửa biển này, và đó là một bằng-chứng đầy đủ cho quyền-lợi của Trung-hoa trên mũi Paklung !

Người ta thừa nhận rằng theo hiệp-ước ngày hôm trước thì ông Vương vụng-về, mà chúng tôi luôn luôn trao đổi những sự ủy-nhiệm khó khăn, bị tiếp nhận quá sai. Người ta làm giống như là từ-khước để tin rằng các ủy-viên khác và đặc biệt là ông

chủ-tịch Trịnh đồng ý với ông ấy ; và người ta đe dọa sẽ hủy bỏ hoàn toàn nếu người ta trở lại không ngừng vào ngày mai trên những cái gì đã được thoả thuận ngày hôm trước. Và lại, chúng tôi chỉ có thể thừa nhận rằng ông phó-vương Quảng-châu là thuộc thành phần của ủy-hội, nhưng ông ấy đã chẳng bao giờ xuất hiện ở đó, và với ông này hiển nhiên không cuộc bàn-cãi nào mà có thể làm được, mà lại làm sửa đổi những dự-án về hòa-giải của chúng tôi như thế.

Không có cam-kết về tương lai, chúng tôi đã thúc đẩy những sự nhượng-bộ cho đến những giới-hạn cuối cùng, trong khi mà chắc-chắn về quyền-hạn của Bắc-kỳ trên giải đất bao vây và có những bằng chứng trong tay ; chúng tôi thỏa-thuận để dành lại vấn đề ,để có thể phụ-trách những việc khác.

Cuối cùng người ta không có ký gì hết, thỏa-ước vẫn là bằng lời nói, nhưng mà thật sự quân-đội chúng tôi tiếp tục chiếm đóng giải đất bao vây và cái mũi đất cho đến khi có quyết-định của hai chính-phủ. Vì vậy người ta bắt đầu phụ trách việc định-ranh giữa cửa Chí-ma và Móng-cái, rồi sau đó là vùng từ Cao-bằng cho đến Vân-nam. Những tài liệu thường là không đầy đủ, tối nghĩa mà vùng đất cũng chưa được đi qua bởi quân-đội chúng tôi, vì thế công việc này cũng còn lâu và tế nhị.

Đầu tiên, Đại-tá Tít-xây-rơ chịu trách nhiệm việc đó, nhưng rồi đây sẽ được gọi về Hà-nội bên cạnh ông Toàn-quyền để làm như là tư-lệnh võ phòng của ông ấy, ông rời chúng tôi trong tháng hai và Thiếu-tá Bu-i-ne cùng với ông Lí và kỹ-sư Hát tiếp-tục những sự bàn cãi những tài-liệu và sự thiết lập bản-đồ.

Trong thời gian này, những sự de-dặt của chúng tôi về vấn đề giải đất bao vây đã được chính-phủ đệ trình cho ông Đặc-sứ của chúng tôi ở Bắc-kinh, khi ông này đang phụ trách thỏa-ước về thương-mại, và cùng lúc đó những sự đính-chính có thể được làm ở biên-giới của Trung-hoa và Bắc-kỳ. Thiếu-tá Bu-i-ne được cử đến Bắc-kinh để làm sáng tỏ điều đó trên những vấn đề về biên-giới và chỉ còn ông Đi-giông và tôi, là những nhân-viên của ủy-hội ở Móng cái. Thiếu tá Bu-i-ne ra đi ngày 16 tháng 3, và ngày ông khởi hành, người ta đã có thể ký vào một biên-bản tạm thời kèm theo 4 bản-đồ ; với sự thận-trọng này ông có thể có ở đó những tên và vị-trí của những cái

làng, những cái đồn ,những eo lạch, những núi vv... ở vùng lân-cận của biên-giới ; những sự sửa-đổi, sự bổ-sung hay sự hủy-bỏ trong những bản-đồ được ký trong ngày này bởi hai phái đoàn.

Thật vậy, công việc còn lâu mới làm xong, và được giúp đỡ bởi hai sĩ-quan địa-hình, các ông Bô-hen và He-rông, tôi cùng với ông Hát và kỹ-sư Lý phụ-trách việc thiết lập những bản-đồ vĩnh viễn.

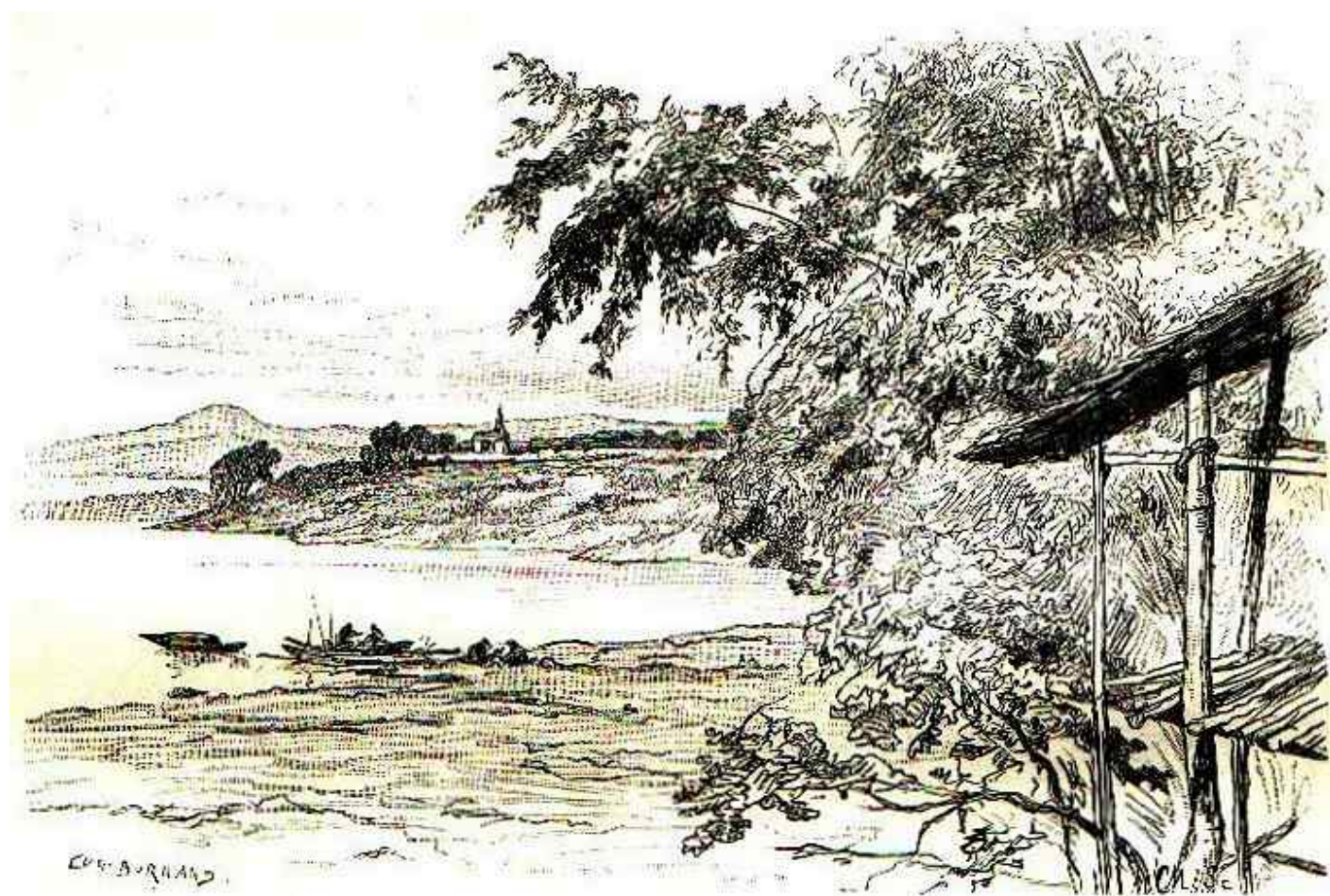
Ngày 29 tháng 3, ông Đi-giông và tôi, chúng tôi có thể ký biên-bản vĩnh-viễn về ciệc hoạch-định tất-cả ranh-giới của hai Quảng, ngoại trừ cái vùng đất bao vây và vấn-đề những hòn đảo được để dành lại. Vấn đề những đảo Gotovv mà trên đó chủ-quyền của chúng tôi tuyệt đối là hiển-nhiên, không phải khó khăn gì để giải quyết ; và chỉ sau nhiều cuộc bàn cãi lâu dài thì những ủy-viên Trung-hoa mới quyết-định bỏ rơi những đòi hỏi của họ trên những đảo này.

Nhiệm-vụ của chúng tôi tỏ ra được hoàn thành trong lúc này, mà chính ở Bắc-kinh phải tự quyết-định về vấn-đề giải đất bao vây và vấn-đề các sự đính-chính chi-tiết được dự-liệu trong hòa-ước Thiên-tân ; và không thể nào có vấn đề bắt đầu việc phân-ranh trong giai-đoạn này của năm.

Bắt đầu cảm thấy sức nóng và những cơn mưa rơi nhiều quá ; những cơn sốt lại bắt đầu gây tai hại trong số chúng tôi. Lần lượt ông Bô-hen, rồi ông Đơ-lăng-đa bị mắc phải trầm trọng và phải rời Bắc-kỳ. Dầu rằng không làm được hơn điều gì ở đây, ông Đi-giông và tôi, chúng tôi bị cầm giữ lại ở Móng cái.

Nhiều tin tình-báo cho chúng tôi biết rằng những người Tàu đến từ tất cả các phía. Lưu-vĩnh-Phúc triệu-tập quân lính trên những vùng biên-giới và các tin đồn tấn-công trở thành càng lúc càng đe dọa. Những dân làng cũ của Móng-cái và của giải đất bao vây đã bỏ trốn những chỗ ở của họ, làm các cuộc biểu tình gần các ủy-viên Trung-hoa và khuấy động tất cả vùng. Tuy nhiên chúng tôi có lý do vững chắc để tin rằng chừng nào mà ủy-hội Trung-hoa còn ở lại trong vùng thì không có trận tấn công nào xảy ra về phía Móng-cái, và phương-tiện duy-nhất để giữ các đồng-nghiep của chúng tôi ở lại biên-giới là cũng ở lại đó với họ. Vì vậy, người ta ra lệnh cho

chúng tôi chờ ở Móng-cái cho xong những cuộc điều-định đang theo đuổi ở Bắc-kinh.



Environs de Monkay. — Dessin d'Eng. Burnand, d'après une photographie du lieutenant Hairen.

**Cảnh một nơi gần Móng-Cái, hình do ông Burnand vẽ lại,
dựa theo một tấm ảnh của Trung-úy Hairen chụp.**

Chỉ đến cuối tháng sáu thì người ta mới giải cho chúng tôi khỏi công-việc lâu dài và mệt nhọc và chúng tôi biết những quyết định của ông Đặc-sứ Pháp ở Bắc-kinh.

Những đảo Gotovv vẫn còn thuộc chúng tôi, nhưng giải đất bao vây và cái mũi đất Paklung nhượng trở lại cho những người Tàu với tính cách là đỉnh-chính biên-giới. Về mặt này, đối với chúng tôi quá mệt mỗi khi thấy nhượng vùng này, dầu rằng chúng tôi đã tranh đấu nhiều cho nó, nhưng chúng tôi tuyệt đối không mất công-lao, khi mà nhờ vào những sự đòi hỏi do chúng tôi đệ-trình ra mà người ta có thể làm cho sự chuyển-nhượng giải đất bao vây thành một sự tương-nhượng cho hiệp-ước về thương-mại.

Vậy thì quân đội chúng tôi phải di tản khỏi đồn Paklung và vùng đất bao vây ; và dân chúng trở về nhà họ và từ rày về sau là thuộc về Trung-hoa ; sự khuấy động chấm dứt và sự hiện diện của chúng tôi tuyệt-đối trở thành vô ích. Chúng tôi đi Hà-nội ngày 26 tháng 6 ; chúng tôi đưa cha Gờ-răng-pi-e-rơ đi với chúng tôi vì những công việc ông đã làm cho ủy-hội định-ranh có thể làm cho người Tàu nghi ngờ ,mà sự hiện diện trong những lúc hỗn loạn này ở Trúc-sơn chỉ là hiến-dâng cho những nguy-hiểm lớn nhất. Vậy nên Giám-mục Quảng-châu ra lệnh cho ông ấy đi đến Hồng-kông để chờ đợi, cho đến khi nào trên biên giới êm dịu bớt.

Vài ngày sau, chúng tôi được biết ông Đi-giông được bổ nhiệm Đặc-sứ toàn quyền và việc phân-ranh được hoãn-lại vào những lúc thuận-tiện hơn. Chúng tôi rời Bắc-kỳ sau khi nhận được giấy phép của Bộ trở về bằng đường Mỹ-châu .

Tôi chọn cho chuyến trở về này một con đường vừa mới được thành lập trong mục đích làm cạnh tranh với con đường Xăng-phờ-răng Xít-cô (San Francisco). Tôi lấy vé ở Hồng kông để đi Lơ Ha-vơ-rơ (Le Havre) trong lúc ghé qua Gia-nã-đại và sau một cuộc du lịch lý-thú, tôi xuống tàu ở Ha-vơ-rơ ngày 25 tháng 7, đúng hai năm sau ngày khởi-hành của chúng tôi từ Mạt-xây.

P. NEIS